BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

-----✍📖✍-----

VŨ THỊ NHÂN

GIÁO DỤC KỸ NĂNG HỢP TÁC TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở TRƯỜNG MẦM NON

Chuyên ngành: Lý luận và Lịch sử giáo dục
Mã số: 62.14.01.02

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS Phan Thị Hồng Vinh**
2. PGS.TS Nguyễn Thị Hòa

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài luận án là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu điều tra, tổng hợp, phân tích và đánh giá trong luận án là do tôi thực hiện. Những tư liệu được sử dụng trong luận án là trung thực, có nguồn trích dẫn rõ ràng và chưa được công bố ở bất kỳ công trình nào.

Tác giả

Vũ Thị Nhân

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đối với **PGS.TS Phan Thị Hồng Vinh** và **PGS.TS Nguyễn Thị Hòa** đã nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện và hoàn thành luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn Phòng Sau Đại Học, Ban Chủ Nhiệm Khoa Tâm lí Giáo dục, cùng các Thầy Cô tổ bộ môn Phương Pháp Giảng Dạy - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban Lãnh đạo UBND tỉnh Bình Dương, Ban Lãnh đạo Trường Đại học Thủ Dầu Một, Ban Lãnh đạo khoa Sư phạm Trường Đại học Thủ Dầu Một đã tạo điều kiện, và giúp đỡ tôi hoàn thành luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban Lãnh đạo các Trường Mầm non tại Bình Dương – Thủ Dầu Một (Lê Thị Trung, Đoàn Thị Liên, Hoa Phượng), Bến Cát (Hướng Dương), Phú Giáo (Tân Long), Dĩ An (Hoa Cúc), các trường Mầm non tại Bà Rịa -Vùng Tàu (Phước Hải), Thành phố Hồ Chí Minh (Sơn Ca), Tây Ninh (Thanh An), cùng các cô giáo mầm non và các cháu trên địa bàn tỉnh Bình Dương đã giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi để tôi tiến hành khảo sát và thực nghiệm đề tài.

Xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè và các anh chị em đồng nghiệp đã động viên, giúp đỡ tôi trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng 11 năm 2016

Tác giả luận án

Vũ Thị Nhân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Lí do chọn đề tài 1
2. Mục đích nghiên cứu 3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu 3
4. Giả thuyết khoa học 3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu 4
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu 4
7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 4
8. Luận điểm bảo vệ 7
9. Đóng góp mới của đề tài 8
10. Cấu trúc của luận án 8
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC GIÁO DỤC KĨ NĂNG HỢP TÁC TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở TRƯỜNG MẦM NON 9
1.1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu 9
1.1.1. Các công trình nghiên cứu về kĩ năng hợp tác và giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ mẫu giáo 9
1.1.2. Các công trình nghiên cứu về trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ mẫu giáo 16
1.1.3. Các công trình nghiên cứu về giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ mẫu giáo 22
1.2. Kĩ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo 24
1.2.1. Khái niệm kĩ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo 24
1.2.2. Cấu trúc kĩ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo 30
1.2.3. Các giai đoạn phát triển kĩ năng hợp tác của trẻ 5-6 tuổi 34
1.3. Trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ mẫu giáo và mẫu giáo 5-6 tuổi 35
1.3.1. Bản chất của trò chơi đóng vai có chủ đề 35
1.3.2. Đặc điểm của trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ mẫu giáo ở trường mầm non 36

1.3.3. Cấu trúc của trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ mẫu giáo 37
1.3.4. Trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ 5-6 tuổi 38
1.3.5. Trò chơi đóng vai có chủ đề và việc giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi...40
1.4. Kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ 5- 6 tuổi ở trường mầm non 42
1.4.1. Những biểu hiện kĩ năng hợp tác của trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề 42
1.4.2. Sự phát triển kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ mẫu giáo và trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi.....47
1.4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ 5-6 tuổi 50
1.5. Giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.....53
1.5.1. Ý nghĩa giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi 53
1.5.2. Nội dung giáo dục kĩ năng hợp tác trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi.....55
1.5.3. Hình thức giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi 57
1.5.4. Phương pháp, biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi 57
1.5.5. Phương tiện giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.....58
1.5.6. Quy trình giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi 60
Kết luận chương 1 62
Chương 2: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG HỢP TÁC TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở TRƯỜNG MẦM NON.....64
2.1. Tổ chức khảo sát thực trạng 64
2.1.1. Mục đích khảo sát.....64

2.1.2. Nội dung khảo sát 64
2.1.3. Mẫu khách thể khảo sát 64
2.1.4. Phương pháp và công cụ khảo sát 65
2.1.5. Xây dựng tiêu chí và thang đánh giá kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ 5-6 tuổi 66
2.2. Kết quả khảo sát thực trạng.....70
2.2.1. Kết quả trực trạng giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi 70
2.2.2. Kết quả khảo sát những thuận lợi và khó khăn của giáo viên trong việc giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi 81
2.2.3. Kết quả thực trạng mức độ kĩ năng hợp tác của trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ ở trường mầm non 84
2.3. Đánh giá chung về thực trạng.....95
Kết luận chương 2 98
Chương 3. BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KĨ NĂNG HỢP TÁC TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở TRƯỜNG MẦM NON VÀ THỰC NGHIỆM.....99
3.1. Xây dựng biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi.....99
3.1.1. Nguyên tắc xây dựng biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề.....99
3.1.2. Biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5 -6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề ở trường mầm non 100
3.1.3. Các biện pháp giáo dục KNHT trước khi trẻ chơi 102
3.1.4. Các biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác trong quá trình trẻ chơi 108
3.1.5. Các biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác khi kết thúc trò chơi 113
3.2. Thực nghiệm và phân tích kết quả thực nghiệm.....116
3.2.1. Mục tiêu thực nghiệm 116
3.2.2. Đối tượng thực nghiệm 116

3.2.3. Nội dung thực nghiệm 116
3.2.4. Chọn mẫu thực nghiệm 117
3.2.5. Thời gian thực nghiệm 117
3.2.6. Tổ chức thực nghiệm 117
3.2.7. Kết quả thực nghiệm 119
Kết luận chương 3 145
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 146
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ 149
TÀI LIỆU THAM KHẢO 150
PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1a: Phân bố mẫu nghiên cứu là giáo viên 65
Bảng 2.1b: Trình độ đào tạo của giáo viên 65
Bảng 2.2a: Nhận thức của GV về bản chất của kĩ năng hợp tác.....70
Bảng 2.2b: Nhận thức của GV về ý nghĩa của việc giáo dục KNHT cho trẻ 71
Bảng 2.3: Nhận thức của GV về những biểu hiện đặc trưng của KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ 5-6 tuổi.....73
Bảng 2.4: Nhận thức của GV về các yếu tố ảnh hưởng đến KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi.....75
Bảng 2.5: Các biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5- 6 tuổi của GV mầm non và mức độ sử dụng. 77
Bảng 2.7: Những hình thức giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN 80
Bảng 2.6: Những khó khăn khi giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN 81
Bảng 2.8: Hệ số Cronbach's Alpha 84
Bảng 2.9: Tổng hợp kết quả đánh giá biểu hiện KNHT của trẻ 5-6 tuổi.....85
Bảng 2.10: Cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm.....86
Bảng 2.11: Lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với bạn.....88
Bảng 2.12: Phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi 90
Bảng 2.13: Giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi...91
Bảng 2.14: Thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi.....93
Bảng 3.1: Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN và nhóm ĐC trước TN vòng 1 (trò chơi "Bán hàng") 120
Bảng 3.2: Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC sau TN vòng 1 (trò chơi "Trường Tiểu học") 125

Bảng 3.3: Kết quả biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC trước TN vòng 2 (trò chơi "Bác sĩ").....129
Bảng 3.4: Kết quả biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC sau TN vòng 2 (trò chơi "Gia đình").....134
Bảng 3.5: Kiểm định độ sự tương đồng của kết quả trước TN vòng 2 của hai nhóm ĐC và TN.....139
Bảng 3.6: Kiểm định độ tin cậy kết quả sauTN vòng 1 của hai nhóm ĐC và TN..140
Bảng 3.7: Kiểm định độ sự tương đồng kết quả trước TN vòng 2 của hai nhóm ĐC và TN 141
Bảng 3.8: Kiểm định độ tin cậy kết quả sau TN vòng 2 của hai nhóm ĐC và TN.142

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Nhận thức của giáo viên về các hoạt động ở trường mầm non với việc giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi.....72
Biểu đồ 2.2. Kết quả đánh giá biểu hiện kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ 5-6 tuổi.....86
Biểu đồ 3.1a. Kết quả mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC trước TN vòng 1 (theo điểm trung bình).....121
Biểu đồ 3.1b. Kết quả mức độ biểu hiện KTHT của nhóm ĐC và TN trước TN vòng 1 (theo tiêu chí) 122
Biểu đồ 3.2a. Kết quả mức độ biểu hiện KNHT của trẻ ở nhóm TN và ĐC sau TN vòng 1.....126
Biểu đồ 3.2b. Kết quả biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC sau TN vòng 1 (theo tiêu chí) 126
Biểu đồ 3.3a: Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC trước TN vòng 2 (theo điểm trung bình).....130
Biểu đồ 3.3b. Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm ĐC và TN trước TN theo tiêu chí131
Biểu đồ 3.4a. Kết quả mức độ biểu hiện KNHT của trẻ ở nhóm TN và ĐC sau TN vòng 2 (theo điểm trung bình) 135
Biểu đồ 3.4b: Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN và nhóm ĐC sau TN vòng 2 (theo tiêu chí) 136
Biểu đồ 3.5: Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm ĐC trước và sau TN vòng 1,2 143
Biểu đồ 3.6: Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN trước và sau TN vòng 1,2.....143

CHÚ GIẢI CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐC	:	Đối chứng
KNHT	:	Kĩ năng hợp tác
MN	:	Mầm non
TB	:	Trung bình
TCĐVCCĐ	:	Trò chơi đóng vai có chủ đề
TN	:	Thực nghiệm
GV	:	Giáo viên
GVMN	:	Giáo viên mầm non

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Nhà triết học vĩ đại C. Mac đã từng nói: "Bản chất của con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội " [40] . Từ thủa xa xưa để thỏa mãn bản năng sinh tồn con người đã có nhu cầu cùng nhau hái lượm, cùng nhau săn bắt thú rừng…cùng nhau hợp tác. Cùng với sự phát triển của xã hội, con người càng ý thức đầy đủ giá trị của hợp tác. Cá nhân con người không thể tồn tại độc lập, không thể hoạt động, không thể thỏa mãn các nhu cầu vật chất và tinh thần khi tách rời khỏi mối quan hệ với cộng đồng, tập thể. Điều khiến con người trở nên khác biệt với các sinh vật cùng tồn tại và cũng chính là cội nguồn tạo nên sức mạnh của con người đó chính là "xã hội loài người" – cộng đồng được kiến dựng bởi sự hợp tác, con người tạo nên, sau đó tồn tại và phát triển nhờ nó.

Sự phát triển của cá nhân phụ thuộc rất nhiều vào khả năng hòa nhập trong đời sống xã hội của bản thân. Hoạt động, cộng tác, hợp tác dưới nhiều hình thức: cá nhân với cá nhân, cá nhân với nhóm, nhóm với nhóm… giúp cho mỗi cá nhân lĩnh hội những giá trị, những chuẩn mực của xã hội loài người một cách sâu sắc. Mặt khác "nhân cách con người chỉ hình thành trong hoạt động, và thông qua hoạt động"[9], cho nên hợp tác cũng chính là điều kiện quan trọng để hình thành và phát triển toàn diện nhân cách của mỗi người.

Xã hội vận động trong xu hướng toàn cầu hóa mở ra nhiều cơ hội cho con người được giao tiếp, trao đổi kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, không kể biên giới lãnh thổ, màu da, tiếng nói… Những cuộc tiếp xúc – trao đổi, hợp tác với nhiều đối tượng khác nhau, ở các môi trường khác nhau trong cộng đồng dưới nhiều hình thức, trong công việc, và trong cuộc sống đòi hỏi con người tiềm lực trí tuệ, tri thức cùng những "kỹ năng mềm" căn bản, thiết yếu như kĩ năng giao tiếp, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng thuyết trình, kĩ năng tranh biện, kỹ năng làm việc đồng đội… Kĩ năng làm việc đồng đội, hay còn gọi là KNHT là một trong những kĩ năng đặc biệt quan trọng và cần thiết cho mỗi người.

Thật vậy, ngày nay, cùng với sự xuất hiện của nền kinh kế tri thức và xã hội tri thức, hơn bao giờ hết KNHT lại càng có ý nghĩa hết sức quan trọng khi không

chỉ là nhu cầu tăng thêm sức lực và trí lực để hoàn thành những mục tiêu chung mà quan trọng hơn. Cuộc sống hiện đại đòi hỏi phải nhận thức vai trò và khả năng hợp tác như là một giải pháp chủ yếu để nhân loại chung sống và phát triển. Chính vì lẽ đó mà nhu cầu hoạt động, làm việc hợp tác cùng nhau đã trở nên bức thiết với mọi cá nhân và cộng đồng.

Hợp tác giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với nhóm, nhóm với nhóm giúp con người có thể giải quyết một cách hiệu quả những vấn đề xảy ra trong cuộc sống, KNHT trong nhóm giúp con người lĩnh hội những giá trị xã hội trong quá trình tham gia vào các hoạt động chung. Đối với trẻ MN, KNHT là một trong những điều kiện quan trọng để hình thành và phát triển toàn diện nhân cách trẻ, và nó chỉ được hình thành khi trẻ được trực tiếp, chủ động tham gia vào các hoạt động.

Ở trẻ mẫu giáo, nhu cầu được cùng hoạt động với mọi người xung quanh phát triển rất mạnh mẽ. Tất cả những hoạt động của cô giáo và các bạn đều có tác động rất lớn đến sự hình thành và phát triển KNHT của trẻ. Hơn nữa, trẻ mẫu giáo cần phải có kĩ năng hợp tác để biết thỏa thuận khi chơi với bạn, biết tôn trọng bạn, lắng nghe những gì bạn nói, biết giao tiếp với nhau trong khi chơi, biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong nhóm khi cần thiết… Nếu thiếu những kĩ năng này trẻ sẽ trở nên thụ động trong mọi hoạt động, gặp khó khăn để hòa đồng vào tập thể, hay để chia sẻ, thông cảm, lắng nghe mọi người xung quanh. Điều này dẫn đến hệ quả khi bước vào các môi trường học tập đa dạng, phong phú khác nhau với rất nhiều hình thức học tập, đòi hỏi phải có sự cộng tác phức tạp hơn, trẻ sẽ trở nên lúng túng, thụ động, không biết cách hòa nhập cùng tập thể. Và điều này ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả công việc, tới cuộc sống trong xã hội của trẻ sau này. Có thể thấy phát triển các kĩ năng cơ bản cho con người phải bắt đầu từ lứa tuổi mẫu giáo, đặc biệt là với trẻ mẫu giáo lớn. *Đây là thời kì tạo nên những cơ sở ban đầu* cần thiết cho quá trình hình thành nhân cách và chuẩn bị cho trẻ trải qua bước ngoặc lớn trong đời sống tuổi thơ khi chuyển từ trường MN đến trường Tiểu học. Phát triển một số kĩ năng cơ bản cho trẻ là rất cần thiết, trong đó KNHT là một trong những kĩ năng cần phải được đặt lên hàng đầu.

Việc phát triển kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi có thể đạt kết quả mong muốn nếu được thực hiện thường xuyên và có hệ thống thông qua nhiều hình thức giáo dục phong phú, đa dạng ở trường MN, trong đó vui chơi với tư cách là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo giữ vai trò vô cùng quan trọng. Chơi trong nhóm bạn bè là nhu cầu bức thiết của trẻ và trò chơi cũng là nội dung chủ yếu để tập hợp trẻ thành nhóm. Vì vậy, muốn trẻ có KNHT cùng bạn bè, thì phải tổ chức tốt các loại trò chơi cho trẻ tham gia, đặc biệt là những trò chơi đòi hỏi ở trẻ kĩ năng phối hợp cao như: TCĐVCCĐ, trò chơi xây dựng - lắp ghép, trò chơi vận động…

Thực tiễn giáo dục MN hiện nay cho thấy việc giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ chưa nhận được nhiều sự quan tâm đúng mực của người GV. Họ thường chỉ quan tâm đến sự sáng tạo và tính tích cực nhận thức của trẻ trong khi chơi nhiều hơn là kĩ năng hoạt động trong nhóm của trẻ. Đó là một trong nhiều nguyên nhân khiến nhiều trẻ còn thụ động, phụ thuộc vào người lớn, lúng túng, vụng về trong việc thiết lập mối quan hệ với bạn bè và người lớn xung quanh.

Vì vậy, xuất phát từ những lí do trên, luận án quyết định lựa chọn vấn đề: **"*Giáo dục kĩ năng hợp tác trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN*"** làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi nhằm góp phần phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ ở trường MN.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN.

4. Giả thuyết khoa học

Kĩ năng hợp tác trong TCĐVCCĐ của trẻ 5-6 tuổi chịu ảnh hưởng của các biện pháp giáo dục của GV, nếu GV đưa ra một số biện pháp giáo dục trẻ trong khi chơi như là xây dựng môi trường chơi hấp dẫn, tạo cơ hội, tình huống cho trẻ cùng

nhau trải nghiệm, tạo điều kiện để trẻ liên kết các nhóm chơi với nhau… thì KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ sẽ được nâng cao.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Xây dựng cơ sở lý luận về giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN.

5.2. Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN.

5.3. Đề xuất biện pháp và TN biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu: một số biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi.

- Khách thể nghiên cứu: 120 trẻ 5-6 tuổi, 150 GVMN dạy ở các trường MN tại Miền Đông Nam Bộ

- Địa bàn nghiên cứu:

+ Tiến hành khảo sát đối tượng GV ở một số trường MN trên địa bàn Miền Đông Nam bộ.

+ Tổ chức TN tại 3 trường MN công lập tại Thủ Dầu Một, Phú Giáo và Dĩ An.

7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp luận

Luận án dựa trên các quan điểm tiếp cận sau đây: tiếp cận hệ thống; tiếp cận phát triển; tiếp cận hoạt động; tiếp cận tích hợp; tiếp cận thực tiễn.

7.1.1. Tiếp cận hệ thống

Vận dụng tiếp cận hệ thống, luận án xem xét quá trình giáo dục KNHT cho trẻ là một bộ cấu thành của quá trình giáo dục ở trường mầm non. Vì vậy, cần nghiên cứu quá trình này trong mối quan hệ với các bộ phận, các yếu tố khác của quá trình giáo dục, đồng thời tính đến các điều kiện khách quan và chủ quan của nó. Hiệu quả giáo dục KNHT chịu ảnh hưởng của các yếu tố của quá trình giáo dục và nó ảnh hưởng tới việc nâng cao hiệu quả giáo dục.

7.1.2. Tiếp cận phát triển

Mọi trẻ em đều phát triển theo một quy luật, giai đoạn trước làm tiền đề để phát triển cho giai đoạn sau. Việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ là hướng tới vùng phát triển gần nhất của trẻ để giúp trẻ đạt được những năng lực cao hơn. Trong khi nghiên cứu xây dựng các biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi luận án phải dựa trên sự phát triển chung của trẻ và sự phát triển KNHT của trẻ 5-6 tuổi.

7.1.3. Tiếp cận tích hợp

Giáo dục trẻ mầm non là quá trình thống nhất trọn vẹn, tích hợp giữa nuôi dưỡng, chăm sóc thể lực và giáo dục nhận thức, kĩ năng, thái độ tình cảm. Mức độ hình thành các phẩm chất nhân cách, các năng lực hoạt động trí tuệ và thực tiễn của trẻ mầm non phụ thuộc vào việc lĩnh hội hệ thống kiến thức, kĩ năng, xu hướng và cảm xúc, tình cảm vào hoạt động tìm tòi, khám phá và hoạt động trải nghiệm của bản thân. Giáo dục nói chung và giáo dục KNHT cho trẻ nói riêng, phải đảm bảo sự liên kết, hài hòa giữa các yếu tố trên.

7.1.4. Tiếp cận thực tiễn

Khi nghiên cứu biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi luận án phải dựa trên cơ sở thực tiễn về đặc điểm đối tượng, địa bàn nghiên cứu, điều kiện thực hiện…

7.1.5. Tiếp cận hoạt động

Kĩ năng hợp tác của trẻ chỉ có nảy sinh và có cơ hội phát triển khi trẻ được hoạt động cùng nhau. Vì thế nhà giáo dục cần tạo ra các cơ hội cho trẻ trải nghiệm với nhiều hoạt động phong phú, hấp dẫn đòi hỏi sự phối hợp để giải quyết nhiệm vụ, từ đó giáo dục KNHT cho trẻ.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

7.2.1.1. Các phương pháp phân tích, tổng hợp lí thuyết

Mục đích: nhằm xây dựng các luận cứ khoa học cho đề tài luận án, xây dựng cơ sở lí luận và định hướng cho công việc nghiên cứu luận án.

Nội dung nghiên cứu: các lí thuyết, các vấn đề lí luận cơ bản có liên quan đến đề tài luận án, các kết quả nghiên cứu thực tiễn về vấn đề này...

Cách thực hiện: tra cứu, thu thập thông tin, tài liệu từ thư viện, internet, các phương tiện thông tin đại chúng. Tổng hợp, phân tích các tài liệu, các công trình nghiên cứu có liên quan tới luận án.

7.2.1.2. Phương pháp phân loại và hệ thống lí thuyết

Mục đích: nhằm khai quát hóa các hướng nghiên cứu của đề tài luận án và định hướng cho việc nghiên cứu thực tiễn và xây dựng hướng nghiên cứu của luận án.

Nội dung: các lí thuyết, báo cáo kết quả nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án.

Cách thực hiện: phân chia, sắp xếp tài liệu khoa học và các vấn đề có liên quan đến đề tài luận án vào một hệ thống nhất định thành các nhóm hoặc các hướng nghiên cứu

7.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.2.1. Phương pháp quan sát

Mục đích: Tìm hiểu thực trạng biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ của GV và KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ 5-6 tuổi.

Nội dung nghiên cứu: tiến trình và biện pháp giáo dục KNHT của GV, KNHT của trẻ, mức độ KNHT của trẻ trong TCĐVCCĐ.

Cách tiến hành: Xây dựng các mẫu biên bản quan sát (Phụ lục số 3, 5)

Quan sát và phân tích các giờ tổ chức TCĐVCCĐ. Ghi chép lại những thông tin thu được qua quan sát theo các cách: ghi chép tự do, ghi chép có cấu trúc, ghi chép bán cấu trúc. Đồng thời quay video và phân tích băng.

7.2.2.2. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi

Mục đích: Khảo sát ý kiến của GVMN dạy trẻ 5-6 tuổi về vấn đề giáo dục KNHT cho trẻ trong TCĐVCCĐ.

Nội dung nghiên cứu: Nhận thức của GV về giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ; Biện pháp tác động của GV nhằm giáo dục KNHT cho trẻ trong TCĐVCCĐ; Những thuận lợi và khó khăn của GV khi giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi.

Cách tiến hành: Xây dựng phiếu hỏi và phát phiếu cho các GV đang dạy lớp mẫu giáo 5 – 6 tuổi (Phụ lục số 1,2)

7.2.2.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

Mục đích: Nhằm tìm hiểu sâu về thực trạng giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi

trong TCĐVCCĐ; bổ xung thêm thông tin và khẳng định thêm kết quả nghiên cứu định lượng.

Nội dung nghiên cứu: Biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ; những biểu hiện của KNHT trong TCĐVCCĐ; ý nghĩa của việc giáo dục KNHT; các yếu tố ảnh hưởng đến KNHT của trẻ trong khi chơi.

Cách tiến hành: Xây dựng bảng phỏng vấn và tiến hành phỏng vấn sâu 10 GV MN đang dạy trẻ 5-6 tuổi (phụ lục số 4)

7.2.2.4. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Mục đích : Nhằm kiểm chứng giả thuyết khoa học và kiểm tra tính khả thi và hiệu quả của biện pháp giáo dục KNHT đã đề xuất.

Nội dung nghiên cứu: Biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ ở trường MN.

Cách tiến hành: TN các biện pháp đề xuất vào nhóm TN, còn nhóm ĐC thực hiện các biện pháp cũ.

7.2.2.5. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

Mục đích: Nghiên cứu sản phẩm của GV để tìm hiểu thực trạng sử dụng các biện pháp giáo dục KNHT của GVMN hiện nay, phân tích sản phẩm của trẻ để đánh giá mức độ KNHT của trẻ thông qua các tiêu chí đánh giá.

Nội dung nghiên cứu: kế hoạch, giáo án, những ghi chép của GV, sản phẩm hoạt động chơi của trẻ

Cách tiến hành: Thu thập các mẫu sản phẩm của GV (kế hoạch tổ chức trò chơi) sản phẩm của trẻ; phân tích chương trình và tài liệu nghiệp vụ hướng dẫn tổ chức TCĐVCCĐ cho trẻ 5 - 6 tuổi. (phụ lục số 6)

7.2.3. Phương pháp xử lí số liệu

Nhằm xử lí các số liệu, tư liệu khoa học đã thu thập, luận án sử dụng phương pháp thống kê toán học và các phần mềm sử lí thống kê SPSS. Trên cơ sở phân tích dữ liệu, đưa ra những nhận xét, kết luận khoa học.

8. Luận điểm bảo vệ

8.1. Kỹ năng hợp tác trong TCĐVCCĐ của trẻ mẫu giáo chính là sự phối hợp hành động chơi của một (hoặc nhiều) nhóm trẻ một cách tự nguyện để cùng thực hiện có hiệu quả trò chơi.

8.2. Bản chất TCĐVCCĐ là sự mô phỏng, tái tạo lại những mối quan hệ xã hội trong cuộc sống của người lớn chính là phương tiện để giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi hiệu quả ở trường MN.

8.3. Giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN là một việc làm cần thiết trong giai đoạn đổi mới GDMN hiện nay ở nước ta. Trong đó, biện pháp giáo dục của GV có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kĩ năng hợp tác của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ ở trường MN.

9. Đóng góp mới của đề tài

9.1. Đóng góp về mặt lí luận

Góp phần làm phong phú lí luận về giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi, trong đó trọng tâm là các khái niệm về giáo dục KNHT cho trẻ, vai trò của TCĐVCCĐ đối với việc giáo dục KNHT cho trẻ, đặc điểm KNHT của trẻ, những biểu hiện hợp tác của trẻ trong TCĐVCCĐ, biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ trong TCĐVCCĐ.

9.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Phát hiện thực trạng giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường MN trên địa bàn miền Đông Nam Bộ; chỉ ra những nguyên nhân cơ bản của thực trạng.

Đề xuất một số biện pháp giáo dục KNHT nhằm giúp GV có thể giáo dục trẻ 5-6 tuổi KNHT trong TCĐVCCĐ.

10. Cấu trúc của luận án

Ngoài các phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án bao gồm chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận của giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.

Chương 2: Thực trạng giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.

Chương 3: Biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non và thực nghiệm.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC GIÁO DỤC KĨ NĂNG HỢP TÁC TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở TRƯỜNG MẦM NON

1.1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về kĩ năng hợp tác và giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ mẫu giáo

Hợp tác là một trong những kĩ năng sống không thể thiếu của con người nhằm giúp giải quyết hiệu quả các vấn đề xảy ra trong cuộc sống cá nhân, học tập và công việc. Đối với trẻ, đặc biệt là lứa tuổi mẫu giáo, hợp tác được coi là một kĩ năng quan trọng cần phải được nhà trường đề cao giáo dục bởi nó sẽ được trẻ sử dụng trong suốt cuộc đời sau này. Do đó, việc giáo dục, hình thành KNHT nói chung và KNHT của trẻ nói riêng đã được nhiều nhà giáo dục – tâm lí quan tâm nghiên cứu. Quá trình phát triển của lịch sử giáo dục trên thế giới cũng như trong nước đã xuất hiện nhiều tư tưởng nghiên cứu về vấn đề này.

➢ ***Ở nước ngoài***

Ở nước ngoài, phương pháp dạy học hợp tác đã sớm được hình thành và áp dụng trong mô hình giáo dục phương Tây từ cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX bởi nhà giáo dục người Anh Andrew Bell (1789) và sau đó phát triển bởi Joseph Lancaster (1798) với hình thức dạy học tương trợ [47]. Quan điểm này tiếp tục được mở rộng đến hệ thống giáo dục ở Massachusetts, Mỹ với phương pháp thực tiễn của Francis Parker. Ông nhận thấy sự hợp tác trực tiếp liên quan đến tính dân chủ khi trẻ có thể chia sẻ trách nhiệm với nhau trong học tập, đồng thời không tin sự cạnh tranh trong trường học sẽ đạt được hiệu quả cao hơn so với sự chia sẻ suy nghĩ thông tin về vấn đề học tập (Johnson và Johnson, 1994; Marr, 1997) [74], [83].

James Coleman (1959) khẳng định tầm quan trọng của cách dạy học theo kiểu hợp tác khi tiến hành nghiên cứu các hành vi của trẻ, đồng thời đề xuất thay vì thiết lập các tình huống khuyến khích cạnh tranh trong học tập thì nhà giáo dục nên tạo ra các hoạt động để trẻ cùng nhau hợp tác [50].

John Dewey (1940, 1966) đã đề ra và thực thi tư tưởng đề cao khía cạnh xã hội của việc học và vai trò của nhà giáo dục trong việc giáo dục trẻ một cuộc sống

dân chủ. Ông cho rằng con người có bản chất sống hợp tác, trẻ cần được dạy biết cảm thông, tôn trọng quyền của người khác, làm việc cùng nhau để giải quyết vấn đề theo lẽ phải và cần được trải nghiệm quá trình sống hợp tác ngay từ trong nhà trường. Cuộc sống hợp tác trong lớp học thể hiện quá trình dân chủ hóa trong một thế giới vi mô và trung tâm của cuộc sống dân chủ ở đây là sự hợp tác giữa các thành viên trong nhóm [55],[56].

Trong thập niên 1930-1940, Kurt Lewin đã khẳng định vai trò ảnh hưởng trong lịch sử phát triển của tư tưởng giáo dục hợp tác. Ông đề ra "thuyết phụ thuộc lẫn nhau trong xã hội" hay còn gọi là "thuyết tương tác xã hội" dựa trên cơ sở của Kurt Koffka, người đã đề xuất khái niệm "Nhóm là phải có sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành viên". Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của cách thức ứng xử trong nhóm khi nghiên cứu hành vi của các nhà lãnh đạo và thành viên trong các nhóm dân chủ, đi đến kết luận rằng để hoàn thành mục tiêu chung của một nhóm thì phải thúc đẩy sự hợp tác, phải có sự cạnh tranh. Sau đó, Morton Deutsch (1940) đã phát triển lí luận về hợp tác và cạnh tranh trên cơ sở các lí luận nền tảng của Kurt Lewin, đưa ra lí thuyết về các tình huống hợp tác và cạnh tranh. [108].

Vào thập niên 1960-1970, một loạt các nghiên cứu điển hình bàn về các vấn đề liên quan đến sự hợp tác như: Bruner, Suchman khám phá về động lực học tập; B. F. Skinner nghiên cứu về sự thay đổi hành vi học tập; Morton Deutsch bàn về sự hợp tác, lòng tin và sự xung đột; Robert Blake và Jane Mouton nghiên cứu về sự cạnh tranh nội bộ nhóm; David Johnson bàn về đào tạo GV dạy học hợp tác [73].

Lev Vygotsky (1978), nhà tâm lí học người Liên Xô cũ, đã khởi xướng lí thuyết về văn hóa xã hội, nhấn mạnh tầm quan trọng của yếu tố xã hội và văn hóa tác động đến sự phát triển nhận thức của trẻ em.. Đồng thời, ông nhấn mạnh hoạt động chơi giúp trẻ phát triển các kĩ năng xã hội.Thông qua trò chơi trẻ sẽ biết cách giao tiếp, chia sẻ…Theo Vygotsky, việc GV khuyến khích trẻ hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động và nâng cao nhận thức cho chúng trong quá trình khám phá là một điều vô cùng quan trọng. Nhờ đó trẻ sẽ có cơ hội để hoạt động trong "khu vực phát triển gần". Những kĩ năng chưa phát triển ở trẻ sẽ được thúc đẩy khi chúng cùng nhau làm việc [114]

Những người đồng quan điểm với L.X.Vygotsky đã chỉ ra rằng sự hợp tác chính là các bên cùng tham gia có sự phối hợp với nhau (Forman, 1989; Rogoff, 1990; Silverman và Geiringer, 1973) [59],[93],[60]. Sự phối hợp này cần có sự đồng thuận chung giữa các trẻ tham gia cộng với sự rõ ràng, mở rộng và biết thỏa hiệp (Damon, 1982) [54]. Hartup (1989) đã mô tả mối quan hệ giữa người lớn và trẻ là không cân xứng, trong đó người lớn nắm giữ hầu hết quyền lực, kiến thức và chuyên môn khiến cho trẻ em không thể đòi hỏi sự đóng góp của người lớn. Còn trong tương tác với bạn đồng trang lứa, trẻ sẽ có một mối quan hệ cân xứng hơn, giúp trẻ dễ dàng thách thức những đóng góp của nhau [64]

Corsaro và Rizzo (1988) cho rằng các hoạt động của trẻ luôn gắn liền với bối cảnh xã hội và liên quan đến khả năng sử dụng ngôn ngữ, diễn giải của trẻ, sự tham gia trẻ em vào các hoạt động tương tác trong khi chơi góp phần hoàn chỉnh ngôn ngữ và các kiến thức văn hóa cho trẻ. [51].

Theo Joseph S. Krajcik và cộng sự (2003), bằng việc hợp tác với cộng đồng, trẻ nhận ra rằng kiến thức mà trẻ học ở trường học có liên quan đến những vấn đề trong thế giới thực.Chúng không chỉ học được kiến thức khoa học mà còn học được cả về con người và nghề nghiệp, học cả cách giao tiếp với người khác trong mối quan hệ hợp tác [76].

Theo nhà giáo dục học Maria Montessori (1949),"trò chơi là công việc của trẻ em". Trong phương pháp giáo dục của bà, thời gian vui chơi của trẻ cũng chính là thời gian trẻ đang học tập và tưởng tượng, đây là tính cảm nhận của trò chơi.Các trò chơi thông qua những cách thức khác nhau để tái diễn những hoạt động thực tiễn trong cuộc sống thường ngày.Trẻ sử dụng những cách thức riêng của chúng để trải nghiệm cuộc sống, thầy cô giáo cần phối hợp với trẻ để giúp trẻ học tập và phát triển [84].

J. Piaget (1960/1965) nhấn mạnh vai trò của tương tác "bạn bè" trong việc phát triển nhận thức của trẻ. Piaget tin rằng, cộng tác với nhau trong các nhiệm vụ phát sinh mâu thuẫn sẽ làm phong phú thêm kĩ năng giao tiếp của trẻ và tăng cường phát triển trí tuệ [88]

Về phân loại hoạt động chơi của trẻ, J. Piaget, M. Parten và một số tác giả khác quan tâm nghiên cứu theo hai hướng: phân loại trò chơi của trẻ trong đời sống

cá thể và phân loại trò chơi của trẻ dựa trên mối quan hệ xã hội. Theo hướng thứ nhất, J. Piaget (1960/1965) cho rằng các loại trò chơi lần lượt xuất hiện trong đời sống cá thể là: trò chơi – hành động chức năng, trò chơi tượng trưng, trò chơi với các quy tắc. Theo hướng thứ hai, M. Parten (1932) xem xét sự phát triển và phân loại trò chơi trẻ em trên bình diện các mối quan hệ xã hội. Theo bà, trò chơi của trẻ phải trải qua 5 giai đoạn cũng là 5 kiểu quan hệ xã hội, đó là chơi một mình, chơi và quan sát người khác chơi, chơi song song với người khác, chơi có liên kết với người khác và chơi hợp tác với người khác. Nghiên cứu của Parten không chỉ bổ sung thêm một cách phân loại trò chơi trẻ em mà còn làm nổi bật quan hệ xã hội, tương tác, phối hợp của trẻ trong khi chơi [86]

Theo Hendrickson và cộng sự (1981), có một số đồ chơi giúp phát triển hoạt động vui chơi mang tính chất xã hội như quần áo trang điểm, các loại xe đồ chơi, bóng và con rối có tác dụng rất lớn trong việc phát triển hoạt động hợp tác [66].

Theo Mos và Boodt (1991), Goldstein (1996), trong quá trình chơi, trẻ phát triển nhiều mối quan hệ hợp tác, bao gồm bạn cùng lớp và cả người lớn [85],[62]. Uren và Stagnitti (2009) cho rằng những trẻ khó chơi với nhau sẽ khó khăn trong việc giao tiếp với bạn bè và tham gia các hoạt động ở trường lớp. Năng lực xã hội liên quan đến khả năng trẻ tham gia trò chơi [110]. Stuart Brown (2009) cho rằng việc thiếu hụt hoạt động vui chơi mang tính xã hội cũng giống như bị cầm tù, con người sẽ thiếu sự tương tác cần thiết để học hỏi và thấu hiểu ý tưởng, cảm xúc của những người khác cũng như khả năng tự kiểm soát để học cách chơi thành công với mọi người [106]. Theo Press và cộng sự (2009), việc phát triển sự hợp tác, phối hợp ở trẻ em là rất quan trọng nhằm giúp trẻ phát huy tối đa sự ảnh hưởng đối với nhau theo nhiều cách khác nhau, trong bối cảnh gia đình và cộng đồng của chúng[90].

Theo Fisher và cộng sự (2011), thông qua hoạt động vui chơi, trẻ sáng tạo lại các nguyên tắc và tình huống phản chiếu thế giới văn hóa – xã hội của bản thân trẻ, nơi mà chúng học cách đưa ra các nguyên tắc xã hội, hợp tác với những người khác một cách mạnh mẽ và thúc đẩy hành vi xã hội phù hợp [58].

Jeffrey Goldstein (2012) đề cập đến vấn đề phối hợp chơi với bạn cùng lớp

nhằm phát triển năng lực xã hội và chơi với nhóm gồm nhiều độ tuổi, nhiều thế hệ giúp trẻ có nhiều cơ hội được học hỏi và phát triển toàn diện[63].

Trung tâm Nghiên cứu về Giáo dục và Phát triển trẻ em - thanh niên thuộc Đại học Ochanomizu, Nhật Bản (2004) đã đưa ra sổ tay giáo dục trẻ giai đoạn đầu, trong đó đề cập đến các mối quan hệ của trẻ với bạn cùng lứa nhằm phát triển sự hợp tác, tương tác tích cực giữa các trẻ với nhau. [92]. Ở Australia, nghiên cứu "Investing in the Early Years – A National Early Childhood Development Strategy" (Đầu tư trong giai đoạn đầu – Chiến lược quốc gia phát triển trẻ em) đã xác định "hợp tác, xét về phương diện vật chất hay tinh thần, đều thúc đẩy việc đáp ứng nhu cầu của trẻ và gia đình của trẻ theo nhiều hướng khác nhau", được coi như một thành tố quan trọng trong hệ thống phát triển trẻ giai đoạn đầu một cách hiệu quả (Hội đồng Chính phủ Australia, 2009) [52]. Chính quyền bang Queensland (2013) đã đưa ra khung khổ lí thuyết về sự hợp tác, phối hợp đối với sự phát triển của trẻ giai đoạn đầu; xác định mô hình thúc đẩy sự hợp tác ở trẻ tại bang Queensland, công cụ phản chiếu, thông tin và nguồn lực để hỗ trợ các tổ chức, trung tâm chăm sóc trẻ nhằm thúc đẩy sự hợp tác ở trẻ…[91]

➢ ***Ở trong nước***

Ở Việt Nam, vấn đề KNHT và KNHT của trẻ mẫu giáo đã được khá nhiều nhà nghiên cứu đề cập.

Đặng Thành Hưng (2002) bàn luận khá sâu sắc về vấn đề nhóm hợp tác và dạy học hợp tác. Tác giả cho rằng quan hệ giữa người học với nhau trong quá trình dạy học hiện đại nói chung mang tính hợp tác và tính cạnh tranh tương đối. Tính chất này của dạy học làm cho nó năng động hơn, có động lực công khai và có chiều hướng hiệu quả hơn

Dưới góc độ tâm lý, Lê Xuân Hồng (1996) nghiên cứu về đặc điểm giao tiếp và trò chơi trong nhóm chơi không cùng độ tuổi. Các trò chơi được tác giả chọn nghiên cứu đặc điểm giao tiếp của trẻ gồm: TCĐVCCĐ, trò chơi xây dựng – lắp ghép, trò chơi học tập và trò chơi vận động. Qua đó, tác giả phát hiện ra sự tích cực chủ động hợp tác giữa trẻ với nhau trong vui chơi, đặc biệt là giữa các trẻ không cùng độ tuổi với nhau. Tác giả khẳng định, trong nhóm trẻ không cùng độ tuổi, các

quan hệ giữa trẻ với nhau được mở rộng, tạo ra nhiều tình huống muôn màu muôn vẻ kích thích trẻ giao tiếp, hợp tác với nhau, thúc đẩy nhanh sự hình thành, phát triển nhân cách [8]

Các tác giả Lê Xuân Hồng, Lê Thị Khang, Hồ Lai Châu, Hoàng Mai (2000) đề cập đến việc cần phát triển các kĩ năng cần thiết cho trẻ MN. Trong các kĩ năng cần phát triển cho trẻ, KNHT là một nhiệm vụ trọng tâm của ngành học MN với mục tiêu chung: "Thúc đẩy sự phát triển KNHT của trẻ bằng cách giúp trẻ học cách hòa nhập với những trẻ khác" và các mục tiêu cụ thể "Tạo cơ hội cho trẻ chơi và làm việc với trẻ khác, giúp trẻ học cách tham gia vào một trò chơi, tạo những sự cảm nhận giúp trẻ tôn trọng những quyền lợi của trẻ khác qua việc chia sẻ và thay phiên" [9]

Nguyễn Thị Tính, Hà Kim Linh (2006) chỉ ra vai trò của hoạt động chơi theo nhóm đối với trẻ mẫu giáo nói chung trẻ mẫu giáo lớn nói riêng, giúp trẻ thiết lập các mối quan hệ xã hội với tư cách là một chủ thể có ý thức. Trong quá trình đó, trẻ vừa là người tạo ra các mối quan hệ xã hội, đồng thời lại là sản phẩm của các mối quan hệ xã hội.Các tác giả khẳng định: "Hoạt động chơi cùng nhóm bạn sẽ giúp trẻ hình thành KNHT, kĩ năng giao tiếp, giúp trẻ biết đồng cảm, chia sẻ với nhau trong hoạt động. Cũng qua đó các quan hệ xã hội của trẻ được thiết lập bao gồm cả quan hệ thực và quan hệ chơi" [28].

Liêm Trinh (2006) cho rằng cần rèn luyện tính hợp tác của trẻ qua việc bày tỏ sự quan tâm, chia sẻ với người khác những gì mình có và tôn trọng ý kiến của người khác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [29].

Cao Thị Cúc (2009) cho rằng trẻ 5-6 tuổi đã có các KNHT cơ bản khi tham gia vào các hoạt động chung của lớp mẫu giáo như cùng bạn thỏa thuận về chủ đề chơi, nội dung chơi, phân vai chơi cho nhau...,tuy nhiên tác giả cho rằng các kĩ năng này chưa được hình thành đầy đủ và bền vững. Các kĩ năng này cần được rèn luyện trong nhóm bạn bè thông qua hoạt động vui chơi ở trường MN, cụ thể là thông qua các trò chơi như: TCĐVCCĐ, trò chơi xây dựng lắp ghép, trò chơi vận động...[3]

Trong "Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi" do Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009)

đưa ra, tích cực hợp tác là một trong những nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực tình cảm – quan hệ xã hội cần rèn cho trẻ 5-6 tuổi để chuẩn bị vào lớp một. Bộ chuẩn này cũng đưa ra các chỉ số thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh như: lắng nghe ý kiến của mình với người khác, trao đổi ý kiến với người khác, thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè, chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác…[1]

Từ các nghiên cứu về giáo dục KNHT cho trẻ, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, các nhà giáo dục và tâm lí nước ngoài đã nghiên cứu khá sớm về KNHT, gắn liền với lịch sử tư tưởng giáo dục của nhân loại. Hiện nay, giáo dục hợp tác đã được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Thứ hai, hầu hết các nghiên cứu nước ngoài đều khẳng định vai trò quan trọng của sự hợp tác trong đời sống con người, đặc biệt nhấn mạnh hoạt động chơi hợp tác tác động mạnh mẽ tới quá trình phát triển nhận thức, kỹ năng của trẻ. Kết quả nghiên cứu của các tác giả cho thấy: Sự hợp tác trong hoạt động chơi đã thúc đẩy sự hiểu biết và nhận biết của trẻ vượt ra ngoài phạm vi chức năng phát triển bình thường; trẻ không chỉ tương tác với bạn bè cùng trang lứa mà còn phối hợp với cha mẹ, hàng xóm, bạn bè, người thân, những "chuyên gia" mà trẻ biết qua GV giới thiệu hoặc qua các phương tiện truyền thông trong lĩnh vực học tập… nhằm làm phong phú thêm kĩ năng giao tiếp và tăng cường phát triển trí tuệ của trẻ. Đặc biệt, các nghiên cứu cũng chỉ ra các đồ chơi, loại hình trò chơi, cách trẻ hợp tác và thảo luận trong quá trình chơi, giúp phát triển hoạt động vui chơi mang tính chất xã hội của trẻ, vai trò hỗ trợ của GV, phụ huynh và nhà trường, chính quyền… nhằm thúc đẩy sự hợp tác ở trẻ.

Thứ ba, kế thừa các quan điểm giáo dục hợp tác của nước ngoài, các nghiên cứu ở Việt Nam bàn luận khá sâu về các vấn đề như nhóm hợp tác và dạy học hợp tác, vai trò của hoạt động chơi theo nhóm đối với trẻ mẫu giáo, sự tích cực chủ động hợp tác giữa trẻ với nhau trong hoạt động vui chơi… Đặc biệt, các tác giả nhấn mạnh trẻ cần được rèn luyện các kỹ năng xã hội, trong đó có kỹ năng hợp tác, thông qua hoạt động vui chơi ở trường MN, thông qua các trò chơi như TCĐVCCĐ, trò chơi xây dựng lắp ghép, trò chơi vận động... nhằm phát triển toàn diện nhân cách trẻ.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ mẫu giáo

Vấn đề lí luận về trò chơi nói chung và TCĐVCCĐ (hay còn gọi trò chơi đóng vai theo chủ đề, trò chơi giả vờ, trò chơi tưởng tượng…) nói riêng nhằm giáo dục, phát triển nhân cách trẻ MN đã được các nhà tâm lý, giáo dục học trên thế giới đặc biệt quan tâm. Hầu hết các nhà nghiên cứu đều xác định trò chơi đóng vai có chủ đề đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của trẻ.

Ngay từ năm 1925, trong khi tìm hiểu nguồn gốc của nghệ thuật, G. V. Plekhanov đã chú ý đến trò chơi và nguồn gốc của trò chơi. Khi phân tích trò chơi của nhiều dân tộc khác nhau, ông cho rằng trong lịch sử loài người, trò chơi phản ánh hoạt động lao động của người lớn, bé trai thì bắt chước cha, bé gái thì bắt chước mẹ. Ông xem trò chơi là một sợi dây nối liền các thế hệ với nhau để truyền đạt các kinh nghiệm, thành quả văn hóa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tư tưởng của G. V. Plekhanov sau này đã được các nhà tâm lí học Nga như D. B. Elkonin, L. X. Vygotsky, A. N. Leontiev, L. X. Rubinstein… phát triển đầy đủ hơn. Các tác giả cho rằng trò chơi có nguồn gốc từ lao động và chuẩn bị cho thế hệ trẻ đến với lao động, nội dung chơi phản ánh hiện thực khách quan [18].

J.Piaget là người có công lớn trong phát triển các luận điểm về trò chơi khi ông đưa ra khái niệm trò chơi ký hiệu với bản chất biểu trưng (tượng trưng) và giả bộ. Ông đã phân biệt ba mức độ hay ba dạng của hành vi biểu trưng ký hiệu ở trẻ bao gồm: Mức 1: Trẻ vận dụng một sơ đồ ký hiệu ở các đối tượng mới; Mức 2: Cũng chỉ liên quan đến một sơ đồ ký hiệu nhưng xuất hiện sự thay thế của một sự vật này cho sự vật khác hoặc trẻ có thể hành động giống (giả bộ) một người nào đấy hay với một sự vật nào đấy; ở mức độ này, hành vi bắt chước (giả bộ) được mượn từ mẫu hành vi của người khác; (iii) Mức 3: Chức năng biểu trưng của trò chơi ký hiệu được biểu hiện bởi một tổ hợp các sơ đồ ký hiệu tổ chức theo trật tự hay mẫu các hành vi thực. [89].

L.X.Vygosky trong các tác phẩm của mình cũng chỉ ra rằng tính tượng trưng của trò chơi thể hiện qua hoàn cảnh tưởng tượng và cùng với nó là các luật lệ chơi là hai dấu hiệu đặc trưng quan trọng của trò chơi. Bàn về mối quan hệ giữa các yếu

tố ký hiệu tượng trưng của trò chơi và sự hình thành và phát triển ngôn ngữ viết ở trẻ, ông cho rằng: Hệ thống tín hiệu thứ hai phát triển trong trò chơi và do vậy trò chơi ký hiệu tượng trưng có thể coi là một yếu tố góp phần vào sự phát triển ngôn ngữ viết - hệ thống tín hiệu thứ hai [113].

Một loạt các nghiên cứu mang tính hệ thống đã ngày càng khẳng định những lợi ích rõ ràng mà trẻ nhận được khi tham gia trò chơi đóng vai (trò chơi giả vờ) từ độ tuổi 2,5 đến 6-7 tuổi. Các nghiên cứu thực chứng đã chứng minh các lợi ích về nhận thức như phát triển ngôn ngữ, sử dụng câu từ… "Lí thuyết trí não" cho rằng những suy nghĩ của một người có thể khác với những người khác và rằng có rất nhiều quan điểm khác nhau về cách mà chúng ta thể hiện chúng, những điều này liên quan chặt chẽ đến trò chơi tưởng tượng (Jenkins và Astington, 2000; Leslie, 1987; Singer và Singer, 1990; Singer và Singer, 2005)[71],[80],[100],[102].

Nhà tâm lí học Sandra Russ (2004) đã xác định một vài quá trình nhận thức và tình cảm khác nhau có liên quan đến trò chơi đóng vai.Nghiên cứu của bà tập trung vào các hoạt động chơi liên quan đến hình ảnh, hành động giả vờ (đóng vai), tính biểu tượng, sự tổ chức, sự hợp tác nội dung và suy nghĩ (các ý tưởng khác nhau, chủ đề câu chuyện và biểu tượng)[95]. Trò chơi đóng vai cho phép thể hiện cả hai cảm xúc tích cực và tiêu cực, cũng như khả năng chuyển đổi giọng điệu, khả năng tích hợp cảm xúc với sự nhận thức (Jent, Niec và Baker, 2011; Seja và Russ, 1999; Slade và Wolf, 1999) [72], [98],[106].

Các nghiên cứu của Berk, Mann và Ogan (2006), Hirsh-Pasek, Golinkoff, Berk và Singer (2009) cho rằng trò chơi đóng vai có chủ đề là nền tảng tạo nên các lợi ích to lớn ảnh hưởng tới sự năng lực tự điều chỉnh của trẻ như giảm thiểu sự gây hấn, gia tăng sự phép tắc và sự cảm thông, chia sẻ [46],[67]. Khi trẻ sử dụng các đồ chơi để giới thiệu về kịch bản đóng vai có thể có hoặc chơi cùng bạn bè, vai diễn sẽ diễn ra một cách tự nhiên. Với các vai trò khác nhau trong vai diễn sẽ cho phép trẻ có cơ hội học hỏi các kỹ năng xã hội như giao tiếp, giải quyết vấn đề và sự cảm thông, chia sẻ (Hughes, 1999)[70]

Trò chơi đóng vai có chủ đề còn mang lại một lợi ích quan trọng là tăng cường sự linh hoạt về nhận thức và sáng tạo (Russ, 2004; Singer và Singer, 2005).

Trong chuỗi nghiên cứu của mình, Russ cho rằng trò chơi đóng vai từ ban đầu có mối liên quan tới khả năng sáng tạo về sau (Russ, 2004; Russ và Fiorelli, 2010[95]). Nghiên cứu của Root-Bernstein (2012) với các cá nhân sáng tạo bao gồm những người đoạt giải Nobel và những "thiên tài" nhận giải thưởng MacArthur Foundation đã chỉ ra rằng các trò chơi thời thơ ấu về thế giới đóng vai, giả vờ diễn ra thường xuyên ở những người này [94]

Một vấn đề quan trọng phát sinh là việc phụ huynh và GV được hướng dẫn để dạy trẻ đóng vai như thế nào có thể ảnh hưởng đến kỹ năng của trẻ. Singer và các cộng sự (2003) đã tiến hành một loạt các nghiên cứu về tính hiệu quả của chương trình *Learning through Play* (Học tập thông qua trò chơi), một chương trình can thiệp được thiết kế để dạy cho các bậc cha mẹ và các nhà giáo dục cách thức tham gia vào quá trình học tập theo định hướng và các trò chơi tưởng tượng với trẻ em [101]. Đánh giá ban đầu cho thấy có những lợi ích đáng kể mà con cái của những bậc phụ huynh tham gia chương trình nhận được so với những trẻ không có bố mẹ tham gia, chẳng hạn như phát triển từ vựng, hiểu biết về thế giới tự nhiên và các kiến thức chung, hiểu biết về cách cư xử… Trong một chương trình đào tạo khác, *Tools of the Mind* (Các công cụ của trí não), xuất phát từ lí thuyết của Vygotsky, mạng lưới sự kiểm soát nhận thức được đan dệt vào hầu như tất cả các hoạt động trong lớp (Bodrova, 2008)[48]. Ví dụ, GV khuyến khích trò chơi đóng vai phức tạp, hướng dẫn trẻ cùng nhau lên kế hoạch cho các kịch bản trò chơi trước khi đóng vai.GV cũng dẫn dắt các trò chơi chuyển mạch, trong đó các hoạt động thay đổi thường xuyên, đòi hỏi trẻ tập trung và linh hoạt.

Theo S. B. Kaufman (2012), nhiều người thường quy trò chơi của trẻ em ở dạng thức hình ảnh, như thẻ, quả bóng, sử dụng các slide, xích đu hay cơ thể nhằm khám phá môi trường của chúng. Tuy nhiên, trò chơi vật lí không phải là dạng thức duy nhất của hoạt động chơi.Tác giả thường sử dụng các thuật ngữ như trò chơi đóng vai hay trò chơi giả vờ (hành động trong các câu chuyện liên quan tới nhiều quan điểm, ý tưởng và cảm xúc), phản ánh một đặc tính quan trọng của sự phát triển nhận thức và xã hội ở trẻ. Do vậy, có thể ý tưởng về một mô hình kết hợp "giờ giải lao chơi trò đóng vai" trong các trường học thường ngày mà trẻ em có thể được chơi

với nhau và khám phá vô vàn những ý tưởng, cảm xúc và quan điểm cá nhân, được chấp nhận như truyền thống, đóng vai trò quan trọng trong hoạt động nghỉ giải lao và vui chơi của trẻ[77].

Về phân loại trò chơi đóng vai, theo Lindsey và Colwell (2013), có hai loại cơ bản, đó là chơi tưởng tượng và chơi theo kịch bản. Chơi tưởng tượng thường bắt đầu từ khoảng 2 tuổi và phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn mẫu giáo khi trẻ bắt đầu tương tác với các trẻ khác tuổi và được tiếp xúc với nhiều đồ chơi, nhiều môi trường hơn. Khoảng 10-17% hành vi chơi của tất cả các trẻ mẫu giáo có thể được nhóm lại theo hình thức này. Còn với hình thức chơi theo kịch bản, trẻ được hướng dẫn đóng vai theo cốt truyện đã được xây dựng, được hoàn toàn đắm mình trong câu chuyện, chẳng hạn như siêu nhân, người đẹp ngủ trong rừng… Việc chơi trò đóng vai cho phép trẻ tạo lập và duy trì các mối quan hệ xã hội với các bạn đồng trang lứa.Trẻ sẽ hình thành các mối quan hệ khi chúng nói "Hãy giả vờ đóng vai" và giao cho một đứa trẻ khác một vai trò trong câu chuyện [81].

Ở Việt Nam, các nghiên cứu đã bàn luận khá sâu về các vấn đề liên quan đến TCĐVCCĐ.

Bàn về hành vi ký hiệu tượng trưng trong trò chơi đóng vai theo chủ đề của trẻ mẫu giáo, theo Trần Thị Nga, chức năng ký hiệu tượng trưng là một hành vi chơi thiết yếu của trò chơi đóng vai theo chủ đề. Những yếu tố tượng trưng này thường là vai chơi và thao tác vai chơi. Theo tác giả, hành vi ký hiệu tượng trưng trong trò chơi đóng vai theo chủ đề của trẻ bao gồm các thành tố: (i) Sử dụng vật này như một ký hiệu để biểu trưng cho vật khác; (ii) Hành động biểu trưng với vật thay thế; (iii) Nhập vai người khác (hay giả bộ là người khác); (iv) Tình huống chơi giả bộ hay tình huống chơi tưởng tượng. Đối với trẻ mẫu giáo lớn (5-6 tuổi), trẻ có thể thực hiện các hành động chơi với những vật tưởng tượng không có trong thực tế, biến đổi và sử dụng vật theo nội dung của trò chơi, gán cho vật đó một ý nghĩa mới và thực hiện các hành động chơi trong bình diện biểu tượng. Điều này đã đánh dấu một bước phát triển mới trong hành vi chơi tượng trưng của trẻ mẫu giáo lớn [22]

Theo Nguyễn Thị Hòa (2009), ở nước ta sự phân loại trò chơi mẫu giáo cũng có sự khác nhau vào những thời điểm khác nhau. Trước những năm 60 thế kỷ thứ

XX áp dụng hệ thống phân loại trò chơi của Ph.Phroebel nhưng không đầy đủ. Tiêu chí phân loại trò chơi không có nên biến chơi thành giờ học (đưa vào thời khóa biểu những tiết học luyện giác quan; những tiết lắp ghép), không coi chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo. Trong những năm 60 thế kỷ XX trò chơi được phân chia làm hai nhóm, đó là nhóm trò chơi phản ánh sinh hoạt và nhóm trò chơi vận động. Vào những năm 70 của thế kỷ thứ XX, hệ thống phân loại trò chơi gồm nhóm trò chơi đóng vai có chủ đề và nhóm trò chơi vận động (chơi tập thể, chơi cá nhân) kèm thêm có chủ đề. Từ những năm 80 đến những năm 90 của thế kỷ XX áp dụng hệ thống phân loại trò chơi của Liên Xô (nhóm trò chơi sang tạo: trò chơi đóng vai theo chủ đề, trò chơi đóng kịch, trò chơi lắp ghép – xây dựng; nhóm trò chơi với nội dung và luật chơi có sẵn: trò chơi học tập, trò chơi vận động). Hiện nay trong chương trình giáo dục mẫu giáo, trò chơi được chia làm ba nhóm: Nhóm trò chơi dân gian; Nhóm trò chơi với nội dung và luật chơi có sẵn; Nhóm trò chơi sáng tạo, TCĐVCCĐ thuộc nhóm trò chơi sáng tạo [6]

Nguyễn Xuân Thức và Nguyễn Thạc (2008) đã phân tích tâm lí các biểu hiện của tính tích cực vui chơi ở trẻ em mẫu giáo 5-6 tuổi qua TCĐVCCĐ tại các trường MN ở thành phố Hà Nội, bao gồm các thành tố: nhu cầu vui chơi của trẻ mẫu giáo qua TCĐVCCĐ, tính chủ động khi chơi và sự nhập vai khi chơi trò chơi đóng vai. Kết quả cho thấy mức độ phát triển và biểu hiện của ba thành tố tâm lí trong tính tích cực vui chơi trò chơi đóng vai không đồng đều, và ở trong mỗi thành tố, các dấu hiệu biểu hiện rất khác nhau: Nhu cầu chơi – trẻ muốn chơi mãi không chán, không muốn chấm dứt trò chơi; tính chủ động – lựa chọn vui chơi, thu dọn đồ chơi; sự nhập vai chơi – diễn đạt vai phù hợp với chủ đề [27]

Theo Lê Thị Bích Vân (2010), trò chơi đóng vai theo chủ đề chiếm vị trí trung tâm trong hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo thì việc tổ chức các trò chơi cho trẻ là cực kỳ quan trọng và có ý nghĩa giáo dục to lớn. Tổ chức trò chơi chính là tổ chức cuộc sống của trẻ, trò chơi là phương tiện để trẻ học làm người.Chính vì vậy, GV phải chuẩn bị môi trường thuận lợi trước khi tiến hành trò chơi, khi cần thiết GV phải nhập cuộc vào trò chơi của trẻ trong thời gian ngắn.Đồng thời, GV cũng cần phải quan sát trẻ chơi để động viên, khuyến khích trẻ kịp thời và cần phải làm phong phú hơn môi trường chơi của trẻ [33].

Về các khía cạnh khác nhau của TCĐVCCĐ, đã có nhiều công trình luận án tiến sĩ nghiên cứu về vấn đề này như: Nguyễn Thị Thanh Hà (2002), nghiên cứu về phương pháp hướng dẫn trẻ 2-3 tuổi chơi trò chơi phản ánh sinh hoạt [5]. Hoàng Thị Oanh (2003), nghiên cứu kĩ năng tổ chức trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5 tuổi của SV trường CĐSP nhà trẻ - mẫu giáo [23]. Nguyễn Thị Thanh Hương (2004), nghiên cứu một số biện pháp hình thành kĩ năng chơi đóng vai của trẻ 3-4 tuổi [16]. Lê Phương Tuệ (2005), nghiên cứu một số biểu hiện nhu cầu tự khẳng định của trẻ mẫu giáo qua trò chơi đóng vai có chủ đề [30].

Từ các nghiên cứu về TCĐVCCĐ, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, lịch sử phát triển của trò chơi gắn liền với lịch sử phát triển của xã hội loài người.Theo các tác giả, trò chơi có nguồn gốc từ lao động và chuẩn bị cho thế hệ trẻ đến với lao động, là phương tiện để trẻ làm quen với lao động của người lớn. Bàn về bản chất, trò chơi được các học giả xem xét theo các quan điểm khác nhau, như quan điểm sinh vật hóa trò chơi, lí thuyết phân tâm cách tân hay tâm lí học hiện đại.

Thứ hai, đi sâu vào TCĐVCCĐ - một hoạt động trọng tâm trong đời sống trẻ mẫu giáo, các nghiên cứu nước ngoài đã xây dựng được khung khổ lí thuyết khá toàn diện về các vấn đề liên quan đến trò chơi này. Hầu hết các tác giả đều khẳng định TCĐVCCĐ đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của trẻ, làm rõ tính tượng trưng của trò chơi, những lợi ích mà trò chơi mang lại cho trẻ, các nguồn lực thúc đẩy trẻ chơi trò chơi đóng vai và sự phân loại trò chơi đóng vai…

Thứ ba, các nghiên cứu trong nước đã bàn luận về TCĐVCCĐ trên cơ sở các cách tiếp nhận khác nhau như: bản chất, ý nghĩa, vị trí cũng như phương pháp tổ chức hướng dẫn trò chơi đóng vai theo chủ đề cho trẻ… Các tác giả khẳng định vấn đề lĩnh hội kinh nghiệm và kiến thức là điều kiện cần thiết giúp trẻ biết cách chơi TCĐVCCĐ; chức năng ký hiệu tượng trưng là một hành vi chơi thiết yếu của trò chơi; trẻ biểu hiện tâm lí tích cực vui chơi qua trò chơi. Đối với trẻ mẫu giáo lớn (5-6 tuổi), trẻ đã hoàn toàn tự tổ chức điều khiển trò chơi, do đó GV cần tạo môi trường thuận lợi, quan sát và khuyến khích trẻ phối hợp tham gia trò chơi.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu về giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ mẫu giáo

Các chuyên gia giáo dục và tâm lí trẻ em đều nhất trí về vai trò quan trọng của TCĐVCCĐ đối với sự phát triển của trẻ. Bên cạnh các kỹ năng vận động, trò chơi đóng vai còn có thể giúp trẻ phát triển các kỹ năng xã hội, trong đó có kỹ năng hợp tác với bạn bè cùng trang lứa hay với bố mẹ, GV và những người, những đồ vật xung quanh.

Theo Howes (1987, 1988), năng lực của một đứa trẻ để có thể thực hiện trò chơi đóng vai mang tính xã hội được xác định như là năng lực tương tác. Trẻ phải hòa nhập vào câu chuyện không có thực và các tương tác xã hội lẫn nhau. Trò chơi đóng vai mang tính xã hội hợp tác là dạng thức cao nhất trong trò chơi đóng vai xã hội giúp trẻ hòa nhập trong giai đoạn mẫu giáo.Nó đòi hỏi trẻ phải giao tiếp với những đối tượng mà trẻ giả định các vai như bố, mẹ và hiểu rằng các đối tượng đó đang đóng một vai nhất định.Theo tác giả, mức độ kinh nghiệm khác nhau ở mỗi lứa tuổi ảnh hưởng tới việc phát triển trò chơi đóng vai. Ở mẫu giáo lớn, trẻ có nhiều kinh nghiệm hơn để tham gia nhiều trò chơi đóng vai mang tính xã hội hợp tác hơn, do đó gặp ít khó khăn hơn trong tương tác với bạn cùng trang lứa [68][69]

Nghiên cứu về các hình thức hợp tác của trẻ trong trò chơi đóng vai, M. Verba (1993, 1994), đã đề xuất ba hình thức hợp tác trong trò chơi đóng vai bao gồm: (i) Hình thức quan sát - xây dựng: Một đứa trẻ quan sát những hành động của một trẻ khác và sau đó thực hiện các hành động tương tự, điều này dẫn đến việc trẻ em thực hiện các hành động tương tự hầu như cùng một lúc; (ii) Hình thức cùng xây dựng: Các trẻ tạo thành các đặc trưng xã hội bằng cách sử dụng các giao tiếp (có thể rất hạn chế) để chia sẻ ý nghĩa, đạt được sự thống nhất chung và có những đóng góp tương hỗ, tất cả những điều đó đều nhằm đạt được một mục đích chung; (iii) Hình thức hướng dẫn: Một trẻ đóng vai trò như người phụ đạo cho một trẻ khác, hành động này cũng giống như sự thúc đẩy hoặc tạo điều kiện cho các hoạt động.[111][112]

Trong một nghiên cứu của Lorimier và cộng sự (1995), các tác giả đã kiểm chứng vai trò của các tương tác chơi trò đóng vai trong việc kích thích năng lực xã hội và cảm xúc thông qua so sánh giữa chất lượng của trò chơi đóng vai và trò chơi

không đóng vai (không giả vờ). Tác giả đi đến kết luận, trình tự chơi trò chơi đóng vai phức tạp hơn, cả hai bên cùng phối hợp với nhau và có sự tương tác xã hội nhiều hơn so với các trình tự chơi trò chơi không đóng vai. Biểu hiện của các vấn đề tâm lí trong thực tế cũng được khuyến khích thể hiện với sự phối hợp cao [82]

Ở Việt Nam, nghiên cứu của Lê Minh Thuận (1989) đề cập đến tính hợp tác với bạn bè của trẻ mẫu giáo qua các TCĐVCCĐ, xây dựng cách hướng dẫn trò chơi phân vai cho trẻ mẫu giáo theo các giai đoạn, lứa tuổi với mục đích phát triển nhân cách của trẻ. Tác giả đã chỉ ra hai nguyên nhân chính của việc trẻ không biết chơi cùng nhau trong nhóm là thiếu vốn hiểu biết về môi trường xung quanh, về hoạt động của người lớn và trẻ không có kỹ năng chơi, không biết tự tổ chức chơi. Từ đó, tác giả đi đến kết luận: Việc lĩnh hội kinh nghiệm và kiến thức được thực hiện thông qua nhiều con đường như tiếp xúc với xung quanh, thông qua các giờ dạy có hệ thống là điều kiện cần thiết để giúp trẻ biết cách chơi [26]

Theo Nguyễn Ánh Tuyết (1994), trò chơi đóng vai theo chủ đề - trung tâm của các trò chơi - đã gây ra những biến đổi về chất trong tâm lí của trẻ, chi phối các dạng hoạt động khác làm cho chúng mang màu sắc độc đáo của tuổi mẫu giáo..Tính hợp tác là một nét phát triển mới, một nét tiêu biểu trong vui chơi ở trẻ mẫu giáo. Tác giả cũng bàn khá sâu về cấu trúc của trò chơi đóng vai theo chủ đề, bao gồm các yếu tố như: (i) Chủ đề và nội dung trò chơi đóng vai theo chủ đề, (ii) vai chơi và hành động chơi, (iii) đồ chơi và hoàn cảnh chơi, và đặc biệt là (iv) những mối quan hệ qua lại của trẻ trong trò chơi - những quan hệ qua lại của các vai trong trò chơi theo một chủ đề nhất định, mô phỏng mối quan hệ của người lớn trong xã hội hoặc các mối quan hệ thực giữa những trẻ tham gia trò chơi, những người bạn cùng thực hiện một công việc chung. Sức sống của trò chơi đóng vai theo chủ đề là ở chỗ nó tạo ra được những mối quan hệ giữa các vai [31]

Tác giả Bùi Thị Xuân Lụa (2013) đã bàn về một số biện pháp phát triển kỹ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề. Các biện pháp đó bao gồm: Xây dựng môi trường thân thiện trong lớp giữa GV với trẻ và các trẻ với nhau; Giúp trẻ biết thỏa thuận, thương lượng trong khi chơi trò chơi đóng vai theo chủ đề; Tạo tình huống chơi mang tính hợp tác và ứng xử theo hướng hợp tác. [20].

Từ các nghiên cứu về giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Các nghiên cứu nước ngoài đều khẳng định TCĐVCCĐ có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của trẻ, đặc biệt về phát triển các kỹ năng xã hội, trong đó có kỹ năng hợp tác.Theo đó, trò chơi đóng vai mang tính xã hội hợp tác là dạng thức cao nhất trong trò chơi đóng vai xã hội giúp trẻ hòa nhập trong giai đoạn mẫu giáo.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu đã đề cập đến tính hợp tác với bạn bè của trẻ mẫu giáo qua các trò chơi mang tính hợp tác, khẳng định tính hợp tác là một nét phát triển mới, một nét tiêu biểu trong vui chơi ở trẻ mẫu giáo. Do đó, để giúp trẻ tham gia TCĐVCCĐ một cách hiệu quả, cần hiểu rõ các vấn đề như: chủ đề và nội dung trò chơi, vai chơi và hành động chơi, đồ chơi và hoàn cảnh chơi, các mối quan hệ trong trò chơi; cũng như cần xây dựng cách hướng dẫn chơi cho trẻ mẫu giáo theo các giai đoạn, lứa tuổi phù hợp, đề ra các biện pháp phát triển kỹ năng hợp tác cho trẻ trong trò chơi…

Như vậy,từ việc tổng quan về vấn đề nghiên cứu cho thấy. Đã có các công trình nghiên về giáo dục kĩ năng hợp tác, về trò chơi đóng vai có chủ đề, về phát triển kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai. Tuy nhiên, chưa có công trình, luận án nào nghiên cứu sâu về biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề. Điều này cho thấy tính cấp thiết của đề tài mà luận án lựa chọn nghiên cứu. Mặc dù vậy, các công trình nghiên cứu kể trên ở trong và ngoài nước đều góp phần làm cơ sở quan trọng để luận án kế thừa và phát triển.

1.2. Kĩ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo

1.2.1. Khái niệm kĩ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo

- *Khái niệm hợp tác*

Xuất phát từ vai trò quan trọng của sự hợp tác trong đời sống con người nên khái niệm này đã được nhiều nhà nghiên cứu xem xét:

- *Khuynh hướng thứ nhất: xem xét hợp tác là hình thức hoạt động nhóm.*

Theo Slavin (1987), tác giả cho rằng hợp tác là hình thức hoạt động nhóm, làm việc cùng nhau và mọi thành viên phụ thuộc lẫn nhau để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ, đạt mục đích chung [105]

Từ điển tiếng Việt (1997), hợp tác là cùng chung sức giúp nhau trong một công việc, trong một lĩnh vực nào đó nhằm đạt được mục đích chung của nhóm. [24]

Từ điển Tâm lí học (2008), hợp tác là hai hay nhiều bộ phận trong một nhóm cùng làm việc theo cùng một cách thức để tạo ra một kết quả chung [7]

Theo D.Johnson, R.Johnson (2010), hợp tác là quá trình làm việc theo nhóm, các thành viên đóng góp và giúp đỡ nhau để cùng đạt được một mục đích chung [75]

- *Khuynh hướng thứ hai: xem xét hợp tác là sự phối hợp hành động giữa các cá nhân*

A.N.Leonchiev (1979) xem xét như một hình thức cộng tác và được xác định là một trong những cách thức phối hợp hành động nhằm đạt được mục đích chung khi đồng thời giữa họ có sự phân chia chức năng, vai trò nhiệm vụ. [79]

Các nhà nghiên cứu (A.S. Belkin 2000, I.A. Larionov 1996) nhận định rằng sự hợp tác là một thể thống nhất của: [78]

- Hình thức nhận thức các mối tương quan của các chủ thể được thiết lập trên cơ sở sự hiểu biết lẫn nhau, sự cảm thông, sự ủng hộ lẫn nhau.
- Phương pháp tổ chức các hoạt động chung dựa trên sự bình đẳng có trù định sự bộc lộ tính độc lập, tính tích cực, tính tổ chức của mỗi bên tham gia dưới sự thống nhất các nỗ lực và phối hợp các hoạt động nhằm hướng tới đạt được các mục đích chung.

Theo tác giả L.C. Pimasevxkaia (2010), hợp tác là một dạng tác động và phối hợp hành động hay là hệ thống quan hệ qua lại giữa người với người [88, hang]

Theo T.I. Babaeva (2012), hợp tác là sự phối hợp hành động giữa các chủ thể trong hoạt động chung.[45]

Luận án nghiêng về quan điểm thứ hai, xem xét hợp tác là sự phối hợp hành động giữa các cá nhân. Đặc trưng của hợp tác là cùng chung mục đích, chỉ có hoạt động chung cùng nhau giữa các cá nhân mới nảy sinh sự hợp tác. Sự hợp tác nảy sinh trong hoạt động chung, xuất hiện bởi loại hình phối hợp hoạt động trong hoạt động chung và có cấu trúc tương tự hoạt động chung. Sự giao tiếp liên kết với hoạt động của trẻ và đảm bảo sự nhận thức giữa các thành viên với nhau trong quá trình hợp tác.

Với cách nhìn nhận như trên, khái niệm hợp tác được luận án hiểu như sau: *Hợp tác là sự phối hợp hành động của các bên tham gia để cùng nhau nỗ lực đạt được mục đích chung.*

Như vậy, sự hợp tác như là sự phối hợp hoạt động tích cực giữa nhiều người thống nhất các cơ chế tâm lí xã hội phức tạp, đòi hỏi con người sự sẵn sàng và trưởng thành ở một cấp độ nhất định.

Nhiều nhà nghiên cứu nổi tiếng V.A.Petrovsky (1993) sau khi phát hiện ra quá trình hình thành sự giao tiếp của trẻ và sự hợp tác đã phát hiện ra rằng, các cơ sở đầu tiên của sự hợp tác được hình thành chính trong thời kì mẫu giáo của thời thơ ấu, trước hết là ở lứa tuổi mẫu giáo lớn. [41]

- *Khái niệm kĩ năng*

Kỹ năng là một vấn đề phức tạp bởi vậy có rất nhiều quan niệm khác nhau về kỹ năng. Có thể hệ thống thành ba khuynh hướng chủ yếu sau:

- Khuynh hướng thứ nhất: Xem xét kỹ năng nghiêng về mặt kỹ thuật của thao tác, của hành động.

Đại diện cho khuynh hướng này có các tác giả: V.A. Cruchetxki [35], Tsebưseva [43], A.V.Petropxki [41]…cho rằng: Muốn thực hiện được hành động con người phải có những tri thức về hành động. Cụ thể là phải hiểu được mục đích, cách thức và phương tiện, điều kiện hành động. Khi con người nắm được các tri thức về hành động, thực hiện hành động theo các yêu cầu khác nhau của thực tiễn, tức là chúng ta đã có kĩ năng hành động. Mức độ thành thạo của kĩ năng phụ thuộc vào mức độ nắm vững tri thức về hành động và sử dụng chúng vào hoạt động thực tiễn nhiều hay ít.

Chẳng hạn, A.V.Petropxki (1982) quan niệm rằng: Kĩ năng là cách thức hoạt động dựa trên cơ sở tri thức và kĩ xảo. Kĩ năng được hình thành bằng con đường luyện tập. Kĩ năng tạo khả năng cho con người thực hiện hành động không chỉ trong điều kiện quen thuộc mà cả trong những điều kiện đã thay đổi. Xuất phát từ chỗ coi kĩ năng là mặt kĩ thuật của hành động, cho nên khi nắm được kĩ thuật hành động, hành động đúng các yêu cầu kĩ thuật của nó thì sẽ đạt kết quả. Muốn nắm được kĩ thuật hành động và thực hiện được hành động theo đúng kĩ thuật thì phải có quá trình học tập và rèn luyện.

- Khuynh hướng thứ hai: Xem kĩ năng nghiêng về mặt năng lực của con người để thực hiện một công việc nào đó.

Tương tự như vậy, X.I.Kixengof (1977) cho rằng, KN là khả năng thực hiện có hiệu quả hệ thống hành động phù hợp với mục đích và điều kiện thực hiện hệ thống hành động này. Theo ông, các KN bao giờ cũng diễn ra dưới sự kiểm tra của ý thức nhiều hay ít. KN đòi hỏi việc sử dụng những kinh nghiệm đã thu được trước đây và những tri thức nhất định nào đó trong các hành động, thiếu những điều kiện này, không thể có KN. [37]

Theo hướng này, ở Việt Nam, tác giả Huỳnh Văn Sơn (2009) quan niệm kỹ năng là khả năng thực hiện có kết quả một hành động nào đó bằng cách vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có để hành động phù hợp với những điều kiện cho phép. Kỹ năng không chỉ đơn thuần về mặt kỹ thuật của hành động mà còn là biểu hiện năng lực của con người" [25]

Đặng Thành Hưng (2013) cho rằng kĩ năng là một dạng chuyên biệt của năng lực, kĩ năng không phải là khả năng của cá nhân, mà là thuộc tính có thật ở cá nhân. Kĩ năng là một dạng hành động được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng vận động và những điều kiện sinh học – tâm lý, xã hội khác của cá nhân (chủ thể của kĩ năng đó) như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân, giá trị bên trong... Để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã định hoặc mức độ thành công theo tiêu chuẩn hay quy định. [13]

Như vậy, những người theo khuynh hướng thứ hai quan niệm KN không đơn thuần là kỹ thuật hành động mà nó còn là một biểu hiện năng lực của con người. KN vừa có tính ổn định, vừa có tính mềm dẻo. Nhờ có tính mềm dẻo mà con người có tính sáng tạo trong hoạt động thực tiễn.

- Khuynh hướng thứ ba: Xem xét kĩ năng nghiêng về mặt hiệu quả của hành động.

K.K.Platolov K.K (1963) [38] nhấn mạnh đến tính linh hoạt mềm dẻo của KN. Theo ông, người có KN không chỉ là hành động có kết quả trong một hoàn cảnh cụ thể mà còn phải đạt kết quả tương tự trong những điều kiện khác.

Theo N.D.Lêvitov (1970), KN là sự thực hiện có kết quả một động tác nào đó hay một hành động phức tạp hơn, bằng cách lựa chọn hay áp dụng những cách thức đúng đắn, có chiếu cố đến những điều kiện nhất định. KN có liên quan đến hoạt động thực tiễn, đến việc áp dụng tri thức vào thực tiễn. [39]

Nguyễn Thị Thanh (2013), kĩ năng là việc thực hiện có kết quả các hành động và kỹ thuật hành động trên cơ sở vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm đã có một cách hợp lí, linh hoạt vào các tình huống khác nhau để đạt được các mục tiêu đã xác định.[14]

Như vậy, trong kĩ năng có tri thức, không chỉ là tri thức về phương thức hành động mà còn là tri thức về giá trị của hành động. Kĩ năng bao giờ cũng gắn với một hành động hay một hoạt động nào đó, thể hiện sự chọn lựa và vận dụng tri thức, những kinh nghiệm đã có để thực hiện hành động cho phù hợp với mục tiêu và điều kiện cụ thể.

Như vậy, qua nghiên cứu ba khuynh hướng chủ yếu về kĩ năng, luận án kế thừa những tư tưởng của các nhà khoa học theo các khuynh hướng trên và qua thực tiễn, khái niệm kĩ năng được luận án hiểu như sau: *Kĩ năng là sự thực hiện có kết quả một hành động hay một hoạt động nào đó bằng cách lựa chọn và vận dụng những tri thức, kinh nghiệm và những cách thức hành động hiệu quả vào thực tiễn.*

KN hành động được biểu hiện ở những dấu hiệu sau đây:

+ Có tri thức, kinh nghiệm về hành động: nắm được mục đích hành động; biết vận dụng tri thức, kĩ năng vào các điều kiện thực hiện hành động.

+ Thực hiện hành động đúng với các yêu cầu của nó, cách hành động hợp lý.

+ Đạt được kết quả của hành động theo mục đích đề ra.

+ Có thể thực hiện hành động có kết quả trong những điều kiện đã thay đổi.

Nghĩa là, KN đòi hỏi trước hết con người phải có tri thức, kinh nghiệm cần thiết về hành động. Có tri thức và kinh nghiệm chưa phải có KN. KN chỉ có được khi con người vận dụng những tri thức và kinh nghiệm đó vào hoạt động thực tiễn mang lại kết quả tích cực. Tri thức và kinh nghiệm là những điều kiện cần để hình thành KN, việc vận dụng tri thức, kinh nghiệm vào hoạt động thực tiễn nhằm đạt được mục đích đề ra là điều kiện đủ để hình thành KN.

Khi xem xét KN cần phải lưu ý những điểm sau đây:

+ KN bao giờ cũng gắn với hành động cụ thể, KN được hiểu là mặt kĩ thuật của hành động.

+ Tính đúng đắn, sự thành thạo, linh hoạt, mềm dẻo là tiêu chuẩn quan trọng để xác định sự hình thành và phát triển của KN. Một hành động chưa gọi là có KN nếu còn mắc nhiều lỗi và vụng về, các thao tác diễn ra theo một khuôn mẫu cứng nhắc…

+ KN không phải là cái bẩm sinh của mỗi cá nhân, KN là sản phẩm của hoạt động thực tiễn. Đó là quá trình con người vận dụng những tri thức và kinh nghiệm vào hoạt động thực tiễn để đạt được mục đích đề ra.

- *Khái niệm kĩ năng hợp tác*

Trên cơ sở phân tích khái niệm "Kỹ năng" và "Hợp tác" luận án xây dựng khái niệm kỹ năng hợp tác:

Kỹ năng hợp tác là sự phối hợp hành động để cùng thực hiện có hiệu quả một nhiệm vụ chung, dựa trên vốn tri thức và kinh nghiệm đã có trong những điều kiện nhất định.

Dựa trên cơ sở khái niệm kỹ năng hợp tác luận án xây dựng khái niệm kỹ năng hợp tác trong TCĐVCCĐ và khái niệm giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ mẫu giáo như sau:

Kỹ năng hợp tác trong TCĐVCCĐ của trẻ mẫu giáo là sự phối hợp hành động chơi của một (hoặc nhiều) nhóm trẻ để cùng thực hiện có hiệu quả trò chơi dựa trên những tri thức và vốn kinh nghiệm đã có trong điều kiện nhất định.

Giáo dục kỹ năng hợp tác trong TCĐVCCĐ cho trẻ mẫu giáo là một quá trình tác động sư phạm có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục đến trẻ nhằm hình thành và phát triển ở trẻ sự phối hợp hành động chơi để cùng thực hiện có hiệu quả trò chơi dựa trên những tri thức và vốn kinh nghiệm đã có trong điều kiện nhất định.

- Quá trình tác động sư phạm có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục phải được cụ thể ra thành những biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ, thực chất biện pháp giáo dục là một trong những thành tố của quá trình giáo dục, nó có quan hệ mật thiết và có tính biện chứng với những thành tố khác của quá trình giáo dục, nó chính là cách làm cụ thể, cách giải quyết một vấn đề cụ thể hay hướng tới giải quyết nhiệm vụ từng phần. Biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5- 6 tuổi trong TCĐVCCĐ là cách làm cụ thể của GV trong quá trình tổ chức trò chơi nhằm giáo dục KNHT cho trẻ.

- Phối hợp hành động chơi là yếu tố cốt lõi thể hiện bản chất của KNHT. Để có được KNHT trong TCĐVCCĐ thì cá nhân trẻ cần nhận thức được rõ mục đích của trò chơi, hệ thống các hành động cá nhân, các hành động phối hợp, điều chỉnh hành vi của các thành viên tham gia trong mối tương quan của hoạt động chơi để cùng phối hợp hành động hướng đến đạt được mục tiêu chung của trò chơi.

1.2.2. Cấu trúc kĩ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo

- *Cấu trúc tâm lý của kĩ năng hợp tác*

Đối với trẻ mẫu giáo hoạt động chủ đạo của trẻ là hoạt động vui chơi, qua vui chơi trẻ lĩnh hội những chuẩn mực đạo đức, những kiến thức, kĩ năng… Kĩ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo được nảy sinh chủ yếu trong hoạt động vui chơi với bạn bè ở trường mầm non. Cho nên cấu trúc của kĩ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo một mặt dựa trên cấu trúc của hợp tác và cấu trúc của kĩ năng, một mặt dựa trên hoạt động chơi cùng nhau của trẻ ở trường mầm non. Luận án cho rằng cấu trúc của kĩ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo gồm 3 mặt tương quan sau:

Mặt nhận thức: Chính là quá trình cảm nhận và nhận thức lẫn nhau giữa các cá nhân trong hoạt động, khi chơi cùng nhau, là sự thiết lập các mối quan thực và quan hệ chơi trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau. Quá trình cảm nhận được khắc họa bởi sự hiện diện của các ngôn từ trong giao tiếp, các hành vi ứng xử hướng tới sự phối hợp hành động. Quá trình nhận thức hướng tới việc giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ của hoạt động, của trò chơi, thể hiện ở việc thảo luận và đưa ra cách giải quyết, lựa chọn phương án giải quyết nhiệm vụ, cách giải quyết nhiệm vụ cá nhân hướng tới mục tiêu của hoạt động, của trò chơi, và thái độ tích cực đối với kết quả chơi. Đối với trẻ em cần phải để trẻ tự đánh giá kết quả hoạt động đạt được là sản phẩm chung của các thành viên, được đóng góp bởi từng cá nhân, có thái độ vui mừng vì thành tích chung hoặc nuối tiếc vì kết quả không được như mong muốn.

Mặt thái độ: Thái độ (xúc cảm, tình cảm) của cá nhân trẻ, cùng với nhận thức, hành động hợp tác trong khi chơi sẽ tạo ra cơ sở để hình thành niềm tin, lý tưởng, quan điểm, hệ thống giá trị đúng đắn, nó là những kinh nghiệm quan hệ, sự đánh giá có cảm xúc đối với KNHT. Khi chưa hình thành thái độ của cá nhân đối với các hoạt động hợp tác, thì cá nhân đó chưa có KNHT, mặc dù đã có những nhận

thức và hành động hợp tác nhất định trong khi chơi. Thái độ được thể hiện khi cá nhân hứng thú, tích cực trao đổi thông tin giữa các bên tham gia trong khi chơi chung. Giao tiếp để hướng tới các mối quan hệ tương hỗ và giao tiếp để hướng tới mục tiêu chung của trò chơi. Các bên tham gia trong khi chơi phải thể hiện thái độ tích cực khi thảo luận để phân chia vai trò, nhiệm vụ thành phần, khi thống nhất các nhiệm vụ đã được phân chia dựa trên việc đã xác định mục tiêu của hoạt động chung. Thái độ tích cực là một thành tố cơ bản của kĩ năng hợp tác, để hình thành và phát triển kĩ năng hợp tác trong mỗi chủ thể thì đòi hỏi các cá nhân phải thể hiện thái độ tích cực đối với trò chơi chung, mong muốn được chơi chung cùng nhau, trao đổi, bàn bạc với nhau, thể hiện thái độ tích cực đối với kết quả chơi… Khi kĩ năng hợp tác được phát triển, thái độ của các cá nhân với trò chơi chung cũng trở lên tích cực hơn.

Mặt hành động: Bao gồm những hành động phối hợp giữa các bên tham gia, trong đó có sự trao đổi không chỉ là kiến thức, ý tưởng mà còn là các hành động chơi, các giá trị và suy nghĩ. Kĩ năng hợp tác bản chất là sự phối hợp hành động tự nguyện giữa các bên tham gia mà trung tâm là những cơ chế xã hội, tâm lí phức tạp, đòi hỏi mức độ trưởng thành nhất định của chủ thể. Những thành tố cơ bản của KNHT trong trò chơi được hình thành trong thời kì mầm non, đặc biệt là giai đoạn lứa tuổi mẫu giáo lớn, khi hoạt động vui chơi trở thành hoạt động chủ đạo và khi các mối quan hệ tương quan của trẻ bắt đầu hình thành tích cực, mang tính chất giao tiếp và xã hội, sự phối hợp hành động của trẻ với các bạn cùng lứa và người lớn mang những nét đặc trưng nhất định.

Các thành tố của KNHT của trẻ mẫu giáo được biểu hiện trong các nhóm nhỏ - được tạo thành từ hai hay nhiều cá nhân với nhau trong cùng các liên hệ có mục đích và có ý nghĩa quan trọng. Trong nhóm nhỏ quá trình trao đổi thông tin, thảo luận hướng tới mục đích, quá trình phối hợp hành động chơi được diễn ra, các chủ thể cảm nhận và nhận thức lẫn nhau, thiết lập mối quan hệ với nhau, hướng tới đạt kết quả chung của hoạt động chơi. Kết quả chung bao gồm kết quả bên ngoài - đạt được mục đích chung của hoạt động và quan trọng hơn là kết quả bên trong của mỗi chủ thể, chính là sự thay đổi trong hiểu biết của chủ thể, cảm xúc, kĩ năng có

được của chủ thể sau khi kết thúc trò chơi, thái độ tích cực của chủ để đối với hoạt động chơi cũng như kết quả của hoạt động chơi.

- *Cấu trúc các kĩ năng thành phần của kĩ năng hợp tác*

Trong quá trình hợp tác, có rất nhiều kĩ năng khác nhau được thể hiện hướng đến sự hợp tác, đó chính là những kĩ năng thành phần của kĩ năng hợp tác, đối với trẻ mẫu giáo luận án tập trung một số kĩ năng sau đây:

Kĩ năng thảo luận

Trong hoạt động hợp tác, các cá nhân phải có kĩ năng thảo luận để cùng thống nhất về mục đích, mục tiêu của hoạt động hướng tơi kết quả cuối cùng cần đạt của cả nhóm. Có kĩ năng thảo luận còn để thống nhất nội dung và kế hoạch thực hiện những công việc chung, cùng thảo luận để tìm kiếm phương tiện thực hiện hoạt động, bầu nhóm trưởng...thảo luận để hướng tới sự đồng thuận của các thành viên. Khi có kĩ năng thảo luận các cá nhân sẽ hiểu được giá trị của sức mạnh tập thể, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên sở thích và những mối quan tâm riêng của bản thân.

Kĩ năng lắng nghe

Lắng nghe là một kĩ năng cần thiết khi học ở bất kì môi trường học tập nào. Không những thế, lắng nghe còn là một kĩ năng cực kì quan trọng giúp cá nhân thiết lập mối quan hệ bạn bè trong khi chơi, và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè, thầy cô và những người xung quanh.

Khi hoạt động hợp tác trong nhóm các cá nhân phải chú ý lắng nghe lời giải thích, hướng dẫn để biết tổ chức cách hoạt động theo nhóm hiệu quả, và trong khi hoạt động chung phải biết lắng nghe ý kiến của các thành viên trong nhóm, để tránh những mâu thuẫn, xung đột, những bất đồng ý kiến xảy ra trong khi chơi.

Lắng nghe và xác định những điểm giống và khác, những điểm đồng ý và những điểm không tán thành với các bạn. Và từ đó cá nhân có nhu cầu chia sẻ những suy nghĩ riêng của mình với các thành viên trong nhóm.

Kĩ năng phân công công việc hợp lí

Để hoạt động hợp tác trở lên công bằng và hiệu quả thì các cá nhân cần có kĩ năng phân công công việc hợp lí cho nhau và chấp nhận sư phân công công việc của nhóm. Trong nhóm luôn có sự đa dạng về kĩ năng và nhân cách giữa các thành viên.

Khi tham gia hoạt động cùng nhau, phải biết tự đánh giá khả năng riêng của bản thân mình cũng như sở thích, nguyện vọng và khả năng của các bạn trong nhóm, từ đó đưa ra những ý kiến phù hợp nhất với việc phân công các phần việc cụ thể cho từng bạn, đảm bảo sự công bằng và phát huy được khả năng, điểm mạnh của các thành viên trong nhóm.

Kĩ năng chia sẻ

Kĩ năng chia sẻ rất cần trong hoạt động hợp tác vì trong khi hoạt động hợp tác trẻ phải có sự quan sát, đánh giá hoạt động của các bạn và giúp đỡ, chia sẻ khi bạn gặp khó khăn, hoặc nhờ bạn hỗ trợ nếu cần. Trong khi hoạt động chung, trong khi chơi chung trong nhóm, các cá nhân cần ý thức về trách nhiệm của mình với nhiệm vụ chung, chủ động hoàn thành nhiệm vụ riêng của mình. Ngay khi hoàn thành phần việc của mình, biết đặt nó trong tiến độ chung, quan sát sự hài hòa giữa phần việc của mình với phần việc của các bạn, sẵn sàng giúp đỡ các bạn khác khi họ gặp khó khăn, hoặc chưa hoàn thành công việc.

Trong quá trình hoạt động phải chia sẻ ý tưởng với các bạn, chia sẻ nguyên liệu chơi… Giúp đỡ, chia sẻ những kinh nghiệm, thông tin đem lại sự thoải mái, cởi mở, tinh thần đoàn kết ở trẻ, giúp trẻ hiểu nhau hơn, thân thiết hơn, hạn chế những xung đột, mâu thuẫn. Điều đó giúp cho trẻ đi đến mục đích dễ dàng hơn, kết quả công việc trở nên tốt đẹp hơn.

Kĩ năng phối hợp hành động

Kĩ năng phối hợp hành động rất quan trọng trong quá trình hợp tác, nó phản ánh rõ nét bản chất của hoạt động hợp tác. Để hoàn thành nhiệm vụ cần nhận thức được rõ mục đích của hoạt động chung, hệ thống các hành động cá nhân, các hành động phối hợp, điều chỉnh hành vi của các thành viên tham gia trong mối tương quan của hoạt động, so sánh kết quả hành động với mục tiêu đặt ra.

Có các cách thức khác nhau trong việc phối hợp hành động trong quá trình chơi. Điều này phụ thuộc vào cấu trúc của nhiệm vụ chơi.:

- Phối hợp hành động chơi theo kiểu *"mục tiêu – kết quả* - mỗi trẻ sẽ tự hoàn thành nhiệm vụ của mình trong tổng thể nhiệm vụ chung một cách độc lập. Trong quá trình hoàn thành nhiệm vụ, nhiệm vụ cá nhân sẽ trở thành một phần của kết quả

cuối cùng. Phối hợp hành động "mục tiêu kết quả" thường biểu hiện trong nhóm hạt nhân (theo cặp).

- Phối hợp hành động theo kiểu *"dây chuyền sản xuất"*- trẻ sẽ hoàn thành nhiệm vụ lần lượt. Tức là, kết quả của một nhiệm vụ được hoàn thành bởi một đứa trẻ này sẽ là đối tượng cho hoạt động của đứa trẻ khác. Điều này đòi hỏi sự tương tác giữa các trẻ.

- Phối hợp hành động theo kiểu *"phối kết hợp"* - trẻ sẽ lên kế hoạch công việc và thực hiện công việc theo cặp trước để hoàn thành một phần công việc, sau đó sẽ phối hợp cùng nhau để đạt được kết quả cuối cùng. Phối hợp hành động kiểu "phối kết hợp"diễn ra khi trẻ có kinh nghiệm trong việc thực hiện thực hiện hai kiểu phối hợp hành động "mục tiêu – kết quả" và "dây chuyền sản xuất".

Kĩ năng giải quyết xung đột

Xung đột là hiện tượng tất yếu xảy ra trong hoạt động chung, vì thế trẻ phải có kĩ năng giải quyết xung đột để cuộc chơi được tiếp tục. Mỗi trẻ phải có khả năng tự kiềm chế, phục tùng những quy định chung, biết giải quyết mâu thuẫn một cách hòa bình, trên cơ sở tôn trọng và nhường nhịn lẫn nhau.

1.2.3. Các giai đoạn phát triển kĩ năng hợp tác của trẻ 5-6 tuổi

Sự phát triển KNHT của trẻ chia thành hai giai đoạn chủ yếu:

- *Giai đoạn thứ nhất: Phát triển các mối tương quan*

Ở đầu lứa tuổi này, trẻ năng động hơn và kiên trì hơn so với các lứa tuổi trước, chúng thể hiện khả năng giao tiếp tích cực và đa dạng với các bạn bè cùng lứa. Điều này tạo nên điều kiện tiên quyết tự nhiên cho sự hình thành các mối tương quan và phát triển KNHT ở trẻ. Trẻ có nhu cầu giáo tiếp mạnh mẽ với các bạn cùng chơi trong các trò chơi chung, có hứng thú tích cực với các bạn cùng chơi, có thiên hướng mở rộng phạm vi giao tiếp với bạn bè cùng lứa tuổi, tính tích cực trong giao tiếp và tần số giao tiếp tăng lên.

Trẻ quan tâm nhiều hơn đến các cơ sở của việc giao tiếp và điều chỉnh các mối tương quan. Những khái niệm về chuẩn mực đạo đức được hình thành, trẻ phân biệt rõ ràng hơn những hành vi tốt xấu, chúng có khái niệm về cái ác, cái thiện và có thể ứng xử nhờ vào kinh nghiệm cá nhân.

Trong quá trình hoạt động chung, trẻ độ tuổi này thường tích cực hướng tới các điều lệ, chính điều này giúp trẻ duy trì mối tương quan ổn định với bạn bè, hướng tới quyền bình đẳng và sự công bằng.

Giai đoạn thứ 2: Hình thành, phát triển kĩ năng hợp tác

Ngoài nhu cầu giao tiếp tích cực, từ giữa tuổi mẫu giáo lớn xuất hiện thiên hướng phối hợp hoạt động đa dạng với các bạn cùng lứa tuổi. Trẻ tích cực hướng sự chú ý của người khác tới mình, mong muốn chia sẻ với bạn bè kiến thức, ý tưởng, cảm nhận, ý kiến… của mình.

Trẻ so sánh bản thân với các bạn, bắt đầu đánh giá bản thân trên quan điểm, uy tín của bản thân trước các bạn, mong muốn được công nhận, khen ngợi những ưu điểm của mình.

Quan tâm hơn tới bạn cùng chơi, hướng tới nhận thức những cảm nhận, trạng thái, hành động, ý định của các bạn. Có mong muốn đánh giá những hành vi, hành động, trạng thái của các bạn trên cơ sở lĩnh hội những khái niệm đạo đức.

Trong quá trình phối hợp với các bạn khi chơi, trẻ thể hiện bản thân với những biểu hiện đa dạng: lắng nghe, chia sẻ, tranh luận, ra lệnh, dỗ dành… những biểu hiện này diễn ra một cách bản năng nhất, tạo nên sự giải phóng không giới hạn, sự tự do không theo khuôn mẫu. Chính bạn bè cùng trang lứa giúp trẻ bộc lộ bản năng, cá tính của trẻ.

Nói chung, lứa tuổi mẫu giáo lớn là thời kì trẻ có khả năng tìm kiếm các mối tương quan với bạn bè để từ đó thiết lập quan hệ bạn bè trong từng nhóm chơi. Trong khi phối hợp với các bạn cùng chơi trong nhóm trẻ có những biểu hiện về KNHT một cách ngẫu nhiên và tự nhiên nhất. Bầu không khí chung của các trò chơi ở lứa tuổi mẫu giáo lớn, chứa đựng các nhân tố của KNHT.

1.3. Trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ mẫu giáo và mẫu giáo 5-6 tuổi

1.3.1. Bản chất của trò chơi đóng vai có chủ đề

Bản chất của TCĐVCCĐ có thể hiểu đó là sự tái tạo lại những hành động của người lớn cũng như thái độ và các mối quan hệ giữa họ với nhau trong hoạt động lao động và trong sinh hoạt hàng ngày của trẻ trong trò chơi của mình [6].

Trò chơi thuộc dạng trò chơi sáng tạo, đặc trưng của lứa tuổi mẫu giáo, phản

ánh một mảng hiện thực của cuộc sống xã hội, lao động, mối quan hệ giữa con người với con người thông qua việc đóng vai người lớn mà trẻ thực hiện hành động theo chức năng xã hội mà họ đảm nhận.

1.3.2. Đặc điểm của trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ mẫu giáo ở trường mầm non

Tham gia vào hoạt động vui chơi, trẻ có thể chơi rất nhiều trò chơi khác nhau và đáng kể nhất là trò chơi đóng vai có chủ đề. TCĐVCCĐ là một hình thức độc đáo của sự tiếp xúc giữa trẻ em với cuộc sống của người lớn. Trong khi chơi trẻ tái tạo lại đời sống xã hội xung quanh và qua đó trẻ học làm người.

TCĐVCCĐ trước hết vì trò chơi bao giờ cũng có chủ đề. Chủ đề của trò chơi chính là những mảng hiện thực được phản ánh vào trong trò chơi. Bản chất của TCĐVCCĐ là tái tạo lại hoạt động của người lớn cũng như các quan hệ và thái độ của họ với nhau trong xã hội thông qua các vai chơi.

TCĐVCCĐ là một dạng hoạt động mang tính tự nguyện. Việc thúc đẩy trẻ chơi chính là sức hấp dẫn của bản thân trò chơi mà không hề bị ràng buộc bởi những cái khác, ngay cả kết quả của sự vui chơi. Động cơ của trò chơi nằm trong quá trình chơi chứ không phải nằm ở kết quả chơi.

TCĐVCCĐ là một dạng hoạt động *mang tính tự lập* cao của trẻ. Khi tham gia vào trò chơi trẻ hết mình chủ động, độc lập tự nghĩ ra chủ đề, nội dung, phân vai chơi, tự điều khiển kiểm tra quá trình chơi đó. Người lớn không thể áp đặt hay chơi hộ trẻ mà chỉ giữ vai trò là người tổ chức, hướng dẫn trẻ trong quá trình chơi.

TCĐVCCĐ *mang tính "tượng trưng",* trong khi chơi trẻ mô phỏng những hành động và mối quan hệ của người lớn, sử dụng những đồ vật thay thế mang tính chất kí hiệu tượng trưng. Chính đặc tính này của TCĐVCCĐ làm nảy sinh hoàn cảnh tưởng tượng. Khi chơi trẻ đắm mình trong hoàn cảnh chơi, bộc lộ và trải nghiệm các sắc thái tình cảm của mình qua các vai chơi, kết thúc chơi cũng là lúc trẻ ra khỏi hoàn cảnh ấy.

TCĐVCCĐ là loại trò chơi *mang tính tập thể*. Để tiến hành trò chơi nhằm mô phỏng lại đời sống xã hội đòi hỏi phải có nhiều trẻ tham gia, cùng hoạt động với nhau, cùng thống nhất chủ đề chơi, vai chơi hành động chơi...Mô hình sau đây sẽ cho thấy rõ tính tập thể của TCĐVCCĐ thể hiện rõ trong cấu trúc của trò chơi.

1.3.3. Cấu trúc của trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ mẫu giáo

Trước hết, nói đến trò chơi đóng vai là đề cập đến chủ đề chơi và nội dung chơi

Chủ đề chơi là mảng hiện thực cuộc sống được phản ánh vào các trò chơi của trẻ. Và trong khi chơi mọi hành động chơi đều xoay quanh chủ đề chơi. Trước khi tiến hành chơi trẻ phải tập hợp nhau thành một nhóm nhỏ để cùng nhau thảo luận về chủ đề chơi. Ví dụ trẻ cùng nhau thảo luận xem hôm nay chơi chủ đề "mẹ và con", chơi "bán hàng", hay chơi trò "bác sĩ...Như vậy chính trong bước đầu tiên của trò chơi đóng vai trẻ phải có kĩ năng thảo luận để cùng nhau thống nhất chủ đề chơi cho nhóm.

Nội dung chơi, chính là những hành động, hành vi ứng xử, các quan hệ xã hội mà trẻ nhận thức được và phản ánh vào trò chơi. Nội dung bao giờ cũng có con người thực hiện đúng những thao tác hành vi với đồ vật đặc trưng theo chủ đề, chẳng hạn là bác sỹ phải có kim tiêm, thuốc, áo choàng trắng, mũ có chữ thập đỏ...

Thứ hai, nói đến trò chơi đóng vai là nói đến vai chơi và hành động chơi

Vai chơi là thành phần quan trọng để tạo nên trò chơi đóng vai. Vai chơi là việc đứa trẻ ướm mình vào một nhân vật nào đó và bắt chước hành vi của họ. Hành động chơi là thành phần sinh động nhất của trò chơi, là cách thức mà trẻ tái tạo lại hiện thực trong khi chơi. Sau chủ đề chơi, trẻ phải cùng nhau thỏa thuận về vai chơi, hành động chơi như *mình đóng vai bác sĩ, cậu đóng vai bệnh nhân, còn cậu đóng vai mẹ... ý hôm trước mình đóng vai bệnh nhân rồi, hôm nay mình đổi cho cậu mình đóng vai bác sĩ nhé...* Như vậy để thống nhất được vai chơi trẻ phải có quá trình thảo luận. Qua đó trẻ sẽ rèn luyện được kĩ năng thỏa thuận, kĩ năng phân vai hợp lí, kĩ năng giao tiếp, chia sẻ...Và với sự tác động đúng cách từ GV, trẻ sẽ dần dần nhận thức được rằng, sự phân công và chấp nhận sự phân công là cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng riêng của mỗi trẻ, là điều kiện không thể thiếu được nếu muốn trở thành thành viên thực sự của nhóm.

Thứ ba, nói đến TCĐVCCĐ là nói đến mối quan hệ qua lại của trẻ trong trò chơi

Khi chơi trẻ cùng nhau tạo nên quan hệ thực và quan hê chơi. Quan hệ thực là mối quan hệ qua lại giữa các trẻ cùng tham gia trò chơi, còn quan hệ chơi là những mối quan hệ được thiết lập theo chủ đề và vai chơi. Muốn phát triển mối quan hệ thực trẻ phải có ý thức chơi, biết chọn bạn chơi phù hợp. Phát triển quan hệ chơi thì trẻ phải có vốn hiểu biết về cuộc sống xã hội, có trí tưởng tượng phong phú, có vốn ngôn ngữ tích cực.

Thứ tư, nói đến TCĐVCCĐ là nói đến đồ chơi và hoàn cảnh chơi

Để TCĐVCCĐ có thể thực hiện được thì cần phải có đồ chơi, vì đồ chơi là phương tiện để chơi, đó là người bạn thân thiết của trẻ thơ, là nguồn gốc của niềm vui sướng, là cuộc sống của trẻ nhỏ. Để trò chơi thực hiện được phải có đồ chơi. Giáo viên phải lựa chọn những đồ chơi đảm bảo an toàn, có tính thẩm mỹ và có tính giáo dục. Tuy nhiên không phải bao giờ đồ chơi cũng đủ cho mọi trẻ. Chính vì vậy, khi chơi trẻ phải rủ nhau cùng chơi, nhường nhịn, chia sẻ đồ chơi cho nhau...Đây cũng là điều kiện để trẻ bộc lộ những xúc cảm, tình cảm của mình trong việc quan tâm, chia sẻ, nhường nhịn, giúp đỡ và yêu thương nhau.

Là hoàn cảnh không có thực do trẻ hình dung và đặt mình trong hoàn cảnh đó khi chơi. Hoàn cảnh chơi là hoàn cảnh do trẻ tưởng tượng, nảy sinh trong quá trình chơi. Khi trẻ phối hợp cùng nhau chơi sẽ tạo nên hoàn cảnh chơi.

Qua những đặc trưng và cấu trúc của trò chơi, cho chúng ta thấy: Trò chơi đóng vai theo chủ đề là một trò chơi hết sức hấp dẫn với trẻ, khi tham gia trò chơi trẻ được thỏa mãn nguyện vọng là sống và hoạt động như người lớn. Trong trò chơi này, lần đầu tiên mối quan hệ giữa người với người được thể hiện một cách khách quan trước trẻ. Nếu được tổ chức đúng đắn, trò chơi sẽ giúp hình thành ở trẻ mẫu giáo những nhân tố sơ đẳng ban đầu của mối quan hệ có tính chất "công việc", đó là: sự gắn bó với nhóm chơi, sự phục tùng và kiểm tra lẫn nhau, ý thức trách nhiệm trước bạn bè và kết quả cuối cùng của nhiệm vụ được giao, khả năng tự giải quyết đúng đắn và linh hoạt những xung đột xảy ra, thái độ tôn trọng và nhường nhịn đối với bạn. Qua đó trẻ hiểu được mỗi người trong xã hội đều có nghĩa vụ và quyền lợi đối với bản thân cũng như đối với những người xung quanh.[6]

1.3.4. Trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ 5-6 tuổi

Về cơ bản TCĐVCCĐ của trẻ mẫu giáo nói chung đều giống nhau về đặc điểm và cấu trúc, tuy nhiên do sự phát triển về nhận thức về thế giới xung quanh, cung như kinh nghiệm cuộc sống cho nên TCĐVCCĐ được trẻ 5-6 tuổi thể hiện sâu sắc, sinh động và phong phú hơn, cụ thể:

- Về chủ đề chơi, chủ đề chơi của trẻ 5-6 tuổi đa dạng và phức tạp chứ không đơn giản sơ khai hơn mẫu giáo bé, mẫu giáo nhỡ. Chủ đề chơi phản ánh lao động sản xuất, những sự kiện, hiện tượng xã hội khác nhau, tiêu biểu cho trẻ mẫu giáo lớn.

- Về nội dung của trò chơi, nội dung trò chơi được phát triển. Trong trò chơi của trẻ mẫu giáo lớn 5-6 tuổi, cùng với những hành động, các mối quan hệ, những hành vi xã hội cũng được phản ánh. "Bác sĩ" không chỉ khám bệnh (nghe, cặp nhiệt độ...) mà còn quan tâm, trò chuyện, an ủi, động viên "bệnh nhân". "Mẹ" không chỉ cho "con" ăn, tắm, mặc quần áo cho "con" mà còn dạy "con" học, đọc sách, kể chuyện cho "con" nghe, đưa "con" đến bác sĩ, chăm sóc "con" bị bệnh, đưa "con" về quê thăm "ông, bà"...

- Nội dung chơi của trẻ lứa tuổi này không chỉ phản ánh những sự kiện mà trẻ trực tiếp tham gia, mà cả những gì mà chúng quan sát được trong tham quan, dạo chơi, và trong sinh hoạt hàng ngày. Sự mở rộng chủ đề chơi và sâu sắc nội dung chơi dẫn đến sự thay đổi hình thức và cấu trúc của trò chơi.

- Về cấu trúc của trò chơi, có sự thay đổi, trẻ bao giờ cũng xác định chủ đề chơi trước sau đó mới đến vai chơi. Trong cấu trúc của trò chơi ở lứa tuổi này có thấy bước chuẩn bị chơi - đó chính là sự thỏa thuận trước khi chơi. Lúc đầu trẻ chỉ thỏa thuận về chủ đề chơi: "Chúng mình sẽ chơi trò gì?", thỉnh thoảng trẻ phân chia vai chơi. Dần dần, trong quá trình thỏa thuận, trẻ bắt đầu bàn luận hướng phát triển nội dung chơi: "Đầu tiên, chúng mình sẽ cho "con" ăn, đi dạo, sau đó sẽ chuẩn bị đón khách (trò chơi "gia đình"). Nhu cầu thỏa thuận trước khi chơi xuất hiện trong mối liên hệ với sự phát triển trò chơi. Ở trẻ nhỏ, nhu cầu này chưa có. Sự giàu có về ấn tượng, về kiến thức của trẻ 5-6 tuổi, sự đa dạng, phong phú những sự kiện được phản ánh trong trò chơi, đòi hỏi cần phải có sự thỏa thuận trước. Ở trẻ bắt đầu có kĩ năng lập kế hoạch chơi. Trẻ lúc tuổi này có khả năng xác định sẽ chơi trò chơi gì? Chơi như thế nào? Và biết phân vai chơi, thỏa thuận với nhau về kế hoạch chơi, chơi trò gì, chơi như thế nào...

- Đồ chơi, đối với trẻ lứa tuổi này, đồ chơi có thể hoàn toàn khái quát, và chỉ mang một số đặc điểm rõ nét xác định ý nghĩa của nó và có thể hành động được. Càng lớn trẻ càng đòi hỏi sự phù hợp tương ứng của đồ chơi với ý tưởng chơi. Trẻ lứa tuổi này thích chơi với những đồ chơi phức tạp, gần với vật thật hơn. Trẻ đặc biệt thích sử dụng những đồ dùng của người lớn (quần áo, giày dép, túi, giỏ, điện thoại, máy tính, máy vi tinh...) trong trò chơi của mình. So với trẻ 3-4 tuổi thì trẻ lứa tuổi này sử dụng

vật thay thế linh hoạt hơn và có ý thức hơn. Trẻ chọn vật thay thế cũng xuất phát từ ý tưởng chơi. Ví dụ như, trẻ - "Kĩ sư trưởng" cần một điện thoại để liên lạc, trẻ lấy hai miếng gỗ làm điện thoại và hành động với vật thay thế đó phù hợp với ý của trò chơi.

- Vai chơi, một trong những cơ sở để đứa trẻ đóng vai một người lớn nào đó là việc nhận ra những dấu hiệu tiêu biểu trong hoạt động mà người đó thực hiện. Trẻ lứa tuổi này nhận ra mối quan hệ quan lại với những người khác "cô giáo" quan tâm đến "trẻ", khen "trẻ" hoặc phạt "trẻ".... Trẻ lứa tuổi này ý của trò chơi nằm trong mối quan hệ phổ biến mà vai của người đó được trẻ đóng. Do sự phản ánh ngày càng rộng rãi và sâu sắc hơn những mối quan hệ xã hội vào trò chơi cho nên trong các trò chơi của trẻ lứa tuổi này thường có số lượng vai đông hơn.

- Hành động chơi, hành động chơi trở lên phong phú và phát triển theo một trình tự rõ ràng, tuân theo lôgic của cuộc sống. Việc phá vỡ lôgic các hành động của vai chơi thường không được trẻ chấp nhận. Trẻ lứa tuổi này rất chú ý đến chất lượng đóng vai. Khi thực hiện các quy tắc, hành vi xã hội được phản ánh trong các vai chơi, trẻ thường so sánh với những điều xảy ra trong thực tế. Trong quá trình chơi trẻ tranh luận cái gì giống, cái gì không giống thật ("Bác sĩ" phải khám rồi mới tiêm cho "bệnh nhân", "Kĩ sư trưởng" phải gọi điện thoại đi các nơi...Chính vì thế ở lứa tuổi này trong quá trình chơi thường xảy ra xung đột. So với trẻ lứa tuổi trước, hành động chơi của trẻ trẻ lứa tuổi này mang tính khái quát cao hơn, trẻ sử dụng nhiều đến ngôn ngữ để biểu hiện hành động của mình.

- Trên cơ sở các nhóm chơi đã được hình thành ở lứa tuổi mẫu giáo nhỡ, các nhóm chơi của trẻ lứa tuổi này ổn định hơn, bền vững hơn, số lượng trẻ đông hơn.

Với những đặc điểm trình bày ở trên cho thấy, TCĐVCCĐ ở trẻ mẫu giáo lớn đã được hoàn thiện và trở thành một hoạt động độc lập, sáng tạo, thông qua đó các quá trình tâm lí, nhân cách, các kĩ năng xã hội...dần được hình thành và phát triển.

1.3.5. Trò chơi đóng vai có chủ đề và việc giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi

Tham gia vào hoạt động vui chơi, trẻ có thể chơi nhiều trò chơi khác nhau và đáng kể nhất là trò chơi đóng vai theo chủ đề. “Trò chơi đóng vai theo chủ đề là một hình thức độc đáo của sự tiếp xúc giữa trẻ em với cuộc sống của người lớn. Trong khi chơi trẻ tái tạo lại đời sống xã hội xung quanh và qua đó trẻ học làm người”.

TCĐVCCĐ là *con đường thuận lợi* để giáo dục KNHT cho trẻ. Điều này thể hiện rõ nét trong bản chất trò chơi.

TCĐVCCĐ mang *bản chất xã hội*. Tính xã hội của TCĐVCCĐ được thể hiện ở các yếu tố sau: *Nguồn gốc xuất hiện trò chơi*, ngay từ những năm đầu của thế kỉ XX, tác giả G.V. Plekhanov đã cho rằng, sự xuất hiện của trò chơi trẻ em (trong đó có TCĐVCCĐ) gắn liền với nhu cầu xã hội của loài người. Tác giả Đ.B.Enconhin cũng đã làm rõ quan điểm này của G.V.Plekhanov trong cuốn "Tâm lí học trò chơi"[36]. *Lịch sử phát triển của trò chơi*, tác giả Đ.B.Enconhin chứng minh sự xuất hiện của trò chơi không phải bắt nguồn từ tác động của các động lực bên trong mang tính chất bản năng, bẩm sinh mà bắt nguồn từ điều kiện xã hội trong cuộc sống của trẻ. [36]. *Nội dung của trò chơi*, phản ánh, mô phỏng lại một cách sinh động, đa dạng, sáng tạo các mối quan hệ xã hội, với những chuẩn mực đạo đức, phong tục, tập quán...mà xã hội quy định, phản ánh cách thức lao động, hoạt động của người lớn. Mặt khác, ở mỗi dân tộc, đất nước, ở mỗi thời đại khác nhau, nội dung trò chơi cũng khác nhau, chính điều này góp phần phản ánh bản chất xã hội của trò chơi. *Đồ chơi của trẻ*, biểu hiện bản chất xã hội của trò chơi, còn tìm thấy trong nguồn gốc xuất hiện thể loại, nội dung, chức năng, cấu trúc, chất liệu, và hình thái bên ngoài của đồ chơi. Đồ chơi trẻ em, bạn đồng hành của trẻ, cũng thay đổi cùng với sự thay đổi của thời đại và phần nào có sự khác nhau ở các dân tộc. Đồ chơi phản ánh đời sống xã hội của thời đại cũng như của dân tộc. *Quá trình hình thành và phát triển hoạt động chơi của trẻ*, bản chất xã hội của TCĐVCCĐ, còn biểu hiện trong diễn biến quá trình hình thành, phát triển hoạt động chơi của trẻ. Bước sang tuổi mẫu giáo, mâu thuẫn một bên là nhu cầu muốn tự khẳng định mình, nhu cầu muốn được làm như người lớn với một bên khả năng còn rất hạn chế trở lên sâu sắc. Hoạt động với đồ vật đến bây giờ không đáp ứng được nhu cầu này của trẻ. Để giải quyết được mâu thuẫn, trẻ phải tìm đến TCĐVCCĐ. Ở đó trẻ có thể thỏa mãn được mong muốn, khao khát được làm người lớn của mình. Nếu như trẻ lứa tuổi nhà trẻ, hoạt động với đồ vật là hoạt động chủ đạo thì giờ đây được thay thế bằng hoạt động chơi mà trung tâm là TCĐVCCĐ. Như vậy, TCĐVCCĐ là một trò chơi mang đậm bản chất xã hội.

Khi tham gia vào TCĐVCCĐ, trẻ phải biết chơi cùng nhau, biết hợp tác với nhau trong quan hệ thực (trẻ - trẻ), và quan hệ chơi (vai - vai) trong một "xã hội trẻ

em" [32]. Ở đây, lần đầu tiên trẻ được tham gia vào các mối quan hệ xã hội. Thông qua đó các kĩ năng xã hội được hình thành và phát triển như: biết thống nhất trong hoạt động chung, biết chia sẻ, biểu lộ tình cảm với người khác, biết nhường nhịn, biết vì mọi người...Nếu như ở hoạt động với đồ vật, trẻ chủ yếu là hành động, thực hiện các thao tác với đồ vật thì ở TCĐVCCĐ, hành động của trẻ chủ yếu thể hiện mối quan hệ xã hội giữa các vai chơi: "bác sĩ" quan tâm, chăm sóc, hỏi han "bệnh nhân", "mẹ" lo lắng khi "con" bị ốm, các "con", "cháu" chu đáo, lễ phép với "ông bà"...Đây chính là động cơ có tính chất xã hội rất đặc trưng của loại trò chơi này. Như vậy, thông qua vai chơi, thực hiện các hành động của vai, trẻ tham gia vào các mối quan hệ của người lớn rất tự nhiên, thoải mái, tự nguyện và có tổ chức.

Từ những phân tích trên cho thấy, bản chất của TCĐVCCĐ là sự mô hình hóa những mối quan hệ xã hội trong cuộc sống của người lớn và chịu sự chi phối của chúng. Mối quan hệ xã hội của người lớn được trẻ quan tâm trở thành đối tượng hành động trong trò chơi, nhằm thỏa mãn nhu cầu được giống như người lớn của trẻ. Có thể khẳng định rằng bản chất xã hội của TCĐVCCĐ có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định phương tiện phù hợp để giáo dục KNHT cho trẻ. TCĐVCCĐ - trò chơi mang *bản chất xã hội* là phương tiện thuận lợi nhất để giáo dục KNHT cho trẻ - một trong những *kĩ năng xã hội*.

1.4. Kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ 5- 6 tuổi ở trường mầm non

1.4.1. Những biểu hiện kĩ năng hợp tác của trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề

- Trẻ cùng nhau thảo luận đưa ra ý tưởng chơi, dự định chơi, phân công nhiệm vụ chơi

Trong khi chơi trẻ phải biết thảo luận, bàn bạc với các bạn để cùng thống nhất về mục đích, hay nói cách khác là hiểu được mục đích chung của hoạt động, đây chính là kết quả cuối cùng cần đạt của cả nhóm. Thảo luận còn để thống nhất nội dung và kế hoạch thực hiện những công việc chung, giao tiếp giữa các vai để thực hiện hành động chơi. Trong khi chơi trẻ phải dùng từ để chỉ những hành động của mình, thể hiện những ý định, ý tưởng nảy sinh trong lúc chơi, cùng thảo luận để tìm

kiếm phương tiện thực hiện dự định chơi, bầu nhóm trưởng... Ngôn ngữ giao tiếp có ý nghĩa quan trọng trong TCĐVCCĐ, trong quá trình chơi trẻ sử dụng lời nói làm công cụ giao tiếp, để phối hợp hành động, để giao ước với những người cùng tham gia.

Nhóm chỉ có thể hoạt động hiệu quả khi các thành viên trong nhóm ý thức được mình là thành viên của nhóm và nhiệt tình đóng góp công sức của mình cho nhóm. Quá trình bàn bạc, thảo thuận chỉ đi tới thống nhất khi có sự đồng thuận giữa các thành viên, khi trẻ biết lắng nghe và trao đổi ý kiến của mình với các bạn. Vì vậy, hình thành kĩ năng này cũng có nghĩa là làm cho trẻ hiểu được giá trị của sức mạnh tập thể, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên sở thích và những mối quan tâm riêng của bản thân mình. Thái độ tôn trọng bạn bè và ý thức sẵn sàng hợp tác vì mục tiêu chung sẽ giúp trẻ "xích lại gần nhau" hơn để nhanh chóng tìm ra cách thức tiến hành những hoạt động của nhóm một cách hiệu quả nhất.

Trong khi chơi trẻ phải biết phân công nhiệm vụ chơi cho từng thành viên trong nhóm. Mỗi nhóm trẻ luôn có sự đa dạng về kĩ năng và nhân cách giữa các thành viên. Và trong các hoạt động tập thể, mỗi nhiệm vụ được hoàn thành luôn là kết quả của sự lỗ lực chung của cả nhóm. Khi tham gia hoạt động cùng nhau, trẻ phải biết tự đánh giá khả năng riêng của bản thân mình cũng như sở thích, nguyện vọng và khả năng của các bạn trong nhóm, từ đó đưa ra những ý kiến phù hợp nhất với việc phân công các phần việc cụ thể cho từng bạn, đảm bảo để thành viên mạnh điểm nào có thể trổ hết tài năng của mình về điểm đó, hỗ trợ điểm yếu cho các thành viên khác, làm cho nhóm trở nên công bằng và hoàn hảo hơn.

- *Cùng phối hợp hành động chơi, thiết lập quan hệ chơi*

Về phối hợp hành động chơi, phối hợp hành động trong TCĐVCCĐ bản chất của nó là sự thống nhất nỗ lực của các bên tham gia nhằm đạt được mục đích chung (mục tiêu chung), và giữa các cá nhân này có sự phân chia chức năng, vai trò hay nhiệm vụ chơi một cách rõ ràng. Để hợp tác thì các thành viên phải thấu hiểu những hành động phối hợp, đây là những hành động chung chứa đựng các thành tố hướng tới sự hoàn thành các nhiệm vụ quá trình (cả đơn giản và phức tạp). Để hoàn thành nhiệm vụ cần nhận thức được rõ mục đích của hoạt động chung, hệ thống các hành động cá nhân, các hành động phối hợp, điều chỉnh hành vi của các thành viên tham gia trong mối tương quan của hoạt động, so sánh kết quả hành động với mục tiêu đặt ra.

Có các cách thức khác nhau trong việc phối hợp hành động trong quá trình chơi. Điều này phụ thuộc vào cấu trúc của nhiệm vụ chơi. Trẻ có những biểu hiện phối hợp hành động sau trong khi chơi TCĐVCCĐ:

Phối hợp hành động chơi theo kiểu *"mục tiêu – kết quả* - mỗi trẻ sẽ tự hoàn thành nhiệm vụ của mình trong tổng thể nhiệm vụ chung một cách độc lập. Trong quá trình hoàn thành nhiệm vụ, nhiệm vụ cá nhân sẽ trở thành một phần của kết quả cuối cùng. Sự phối hợp hành động chơi giữa các trẻ được thực hiện ở giai đoạn đầu – giai đoạn xác định mục tiêu, và lên kế hoạch cho hoạt động, và ở giai đoạn cuối – tổng kết kết quả hoạt động. Phối hợp hành động "mục tiêu kết quả" thường biểu hiện trong nhóm hạt nhân (theo cặp).

Ví dụ: Trong trò chơi "sinh nhật Búp Bê", các bé sẽ tái hiện lại quá trình tổ chức bữa tiệc sinh nhật, ngoài nhiệm vụ trang trí bánh, sắp đặt bàn ghế, trang trí sân khấu… các bé còn chuẩn bị những tiết mục văn nghệ, hay những đóng kịch tái hiện lại những câu chuyện để tặng sinh nhật cho Búp Bê. Ví dụ, khi bé cùng nhau tập đóng kịch thỏ và rùa để tặng sinh nhật búp bê, thì hai bé sẽ phối hợp với nhau để trao đổi về từng vai câu chuyện, ai đóng vai gì. Sau đó hai bé sẽ độc lập tập lời thoại cho vai của mình. Cuối cùng hai bé sẽ cùng nhau phối hợp để thể hiện câu chuyện. Như vậy hai bé đã phối hợp hành động theo kiểu "mục tiêu – kết quả"

Phối hợp hành động theo kiểu *"dây chuyền sản xuất"*- trẻ sẽ hoàn thành nhiệm vụ lần lượt. Tức là, kết quả của một nhiệm vụ được hoàn thành bởi một đứa trẻ này sẽ là đối tượng cho hoạt động của đứa trẻ khác. Điều này đòi hỏi sự tương tác giữa các trẻ.

Kiểu phối hợp hành động hợp tác này, trẻ không chỉ xác định mục tiêu chung mà còn phải thực hiện các hành động một cách nhất quán giữa những người tham gia. Khi một hoạt động vốn được thực hiện bới một người lại trở thành mục tiêu hoạt động của người khác sẽ đòi hỏi sự giao lưu, hợp tác giữa những người tham gia – hoạt động theo "dây chuyền sản xuất'.

Ví dụ: Trong trò chơi " Sinh nhật Búp Bê" các bé cùng nhau "làm bánh" để tặng sinh nhật cho Búp Bê. Bé đóng vai Mẹ sẽ nhồi bột, đưa bột cho một bạn (đóng vai con) cắt bột thành những dải nhỏ, bạn tiếp theo (đóng vai con) xếp dải bánh thành

hình trái tim, bạn tiếp theo (đóng vai con) xếp bánh hình tim vào khay bánh. Mẹ đưa khay bánh vào lò nướng… Như vậy các bé đã phối hợp hành động với nhau để làm bánh theo kiểu "dây chuyền sản xuất".

Phối hợp hành động theo kiểu *"phối kết hợp"* - trẻ sẽ lên kế hoạch công việc và thực hiện công việc theo nhóm hạt nhân trước để hoàn thành một phần công việc, sau đó sẽ phối hợp cùng nhau để đạt được kết quả cuối cùng. Phối hợp hành động kiểu "phối kết hợp"diễn ra khi trẻ có kinh nghiệm trong việc thực hiện thực hiện hai kiểu phối hợp hành động "mục tiêu – kết quả" và "dây chuyền sản xuất".Trong kiểu phối hợp hành động này trẻ sẽ nâng cao khả năng lên kế hoạch công việc, phối hợp hành động và đánh giá kết quả trung gian và cuối cùng nhờ việc trẻ đã có kinh nghiệm hợp tác.

Về biểu hiện *thiết lập mối quan hệ chơi,* khi chơi trẻ cùng nhau tạo nên quan hệ thực và quan hê chơi. Quan hệ thực là mối quan hệ qua lại giữa các trẻ cùng tham gia trò chơi, còn quan hệ chơi là những mối quan hệ được thiết lập theo chủ đề và vai chơi. Muốn phát triển mối quan hệ thực trẻ phải có ý thức chơi, biết chọn bạn chơi phù hợp. Phát triển quan hệ chơi thì trẻ phải có vốn hiểu biết về cuộc sống xã hội, có trí tưởng tượng phong phú, có vốn ngôn ngữ tích cực.

- *Lắng nghe nhau và tuân thủ yêu cầu của nhóm chơi*

Trẻ phải biết học cách lắng nghe, nghe để học. Lắng nghe là một kĩ năng cần thiết khi trẻ học ở bất kì môi trường học tập nào. Không những thế, lắng nghe còn là một kĩ năng cực kì quan trọng giúp trẻ thiết lập mối quan hệ bạn bè trong khi chơi, và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè, thầy cô và những người xung quanh.

Trẻ ở độ tuổi mẫu giáo thường rất hiếu động và chúng chỉ có thể tập trung chú ý trong một khoảng thời gian không lâu. Thêm vào đó trẻ lại có cái tôi rất lớn và thích thể hiện cái tôi của mình ra để muốn chứng tỏ mình đã lớn. Thái độ này xuất phát từ sự ích kỉ, vị kỉ trong mỗi trẻ nói riêng và trong mỗi con người chúng ta nói chung. Vì cái tôi quá lớn cho nên trẻ không chú ý lắng nghe lời cô giáo nói và các bạn vì trẻ cho rằng trẻ là người biết tất cả rồi, những vấn đề mà cô giáo, hay các bạn nói chẳng thấm vào đâu so với trẻ nên không cần quan tâm đến những vấn đề mà người khác đang nói hay tiêu cực hơn là trẻ chỉ chăm chăm nghe để tìm lỗi sai

của các bạn, để phản bác lại. Và hậu quả trẻ sẽ nhận được từ thái độ này, đó là: trẻ sẽ chẳng có thêm chút kiến thức nào cả, nếu có chỉ là sự hài lòng một cách ngộ nhận về kiến thức của bản thân.

Cho nên khi chơi chung trong nhóm sẽ tập cho trẻ biết chú ý lắng nghe lời cô giáo giải thích, hướng dẫn để biết tổ chức cách chơi theo nhóm hiệu quả, và trong khi chơi trẻ phải biết lắng nghe ý kiến của các thành viên trong nhóm chơi, để tránh những mâu thuẫn, xung đột, những bất đồng ý kiến xảy ra trong khi chơi.

Cho trẻ hoạt động theo nhóm để trẻ tập cách lắng nghe và xác định những điểm giống và khác, những điểm trẻ đồng ý và những điểm trẻ không tán thành với các bạn trong khi chơi. Và từ đó trẻ có nhu cầu chia sẻ những suy nghĩ riêng của mình với các thành viên trong nhóm.

Khi lắng nghe người khác, trẻ cần chuẩn bị cho mình tâm thế "thấu hiểu" – muốn và cố gắng hiểu lời bạn nói, không chỉ chăm chăm vào ý kiến riêng mình. Phải hiểu được ý kiến của bạn, trẻ mới đưa ra được quan điểm của mình, cùng thảo luận và đi tới thống nhất.

- *Chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, trải nghiệm cùng nhau trong khi chơi*

Trong khi chơi trong nhóm,trẻ cần ý thức về trách nhiệm của mình với nhiệm vụ chung, chủ động hoàn thành nhiệm vụ riêng của mình. Ngay khi hoàn thành phần việc của mình, trẻ biết đặt nó trong tiến độ chung, quan sát sự hài hòa giữa thành quả của mình với phần của các bạn, sẵn sàng giúp đỡ các bạn khác khi họ gặp khó khăn, hoặc chưa hoàn thành công việc.

Khi chơi chung trong nhóm trẻ phải biết phối hợp, giúp đỡ, và cùng với các bạn trong nhóm giải quyết những xung đột. Đã xác định là một thành viên của nhóm trẻ trẻ cần biết chấp nhận sự phân công và thực hiên tốt phần việc được giao, đồng thời phải phối hợp chặt chẽ cùng các thành viên khác trong nhóm. Sự phối hợp này không chỉ dừng lại ở việc thể hiện ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ chung mà còn bao gồm có sự quan sát, đánh giá hoạt động của các bạn và giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn, hoặc nhờ bạn hỗ trợ nếu cần...

Trong quá trình cùng nhau hoạt động, trẻ sẽ nắm bắt, lĩnh hội được những kinh nghiệm, thông tin, phương tiện (như đồ dùng, đồ chơi... của các bạn trong

nhóm chơi) nhờ vào sự chia sẻ. Đây cũng là điều kiện hình thành nên nhân cách cho trẻ. Trong nhóm chơi, trẻ phải biết trình bày ý kiến của mình một cách rõ ràng, mạch lạc để đưa ra thảo luận, bàn bạc. Chấp nhận ý kiến trái chiều, kiềm chế bản thân, tôn trọng bạn cũng như ý kiến của bạn

Giúp đỡ, chia sẻ những kinh nghiệm, ý tưởng, thông tin đem lại sự thoải mái, cởi mở, tinh thần đoàn kết ở trẻ, giúp trẻ hiểu nhau hơn, thân thiết hơn, hạn chế những xung đột, mâu thuẫn. Điều đó giúp cho trẻ đi đến mục đích dễ dàng hơn, hiệu quả công việc trở nên tốt đẹp hơn.

Ngoài việc chủ động giúp đỡ bạn bè, trẻ cũng cần học cách tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết. Trẻ thường cảm thấy tự ti khi gặp khó khăn và ngại ngùng, xấu hổ khi yêu cầu sự giúp đỡ của bạn đồng trang lứa. Trẻ cần hiểu được việc hỏi bạn về điều mình chưa rõ, hoặc nhờ đến sự giúp đỡ của người khác là một việc không hề khó, không cần sợ hãi cũng như mặc cảm.

Cùng nhau trải nghiệm những tình huống thực tế nảy sinh trong khi chơi, tìm cách giải quyết chung nhất.

- *Cùng nhau giải quyết xung đột*

Quá trình trẻ hoạt động cùng nhau trong nhóm rất thường xảy ra xung đột. Mỗi trẻ phải có khả năng tự kiềm chế, phục tùng những quy định chung, biết giải quyết mâu thuẫn một cách hòa bình, trên cơ sở tôn trọng và nhường nhịn lẫn nhau.

Xung đột thường nảy sinh do nhiều nguyên nhân khác nhau, có thể vì ý tưởng chơi không giống nhau, vì hành động chơi không trùng khớp, vì vai chơi, và đôi khi vì đồ chơi...Xung đột là hiện tượng tất yếu xảy ra trong hoạt động chung, vì thế trẻ biết cách tự giải quyết xung đột để cuộc chơi được tiếp tục.

1.4.2. Sự phát triển kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ mẫu giáo và trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi

Kỹ năng hợp tác được biểu hiện ra bên ngoài ở trẻ qua sự thỏa thuận cùng thống nhất về nhiệm vụ chơi, tích cực đưa ra phương án để thực hiện nhiệm vụ của nhóm chơi, cùng nhau lên kế hoạch, đồng thời phân công công việc hợp lí cho nhau, cùng phối hợp hành động với các bạn để thực hiện nhiệm vụ chung theo những cách thức khác nhau. Trong quá trình hoạt động cùng nhau phải biết chia sẻ, lắng nghe

nhau, điều tiết hoạt động để tránh xảy ra xung đột, khi có xung đột xảy ra có khả năng giải quyết xung đột. Đồng thời có thái độ phù hợp trong khi chơi với các bạn cùng nhóm như ủng hộ bạn, quan tâm có thiện ý…và có thái độ tích cực đối với kết quả hoạt động chung của nhóm.

Sự phát triển KNHT tỉ lệ thuận với sự phát của trẻ, trẻ càng lớn thì sự phát triển KNHT càng trở lên bền vững, rõ nét và tích cực hơn.

Ở tuổi MG bé 3-4 tuổi tính độc lập của trẻ phát triển mạnh mẽ, trẻ muốn khẳng định mình, muốn làm mọi việc như người lớn, trẻ nhận ra bản thân mình và tách mình ra khỏi thế giới đồ vật xung quanh. Từ chỗ trẻ biết chơi cạnh bạn nhưng chưa có sự hợp tác, đến sự xuất hiện hoạt động chung làm thay đổi mối quan hệ giữa các trẻ với nhau. Trong các hoạt động cùng nhau, lúc đầu chỉ là nhóm hạt nhân (hai trẻ) sự phối hợp hành động với bạn còn lỏng lẻo mang tính cá nhân, chưa biết cách chia sẻ ý tưởng kinh nghiệm với bạn, xung đột xảy ra thường xuyên chủ yếu là giành đồ chơi của bạn. Các mối quan hệ chơi của trẻ dễ bị phá vỡ bởi sự thu hút của các nhóm chơi khác hoặc sự hấp dẫn của đồ chơi. Như vậy mức độ phát triển KNHT của trẻ 3-4 tuổi còn thấp và chưa có sự ổn định.

Ở tuổi MG nhỡ 4-5 tuổi do vốn sống, vốn kinh nghiệm và khả năng nhận thức của trẻ đã phát triển hơn nên KNHT của trẻ được thiết lập một cách rõ nét hơn trong các hoạt động chung cùng nhau. Các nhóm chơi nhỏ hình thành ở giai đoạn trước được củng cố bền vững hơn, số lượng trẻ trong mỗi nhóm đông hơn. Các thành viên tham gia vào các trò chơi đã biết cùng nhau thỏa thuận bàn bạc về chủ đề, phân vai, tìm đồ chơi... và trao đổi với nhau để sắp xếp đồ chơi cho phù hợp với hành động của mình cũng như nhóm chơi. Mức độ phát triển KNHT của trẻ 4-5 tuổi cao hơn và bền vững hơn so với trẻ 3-4 tuổi.

Ở tuổi MG lớn 5-6 tuổi, do vốn sống, và vốn kinh nghiệm mở rộng hơn cho nên quan hệ của trẻ với các bạn trong các hoạt động khác nhau được thiết lập dễ dàng hơn và sự phối hợp hành động khi hoạt động khá ăn ý với nhau, trẻ bắt đầu chú đến ý kiến của các bạn cùng chơi và sẵn sàng "hùa" theo ý kiến của số đông. Đầu độ tuổi này, giai đoạn phát triển các mối tương quan trong mối quan hệ bạn bè, sự đánh giá của bạn bè trở lên đặc biệt quan trong đối với trẻ khi chơi TCĐVCCĐ

vì thế mỗi trẻ đều cố gắng tự kiềm chế những việc làm không được các bạn tán thành và cố gắng làm những việc tốt để được các bạn yêu mến và tín nhiệm. Mặc dù trong khi chơi vẫn thường xảy ra xung đột, song các mối quan hệ đã bền vững hơn so với những lứa tuổi trước.

Đầu độ tuổi này, trẻ năng động hơn và kiên trì hơn so với các lứa tuổi trước, chúng thể hiện khả năng giao tiếp tích cực và đa dạng với các bạn bè cùng lứa khi chơi. Điều này tạo nên điều kiện tiên quyết tự nhiên cho sự hình thành các mối tương quan và phát triển KNHT trong TCĐVCCĐ ở trẻ. Chính các mối quan hệ tương hỗ với bạn bè cho phép trẻ phát huy khả năng tiềm tàng của mình, chủ động hơn trong các hoạt động, ít cần sự can thiệp của người lớn. Sự tăng cường liên hệ, liên kết giữa các trẻ với nhau khi chơi góp phần thúc đẩy sự tiếp nhận các cách giải quyết có sự phối hợp để đạt được hiệu quả hoạt động cao hơn trong khi chơi TCĐVCCĐ.

Khoảng giữa độ tuổi mẫu giáo lớn, đây là giai đoạn hình thành và phát triển KNHT, trẻ thường tích cực hướng tới các điều lệ, chính điều này giúp trẻ duy trì mối tương quan ổn định với bạn bè, hướng tới quyền bình đẳng và sự công bằng. Tuy nhiên, không phải lúc nào trẻ cũng hòa thuận cùng nhau giải quyết nhiệm vụ chung, không ít những hoạt động chung bị tan rã vì thiếu sự nhường nhịn, lắng nghe nhau, thiếu sự công bằng trong phân chia vai trò hay các nguyên liệu. Mức độ phát triển KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ 5-6 tuổi cao hơn hai độ tuổi trước, có tình ổn định và bền vững hơn. Trẻ phân vai chơi cho bạn công bằng hơn, chú ý đến sở thích của bạn, phối hợp hành động chơi với chủ động và tích cực hơn…

Nói chung, lứa tuổi mẫu giáo lớn là thời kì trẻ có mối liên hệ khá đa dạng với bạn cùng tuổi và người lớn. Nhu cầu giao tiếp và phối hợp với mọi người xung quanh của trẻ được thể hiện qua nhiều khía cạnh như: quan tâm tới bạn bè, cảm nhận trạng thái, hành động, ý định của các bạn; mong muốn được đánh giá những hành vi, hành động, trạng thái của mọi người trên cơ sở lĩnh hội các chuẩn mực đạo đức; bị lôi cuốn bởi các hoạt động chung; nhạy cảm với thái độ phản hồi của người lớn và các bạn…

Mặc dù trẻ mẫu giáo lớn, theo sự phát triển cũng đã có những biểu hiện KNHT trong TCĐVCCĐ nhất định, tuy nhiên những biểu hiện này mang tính ngẫu nhiên và

cần có có sự định hướng để phát triển. Đồng thời chính những biểu hiện này góp phần khẳng định rằng giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ em phải bắt đầu từ độ tuổi mẫu giáo lớn.

1.4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ 5-6 tuổi

Quá trình giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi chịu tác động của nhiều yếu tố, cả chủ quan và khách quan. Theo phương pháp sư phạm tương tác, trong quá trình diễn ra hoạt động sư phạm luôn có mối quan hệ tương hỗ giữa ba tác nhân là người dạy, người học và môi trường. Vì vậy một số yếu tố sau đây được coi là có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển KNHT của trẻ 5-6 tuổi.

- Yếu tố chủ quan

Sự phát triển tâm, sinh lý của trẻ

Cơ thể trẻ em là một cơ thể đang lớn và phát triển, quá trình này diễn ra một cách liên tục. Những thay đổi trong quá trình trưởng thành của trẻ lứa tuổi MG cho phép trẻ giải quyết những tình huống phức tạp hơn. Qua các hoạt động hàng ngày trẻ tiếp tục được phát triển những kỹ năng cần thiết như: kỹ năng hợp tác cùng chung sống, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng vận động...

Do nhu cầu được tiếp xúc với thế giới bên ngoài ngày càng được mở rộng nên trẻ có nhiều cơ hội tiếp xúc với những người xung quanh. Trong quá trình tham gia vào các hoạt động xã hội thì vốn kinh nghiệm của trẻ được tăng lên, đồng thời trẻ cũng trở nên mạnh dạn và tự tin hơn nhiều.

Sự phát triển hoàn thiện dần về mặt cấu tạo và chức năng sinh lý cũng như sự phát triển của các chức năng tâm lý đã tạo nên những điều kiện thuận lợi giúp trẻ trở nên độc lập, mạnh dạn và dễ dàng hoà nhập vào cuộc sống cộng đồng hơn. Đây là điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và phát triển kỹ năng hợp tác ở trẻ MG 5 – 6 tuổi, là sự chuẩn bị cần thiết cho trẻ bước vào học tập ở trường phổ thông nói riêng và hoà nhập thật tốt vào cuộc sống xã hội nói chung.

Sự tích cực, chủ động của bản thân đứa trẻ

Trẻ em rất ham hiểu biết, giàu óc tưởng tượng, ưa thích hoạt động để khẳng

định bản thân và đó là phẩm chất sẵn có của đứa trẻ. Nó được biểu hiện ở tính tích cực, chủ động tìm hiểu và nhận thức thế giới xung quanh, ở nhu cầu muốn tham gia vào hoạt động chơi. Có thể nói, không có một hoạt động nào như hoạt động vui chơi, khi trẻ tham gia thực sự là một chủ thể hoạt động tích cực (trẻ đi lại, trao đổi, nói năng một cách tự do, trẻ tự nhiên giãi bày tình cảm của mình...)

Sự tích cực là nhu cầu mang tính cảm xúc cao của trẻ và có được trước khi có động cơ hoạt động. Khi trẻ tích cực, chủ động với công việc gì đó thì sẽ nảy sinh động cơ, mong muốn tham gia vào hoạt động đó và mang lại hiệu quả công việc cao hơn. Một câu chuyện hấp dẫn, trẻ tích cực, chủ động nghe thì sẽ nhớ lâu. Khi trẻ tích cực tham gia vào một trò chơi, trẻ sẽ chơi trò chơi đó tới cùng.

Sự hợp tác của trẻ phụ thuộc rất nhiều vào sự tích cực, chủ động của trẻ. Trong hoạt động chung nếu trẻ không được chủ động lựa chọn bạn chơi, nhóm chơi thì hoạt động chơi thì mối quan hệ hợp tác của trẻ sẽ không bền vững, lỏng lẻo và việc phát triển kỹ năng hợp tác cho trẻ cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Sự tích cực, chủ động trong hoạt động sẽ tác động làm cho trẻ trở nên thân thiện, gần gũi, dễ đồng cảm và chia sẻ với nhau hơn. Đồng thời tích cực, chủ động sẽ làm giảm sự căng thẳng, mệt mỏi và mở ra con đường dẫn đến sự hợp tác. Sự tích cực, chủ động giúp cho trẻ tham gia vào hoạt động hợp tác một cách thoải mái, say mê và còn có thể làm thay đổi cả kết quả hoạt động của trẻ.

- Yếu tố khách quan

Biện pháp giáo dục của cô trong tổ chức hướng dẫn trẻ chơi

Tổ chức cho trẻ chơi, GV cần dựa trên quan điểm lý thuyết về "Vùng phát triển gần" của L.X.Vưgốtxki, đó là việc tổ chức phải luôn đi trước sự phát triển, kéo theo sự phát triển của trẻ. Tuy nhiên vai trò của GV tuyệt đối không được lấn át vai trò chủ thể của trẻ trong quá trình hoạt động vui chơi.

Có thể thấy biện pháp giáo dục của GV khi tổ chức hướng dẫn trẻ chơi có vai trò đặc biệt quan trọng để thực hiện các mục đích giáo dục đặt ra trong trò chơi. Trong đó GV là người tạo điều kiện, là người dẫn dắt quá trình hình thành và phát triển hoạt động chơi của trẻ, qua đó tạo cơ hội thuận lợi nhất để trẻ phát huy cao độ việc phát triển kỹ năng hợp tác của mình. Vì thế, để trò chơi trở thành phương tiện

giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ MG một cách hiệu quả, đòi hỏi nhà giáo dục phải biết lựa chọn, phối hợp nhiều biện pháp với nhau trong quá trình tổ chức cho trẻ chơi. GV luôn biết cách tổ chức cho trẻ chơi một cách khoa học, hợp lý, tạo điều kiện cho trẻ được hợp tác trong các tình huống khác nhau, ở những hoàn cảnh khác nhau của trò chơi thì hiệu quả giáo dục kỹ năng hợp tác của trẻ sẽ được nâng lên.

Môi trường chơi

Việc kết hợp và tạo ra môi trường tích cực, an toàn cả về vật chất lẫn tâm lý cũng sẽ thúc đẩy quá trình hợp tác giữa các trẻ với nhau diễn ra thuận lợi và hiệu quả hơn.

Môi trường vật chất bao gồm không gian chơi và nguyên vật liệu, đồ dùng để chơi.

Không gian chơi phải đẹp mắt, rộng rãi, thoáng mát, vệ sinh, an toàn và thế giới đồ dùng đồ chơi, nguyên vật liệu chơi phong phú, đa dạng, mới lạ sẽ có tác dụng hỗ trợ sự lựa chọn các hoạt động của trẻ, tạo cơ hội cho trẻ thể hiện khả năng của mình, bên cạnh đó nó còn tạo điều kiện cho hoạt động của cô trở lên dễ dàng, thuận lợi hơn. Góp phần hình thành, phát triển mối quan hệ tự tin thân thiện giữa GV và trẻ và giữa trẻ với nhau. Tạo cơ hội để trẻ được giao tiếp và phát triển KNHT trong quá trình trẻ tham gia các hoạt động nói chung và trò chơi nói riêng.

GV cần bố trí chỗ chơi, địa điểm chơi rộng rãi, thoáng mát, đẹp mắt...sắp xếp đồ dùng đồ chơi, đa dạng, hợp lí đáp ứng nhu cầu của trò chơi. Bên cạnh những đồ chơi có sẵn, GV cần thường xuyên bổ xung, thay đổi các nguyên vật liệu thiên nhiên, đồ dùng làm từ phế liệu vào quỹ đồ chơi của trẻ trong trò chơi. Điều này sẽ thôi thúc trẻ tham gia tìm hiểu, khám phá, phát hiện cái mới lạ. Đồng thời cũng tạo tạo điều kiện cho trẻ hợp tác với nhau.

Môi trường tinh thần chính là bầu không khí thân thiện, nhẹ nhàng, gần gũi trong lớp học.

Sự thân thiện cởi mở của GV đối với các trẻ trong các buổi chơi đóng vai trò rất quan trọng, đây chính là cơ sở cho mọi hoạt động giáo dục diễn ra nhẹ nhàng, hiệu quả, tạo cho trẻ sự tự tin khi tham gia vào các trò chơi. Là chất xúc tác quan trọng để nuôi dưỡng, phát triển KNHT ở trẻ.

GV hòa mình vào với trẻ bằng tình yêu thương và trách nhiệm thể hiện ra bên ngoài bằng những lời nói dịu dàng, thiện cảm, những cử chỉ thân thiện, cùng ánh mắt

dịu hiền trong tất cả các hoạt động của trẻ. Điều này sẽ tạo cho trẻ cảm giác an toàn, bình yên, giúp trẻ tự tin là chính mình. Sẽ tạo ra một bầu không khí gần gũi để trẻ tích cực hoạt động, tích cực nhân thức. Tạo điều kiện kích thích trẻ hợp tác với nhau.

1.5. Giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non

1.5.1. Ý nghĩa giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi

Xã hội hiện nay là xã hội của sự hội nhập, toàn cầu hóa và đề cao giá trị của sự hợp tác, cùng nhau làm việc, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau...Vì vậy mục tiêu học tập trong các nhà trường trong đó có trường MN đã có sự thay đổi. Người học không chỉ lĩnh hội kiến thức có sẵn và phát triển năng lực trí tuệ mà quan trọng hơn cả là hình thành và phát triển các kĩ năng giải quyết các mối quan hệ xã hội có hiệu quả. Chính vì thế việc chú trọng khai thác các tiềm năng của trẻ, phát triển các kĩ năng xã hội cho trẻ trong đó có KNHT là vấn đề rất cần thiết.

Bên cạnh đó chúng ta biết rằng, tất cả các hoạt động hàng ngày của trẻ đều phải có sự hợp tác, hợp tác là yêu cầu cần thiết đối với mỗi con người. Khi trẻ có được ý thức và kỹ năng cùng hoà nhập vào cộng đồng người và nhận ra được chính mình ở trong đó là cả một bước phát triển vô cùng quan trọng đối với trẻ. Cho nên việc phát triển KNHT cho trẻ cần phải được quan tâm thích đáng bởi ý nghĩa quan trọng của nó đối với sự phát triển toàn diện của trẻ. Mặc dù những nghiên cứu về KNHT của trẻ còn rất ít, nhưng thông qua các nghiên cứu của một số nhà tâm lý - giáo dục học thì chúng ta đã phần nào thấy được ý nghĩa của giáo dục KNHT đối với sự phát triển nhân cách trẻ.

Giáo dục KNHT trong TCĐVCC giúp thúc đẩy quá trình nhận thức và phát triển tư duy cho trẻ

Hợp tác trong TCĐVCCĐ giúp trẻ lĩnh hội cũng như chia sẻ các kinh nghiệm nhận thức của mỗi thành viên tham gia. Nhận thức riêng của mỗi cá nhân được phát triển hoàn thiện và mở rộng hơn nhờ hợp tác, nhu cầu khám phá, tìm hiểu những thách thức trong nhiệm vụ mới được thúc đẩy. Quá trình đánh giá bản thân và các bạn cùng tuổi diễn ra một cách tự nhiên nhất và điều này giúp cho nhận thức của trẻ thêm sâu sắc

về nhiều khía cạnh. Những quan hệ liên nhân cách sẽ giúp trẻ nhìn nhận cái Tôi trong mối quan hệ với mọi người. Quá trình tham gia, trao đổi ý tưởng khi chơi, cùng nhau tuân thủ các nguyên tắc khi thực hiện nhiệm vụ chơi sẽ làm vốn biểu tượng của trẻ giàu lên nhanh chóng và tư duy trực quan hành động phát triển.

Giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ là giúp hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ

Các mối quan hệ xã hội mà trẻ tham gia càng phong phú đa dạng, càng góp phần vào việc hoàn thiện nhân cách của trẻ. Sự kết hợp và phối hợp các hoạt động giữa các trẻ trong nhóm chơi đã tạo ra những mối quan hệ xã hội hết sức độc đáo và điển hình. Vì vậy khi tham gia vào các hoạt động chung, mỗi trẻ bằng hoạt động giao tiếp của mình đã tích cực chiếm lĩnh các mối quan hệ xã hội. Về thực chất, đây là nền tảng của quá trình phát triển nhân cách.

Giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ là tạo cơ hội để trẻ được chơi và rèn luyện các kĩ năng khác qua chơi

Không phải ngẫu nhiên mà các nhà khoa học trong và ngoài nước đã chỉ ra rằng: Đối với trẻ nhỏ, chơi là nhu cầu của một cơ thể đang phát triển, là "trường học của cuộc sống". Khi chơi, trẻ trở nên cao hơn chính mình và chúng có thể làm được nhiều việc mà trong thực tế không thể làm được. Khi tham gia vào trò chơi do được thoả mãn nhu cầu nên mang lại niềm vui cho trẻ, làm cho tinh thần của trẻ sảng khoái, phấn khởi...đó là những yếu tố quan trọng để tăng cường sức khoẻ cho trẻ. Khi trẻ được cùng chơi với nhau trong nhóm trẻ sẽ học hỏi lẫn nhau. Trong khi chơi trẻ biết thỏa thuận với nhau để phân vai chơi, hành động chơi, biết lắng nghe ý kiến của nhau, biết chia sẻ... Có thể nói rằng, chơi trong nhóm bạn bè là nhu cầu bức thiết của trẻ và trò chơi cũng là nội dung chủ yếu để tập hợp trẻ thành nhóm. Phần lớn các nét tính cách của trẻ được nhen nhóm trong nhóm bạn bè. Đây là một điều vô cùng quan trọng đối với trẻ.

Giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ là giúp trẻ bước vào cuộc sống xã hội

Thông qua hoạt động với các bạn trong nhóm, trẻ tự tìm kiếm sự hoàn thiện của những quan hệ giữa con người với con người. Vì vậy cũng không nên cho rằng chơi theo nhóm chỉ giúp trẻ lĩnh hội kiến thức hay một tiêu chuẩn ứng xử nào đó,

mà còn là cơ sở ban đầu để trẻ xây dựng cách ứng xử của mình để bước vào thế giới mai sau. Vì vậy, có thể nói giáo dục KNHT cho trẻ là tạo ra cho trẻ các kinh nghiệm về quan hệ đạo đức, quan hệ trách nhiệm và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau hướng đến mục tiêu chung, làm nảy sinh rung cảm về nhau, gây ảnh hưởng tới việc hình thành động cơ chung của tập thể. Hoạt động nhóm dạy trẻ những bài học có giá trị và hình thành ở trẻ những kĩ năng xã hội.

1.5.2. Nội dung giáo dục kĩ năng hợp tác trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi

- *Phát triển nhận thức của trẻ về KNHT trong TCĐVCCĐ*

Trẻ có những hiểu biết cơ bản về KNHT trong TCĐVCCĐ như: xác định mục tiêu chung của nhóm chơi, biết thảo luận, phân công công nhiệm vụ chơi, thực hiện hành động phối hợp khi chơi, biết lắng nghe, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong khi chơi, tự đánh giá và thể hiện thái độ tích cực đối với kết quả chơi của nhóm…Biết những biểu hiện như lắng nghe, chia sẻ, thỏa thuận, phân công công việc…là biểu hiện của KNHT trong TCĐVCCĐ.

Có những hiểu biết cơ bản về các quy tắc hợp tác với nhau trong khi chơi như hiểu biết nhiều nên chia sẻ; biết làm nhiều không được tự kiêu; phải lắng nghe bạn để thấu hiểu. Nhận thức về bạn cùng nhóm như những cộng sự của nhau.

- *Hình thành và phát triển ở trẻ các kĩ năng hợp tác cụ thể trong TCĐVCCĐ cho trẻ*

KNHT trong TCĐVCCđ không xuất hiện một cách tự nhiên, để hình thành và phát triển nó cần có sự tổ chức trò chơi theo một quy trình, hệ thống khoa học với sự phức tạp dần các nhiệm vụ, nhằm cho trẻ tích lũy kinh nghiệm hoạt động chung theo trình tự nhất định, tăng cường sự phối hợp, liên kết giữa các trẻ khi chơi. Đặc biệt quan tâm hình thành và phát triển các kĩ năng thành phần của kĩ năng hợp tác.

Đối với kĩ năng lắng nghe, trẻ hiểu được phải nghe bạn nói xong mới đến lượt minh, đó là sự lịch sự của bản thân và cũng là sự tôn trọng đối với bạn. Trong quá trình chơi chung trẻ chờ đợi bạn nói xong rồi đến bản thân thể hiện ý kiến cá nhân. Có thái độ ủng hộ bạn và lắng nghe bạn tích cực để hiểu được những gì bạn muốn trao đổi.

Đối với kĩ năng thảo luận, trẻ biết thảo luận với các bạn để cùng hướng đến giải quyết nhiệm vụ chơi của nhóm. Trong quá trình thảo luận trẻ nêu ý kiến của

mình hướng đến mục tiêu của trò chơi và hướng đến sự đồng thuận ý kiến chung của các bạn trong nhóm. Có thái độ tôn trọng ý kiến của bạn, muốn nghe ý kiến thảo luận từ các bạn, ủng hộ ý kiến của các bạn…

Đối với kĩ năng chia sẻ, trẻ biết chia sẻ với các bạn nhiệm vụ chơi của nhóm, hỗ trợ và yêu cầu bạn hỗ trợ khi cần, nhường nhịn và giúp đỡ bạn nếu bạn gặp khó khăn. Trong quá trình chơi trẻ chia sẻ ý tưởng, kinh nghiệm…với các bạn hướng đến mục tiêu nhiệm vụ chơi của nhóm. Có thái độ vui mừng khi được chia sẻ ý tưởng, kinh nghiệm với nhóm, ân cần khi sẻ chia giúp đỡ bạn.

Đối với kĩ năng phân công công việc hợp lí, trẻ biết đánh giá điểm mạnh, yếu của các bạn trong nhóm, biết sở thích và nguyện vọng của các bạn để từ đó biết phân công nhiệm vụ, vai trò cho các thành viên trong nhóm, chấp nhận sự phân công. Trong quá trình hoạt động chung đưa ra ý kiến phù hợp khi phân công nhiệm vụ cho các thành viên, hướng tới sự hài lòng, đồng thuận của nhóm. Có thái độ tích cực với nhiệm vụ chơi được phân công, hết mình thực hiện nhiệm vụ hướng tới mục chung của nhóm chơi.

Đối với kĩ năng phối hợp hành động, trẻ hiểu được mục đích chung của trò chơi, hệ thống các hành động cá nhân, các hành động phối hợp. Trong quá trình hoạt động trẻ điều chỉnh hành vi của mình phù hợp của các thành viên tham gia trong mối tương quan của hoạt động, phối hợp hành động với các bạn theo các cách thức khác nhau, tùy vào tính chất và cấu trúc của nhiệm vụ chơi. Có thái độ tích cực với từng hành động của bản thân và của bạn.

Đối với kĩ năng giải quyết xung đột, trẻ biết kiềm chế bản thân, phục tùng quy định chung của nhóm chơi, khi có xung đột xảy ra, biết khi xung đột xảy ra phải giải quyết nó trên cơ sở tôn trọng và nhường nhịn lẫn nhau, để đảm bảo hoạt động vẫn được tiếp tục. Trong quá trình thực hiện hoạt động trẻ chủ động tự giải quyết xung đột với các bạn, nhận lỗi nếu bản thân có lỗi, không bỏ dở dang nhiệm vụ chơi. Có thái độ tích cực khi nhận ra lỗi sai của bản thân trong xung đột với bạn, tỏ thái độ muốn tiếp tục hoạt động sau xung đột để hướng tới kết quả chơi chung của nhóm, điều chỉnh hành vi của bản thân theo hướng tích cực.

- *Giáo dục thái độ và tình cảm của trẻ đối với KNHT trong TCĐVCCĐ*

Trẻ biết thể hiện cảm xúc tích cực trong giao tiếp với các bạn cùng nhóm

khi hoạt động chung, cảm xúc vị tha, hiểu được cảm giác và tâm trạng của bạn cùng nhóm. Quan trọng hơn cả trẻ biết điều chỉnh hành vi và cảm xúc của mình, đạt được sự hiểu biết lẫn nhau.

Thể hiện thái độ tích cực đối với kết quả chơi, đánh giá kết quả hoạt động theo lợi ích chung, nhìn nhận chung.

1.5.3. Hình thức giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi

Hợp tác theo cặp, đây là hình thức hợp tác đơn giản nhất, nhưng mang lại hiệu quả hợp tác cao đối với những nhiệm vụ chơi nhỏ, đơn giản.

Hợp tác theo nhóm nhỏ, khoảng 5-6 trẻ cùng giải quyết một nhiệm vụ chơi chung mà nhiệm vụ đó bao gồm nhiều nhiệm vụ nhỏ, trẻ cùng thảo luận phân công nhiệm vụ nhỏ trong nhiệm vụ tương đối lớn cho các thành viên, và cùng nhau phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ này. Trong hình thức hợp tác theo nhóm nhỏ, có hợp tác theo cặp.

Hợp tác theo nhóm lớn, số lượng trẻ gấp 2, 3… nhóm nhỏ, cùng nhau giải quyết một nhiệm vụ chơi lớn, trẻ cùng nhau phân công nhiệm vụ cho từng nhóm và liên kết các nhóm lại với nhau.

1.5.4. Phương pháp, biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi

Phương pháp và biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ có mối quan hệ biện chứng với nhau, biện pháp chính là những thành tố cụ thể của phương pháp, là mặt kĩ thuật của phương pháp. Phương pháp hướng đến việc giải quyết trọn vẹn, toàn thể, còn biện pháp hướng đến việc giải quyết các nhiệm cụ đơn lẻ, cụ thể.

Phương pháp trực quan, GV cho trẻ được quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh) để trẻ hình dung và hứng thú trong quá trình hợp tác. Để thực hiện phương pháp này có các *biện pháp* cụ thể: xem hành động thật, xem vật thật, xem tranh ảnh, xem phim, tiếp xúc các sự vật… GV có thể sử dụng hành động mẫu minh họa các cho các hành động phối hợp khi hợp tác, hoặc có thể sử dụng hình ảnh tự nhiên, đồ dùng, đồ chơi, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua đó cho trẻ có thể cảm nhận và hình dung về kĩ năng hợp tác

Phương pháp dùng lời nói, là sử dụng các phương tiện ngôn ngữ nhằm truyền đạt và giúp trẻ hiểu về kĩ năng hợp tác, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ … Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ. Để thực hiện phương pháp này có các *biện pháp* cụ thể: khuyến khích, giảng giải, kể chuyện, đọc chuyện, đàm thoại, đánh giá… Phương pháp này ngoài dùng lời nói còn kết hợp được cử chỉ, điểu bộ, nét mặt, và thái độ của GV. Dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình chơi. Dùng các câu từ khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ đối với những trẻ nào có biểu hiện kĩ năng hợp tác tốt và không tốt, kèm với việc thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của GV, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra những lời nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể.

Phương pháp thực hành, trẻ thực hành lặp lại theo các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức về hợp tác và kỹ năng hợp tác. Để thực hiện phương pháp này có các *biện pháp* cụ thể: luyện tập, bài tập tình huống, bài tập trải nghiệm, thí nghiệm đơn giản…để kích thích trẻ cùng nhau giải quyết nhiệm vụ chơi

1.5.5. Phương tiện giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non

Bản chất của TCĐVCCĐ là mô phỏng, tái hiện lại cuộc sống xung quanh, trong quá trình giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ, có nhiều phương tiện khác nhau để giáo dục trẻ, như là những bài thơ, câu truyện, hay tranh ảnh chứa đựng những biểu hiện hợp tác, cùng với hoạt động giao tiếp, trải nghiệm, tình hống giáo dục về kĩ năng hợp tác… đều có trẻ trở thành phương tiện giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ trong TCĐVCCĐ.

- Bài thơ, truyện ngắn, tranh ảnh

Bài thơ, câu chuyện, hay tranh ảnh là những phương tiện làm giàu biểu tượng cho trẻ trong giáo dục nói chung và trong giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ nói riêng, rất phù hợp với trẻ. Những bài thơ, cậu chuyện… có chứa đựng những biểu hiện kĩ

năng hợp tác như lắng nghe, chia sẻ cùng nhau khi chơi, phân công nhiệm vụ hợp lí cho nhau, cùng nhau phối hợp hành động…là những phương tiện hữu hiệu để giáo dục KNHT cho trẻ. Những câu chuyện bài thơ, tranh ảnh GV có thể tự thiết kế, sáng tác, hoặc siêu tầm nhằm mục đích làm giàu biểu tượng của trẻ về KNHT trong TCĐVCCĐ

- Hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm trong khi chơi TCĐVCCĐ là những hoạt động thực tế được GV chuẩn bị cho trẻ được trải nghiệm trong khi chơi. Khi tham gia trò chơi đóng vai có chủ đề, trẻ tái hiện lại cuộc sống xung quanh qua các vai trẻ nhập, đây là những hoạt động giả bộ, và đồ dùng, đồ chơi của trẻ cũng chỉ mang tính chất mô phỏng, không phải đồ vật thật. Vì vậy, thỉnh thoảng GV cho trẻ được trải nghiệm với đồ dùng, đồ vật thật, được sắm vai trong những hoàn cảnh thật như được trải nghiệm cùng các bạn làm bánh mì, cùng cô làm sinh tố, làm trái cây dĩa…thì sẽ mang lại hứng thú cao cho trẻ trong quá trình hợp tác, kích thích trẻ hợp tác với nhau khi chơi, khi trải nghiệm.

- Tình huống giáo dục

Trong quá trình tham gia TCĐVCCĐ, trẻ tập trung trong nhóm của mình với nhiệm vụ riêng, trong quá trình này, GV quan sát và đặt ra các tình huống giáo dục nhằm kích thích trẻ hợp tác với nhau, tình huống giáo dục là một phương tiện hiệu quả, được sử dụng cho nhiều mục đích giáo dục khác nhau. Chính vì vậy, để tạo điều kiện cho trẻ có cơ hội hợp tác trong TCĐVCCĐ thì việc GV sử dụng tình huống chơi mang tính hợp tác như một mũi tên trúng hai đích, vừa làm cho trẻ hứng thú chơi hơn vừa tạo thêm cơ hội cho trẻ hợp tác. Tính vấn đề của các tình huống trong trò chơi kích thích sự hứng thú ở trẻ và duy trì hứng thú trong suốt quá trình chơi. Những tình huống nảy sinh trong quá tình chơi khiến trẻ phải đặt câu hỏi, kích thích trí tò mò ham hiểu biết và sự khao khát, mong muốn chinh phục, muốn làm những việc có nghĩa như: quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ, nhường nhịn giữa các thành viên trong nhóm lớp cũng như với mọi người xung quanh, từ đó kỹ năng hợp tác của trẻ cũng được phát triển.

- Hoạt động giao tiếp

Hoạt động giao tiếp đặc trưng bởi sự sự tập trung chú ý, các câu hỏi, sự đồng tình, hướng dẫn, lời động viên, khuyến khích, khích lệ, lời nhận xét, bình luận… đều có thể trở thành phương tiện để giáo dục KNHT cho trẻ trong TCĐVCCĐ.

Giao tiếp ở trẻ mang đặc điểm không tiêu chuẩn hóa và quy tắc hóa. Trong sự phối hợp với bạn cùng lứa, trẻ sử dụng những hành động và ngôn từ bản năng nhất. Chính điều này đã tạo nên sự giải phóng không định mức, sự tự do không theo khuôn mẫu nào trong giao tiếp của trẻ. Sự tự do này cho phép giả thiết rằng chính bạn bè cùng lứa giúp trẻ bộc lộ bản năng và cá tính của trẻ.

Giao tiếp trong TCĐVCCĐ là một quá trình hai chiều giữa trẻ với trẻ và giữa giáo viên với trẻ, thể hiện quá trình trao đổi cảm xúc và ý tưởng, dù trẻ đang ở lứa tuổi nào. Hoạt động giao tiếp của trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được mở rộng nhanh chóng khi liên hệ với những sự vật khác trong thế giới của trẻ, đặc biệt là với bạn bè. Trẻ thích nói chuyện với những đứa trẻ khác khi chúng chơi với nhau hòa hợp. Trong TCĐVCCĐ giao tiếp của trẻ hợp tác với nhau trong hoạt động nhận thức, TCĐVCCĐ là hoạt động chủ đạo của trẻ ở giai đoạn này. Các mối quan hệ của người lớn, được trẻ thể hiện trong trò chơi một cách rõ rang nhất thông qua hoạt động giao tiếp.

1.5.6. Quy trình giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi

Đối với người lớn muốn giáo dục bất kì vấn đề gì chúng ta thường tiến hành theo quy trình: nhận thức → thái độ → hành vi. Đứng trước một đối tượng nhận thức người lớn phải được nhận thức về đối tượng đó, hay nói cách khác là hiểu về đối tượng (có thể chỉ thông qua ngôn ngữ), sau đó sẽ có thái độ thích hay không thích, đồng tình hay không đồng tình và từ đó có hành vi phù hợp. Tuy nhiên đối với trẻ mẫu giáo thì quy trình này lại đi ngược lại: hành vi → thái độ → nhận thức. Đứng trước một đối tượng nhận thức, người lớn phải cho trẻ cảm nhận về đối tượng đó với tất cả các giác quan của trẻ: được nhìn, sờ, được ngửi, nếm, được nghe, được thực hiện, tiếp đó trẻ sẽ tỏ thái độ thích hoặc không thích, hứng thú hoặc không hứng thú, đồng ý hoặc không đồng ý, và sau đó đối tượng nhận thức này sẽ được trẻ lĩnh hội vào trong nhận thức của trẻ. Cho nên việc giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ được luận án đi theo quy trình sau:

- Đầu tiên, cho trẻ được trải nghiệm, được thực hiện KNHT trong khi chơi TCĐVCCĐ.
- Sau đó, giáo dục trẻ thái độ đúng mực trong khi hợp tác với các bạn, hứng thú, tích cực với việc hợp tác với các bạn trong TCĐVCCĐ.

- Cuối cùng, phát triển nhận thức của trẻ về KNHT trong TCĐVCCĐ, trẻ hiểu được có KNHT với bạn bè là quan trọng và mang lại nhiều ý nghĩa tích cực cho trẻ.

Việc cho trẻ được trải nghiệm trong trò chơi với sự sắp đặt môi trường chơi, tình huống chơi hợp tác… của nhà sư phạm sẽ giúp trẻ được tự mình thực hiện những kĩ năng hợp tác, và việc này được thực hiện nhiều lần chuyển thành động cơ bên trong thúc đẩy những hành động hợp tác, trẻ sẻ nảy sinh tình cảm, thái độ tích cực với việc hợp tác, mong muốn thực hiện KNHT trong TCĐVCCĐ với các bạn, sau đó KNHT trong TCĐVCCĐ sẽ được trẻ nhận thức dưới tác động sư phạm của nhà giáo dục. Sau khi nhân thức được KNHT trong TCĐVCCĐ trẻ sẽ thực hiện KNHT trong khi chơi một cách đúng mực hơn và từ đó nhận thức sâu hơn về KNHT trong TCĐVCCĐ.

Kết luận chương 1

1. Giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi là một quá trình tác động sư phạm có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục đến trẻ nhằm hình thành và phát triển ở trẻ sự phối hợp hành động chơi để cùng thực hiện có hiệu quả trò chơi dựa trên những tri thức và vốn kinh nghiệm đã có trong điều kiện nhất định. Bản chất của KNHT là sự phối hợp hành động của các đối tác tham gia nhóm, cùng nỗ lực để đạt được một mục đích chung. Đối với trẻ MN, KNHT đã vốn phôi thai từ những nhiệm vụ chung được yêu cầu bởi GV, hay trong các hoạt động vui chơi cùng bạn bè.

2. Hoạt động vui chơi, đặc biệt là TCĐVCCĐ, được coi là phương tiện thuận lợi trong việc giáo dục trẻ mẫu giáo. Bản chất của trò chơi này là sự mô hình hóa những mối quan hệ xã hội trong đời sống. Thông qua sự trải nghiệm trong khi chơi, trẻ dần hình thành và phát triển các kĩ năng xã hội, bộc lộ mình và điều chỉnh những trạng thái tâm lý, ứng xử, từ đó từng bước hoàn thiện nhân cách. Cũng chính việc tham gia trò chơi đòi hỏi ở trẻ KNHT, trẻ cần biết thỏa thuận vai chơi, lắng nghe, chia sẻ phối hợp hành động để hoàn thành nhiệm vụ chơi. Từ đó có thể thấy, TCĐVCCĐ vừa là đối tượng nhận thức, vừa là phương tiện thuận lợi nhất để giáo dục KNHT cho trẻ.

3. KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ 5-6 tuổi được biểu hiện ở các mặt sau: trẻ cùng nhau thảo luận đưa ra ý tưởng chơi, dự định chơi, phân công nhiệm vụ chơi; Cùng phối hợp hành động chơi, thiết lập quan hệ chơi; Lắng nghe nhau và tuân thủ yêu cầu của nhóm chơi; Chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, trải nghiệm cùng nhau trong khi chơi; Cùng nhau giải quyết xung đột. KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ chịu tác động bởi các yếu tố khác nhau, cả khách quan và chủ quan. Luận án đã chỉ ra ba yếu tố quan trọng có ảnh hưởng mạnh mẽ tới việc giáo dục KNHT cho trẻ đó là giáo viên, trẻ và môi trường. Ba yếu tố này có mối quan hệ tương hỗ, qua lại lẫn nhau trong quá trình trẻ chơi và có ảnh hưởng to lớn đến KNHT của trẻ.

4. Để giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ luận án xác định rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung, hình thức, phương pháp, biện pháp, phương tiện giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ. Đây là cơ sở để luận án khảo sát thực trạng cũng như xây dựng các biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ.

5. Giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi là vấn đề cần thiết đối với GDMN trong giai đoạn hiện nay, cần phải có sự nghiên cứu để đưa ra những biện pháp giáo dục, chính là những cách làm cụ thể giúp GVMN có thể dễ dàng áp dụng vào trong quá trình chơi của trẻ để giáo dục KNHT cho trẻ.

Chương 2: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG HỢP TÁC TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở TRƯỜNG MẦM NON

2.1. Tổ chức khảo sát thực trạng

2.1.1. Mục đích khảo sát

Tìm hiểu nhận thức, biện pháp, hình thức, thuận lợi và khó khăn của GV về việc giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN.

Tìm hiểu KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ 5-6 tuổi ở trường MN.

2.1.2. Nội dung khảo sát

* Khảo sát thực trạng giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN.

- Thực trạng nhận thức của GV về việc giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN.

- Thực trạng biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.

- Thực trạng các hình thức giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.

* Khảo sát những thuận lợi, khó khăn của GV khi giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi.

* Khảo sát thực trạng KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ 5-6 tuổi ở trường MN.

2.1.3. Mẫu khách thể khảo sát

a. Mẫu khảo sát là giáo viên

Mẫu khảo sát là GV được lựa chọn ngẫu nhiên, bao gồm 150 GV mầm non dạy các lớp mẫu giáo lớn ở một số trường mầm non trên 150 GV đã và đang giảng dạy lớp mẫu giáo lớn của các trường MN trên địa bàn Miền Đông Nam bộ (Trường MN Sơn Ca - thành phố Hồ Chí Minh; Trường MN Thanh An Tây Ninh; trường MN Phước Hải thuộc Bà Rịa – Vũng Tàu) và một số trường MN trên địa bàn Tỉnh Bình Dương (Trường MN Lê Thị Trung -TP. Thủ Dầu Một – Bình Dương; Trường MN Hoa Cúc - TT. Dĩ An – Bình Dương; Trường MN Tân Long - TT. Phú Giáo – Bình Dương).

Bảng 2.1a: Phân bố mẫu nghiên cứu là giáo viên

Thâm niên	Số lượng	Tỉ lệ %
1-2 năm	22	13.3
2-3 năm	26	16.7
3-4 năm	25	15.8
4-5 năm	16	8.3
> 5 năm	61	45.8
Tổng	150	100.0

Trong 150 GV tham gia có 61GV có thâm niên dạy trẻ mẫu giáo lớn trên 5 năm, 16 GV đã làm việc 4-5 năm, 25 người có thâm niên 3-4 năm, 26 người có thâm niên 2-3 năm và 22 người có thâm niên từ 1-2 năm.

Bảng 2.1b: Trình độ đào tạo của giáo viên

Trình độ	Số lượng	Tỉ lệ %
Đại học	42	30.0
Cao đẳng	82	63.3
Trung cấp	14	6.7
Tổng	150	100.0

Các GV tham gia khảo sát đều có trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên, trong đó đa số tốt nghiệp Cao đẳng, còn lại 1/3 có trình độ Đại học.

b. Mẫu khảo sát là trẻ 5-6 tuổi

Luận án lựa chọn 120 trẻ 5-6 tuổi thuộc các trường mầm non thuộc các trường mầm non tại Miền Đông Nam Bộ như đã nêu trên.

2.1.4. Phương pháp và công cụ khảo sát

a. Xây dựng công cụ khảo sát

Luận án khảo sát thực trạng giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN ở khía cạnh định lượng và định tính. Công cụ để nghiên cứu định lượng là mẫu phiếu hỏi ý kiến khảo sát GV mầm non.

Phiếu hỏi ý kiến bao gồm 3 nội dung chính: Một là, tìm hiểu nhận thức của GV về KNHT, ý nghĩa của việc giáo dục KNHT, các phương tiện giáo dục KNHT, các biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi, những khó khăn của GV khi giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN. Số liệu khảo sát được đánh giá theo điểm trung bình, tỉ lệ % thứ bậc, độ lệch chuẩn và trình bày dưới hình thức bảng tổng hợp và biểu đồ.

Công cụ để nghiên cứu định tính là các phiếu phỏng vấn bán cấu trúc và cấu trúc với nội dung chính là tìm hiểu nhận thức của GV về KNHT và biểu hiện KNHT trong trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ 5-6 tuổi, vai trò của trò chơi đóng vai có chủ đề với việc giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi, biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ; những khó khăn khi giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi. Đối tượng để phỏng vấn là 10 GV dạy các lớp mẫu giáo lớn đã có trên 5 năm kinh nghiệm.

b. Cách thức tiến hành khảo sát

Phát phiếu khảo sát cho giáo viên, tổng số 150 phiếu. Số phiếu sau khi thu về được đưa vào phần mềm tính toán SPSS để thống kê, xử lý và kiểm định độ tin cậy của kết quả thu được. Còn các phỏng vấn được thực hiện sau khi đã xử lí bằng SPSS nhằm làm khẳng định và bổ xung kết quả của phần xử lí định tính và bổ xung kết quả của phần xử lí định lượng.

Xác định mức độ KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ 5-6 tuổi qua phiếu đánh giá KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ. Trong đó, GV mẫu giáo lớn sẽ tổ chức TCĐVCCĐ cho trẻ chơi theo cách bình thường hàng ngày cô vẫn thường làm, người nghiên cứu cùng GV quan sát trẻ chơi và cho điểm theo các tiêu chí và phân loại mức độ KNHT của trẻ.

2.1.5. Xây dựng tiêu chí và thang đánh giá kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ 5-6 tuổi

Dựa trên những biểu hiện KNHT của trẻ trong TCĐVCCĐ, luận án xây dựng tiêu chí và thang đáng giá KNHT của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ như sau:

- Tiêu chí 1: Cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm.

- Tiêu chí 2: Lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn.
- Tiêu chí 3: Phối hợp hành động với các bạn khi thực hiện trò chơi.
- Tiêu chí 4: Giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi
- Tiêu chí 5: Thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi.

Mỗi tiêu chí của KNHT trong TCĐVCCĐ được chia thành 3 mức (theo thang đo Likert) và xếp mức độ từ 1 đến 3 (mức thấp đến cao), cho nên điểm tối thiểu của một tiêu chí của KNHT trong TCĐVCCĐ là 1, tối đa là 3 theo mức độ tăng dần. Với thang điểm này, cách tính điểm chênh lệch giữa các mức độ của mỗi tiêu chí của KNHT trong TCĐVCCĐ là: Lấy điểm cao nhất là 3 trừ đi điểm thấp nhất là 1 và chia cho 3, được điểm chênh lệnh của mỗi mức độ là 0.67. Do đó ta có thang đo cho từng tiêu chí của KNHT trong TCĐVCCĐ như sau:

Tiêu chí	**Mức độ thấp (1-1.67 điểm)**	**Mức độ trung bình (1.67-2.34 điểm)**	**Mức độ cao (2.34 – 3 điểm)**
1. Cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm.	Trẻ thờ ơ với việc thỏa thuận cùng nhau về nhiệm vụ chơi. Trẻ không chấp nhận sự phân công của nhóm nếu không thích.	Trẻ có thỏa thuận với nhau về nhiệm vụ chơi nhưng đôi khi còn cần sự nhắc nhở của người lớn. Trẻ chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm nhưng không tích cực.	Trẻ luôn thỏa thuận cùng nhau nhiệm vụ chơi chung một cách hiệu quả. Sẵn sàng chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm.
2. Lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn.	Không biết lắng nghe bạn và chưa biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với bạn. Không biết hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ khi gặp khó khăn.	Lắng nghe bạn, song thỉnh thoảng chưa biết chờ đến lượt mình. Đôi khi không hiểu lời bạn nói, chưa mạnh dạn hỏi lại bạn. Biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi	Biết lắng nghe bạn và chờ đến lượt mình nói. Khi chưa hiểu biết hỏi lại bạn. Biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với bạn trong nhóm. Chủ động hỗ

		với các bạn khi GV nhắc nhở. Biết hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ nhưng đôi khi còn cần sự góp ý của GV.	trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ mình.
3. Phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi.	Không phối hợp hành động trong quá trình hoạt động, quá trình hoạt động diễn ra kế cạnh nhưng không cùng nhau.	Phối hợp hành động trong một vài bước của quá trình hoạt động, còn lại là hoạt động song song	Phối hợp hành động trong suốt quá trình hoạt động bằng cách sử dụng thích hợp cách thức phối hợp như "mục tiêu – kết quả", "dây chuyền sản xuất", "phối kết hợp".
4. Giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi	Trẻ không biết cách giải quyết xung đột, trẻ thường bỏ đi không tiếp tục trò chơi, hoặc đánh bạn gây gổ, nhờ cô can thiệp vào các xung đột xảy ra trong khi chơi.	Trẻ biết thương lượng giải quyết xung đột trong khi chơi nhưng đôi khi còn nhờ sự can thiệp của GV.	Luôn cố gắng tìm cách giải quyết chung nhất để tránh xảy ra xung đột. Khi xung đột xảy ra trẻ biết thương lượng, giải quyết xung đột theo hướng tích cực để tiếp tục cuộc chơi.
5. Thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi.	Trẻ không biêt cách thiết lập mối quan hê chơi giữa các vai chơi và nhóm chơi khác.	Trẻ có thiết lập mối quan hệ chơi với các bạn, giữa các vai chơi và các nhóm chơi song còn sự tác động của GV.	Trẻ chủ động thiết lập mối quan hệ giữa các vai chơi, bạn cùng chơi và nhóm chơi khác.

Như vậy, mức độ KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ 5-6 tuổi chia thành ba mức độ chủ yếu: Trẻ có kĩ năng hợp tác ở mức độ thấp khi trẻ chưa biết hợp tác với nhau

trong khi chơi; Trẻ có kĩ năng hợp tác ở mức độ trung bình khi trẻ hợp tác rời rạc với nhau trong khi chơi; Trẻ có kĩ năng hợp tác ở mức độ cao khi trẻ biết hợp tác thực sự với nhau trong khi chơi

Trẻ chưa biết hợp tác (có kĩ năng hợp tác ở mức thấp): Trẻ thờ ơ với việc thỏa thuận cùng nhau về nhiệm vụ chơi. Trẻ không chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi nếu không thích. Chưa biết lắng nghe bạn, ít khi chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với bạn. Không biết hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ khi gặp khó khăn. Không phối hợp hành động trong quá trình hoạt động, quá trình hoạt động diễn ra kế cạnh nhưng không cùng nhau. Trẻ không biết cách tự giải quyết xung đột, trẻ thường bỏ đi không tiếp tục trò chơi, hoặc đánh bạn gây gổ, nhờ cô can thiệp vào các xung đột xảy ra trong khi chơi. Việc thiết lập mối quan hê chơi giữa các vai chơi và nhóm chơi khác không được trẻ quan tâm thực hiện.

Trẻ hợp tác rời rạc (trẻ có kĩ năng hợp tác ở mức trung bình): Trẻ có thỏa thuận với nhau về nhiệm vụ chơi nhưng đôi khi còn cần sự nhắc nhở của người lớn. Trẻ chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm nhưng không tích cực. Lắng nghe bạn, song thỉnh thoảng chưa biết chờ đến lượt mình. Đôi khi không hiểu lời bạn nói, chưa mạnh dạn hỏi lại bạn. Biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi, biết hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ, biết thương lượng giải quyết xung đột trong khi chơi, thiết lập mối quan hệ chơi với các bạn, giữa các vai chơi và các nhóm chơi…nhưng những biểu hiện này chưa ổn định, đôi khi còn nhờ sự can thiệp của GV. Biết phối hợp hành động trong một vài bước của quá trình hoạt động, còn lại là hoạt động song song.

Trẻ biết hợp tác (trẻ có kĩ năng hợp tác ở mức cao): Trẻ luôn thỏa thuận cùng nhau nhiệm vụ chơi chung một cách hiệu quả. Sẵn sàng chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm. Biết lắng nghe bạn và chờ đến lượt mình nói. Khi chưa hiểu biết hỏi lại bạn. Biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với bạn trong nhóm. Chủ động hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ mình. Phối hợp hành động trong suốt quá trình hoạt động bằng cách sử dụng thích hợp cách thức phối hợp như "mục tiêu – kết quả", "dây chuyền sản xuất", "phối kết hợp". Luôn cố gắng tìm cách giải quyết chung nhất để tránh xảy ra xung đột. Khi xung đột xảy ra trẻ biết thương lượng, giải quyết xung đột theo hướng tích cực để tiếp tục cuộc chơi. Trẻ chủ động thiết lập mối quan hệ giữa các vai chơi, bạn cùng chơi và nhóm chơi khác.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

2.2.1. Kết quả trực trạng giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi

Để tìm hiểu thực trạng giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi luận án đã tìm hiểu nhận thức và việc làm của GV.

a. Nhận thức của GV về việc giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non

❖ *Nhận thức của GV về bản chất của KNHT và ý nghĩa của việc giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.*

Bảng 2.2a: Nhận thức của GV về bản chất của kĩ năng hợp tác

Ý kiến	Số lượng	Tỉ lệ %
Khả năng tương tác cùng thực hiện có hiệu quả công việc dựa trên kinh nghiệm và tri thức đã có nhằm đạt mục đích chung một	58	38.9
Là một nhóm trẻ cùng nhau thực hiện công việc được giao, dựa trên tri thức và vốn kinh nghiệm nhất định	23	15.6
Hệ thống mối quan hệ giữa người với người	30	19.6
Sự phối hợp hành động cùng nhau thực hiện có hiệu quả hoạt động chung dựa trên những tri thức và vốn kinh nghiệm đã có trong những điều kiện nhất định	39	26.0
Tổng	150	100

Kết quả khảo sát cho thấy (38.9%) GV cho rằng KNHT là khả năng tương tác thực hiện hiệu quả một công việc dựa trên kinh nghiệm và tri thức đã có nhằm đạt mục đích chung. Các nội dung khác được đánh giá với tỉ lệ như sau: Là một nhóm trẻ cùng nhau thực hiện công việc được giao, dựa trên tri thức và vốn kinh nghiệm nhất định (15.6%); Hệ thống mối quan hệ giữa người với người (19.6%). Trong khi đó nội dung "sự phối hợp hành động cùng nhau thực hiện có hiệu quả hoạt động chung dựa trên những tri thức và vốn kinh nghiệm đã có trong những điều kiện nhất định" được xem là nội dung phản ánh đầu đủ và đúng bản chất về kỹ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo. Thế nhưng nội dung này cũng chỉ có (26.0%) GV

lựa chọn. Với con số này, có thể kết luận rằng nhận thức của GV về kỹ năng hợp tác của trẻ chưa thực sự sâu sắc và phản ánh đúng bản chất của nó. Cô giáo N.T.T.H cho rằng: "KNHT theo em, là các hành động tương tác với nhau của bọn trẻ, khi mà chúng chơi cùng nhau". Như vậy, đa phần GV cho rằng KNHT là khả năng tương tác trong khi khả năng *tương tác* được hình tượng hóa bằng sự tiếp xúc bề mặt của hai đối thể, còn sự *phối hợp hành động* được thể hiện bởi sự hòa quyện, kết hợp của các đối tượng tham gia hướng tới kết quả cuối cùng chính là sản phẩm – mục tiêu của quá trình hợp tác.

Dù chưa nhận thức đúng bản chất của khái niệm hợp tác của trẻ, các GV đều thấy được ý nghĩa của việc giáo dục KNHT cho trẻ ở các khía cạnh khác nhau. 100% GV cho rằng việc giáo dục KNHT cho trẻ là cần thiết. Khi được hỏi phần lớn GV (40,1%) cho rằng, giáo dục KNHT cho trẻ là góp phần phát triển sự hòa đồng ở trẻ. Một số GV cho rằng hợp tác giúp trẻ tự tin đến trường hơn và tự tin trong giao tiếp (17.1%). Bên cạnh đó (19.1%) GV cho rằng hợp tác phát triển ở trẻ khả năng tự khẳng định bản thân trong tập thể. 13.9% GV cho rằng giáo dục KNHT là phát triển các kĩ năng xã hội ở trẻ. Và 9.9% GV cho rằng giáo dục KNHT góp phần phát triển nhân cách cho trẻ. Cô giáo N.T.K (Vũng Tàu) còn bổ xung thêm, giáo dục KNHT cho trẻ trong TCĐVCCĐ cho trẻ làm giảm tính ích kỉ ở trẻ, góp phần phát triển nhân cách cho trẻ. Số liệu cụ thể được thể hiện rõ trên bảng sau:

Bảng 2.2b: Nhận thức của GV về ý nghĩa của việc giáo dục KNHT cho trẻ

Ý nghĩa	Số lượng	Tỉ lệ %
Góp phần phát triển sự hòa đồng ở trẻ	60	40.1
Giúp trẻ tự tin đến trường hơn và tự tin trong giao tiếp	26	17.1
Triển ở trẻ khả năng tự khẳng định bản thân trong tập thể	29	19.1
Phát triển các kĩ năng xã hội ở trẻ	21	13.9
Góp phần phát triển nhân cách cho trẻ	15	9.8
Tổng	150	100

Như vậy, các GVMN đều nhận thức rõ về vai trò quan trọng của việc giáo dục KNHT cho trẻ, và điều này sẽ là điều kiện thúc đẩy GV thiết kế, xây dựng các hoạt động dạy học nhằm hướng tới mục tiêu phát triển kỹ năng này ở trẻ.

❖ *Nhận thức của GV về các hoạt động ở trường MN với việc giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi*

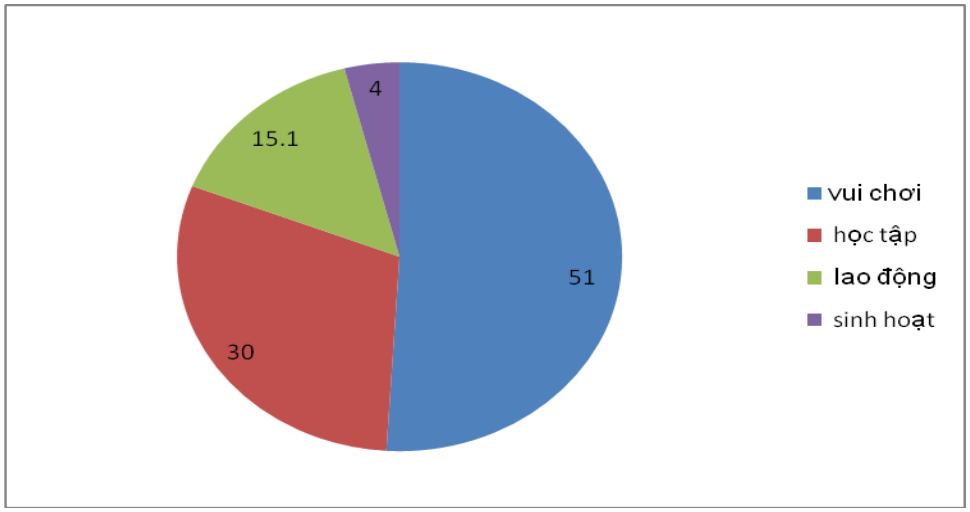

Biểu đồ 2.1. Nhận thức của giáo viên về các hoạt động ở trường mầm non với việc giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi

Phần lớn GV (51%) đã lựa chọn hoạt động vui chơi để thông qua đó giáo dục KNHT cho trẻ. Khi được hỏi lí do, thì GV cho rằng vì vui chơi là hoạt động chủ đạo và nó chiếm thời lượng cao hơn so với các hoạt động khác, nên khi tích hợp mục tiêu giáo dục KNHT vào hoạt động vui chơi, trẻ sẽ có nhiều thời gian trải nghiệm cũng như thực hành và phát triển KNHT. (30%) GV cho rằng hoạt động học tập cũng là một trong những hoạt động GV sử dụng để tổ chức cho trẻ hợp tác với nhau, trẻ có thể cùng giải quyết nhiệm vụ học tập, như cùng nhau học thuộc bài thơ, câu chuyện, bài hát…Bên cạnh đó, hoạt động lao động cũng được (15.1%) GV sử dụng để giáo dục KNHT cho trẻ. GV giải thích rằng khi có nhiệm vụ lao động như nhặt lá cây, dọn rác xung quanh lớp học, quanh sân trường…GV giao cho một nhóm trẻ thực hiện, và nhắc nhở các em cùng nhau hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ. 4% GV lựa chọn giáo dục trẻ hợp tác thông qua chế độ sinh hoạt như giao nhiệm vụ cho trẻ cùng nhau dọn dẹp đồ chơi, sắp xếp đồ chơi trên kệ, hoặc cùng nhau chuẩn bị bàn ăn…Khi được phỏng vấn cô N.T.P.H Mầm Non Tân Long cho rằng: chế độ sinh hoạt là hoạt động cô thường xuyên yêu cầu một nhóm trẻ hợp tác với nhau để thực hiện như trực nhật, dọn bàn ăn, xếp nệm ngủ cho các bạn …

Trong 51% GV đã lựa chọn hoạt động vui chơi để giáo dục KNHT cho trẻ, khi được hỏi các cô sử dụng trò chơi nào để thông qua đó giáo dục KNHT cho trẻ thì kết quả nhận được cho thấy các GV không tập trung vào một trò chơi nào để giáo dục KNHT cho trẻ, mà các trò chơi được sử dụng gần như dàn trải với mức độ phần trăm khá tương đối: trò chơi đóng vai theo chủ đề (24%), đóng kịch (21%), học tập (18,6%), vận động (19.3%), xây dựng – lắp ghép (13.1%), trò chơi dân gian (4%).

Như vậy, qua khảo sát luận án thấy rằng hoạt động vui chơi trong trường MN là hoạt động được phần đông GV lựa chọn để giáo dục KNHT cho trẻ, tuy nhiên đối với TCĐVCCĐ GV vẫn chưa nhìn nhận hết được vai trò quan trọng của nó trong việc giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi.

❖ *Nhận thức của GV về biểu hiện KNHT của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ*

Bảng 2.3: Nhận thức của GV về những biểu hiện đặc trưng của KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ 5-6 tuổi

STT	Biểu hiện KNHT trong trò chơi ĐVCCĐ	Số ý kiến	Tỉ lệ
1	Lắng nghe bạn trong khi chơi, không ngắt lời bạn.	32	21.33
2	Phối hợp hành động với các bạn trong khi chơi	17	11.33
3	Hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ trong khi chơi.	44	29.33
4	Chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng với các bạn khi chơi	70	46.60
5	Phân công và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm	27	18.00
6	Ứng xử đúng mực với các bạn trong nhóm chơi	12	8.00
7	Thiết lập mối quan hệ trong nhóm chơi	31	20.66
8	Thảo luận cùng bạn trong nhóm chơi	35	23.33
9	Giải quyết xung đột trong khi chơi	27	18.00
10	Nhường nhịn bạn trong khi chơi	41	27.33
11	Tất cả các ý kiến trên	52	34.66
12	Khác	3	2.00

Các GV có ý kiến khác nhau về biểu hiện KNHT của trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề. Nhiều ý kiến cho rằng biểu hiện đặc trưng của KNHT là biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn khi chơi (46.6%). (34.66 %) số ý

kiến cho rằng tất cả các biểu hiện trên đều là biểu hiện đặc trưng của kĩ năng hợp tác trong trò chơi ĐVCCĐ. Một số khác cho rằng KNHT biểu hiện ở chỗ trẻ biết hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ trong khi chơi (29.33%). Biết nhường nhịn bạn trong khi chơi chiếm (27.33%) số ý kiến. Chiếm tỉ lệ ít hơn đó là các ý kiến cho rằng KNHT của trẻ biểu hiện đặc trưng khi trẻ biết lắng nghe bạn trong khi chơi, không ngắt lời bạn (21.33%), biết thảo luận cùng bạn trong nhóm chơi (23.33%), biết thiết lập mối quan hệ trong nhóm chơi (20.66%), biết phân công và chấp nhận sự phân công của nhóm (18.00%), biết giải quyết xung đột trong khi chơi (18.00%). Chiếm tỉ lệ ít nhất là các ý kiến phối hợp hành động với bạn trong khi chơi (11.33%), và biết ứng xử đúng mực với các bạn trong nhóm chơi (8%). Cô Trần Thị T (Thủ Dầu Một), cô Đỗ Thị Hải H (Bến Cát) còn bổ xung thêm "khi chơi trò chơi đóng vai trẻ thường chủ động, tích cực trong khi chơi" đây cũng là biểu hiện tích cực của KNHT trong khi chơi", cô Đậu Thị Q (Dĩ An) cho rằng "trẻ say mê mới trò chơi, tập trung, hứng thú khi chơi cùng bạn" là biểu hiện KNHT.

Như vậy, GV đều có những nhận thức nhất định về những biểu hiện đặc trưng của KNHT, tuy nhiên nhận thức của GV chưa đồng bộ, và trọng tâm vào những biểu hiện mang tính đặc trưng của KNHT.

❖ *Nhận thức của GV về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi*

Bảng 2.4: Nhận thức của GV về các yếu tố ảnh hưởng đến KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi

Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ					ĐTB	Thứ hạng
	Rất cao	Cao	Trung bình	Thấp	Rất thấp		
Đặc điểm tâm, sinh lí của trẻ	2.7	17.3	29.3	29.3	21.3	2.51	**4**
Sự tích cực, chủ động của bản thân mỗi trẻ khi chơi	29.3	14.7	6.7	26.0	23.3	3.01	**3**
Môi trường chơi	7.3	29.3	37.7.	20.7	5.3	3.13	**2**
Biện pháp giáo dục của GV trong tổ chức hướng dẫn trò chơi.	45.3	34.7	8	9.3	2.7	4.11	**1**
Diện tích lớp học	2	17.3	29.3	29.3	22	2.48	**5**
Đồ dùng đồ chơi	2.7	16	28.7	30.7	22	2.47	**6**
Kĩ năng giao tiếp của trẻ	2	17.4	28.7	30.7	24	2.40	**7**
Kinh nghiệm sống của trẻ	0.7	14	29.3	31.3	24.7	2.35	**8**

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ ảnh hưởng của các yếu tố mang tính chất khách quan được GV đánh giá cao hơn các yếu tố mang tính chủ quan của đứa trẻ. Quan số liệu được mô tả trên bảng 3.9 thì yếu tố "biện pháp giáo dục của GV trong tổ chức trò chơi" ảnh hưởng cao nhất đến mức độ KNHT của trẻ, đều này cho thấy chính biện pháp của GV làm thay đổi nhận thức chơi, đến hành động chơi của trẻ. GV càng theo dõi trẻ chơi nhiều và có kế hoạch giáo dục để phát triển KNHT ở trẻ thì hiệu quả giáo dục này càng cao. Bên cạnh đó thì "môi trường chơi" là yếu tố ảnh hưởng lớn thứ hai sau "biện pháp tác động của GV". Môi trường được đánh giá là "người thầy thứ 3" sau cô giáo và gia đình. Việc cô giáo quan tâm thiết kế môi trường chơi cho trẻ để tạo các tình huống hấp dẫn trẻ chơi, đồng thời đồ dùng đồ chơi GV chuẩn bị mang nét gần gũi với cuộc sống, phong phú là điều hấp dẫn trẻ chơi và nảy sinh ý tưởng chơi.

Sự tích cực chủ động của bản thân đứa trẻ là yếu tố có mức độ ảnh hưởng thứ 3 sau "môi trường chơi", GV cho rằng nếu trẻ chủ động và tích cực trong quá trình chơi, cũng như *được chủ động*, tích cực trong quá trình chơi không bị áp đặt bởi GV khi xây dựng ý tưởng chơi, phân vai chơi, đặc biệt là chọn nhóm chơi… thì đây được coi là yếu tố mang tính chất xúc tác làm cho quá trình giáo dục KNHT của GV diễn ra dễ dàng và mang lại hiệu quả cao hơn.

Đặc điểm tâm, sinh lí của từng cá nhân trẻ cũng ảnh hưởng đến việc giáo dục KNHT cho trẻ, tuy nhiên so với các yếu tố đã phân tích trên thì mức độ ảnh hưởng của yếu tố này là thấp nhất, vì trẻ 5-6 tuổi đã bộc lộ rõ những nét tính cách riêng biệt, vốn kinh nghiệm của trẻ nhiều và trẻ tự tin mạnh dạn hơn các độ tuổi trước. Đặc biệt là kĩ năng giao tiếp phát triển tốt. Tuy nhiên cũng có một vài trường hợp trẻ phát triển về tâm, sinh lí chậm hơn so với tuổi, và điều này phần nào cũng ảnh hưởng đến hoạt động trong nhóm chơi nói chung, cũng như tốc độ hình thành và phát triển KNHT của cá nhân trẻ nói riêng. Và khi quan sát trẻ luận án nhận thấy rằng, đặc điểm sinh lí của từng cá nhân trẻ, ảnh hướng nhiều đến việc giáo dục KNHT cho trẻ, thường những bé nào thuộc loại thần kinh hăng hái thì tiếp thu nhanh hơn sự chỉ dẫn của cô hơn các bạn thuộc loại hình thần kinh yếu.

Ngoài ra còn các yếu tố khác như: diện tích lớp học; đồ dùng đồ chơi; kĩ năng giao tiếp của trẻ; kinh nghiệm sống của trẻ cũng có ảnh hưởng đến việc giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ.

b. Kết quả thực trạng biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.

Bảng 2.5: Các biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5- 6 tuổi của GV mầm non và mức độ sử dụng.

Mức độ		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Trung Bình	Thứ bậc
STT	Biện pháp	N	%	N	%	N	%		
1	Quan tâm nhiều đến việc bài trí các góc chơi	48	31.7	79	57.5	23	10.8	3.21	7
2	Đảm bảo đủ không gian chơi đóng vai cho trẻ	48	31.7	52	35.0	50	33.4	2.90	13
3	Tạo bầu không khí an toàn, thoải mái cho trẻ chơi	28	14.2	65	45.0	57	39.2	2.72	15
4	Lập kế hoạch chơi cho trẻ	42	26.7	81	59.2	27	14.2	3.12	8
5	Hướng dẫn trẻ cùng nhau làm đồ chơi	38	22.5	71	50.8	41	25.8	2.94	12
6	Khuyến khích trẻ đưa ra ý tưởng trước khi chơi	64	44.2	61	41.7	25	12.5	3.27	6
7	Xây dựng chủ đề chơi, nội dung chơi phong phú	91	67.5	38	23.3	21	9.2	3.58	1
8	Tạo nhiều tình huống chơi, kích thích trẻ hợp tác	34	19.2	67	46.7	49	32.1	2.82	14
9	Theo dõi trẻ chơi và kịp thời giải quyết xung đột	57	39.2	74	53.3	19	7.5	3.32	5
10	Hướng dẫn trẻ phối hợp hành động với nhau khi chơi	38	22.5	76	54.2	36	20.8	2.96	11
11	Gợi ý trẻ mở rộng nội dung chơi	37	21.7	87	64.2	26	13.1	3.07	9
12	Khuyến khích trẻ lắng nghe ý kiến của nhau	62	43.3	70	50.0	18	6.7	3.37	4
13	Quan tâm tới việc phân công nhiệm vụ chơi của trẻ	78	56.7	55	37.5	17	5.8	3.51	2
14	Khen ngợi trẻ khi trẻ có biểu hiện hợp tác	37	22.5	82	59.2	31	17.5	3.03	10
15	Thường khen trẻ khi kết thúc trò chơi	72	51.7	64	45.0	14	3.3	3.48	3

Từ việc khảo sát ý kiến GV về các biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ mà GV đã sử dụng (phụ lục 1), sau khi khảo sát luận án thống kê lại các biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ mà nhiều GV sử dụng nhất (phụ lục 2) và tiếp tục khảo sát mức độ sử dụng các biện pháp này của GV (thường xuyên, thỉnh thoảng, hiếm khi…), luận án thu được kết quả, thể hiện trên bảng 3.10.

Kết quả ở bảng 2.5 cho thấy, GV thường sử dụng các biện pháp sau đây để giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi:

- Xây dựng chủ đề chơi và nội dung chơi phong phú
- Quan tâm tới việc phân công nhiệm vụ chơi của trẻ
- Thường khen trẻ khi kết thúc trò chơi
- Khuyến khích trẻ lắng nghe ý kiến của nhau
- Theo dõi trẻ chơi và kịp thời giải quyết xung đột

GV thỉnh thoảng và hiếm khi sử dụng các biện pháp như là:

- Khuyến khích trẻ đưa ra ý tưởng trước khi chơi
- Quan tâm nhiều đến việc bài trí các góc chơi
- Lập kế hoạch chơi cho trẻ
- Gợi ý trẻ mở rộng nội dung chơi
- Khen ngợi trẻ khi trẻ có biểu hiện hợp tác
- Hướng dẫn trẻ phối hợp hành động với nhau
- Hướng dẫn trẻ cùng nhau làm đồ chơi
- Đảm bảo không gian chơi đóng vai cho trẻ
- Tạo nhiều tình huống chơi, kích thích trẻ hợp tác
- Tạo bầu không khí an toàn, thoải mái cho trẻ chơi

Cụ thể, với từng biện pháp được GV sử dụng nhiều nhất, ý đồ sử dụng của GV cụ thể như sau:

- *Xây dựng chủ đề chơi, nội dung chơi phong phú*

Kết hợp quan sát GV thực hiện biện pháp cho thấy, đối với trò chơi đóng vai theo chủ đề, GV thường chọn các chủ đề chơi như chủ đề gia đình, bệnh viện, bán hàng... Ngoài ra, GV cũng tổ chức thêm các chủ đề khác như chủ đề trường tiểu học, cửa hàng uốn tóc, cấp dưỡng... Đồng thời GV xây dựng nội dung và xác định nhiệm vụ cụ thể, chi tiết cho từng hoạt động và lên kế hoạch thực hiện phù hợp.

▪ *Quan tâm tới việc phân công nhiệm vụ chơi của trẻ*

GV thực hiện bằng cách, khi trẻ bắt đầu chơi cô hòa mình vào chơi cùng với trẻ để hướng trẻ phân công nhiệm vụ chơi theo mục đích của cô, để trò chơi được bắt đầu trong hòa bình, không có mâu thuẫn trong phân vai, tạo cơ sở cho trẻ hợp tác.

▪ *Khuyến khích trẻ lắng nghe ý kiến của nhau*

Trong khi chơi, nhiều khi la hét, hỏi han nhau không được nhẹ nhàng, làm cho lớp học ồn ào, cô thường xuyên nhắc nhở trẻ phải biết lắng nghe nhau trong khi chơi, nghe không hiểu hỏi lại bạn một cách nhẹ nhàng. Khi bạn hỏi lại cũng phải trả lời một cách nhẹ nhàng, để tạo không khí hợp tác trong lớp.

▪ *Theo dõi trẻ chơi và kịp thời giải quyết xung đột cho trẻ*

GV luôn gần gũi với trẻ. Khi thấy có biểu hiện xung đột xảy ra thì GV kịp thời nhắc nhở trẻ, hoặc giúp trẻ giải quyết những vướng mắc đó một cách thoả đáng, làm cho xung đột dịu xuống, thảo luận một cách bình tĩnh với thái độ xây dựng. Và theo GV, làm được điều này sẽ tạo điều kiện cho trẻ có hứng thú tham gia vào cuộc chơi, có tinh thần hợp tác với mọi người để thực hiện nhiệm vụ chung.

▪ *Thường khen trẻ khi kết thúc trò chơi*

Khi trẻ chơi xong cô nhắc nhở trẻ thu dọn đồ chơi sau đó cô sẽ nhận xét từng nhóm chơi, nhóm nào chơi vui vẻ, hợp tác với nhau không xảy ra xung đột sẽ được cô khen trước cả lớp và ngược lại.

Kết quả điều tra cho thấy GV thường quan tâm tới những biện pháp tác động chung khi tổ chức trò chơi cho trẻ như: *Xây dựng chủ đề chơi, nội dung chơi phong phú; quan tâm tới việc phân công nhiệm vụ chơi của trẻ*. GV cũng đã chú ý tới những biện pháp tác động để giáo dục KNHT cho trẻ trong trò chơi ĐVCCĐ như *khuyến khích trẻ lắng nghe nhau; theo dõi trẻ chơi và kịp thời giải quyết xung đột*. Tuy nhiên những biện pháp này chưa đi sâu vào mục đích giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ, mà chỉ đi vào sự tương tác bề nổi trong quan hệ giao tiếp khi hoạt động cùng nhau của trẻ, trong khi bản chất của hợp tác vượt qua sự tương tác, đó là sự phối hợp hành động. Có rất nhiều biện pháp mang tính đặc thù của việc giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ như: Khuyến khích trẻ làm đồ chơi cùng nhau; Tạo nhiều tình huống chơi cho trẻ, kích thích trẻ hợp tác; Hướng dẫn trẻ nhiều cách phối hợp hành động cùng nhau... lại ít được GV quan tâm sử dụng.

Việc nhận xét, đánh giá, củng cố của GV có ảnh hưởng đến sự phát triển KNHT cho trẻ. Lời nhận xét của GV có thể kích thích trẻ tăng cường hợp tác với nhau hoặc ngược lại. Khảo sát cho thấy, hầu hết nhiều GV đều thực hiện việc đánh giá, nhận xét trẻ sau khi chơi, tuy nhiên có thể thấy cách đánh giá, nhận xét đó chưa thật sự hiệu quả. GV ít chủ ý tới việc nhân xét đánh giá để kích thích KNHT của trẻ mà chỉ dừng lại ở việc nhận xét toàn buổi chơi.

Một vài biện pháp của GV làm mất đi sự tự chủ, tự nguyện của bản thân trẻ khi chơi như *quan tâm tới việc phân công nhiệm vụ chơi của trẻ; theo dõi trẻ chơi và kịp thời giải quyết xung đột.*

c. Kết quả thực trạng hình thức giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non

Bảng 2.7: Những hình thức giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN

Hình thức	Ý kiến	
	Số lượng	Tỉ lệ %
Theo cặp	14	11.6
Theo nhóm nhỏ	78	65.0
Theo nhóm lớn	55	45.8
Khác	0	0.0

Kết quả điều tra cho thấy, đa số GV lựa chọn hình thức nhóm nhỏ để giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi (65%), nhóm lớn là hình thức ưu tiên thứ hai được GV lựa chọn, sau đó là hình thức theo cặp (11.6%). Khi được phỏng vấn thì đa số GV cho rằng vì TCĐVCCĐ trẻ thường chơi theo những nhóm nhỏ quen thuộc và những nhóm nhỏ này thuận lợi hơn trong việc giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ vì khả năng tương tác giữa các trẻ cao. Cô Nguyễn Thị H, trường Mầm Non Tân Long cho rằng: "nhóm nhỏ là hình thức chơi thuận lợi nhất để giáo dục KNHT cho trẻ, vì nó mang tính ổn định cao". Bên cạnh đó một số ít giáo viên lại cho rằng hình thức theo cặp là thuận lợi cho việc giáo dục KNHT cho trẻ trong TCĐVCCĐ vì thường cặp trẻ này là bạn thân và rất ít xảy ra xung đột khi hợp tác. Hình thức hợp tác theo nhóm lớn cũng là lựa chọn của không ít GV và đa

số GV lựa chọn hình thức này cho rằng, khi muốn trẻ hợp tác trong TCĐVCCĐ thì GV nên liên kết các nhóm chơi với nhau như vậy trẻ sẽ hợp tác với nhau.

2.2.2. Kết quả khảo sát những thuận lợi và khó khăn của giáo viên trong việc giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi

Bảng 2.6: Những khó khăn khi giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN

Một số khó khăn	**Ý kiến**	
	Số lượng	**Tỉ lệ %**
Khó khăn về phía trẻ	55	45.8
Khó khăn về phía GV	41	34.2
Cơ sở vật chất	47	39.2
Khác	8	6.0

Theo đánh giá của GV thì những khó khăn gặp phải trong khi giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ chủ yếu từ phía trẻ, từ phía GV và cơ sở vật chất, những khó khăn này không có sự chênh lệch nhiều. Trong đó khó khăn từ phía trẻ chiếm 45.8%, khó khăn do cơ sở vật chất chiếm 39.2% và khó khăn từ phía GV chiếm 34.2%.

Những khó khăn về phía trẻ GV cho rằng số trẻ trong lớp quá đông trong quá trình tổ chức các hoạt động với khối lượng thời gian cho phép GV khó bao quát hết các nhóm chơi, cũng như quan tâm đến đặc điểm cá nhân của trẻ trong quá trình trẻ chơi. Những khó khăn về cơ sở vật chất như đồ dùng đồ chơi của trẻ còn thiếu sự phong phú, và khi GV thay đổi chủ đề chủ điểm thì chủ yếu thêm các tranh ảnh, còn đồ chơi của trẻ thì cũng có thay đổi nhưng còn hạn chế. Khó khăn về phía GV chủ yếu do chương trình giảng dạy vẫn còn nặng nề, mặc dù đã giảm tải, và tạo áp lực cho GV trong quá trình tổ chức hoạt động, công việc ở trường cả ngày về nhà phải chuẩn bị giáo án, và đồ dùng đồ chơi vào buổi tối, đồng thời con chăm lo cho hạnh phúc gia đình... và khó khăn lớn nhất theo GV là bản thân còn khó khăn trong việc lựa chọn, tìm kiếm các phương pháp, biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ, đồng thời bản thân GV không có nhiều thời gian để đầu tư nghiên cứu các biện pháp và tìm kiếm ý tưởng, tìm kiếm đồ dùng, đồ chơi cho các hoạt động của trẻ.

Bên cạnh đó, GV còn gặp một số khó khăn về sự phối hợp chưa được chặt chẽ của gia đình trẻ trong quá trình giáo dục trẻ, bởi vì số lượng trẻ đông và dẫn đến phụ huynh cũng đông và đa dạng nhiều tầng lớp, hoàn cảnh khác nhau, và hầu hết cha, mẹ các em đều rất bận rộn, không có thời gian chơi chung với trẻ khi trẻ ở nhà.

Bên cạnh những khó khăn kể trên, GV cũng nhận thấy rằng khi giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ cũng có những thuận lợi nhất định. 33.7% GV cho rằng, thuận lợi từ phía nhà trường: được sự quan tâm chỉ đạo của ban giám hiệu nhà trường, đội ngũ GV nhiệt tình. 38.3% GV cho rằng thuận lợi về phía trẻ: trẻ 5-6 tuổi đã có một lượng vốn từ phong phú, và thể hiện tương đối tốt khả năng giao tiếp. So với các lứa tuổi trước, vốn kinh nghiệm sống của trẻ mở rộng hơn và có khả năng thiết lập mối quan hệ với bạn bè trong khi chơi. Thuận lợi về cơ sở vật chất như là: lớp học thoáng mát, rộng rãi, đủ đồ chơi...28.0% ý kiến đồng ý.

Từ khảo sát thực trạng về phía GV, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất: Hầu hết các GV đều ý thức được tầm quan trọng của việc giáo dục KNHT cho trẻ 5 -6 tuổi trong nhà trường mẫu giáo ở nhiều khía cạnh khác nhau như phát triển sự hòa đồng ở trẻ, tăng cường sự tự tin trong giao tiếp, phát huy khả năng điều phối, lãnh đạo và ý thức khẳng định mình trong tập thể, cũng như góp phần rèn luyện và hoàn thiện nhân cách ở trẻ. Việc ý thức được vai trò, ý nghĩa của giáo dục kĩ năng hợp tác ở trẻ MN là điều kiện thúc đẩy các GV hiện thực, cụ thể hóa vào việc thiết kế hoạt động chơi, cũng như mục tiêu của các hoạt động và các biện pháp giáo dục. Tuy nhiên, qua khảo sát, hầu hết GV còn bộc lộ sự mơ hồ về bản chất cốt lõi của khái niệm KNHT, cũng như nhận thức về biểu hiện KNHT của trẻ trong TCĐVCCĐ còn thiếu đồng bộ và thiếu tính đặc trưng. Điều này dẫn đến việc một số biện pháp giáo dục KNHT được đưa ra chưa sâu sắc, triệt để, chưa đi thẳng vào trọng tâm giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ. Cụ thể:

o GV có ý thức *quan tâm tới quá trình phân công nhiệm vụ chơi của trẻ,* với mục đích tránh xung đột xảy ra, tuy nhiên, điều này lại mất đi sự tự chủ, tự nguyện của trẻ khi phân vai chơi. GV ý thức được việc hình thành và phát triển những biểu

hiện hợp tác cho trẻ trong khi hoạt động hợp tác như: *khuyến khích trẻ lắng nghe ý kiến của nhau* nhưng mới dừng lại ở mức độ nhắc nhở chung chung chứ chưa có biện pháp hay tình huống cụ thể để trẻ nhận thức hay thực hiện.

o Các biện pháp GV sử dụng nhiều ra mới chỉ dừng lại ở hiệu quả kích thích tính tích cực trong hoạt động chơi của trẻ, không đáp ứng một cách đặc thù cho một mục đích giáo dục cụ thể nào, đơn cử như biện pháp *xây dựng chủ đề chơi và nội dung chơi phong phú.* Đồng thời một vài biện pháp chỉ phản ánh vấn đề điều tiết hoạt động của trẻ trong khi chơi như biện pháp *theo dõi và kịp thời giải quyết xung đột*.

o Việc quan tâm nhận xét, đánh giá trẻ khi chơi là một khâu quan trọng trong quá trình giáo dục KNHT cho trẻ, có thể kích thích trẻ sáng tạo và cũng có thể làm giảm, thậm chí làm thui chột KNHT của trẻ. GV chỉ *quan tâm tâm nhận xét, đánh giá trẻ khi kết thúc trò chơi* không mang lại hiệu quả cao trong giáo dục KNHT cho trẻ, vì lúc đó cô nhắc lại các biểu hiện hợp tác của trẻ, có thể trẻ và các bạn không nhớ rõ nữa. Thực tế quan sát đa phần GV chưa thực sự quan tâm đến cách đưa ra nhận xét đánh giá để phát huy hơn nữa các biểu hiện hợp tác ở trẻ.

Thứ hai: Thực tế khó khăn mà phần đông GV gặp phải trong quá trình giáo dục KNHT cho trẻ trong TCĐVCCĐ ở trường MN đó là khó khăn trong việc lựa chọn, tìm kiếm các phương pháp, biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ và số lượng trẻ trong lớp quá đông. Nếu tổ chức cho trẻ hoạt động cá nhân, hay hoạt động tập thể thì rất khó bao quát trẻ, cũng như quan tâm đến từng cá nhân. Và hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động nhóm là giải pháp dung hòa được GV lựa chọn, tuy nhiên trên thực tế vẫn chưa mang lại hiệu quả, nguyên nhân do phần lớn do các biện pháp tác động của GV chưa phù hợp.

Thứ ba: GV chưa cho trẻ được hoàn toàn chủ động khi chọn nhóm trong khi tổ chức TCĐVCCĐ, nhiều khi nhóm được thành lập theo sự chỉ định của GV và điều này ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng hợp tác của trẻ trong nhóm.

2.2.3. Kết quả thực trạng mức độ kĩ năng hợp tác của trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ ở trường mầm non

Bảng 2.8: Hệ số Cronbach's Alpha

Hệ số Cronbach's Alpha	Số tiêu chí
.672	5

Biến quan sát	Trung bình	Phương sai	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha
Tiêu chí_1TE	8.12	3.781	.444	.614
Tiêu chí_2TE	8.15	4.200	.427	.621
Tiêu chí_3TE	8.21	4.375	.330	.662
Tiêu chí_4TE	8.02	4.067	.474	.601
Tiêu chí_5TE	8.11	3.909	.460	.605

- Để kiểm định độ tin cậy của thang đo đã sử dụng trong khảo sát thực trạng KNHT của trẻ 5-6 tuổi, chúng tôi sử dụng mô hình Cronbach's coefficient alpha, một công thức được cài sẵn trong phần mềm SPSS.

- Đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha cho phép người phân tích loại bỏ các biến không phù hợp và hạn chế các biến rác trong quá trình nghiên cứu. Các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng (item-total correlation) nhỏ hơn 0.3 sẽ bị loại và thang đo được chọn khi hệ số Cronbach's Alpha từ 0.6 trở lên. (Nunnally và Burnstein, 1994).

- Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo cho thấy hệ số tin cậy Cronbach's alpha là 0,672 đạt yêu cầu. Đồng thời, hệ số tương quan biến tổng của mỗi tiêu chí đều lớn hơn 0,3. Như vậy, tất cả các tiêu chí đều phù hợp, tức là điểm của các tiêu chí có tương quan đáng kể với điểm tổng của các tiêu chí còn lại. Điều này có nghĩa là các tiêu chí của phép đo có tính đồng nhất và đều đóng góp cho độ tin cậy của toàn bộ phép đo.

❖ *Phân tích kết quả khảo sát về mức độ KNHT của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ ở trường MN.*

Chúng tôi tiến hành đánh giá KNHT của 120 trẻ 5-6 tuổi. Tất cả 120 trẻ được khảo sát đều nằm trong độ tuổi từ 5-6 tuổi, độ tuổi của nhóm trẻ khảo sát dao động từ 60 đến 72 tháng, thấp nhất là 60 tháng và cao nhất là 70 tháng tuổi, với trung bình là 65.4 tháng tuổi và độ lệch chuẩn là 3.191 điểm.

Chúng tôi sử dụng bảng đánh giá KNHT (phụ lục số 5) làm công cụ đánh giá tiến hành quan sát trẻ trong khi chơi TCĐVCCĐ. Sau đó tiến hành thống kê và phân tích kết quả đánh giá. Tổng hợp kết quả khảo sát 120 trẻ ở tất cả các tiêu chí đo được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.9: Tổng hợp kết quả đánh giá biểu hiện KNHT của trẻ 5-6 tuổi

Biến	Số lượng	Cực tiểu	Cực đại	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Tháng tuổi	120	60	70	65.4	3.191
Tiêu chí_1TE	120	1	3	2.03	.821
Tiêu chí_2TE	120	1	3	2.00	.687
Tiêu chí_3TE	120	1	3	1.94	.714
Tiêu chí_4TE	120	1	3	2.14	.693
Tiêu chí_5TE	120	1	3	2.04	.761
Tổng	**120**	**0**	**3**	**2.03**	**.7352**

Qua bảng 2.9 cho thấy, so sánh với thang đo mức độ biểu hiện của KNHT thì điểm trung bình mức độ biểu hiện KNHT của trẻ đạt 2.03 điểm, so sánh với thang đánh giá thuộc mức trung bình (dưới 2.1 điểm). Độ lệch chuẩn tương ứng là 0.73 điểm cho thấy độ phân tán điểm số xoay quanh điểm trung bình thấp, cho nên độ tin cậy về điểm trung bình là cao. Như vậy mức độ độ biểu hiện KNHT của trẻ nằm ở mức trung bình – KNHT của trẻ trong TCĐVCCĐ còn rời rạc.

Kết quả biểu hiện KNHT của trẻ thể hiện rõ qua biểu đồ 3.2. Để nhìn nhận rõ hơn về kết quả này, luận án đi vào phân tích từng biểu hiện.

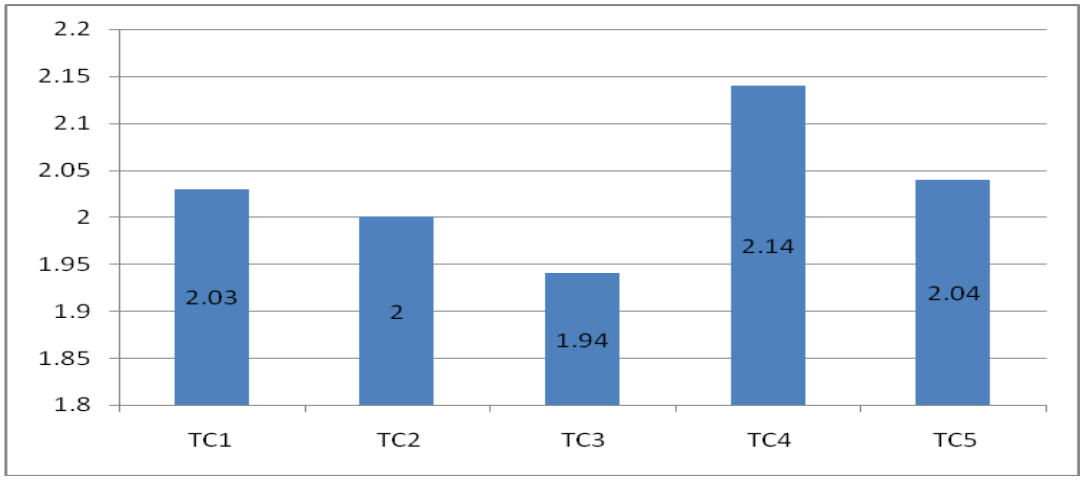

Biểu đồ 2.2. Kết quả đánh giá biểu hiện kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ 5-6 tuổi

❖ Tiêu chí thứ nhất: Cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm

Điểm tiêu chí biết cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm dao động từ 1 đến 3 điểm, điểm trung bình đạt 2.03 điểm và độ lệch chuẩn là 0.821 điểm. Kết quả cho thấy điểm tiêu chí này ở tất các các trẻ đạt mức độ trung bình, khá tập trung. Số liệu chi tiết thể hiện trên bảng 2.10

Bảng 2.10: Cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm

Mức độ	Tiêu chí	Tần số	Tỉ lệ %	Tần xuất tích lũy
Thấp	- Trẻ thờ ơ với việc thỏa thuận cùng nhau về nhiệm vụ chơi. Trẻ không chấp nhận sự phân công của nhóm nếu không thích.	38	31.7	31.7
Trung Bình	- Trẻ có thỏa thuận với nhau về nhiệm vụ chơi nhưng đôi khi còn thể hiện tính cá nhân cao, không hướng tới mục tiêu chung. Trẻ chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm nhưng không tích cực.	42	35	66.7
Cao	- Trẻ luôn thỏa thuận cùng nhau nhiệm vụ chơi chung một cách hiệu quả. Sẵn sàng chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm.	40	33.3	100.0

Kết quả bảng 2.10 cho thấy, ở tiêu chí này thì số lượng trẻ thực hiện ở mức độ trung bình là 35 % chênh lệch với mức cao chỉ 3,3%. Tuy nhiên số trẻ em chỉ đạt ở mức độ thấp lại khá cao, chiếm tới 33.3%. Điều này cho thấy sự dàn trải trong phân bố phần trăm trẻ thực hiện tiêu chí ở cả ba mức độ cao – trung bình – thấp. Trong khi chơi, đa số trẻ chưa thỏa thuận được với nhau mà còn phụ thuộc vào sự giúp đỡ của cô giáo. Một số trẻ còn tỏ ra vẻ thờ ơ, không quan tâm đến công việc của nhóm. Nguyên nhân là khi phân nhóm cô giáo đã không để cho trẻ tự thành lập nhóm chơi theo ý muốn, mà còn áp đặt trẻ. Điều này làm giảm hứng thú với trò chơi, trẻ không thích chơi với những bạn này nhưng lại phải chơi. Vì vậy, trở nên thụ động, do đó kĩ năng hợp tác của trẻ không có cơ hội thể hiện. Bên cạnh đó cũng có nhiều trẻ thể hiện tiêu chí ở mức độ thấp là do trẻ chưa có kinh nghiệm trong việc thảo luận, thể hiện ý kiến cá nhân quá cao, dẫn đến quá trình thảo luận không đi đến kết quả như nhóm mong đợi.

Ví dụ, Bích: Vinh đóng vai chú bảo vệ còn Phong đóng vai ông chủ siêu thị nhé.

Vinh: Mình không thích làm chú bảo vệ đâu, cho mình làm ông chủ đi

Phong: Bữa nay bạn làm ông chủ Siêu Thị cho, bữa sau Vinh làm

Vinh: Nhưng mình thích làm ông chủ Siêu Thị thôi…

Trò chơi ĐVCCĐ là thước đo cần thiết để đánh giá kỹ năng hợp tác của trẻ. Do đó, khi tham gia ĐVCCĐ trẻ càng tích cực trao đổi với nhau về công việc của nhóm bao nhiêu thì càng thể hiện sự nhanh nhẹn và sự hợp tác của trẻ bấy nhiêu. Cho nên đây là biểu hiện ban đầu khi chơi, nhưng là một biểu hiện quan trọng. Nó phần nào phản ánh sự thuận lợi của quá trình chơi, cũng như kết quả chơi.

❖ Tiêu chí thứ 2: Lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với bạn

Điểm tiêu chí phối hợp lên kế hoạch cho hoạt động chung dao động từ 1 đến 3 điểm, điểm trung bình đạt 2.00 điểm và độ lệch chuẩn là 0.687 điểm. Kết quả cho thấy điểm tiêu chí này ở tất các các trẻ đạt mức độ trung bình và tập trung. Số liệu chi tiết thể hiện trên bảng 2.10

Bảng 2.11: Lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với bạn

Mức độ	Tiêu chí	Tần số	Tỉ lệ %	Tần xuất tích lũy
Thấp	- Không biết lắng nghe bạn và chưa biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng, đồ chơi với bạn. Không biết hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ khi gặp khó khăn.	28	23.3	23.3
Trung Bình	- Lắng nghe bạn, song thỉnh thoảng chưa biết chờ đến lượt mình. Đôi khi không hiểu lời bạn nói, chưa mạnh dạn hỏi lại bạn. Biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng, đồ chơi với các bạn khi GV nhắc nhở. Biết hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ nhưng đôi khi còn cần sự góp ý của GV.	64	53.3	76.6
Cao	- Biết lắng nghe bạn và chờ đến lượt mình nói. Khi chưa hiểu biết hỏi lại bạn. Biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng, đồ chơi với bạn trong nhóm. Chủ động hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ mình.	28	23.4	100.0

Kết quả bảng 2.11 cho thấy, so với tiêu chí trước, ở tiêu chí này thì số lượng trẻ thực hiện đạt ở mức độ trung bình cao 53.3%, còn lại mức độ cao là 23.4% và thấp cũng là 23.3%. Điều này cho thấy sự tập trung trong sự phân bố phần trăm trẻ thực hiện các tiêu chí, tập trung vào mức độ trung bình chiếm hơn một nửa phần trăm.

Hầu hết trẻ đã có biểu hiện biết lắng nghe, chia sẻ chia sẻ kinh nghiệm chơi, ý tưởng chơi với bạn tuy nhiên còn tập trung ở mức độ trung bình và biểu hiện này không thường xuyên. Nguyên nhân là do trẻ đã biết lắng nghe bạn, tuy nhiên đôi khi không biết kiềm chế cảm xúc của bản thân, đã vội vàng ngắt lời bạn, để thể hiện ý muốn của bản thân.

Ví dụ: *Trinh và mình sẽ bán hoa, Lan và Linh sẽ là khách hành, còn Thu… Tuyết nói chưa dứt lời, Thu đã chen ngang – mình chỉ thích bán hoa thôi.*

Thay vì đợi bạn nói xong Trinh hãy nói lên suy nghĩ của mình, thì Trinh đã vội ngắt lời bạn để đề nghị ý muốn của bản thân. Việc ngắt lời bạn của Trinh đã làm ảnh hưởng đến bầu không khí tích cực cuả cả nhóm.

Bên cạnh đó số trẻ không biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi cùng nhau cũng chỉ tập trung ở mức độ trung bình. Biết chia sẻ kinh nghiệm chơi với bạn nhưng đôi khi còn cần sự nhắc nhở của GV.

Ví dụ: Thoa chơi trong nhóm bán hàng. Khi chơi Thoa một mình lúi húi xếp hàng bày ra bán, trong khi bên cạnh Thúy cũng chơi nhóm này và cũng đang lấy những vỏ hộp sữa giả làm hàng để bán.

Như vậy, hai bạn chơi trong cùng một trò chơi nhưng chỉ chơi kế cạnh nhau, chứ không cùng nhau, các bạn đã làm theo ý riêng của bản thân và không có sự trao đổi và điều này là một trong những nguyên nhân có thể dẫn đến xung đột trong quá trình chơi.

Việc lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ bạn một bước quan trọng trong quá trình thực hiện trò chơi, khi trò chơi diễn ra trong sự tôn trọng và giúp đỡ mọi thứ thực hiện sẽ dễ dàng và nhanh chóng hơn. Quan sát cho thấy, nhóm trẻ nào biết lắng nghe, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau khi khi chơi thì quá trình chơi sẽ vui vẻ và sôi động và trẻ lĩnh hội được nhiều kinh nghiệm chơi khác nhau và hiểu nhau hơn.

Tiêu chí thứ 3: Biết phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi

Điểm tiêu chí phối hợp hành động dao động từ 1 đến 3 điểm, điểm trung bình đạt 1.94 điểm và độ lệch chuẩn là 0.714 điểm. Kết quả cho thấy điểm tiêu chí này ở tất các các trẻ đạt mức độ trung bình và tập trung. Số liệu chi tiết thể hiện trên bảng 2.12

Bảng 2.12: Phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi

Mức độ	Tiêu chí	Tần số	Tỉ lệ %	Tần xuất tích lũy
Thấp	Không phối hợp hành động trong quá trình hoạt động, quá trình hoạt động diễn ra kế cạnh nhưng không cùng nhau.	34	28.3	28.3
Trung Bình	Phối hợp hành động trong một vài bước của quá trình hoạt động, còn lại là hoạt động song song	57	47.5	75.8
Cao	Phối hợp hành động trong suốt quá trình hoạt động bằng cách sử dụng thích hợp cách thức phối hợp như "mục tiêu – kết quả", "dây chuyền sản xuất", "phối kết hợp".	29	24.2	100.0

So với các tiêu chí còn lại thể hiện trên bảng 2.12 thì tiêu chí này điểm trung bình là thấp nhất trong tất cả các tiêu chí (1.94 điểm) mặc dù đây là một tiêu chí quan trọng, mang tính cốt lõi, thể hiện bản chất của sự hợp tác. Sự phân bổ phần trăm trẻ thực hiện tiêu chí khá tập trung, 47,5% trẻ thực hiện tiêu chí đạt ở mức độ trung bình. Quan sát cô giáo và nhà thực nghiệm đưa ra tình huống cho nhóm "Hôm nay là sinh nhật búp bê, các con hãy cùng nhau làm tặng bạn búp bê một đôi giày nhé, vì cô thấy đôi giầy của bạn bị rách rồi (tình huống thuộc chủ đề chơi – sinh nhật búp bê).Quan sát quá trình trẻ thực hiện tình huống cho thấy, đa số trẻ chỉ phối hợp hành động trong quá trình đầu tiên của hoạt động, sau đó là hoạt động song song. Ví dụ: *Huy và Phong cùng cắt hoa mai để dán vào giày, Huy cắt cánh hoa, Phong cắt nhụy hoa, sau đó dán nhụy hoa vào cánh, các bạn đã phối hợp hành động theo kiểu "mục tiêu, kết quả" để cùng nhau làm hoa, tuy nhiên quan sát toàn bộ quá trình các bạn làm việc với nhau, thì việc phối hợp hành động này đã không được duy trì liên tục. Phong cắt xong nhụy hoa, đợi mãi thấy Huy cắt cánh hoa lâu quá, Phong liền chuyển qua cắt cánh Hoa và tự dán hoa, Huy thấy vậy, cũng tự cắt nhụy hoa và kết quả hai em đã làm được những bông hoa không giống nhau để trang trí lên hai chiếc giầy.*

Đáng chú ý là có tới 28.3% trẻ không biết cách phối hợp hành động trong quá trình hoạt động, hoạt động diễn ra kế cạnh nhau, nhưng không cùng nhau, và kết quả các em đã có được sản phẩm là những chiếc giày rất khác nhau. Quan sát toàn bộ quá trình hoạt động của trẻ, GV đứng lớp cũng có tham gia góp ý và nhắc nhở các em, tuy nhiên những lời nhắc nhở của cô chỉ mang tính chất chung chung như các em phải hợp tác với nhau, phải thảo luận với nhau...không được cãi nhau...Việc phối hợp hành động là một tiêu chí rất quan trọng, phản ánh cách thức hợp tác khi cùng thực hiện nhiệm vụ chơi, tuy nhiên đa phần trẻ thực hiện công việc mang tính cá nhân rồi sau đó ghép nối các hoạt động cá nhân vào hoạt động chung như kiểu "mỗi trẻ làm một bông hoa, gộp lại sẽ thành rừng hoa". Như vậy không phải là phối hợp hành động trong quá trình hợp tác.

Tiêu chí 4: Giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi

Điểm tiêu chí biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi dao động từ 1 đến 3 điểm, điểm trung bình đạt 2.14 điểm và độ lệch chuẩn là 0.693 điểm. Kết quả cho thấy điểm tiêu chí này ở tất các các trẻ đạt mức độ trung bình và tập trung. Số liệu chi tiết thể hiện trên bảng 2.13

Bảng 2.13: Giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi

Mức độ	Tiêu chí	Tần số	Tỉ lệ %	Tần xuất tích lũy
Thấp	Trẻ không biết cách giải quyết xung đột, trẻ thường bỏ đi không tiếp tục trò chơi, hoặc đánh bạn gây gổ, nhờ cô can thiệp vào các xung đột xảy ra trong khi chơi.	39	32.5	32.5
Trung Bình	Trẻ biết thương lượng giải quyết xung đột trong khi chơi nhưng đôi khi còn nhờ sự can thiệp của GV.	60	50.0	82.5
Cao	Trẻ luôn cố gắng tìm cách giải quyết chung nhất để tránh xảy ra xung đột. Khi xung đột xảy ra trẻ biết thương lượng, giải quyết xung đột theo hướng tích cực để tiếp tục cuộc chơi.	21	17.5	100.0

Qua quan sát trên thực tế chúng tôi cũng nhận thấy trẻ kém linh hoạt trong việc giải quyết các xung đột nảy sinh trong khi chơi, số trẻ biết tự thương lượng giải quyết xung đột trong khi chơi để cùng thực hiện công việc chung chỉ chiếm 17.5%, còn rất nhiều trẻ dừng lại ở mức độ TB (50%) và những trẻ này còn lúng túng khi phải giải quyết xung đột và đôi khi còn nhờ vào sự giúp đỡ của mọi người. Số còn lại trẻ hoàn toàn nhờ cô can thiệp vào các xung đột xảy ra trong khi chơi (32.5%). Xung đột xảy ra có nhiều nguyên nhân, nhiều khi do trẻ mẫu thuẫn về ý tưởng chơi, mâu thuẫn khi phân vai chơi, do động cơ chơi hoặc do trẻ thể hiện thái độ và cảm xúc chưa bình đẳng với các bạn, quan tâm đến hành động của bạn nhưng lại thiếu thiện ý, đồng thời thể hiện sự không hài lòng, không ủng hộ bạn dẫn đến xảy ra xung đột....và quan sát thấy xung đột xảy ra ở độ tuổi này vẫn còn có nguyên nhân do giành đồ chơi.

Ví dụ: *Ở nhóm chơi "bán hàng" cháu Phượng và Hiếu đều đóng vai làm người bán hàng, nhưng cháu Mai Anh thấy nên cửa hàng của bạn có nhiều đồ chơi đẹp hơn nên đã sang giành lấy mang về gian hàng của mình, hai cháu giằng co với nhau, dẫn đến xung đột. Và sau đó cần sự can thiệp của cô giáo.*

Xung đột là việc tất yếu xảy ra khi trẻ hoạt động chung cùng nhau, việc biết cách giải quyết xung đột để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chung là việc làm rất quan trọng trong khi làm việc chung, vì điều này thể hiện trẻ luôn hướng tới mục tiêu cuối cùng của hoạt động, cũng như biết thể hiện tinh thần động đội.

Tiêu chí thứ 5: Thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi

Điểm tiêu chí "biết thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi" dao động từ 1 đến 3 điểm, điểm trung bình đạt 2.04 điểm và độ lệch chuẩn là 0.761 điểm. Kết quả cho thấy điểm tiêu chí này ở tất các các trẻ đạt mức độ trung bình và khá tập trung. Số liệu chi tiết thể hiện trên bảng 2.14

Bảng 2.14: Thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi

Mức độ	Tiêu chí	Tần số	Tỉ lệ %	Tần xuất tích lũy
Thấp	Trẻ không biết cách thiết lập mối quan hê chơi giữa các vai chơi và nhóm chơi khác.	38	26.7	26.7
Trung bình	Trẻ có thiết lập mối quan hệ chơi với các bạn, giữa các vai chơi và các nhóm chơi song chưa linh hoạt, đôi khi còn cần sự tác động của GV.	50	41.7	68.4
Cao	Trẻ chủ động thiết lập mối quan hệ giữa các vai chơi, bạn cùng chơi và nhóm chơi khác nhau.	32	31.6	100.0

Kết quả bảng 2.14 cho thấy, có tới 41.7% trẻ đạt kết quả tiêu chí ở mức độ trung bình, điều này cho thấy việc thiết lập mối quan hệ chơi chính là các vai chơi, quan hệ thực, mở rộng quan hệ giữa các nhóm chơi khác nhau của trẻ chưa chủ động và linh hoạt, đôi khi còn cần sự can thiệp của GV (41.7%). Đa phần trẻ đã biết thiết lập mối quan hệ chơi với nhau nhưng khi mở rộng quan hệ chơi trẻ còn chưa quen và khá lung túng.

Ví dụ: *Quan sát thấy góc đóng vai cô giáo tổ chức luôn có các góc chơi như "Bác sĩ", "bán hàng", "gia đình" tuy nhiên các trẻ đa phần góc nào biết chơi ở góc đó mà ít khi liên kết các góc chơi, còn nhờ vào sự can thiệp của giáo viên. Góc "bán hành nước" có thể giao nước cho góc "Bác sĩ", góc "gia đình" và các góc khác nữa như góc "xây dựng". Góc "bác sĩ" có thể tổ chức khám bệnh tại nhà cho góc "gia đình"...*

Việc mở rộng các mối quan hệ chơi giữa các vai chơi, nhóm chơi giúp trẻ thêm linh hoạt, và mở rộng vốn hiểu biết của trẻ, và làm cho trò chơi thêm sinh động, không bị nhàm chán. Tuy nhiên có tới (26.7%) trẻ không biết cách thiết lập mối quan hệ giữa các vai chơi và nhóm chơi khác nhau, và vấn đề này nguyên nhân chủ yếu là do vốn kinh nghiệm chơi và kinh nghiệm sống của trẻ còn nghèo nàn, chưa bắt kịp nhịp với các bạn khác. Trẻ thiếu sự linh hoạt khi

chơi chung cùng các bạn. Và những trẻ này chưa được sự quan tâm đúng mực của GV, chưa được GV hướng dẫn cách thiết lập mối quan hệ chơi giữa các vai chơi, nhóm chơi.

Như vậy, qua phân tích từng tiêu chí cho thấy, KNHT của trẻ ở mức thấp, trẻ hợp tác rời rạc với nhau, cụ thể: trẻ có thỏa thuận với nhau về nhiệm vụ chơi nhưng đôi khi còn cần sự nhắc nhở của người lớn. Trẻ chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm nhưng không tích cực. Lắng nghe bạn, song thỉnh thoảng chưa biết chờ đến lượt mình. Đôi khi không hiểu lời bạn nói, chưa mạnh dạn hỏi lại bạn. Biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi, biết hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ, biết thương lượng giải quyết xung đột trong khi chơi, thiết lập mối quan hệ chơi với các bạn, giữa các vai chơi và các nhóm chơi… nhưng những biểu hiện này chưa ổn định, đôi khi còn nhờ sự can thiệp của GV. Biết phối hợp hành động trong một vài bước của quá trình hoạt động, còn lại là hoạt động song song.

Từ khảo sát thực trạng mức độ KNHT của trẻ, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất: Mức độ KNHT của trẻ nằm ở mức trung bình (trong 5 tiêu chí xét điểm, thì cả 5 tiêu chí đều đạt đạt mức điểm trung bình (tiêu chí thấp nhất 1.94 điểm – cao nhất là 2.14 điểm)). Kĩ năng hợp tác của trẻ còn rời rạc, chưa thực sự ăn khớp và hòa quyện với nhau… Điều này không chỉ tác động đến kết quả hoạt động chơi của trẻ mà còn làm nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến xung đột trong quá trình chơi, cũng như quá trình hình thành và phát triển nhân cách ở trẻ.

+ Trẻ mẫu giáo 5- 6 tuổi đã dần ý thức về mối quan hệ hợp tác trong khi chơi, và thể hiện KNHT của bản thân trong việc thực hiện nhiệm vụ. Điều này được minh chứng qua việc ở mỗi tiêu chí đặt ra, luôn có một lượng tỉ lệ biểu hiện KNHT ở mức độ cao… Tuy nhiên những biểu hiện này chưa bền vững, nguyên nhân bởi chúng hầu hết là hành động tự phát, không khởi sinh từ nhận thức của trẻ về KNHT.

+ Quan sát cho thấy, nếu trẻ được quyền tự chọn bạn trong khi chơi thì mức độ KNHT của trẻ sẽ cao hơn vì trẻ được làm việc trong sự đồng cảm và thấu hiểu lẫn nhau.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng

Luận án tìm hiểu thực trạng mức độ KNHT của trẻ từ 5 – 6 tuổi, đồng thời thực hiện khảo sát các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ của GV, từ đó nhìn nhận một cách tổng quan về giáo dục KNHT ở các nhà trường MN. Qua quá trình tổng hợp và phân tích kết quả khảo sát, luận án đưa ra một số nhận định sau:

- Ưu điểm

+ Thực tế tại các trường MN trên địa bàn tỉnh Bình Dương, từ năm 2010 khi bô chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi được đưa vào áp dụng (23/7/2010), thì việc phát triển KNHT cho trẻ là một trong những nhiệm vụ góp phần phát triển toàn diện ở trẻ, vì KNHT một trong những chuẩn phát triển của trẻ 5 tuổi. Từ nhận thức cơ bản này, các trường MN cũng đưa tra những định hướng trong đào tạo, tạo điều kiện cho việc xây dựng kế hoạch dạy – học cụ thể của mỗi GV.

+ GVMN đều nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc giáo dục KNHT trong việc phát triển và hoàn thiện năng lực cá nhân cũng như nhân cách ở trẻ. GV cũng đã có ý thức xây dựng hệ thống biện pháp để giáo dục kĩ năng này, lồng ghép, tích hợp vào các hoạt động thường nhật trong nhà trường MN, cụ thể hóa nó bằng các biện pháp dạy học đa dạng, đặc thù với từng đối tượng trẻ.

+ Có thể thấy, trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ đã bộc lộ một số biểu hiện của KNHT như thảo luận, thống nhất, biết lắng nghe và tôn trọng đối phương trong quá trình làm việc nhóm... Điều này một phần xuất phát từ năng lực cá nhân, một phần cũng thể hiện hiệu quả của biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ ở trường MN.

- Hạn chế

GV đánh giá được tầm quan trọng của việc giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ nhưng việc cụ thể hóa nó bằng các biện pháp giáo dục thì còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, thiếu tính khả thi và hệ thống

+ Các biện pháp đưa ra chưa thể hiện sự quan tâm của GV đến những biểu hiện KNHT của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ như chia sẻ, thảo luận, lắng nghe... đặc biệt là biểu hiện phối hợp hành động chơi.

+ Một số biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ GV thường hay sử dụng chỉ đi vào sự tương tác bề nổi trong quan hệ giao tiếp khi hoạt động cùng nhau của trẻ (ví dụ như *theo dõi và kịp thời giải quyết xung đột; khuyến khích trẻ lắng nghe nhau*..), trong khi bản chất của hợp tác, vượt qua sự tương tác, đó là phối hợp hành động.

+ Kết quả khảo sát cho thấy, trẻ 5-6 tuổi đã bộc lộ những biểu hiên cơ bản về kỹ năng hợp tác. Tuy nhiên những biểu hiện chỉ tập trung ở một số lượng nhỏ trẻ, chưa đồng bộ trên tất cả các trẻ. Từ đó dẫn đến, KNHT của trẻ chưa đồng đều và chưa bền vững ảnh hưởng đến kết quả cuối cùng của hoạt động chơi.

- Nguyên nhân của thực trạng

Hiện nay vấn đề giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ trong đó có KNHT cho trẻ đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện ở bậc học MN nhưng vẫn chưa có sự thống nhất và đầu tư đúng mức. GV hoặc chưa được tập huấn về giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi hoặc chỉ được bồi dưỡng trong thời gian ngắn. Các trường MN dường như chỉ chú ý đến chăm sóc, nuôi dưỡng hơn là giáo dục phát triển tiềm năng cho trẻ. GVMN chưa được trang bị đầy đủ các kiến thức về việc giáo dục các kĩ năng xã hội, cũng như KNHT cho trẻ.

Nguyên nhân thứ hai có thể do chương trình đào tạo GVMN của chúng ta chưa nhấn mạnh đến vấn đề giáo dục các KNHT cho trẻ khi trẻ chơi theo nhóm, mặc dù trong bộ chuẩn cho trẻ 5 tuổi ban hành kèm theo chương trình có yêu cầu tại chỉ số 46 ở chuẩn 10 đó là "Trẻ phải có nhóm bạn chơi thường xuyên". [1]

Nguyên nhân thứ ba đó là từ phía GV – một nhân tố được nghiên cứu khẳng định là có sự ảnh hưởng rất lớn đến việc tổ chức các hoạt động và giáo dục KNHT cho trẻ. Trên thực tế, một số GV còn chưa quan tâm thật sự tới việc giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi và thiếu sự đầu tư đồng bộ và tin tưởng vào sự phát triển kĩ năng này ở trẻ. Bản thân GV thiều sự sáng tạo, còn rập khuôn trong quá trình tổ chức TCĐVCCĐ cho trẻ. Bên cạnh đó GV chưa nhận thấy hết được vai quan trọng của TCĐVCCĐ trong việc giáo dục KNHT cho trẻ.

Một nguyên nhân quan trọng khác là biện pháp giáo dục KNHT của GV chưa đi vào trọng tâm giáo dục KNHT cho trẻ trong TCĐVCCĐ, chưa hướng đến phát triển những biểu hiện KNHT của trẻ, dẫn đến thực trạng KNHT của trẻ chưa cao và chưa đồng bộ.

Từ những tồn tại trong thực tiễn giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi trong TCĐVCCĐ, luận án nhận thấy yêu cầu thiết yếu một hệ thống biện pháp giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ trong TCĐVCCĐ, để khắc phục những hạn chế cơ bản trong thực tiễn giáo dục kĩ năng này ở nhà trường MN hiện nay. Hệ thống biện pháp cần được xây dựng cụ thể, chi tiết, đảm bảo hướng vào trọng tâm là phát huy hơn nữa những biểu hiện KNHT của trẻ trong TCĐVCCĐ.

Kết luận chương 2

1. Giáo dục KNHT cho trẻ mẫu giáo là xu hướng tất yếu của thời đại. Hiện nay các trường MN đã quan tâm đến việc giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ trong đó có KNHT. Tuy nhiên đa phần GVMN còn thiếu kiến thức về giáo dục KNHT, do đó GV còn gặp nhiều khó khăn và lúng túng khi giáo dục KNHT cho trẻ.

2. Hầu hết các GV đều ý thức được tầm quan trọng của việc giáo dục KNHT cho trẻ 5 -6 tuổi trong nhà trường mẫu giáo ở nhiều khía cạnh khác nhau. Việc ý thức được vai trò, ý nghĩa của giáo dục kĩ năng hợp tác ở trẻ MN là điều kiện thúc đẩy các GV hiện thực, cụ thể hóa vào việc thiết kế hoạt động chơi, cũng như các biện pháp giáo dục. Tuy nhiên, qua khảo sát, hầu hết GV còn bộc lộ sự mơ hồ về bản chất cốt lõi của khái niệm KNHT, cũng như nhận thức về biểu hiện KNHT của trẻ trong TCĐVCCĐ còn thiếu đồng bộ và thiếu tính đặc trưng, chưa thấy hết được vai trò quan trọng của TCĐVCCĐ đối với việc giáo dục KNHT cho trẻ.

3. Trẻ mẫu giáo 5- 6 tuổi đã có những biểu hiện KNHT nhất định trong TCĐVCCĐ. Tuy nhiên những biểu hiện này chưa đồng bộ và bền vững, nguyên nhân bởi chúng hầu hết là hành động tự phát, không khởi sinh từ nhận thức của trẻ về KNHT trong khi chơi. KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ còn rời rạc, chỉ đạt ở mức độ trung bình – thấp.

4. GV cũng đã có ý thức xây dựng các biện pháp để giáo dục KNHT cho trẻ, lồng ghép, tích hợp vào các hoạt động thường nhật trong nhà trường MN, tuy nhiên các biện pháp này còn thiếu, chưa đi vào trọng tâm giáo dục KNHT cho trẻ trong TCĐVCCĐ, chưa hướng đến phát triển những biểu hiện KNHT, dẫn đến thực trạng KNHT của trẻ trong TCĐVCCĐ chưa cao và chưa đồng bộ.

5. Bên cạnh những thuận lợi, thì khó khăn chủ yếu của GV trong quá trình giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ là số lượng trẻ trong lớp đông và khó khăn trong việc lựa chọn, tìm kiếm các phương pháp, biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ.

Chương 3. BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KĨ NĂNG HỢP TÁC TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở TRƯỜNG MẦM NON VÀ THỰC NGHIỆM

3.1. Xây dựng biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi

3.1.1. Nguyên tắc xây dựng biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề

Đảm bảo mục tiêu

Biện pháp phải hướng đến mục tiêu của trò chơi, mục tiêu giáo dục KNHT và mục tiêu giáo dục chung. Các biện pháp được xây dựng cần khai thác được triệt để những khả năng đã có của trẻ và phát triển những gì mới bắt đầu xuất hiện. Chính vì vậy, khi xây dựng các biện pháp cần lưu ý đến mục tiêu giáo dục MN, mục tiêu giáo dục trẻ 5-6 tuổi, mục tiêu cho từng chủ đề, chủ điểm, từng trò chơi, đồng thời lưu ý đến các yếu tố kích thích KNHT ở trẻ như môi trường, sự khuyến khích, cách hướng dẫn và đánh giá của GV và bạn bè.

Đảm bảo tính khoa học và sáng tạo

Các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ trong trò chơi ĐVCCĐ được xây dựng một cách khoa học, có mục đích, có kế hoạch. Các biện pháp có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và có mối quan hệ qua lại, chặt chẽ với mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức trò chơi ĐVCCĐ. Đồng thời các biện pháp đề xuất phải dựa trên những cơ sở khoa học đã được kiểm chứng. Đó là quan điểm duy vật biện chứng của triết học Mác – Lênin, quan điểm hướng vào trẻ, khuyến khích trẻ hoạt động một cách độc lập và được tự do thể hiện ý tưởng của mình. Khi xây dựng các biện pháp luận án cũng tiếp thu quan điểm lí thuyết "vùng phát triển gần nhất" của L.X. Vygôtxky trong đó có việc tìm hiểu vùng phát triển gần nhất của trẻ 5-6 tuổi để đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Đảm bảo phù hợp với hoạt động và đặc điểm của trò chơi đóng vai có chủ đề

Trò chơi ĐVCCĐ là hoạt động mang tính tượng trưng, có đặc trưng là phản ánh lại các mối quan hệ trong cuộc sống. Vì vậy, biện pháp tổ chức phải tuân thủ các bước của một hoạt động và phải dựa trên đặc điểm của loại trò chơi này. Các

biện pháp này cũng cần tính đến tính tích cực, độc lập trong hoạt động vui chơi của trẻ và phù hợp với mức độ hoạt động của trẻ.

Đảm bảo tính khả thi và hiệu quả

Các biện pháp đề xuất phải áp dụng được trong thực tế và nhiều người (cha mẹ, giáo viện, các nhà chuyên môn…) đều có thể áp dụng được. Đồng thời các biện pháp này phải giúp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi một cách tốt nhất. Muốn vậy khi xây dựng các biện pháp cần căn cứ vào điều kiện thực tế như điều kiện cơ sở vật chất, kinh tế, văn hóa của nhà trường, gia đình và địa phương, cũng như dựa trên mức độ phát triển hiện tại của trẻ 5-6 tuổi. Các biện pháp cũng cần phát huy và kế thừa những điểm mạnh trong tổ chức trò chơi hiện nay ở trường MN, phù hợp với văn hóa Việt Nam, có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong giáo dục trẻ.

Đảm bảo tính giáo dục và phát triển

Các biện pháp xây dựng luôn hướng tới mục đích giáo dục là giúp trẻ phát triển về mọi mặt trong đó có KNHT. Các biện pháp phải hướng tới mục tiêu giáo dục KNHT nói riêng và mục tiêu giáo dục chung cho trẻ 5-6 tuổi. Đồng thời khi xây dựng các biện pháp tác động phải tuân theo quan điểm phát triển, có nghĩa mỗi trẻ có mức độ, tốc độ và các lĩnh vực phát triển khác nhau nhưng đều tuân theo một trình tự và quy luật nhất định là phát triển từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp.

3.1.2. Biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5 -6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề ở trường mầm non

Căn cứ vào cơ sở lí luận, cơ sở thực tiễn và các nguyên tắc xây dựng biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ, luận án đề xuất một số biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi ĐVCCĐ ở trường MN. Các biện pháp này được chia thành ba nhóm dựa theo tiến trình của trò chơi. Mối quan hệ giữa các biện pháp này được thể hiện trong sơ đồ sau đây.

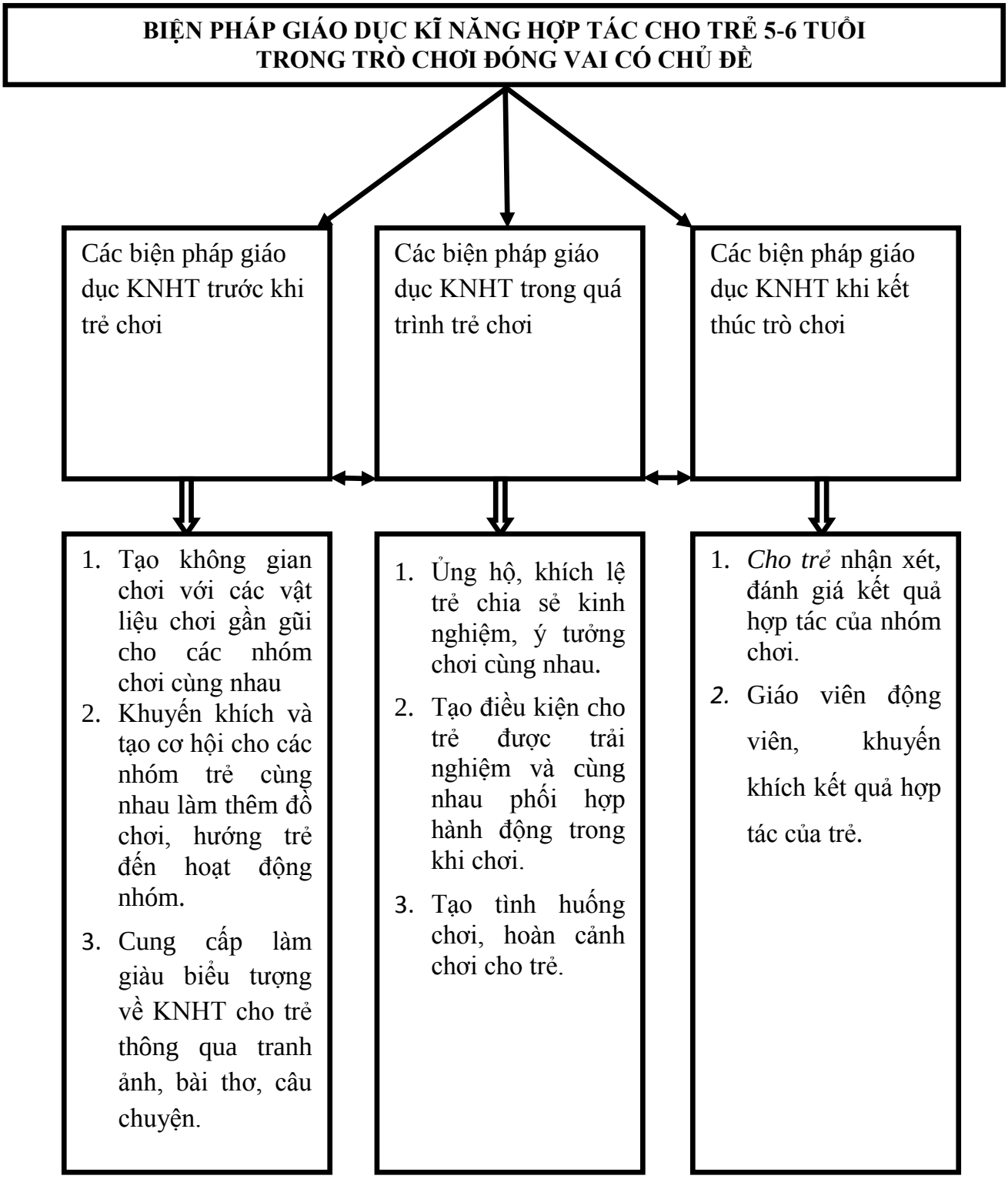

Các nhóm biện pháp có mối quan hệ chặt chẽ, bổ xung cho nhau và thống nhất trong quá trình trẻ trò chơi. Chuẩn bị cho trẻ chơi phải dựa trên điều kiện tổ

chức trò chơi, chủ đề chơi, mục tiêu giáo dục, các phương pháp hướng dẫn và đánh giá. Đồng thời chuẩn bị trước khi chơi là chuẩn bị các điều kiện về tâm lí và vật chất để khuyến khích trẻ 5-6 tuổi chơi qua đó giáo dục KNHT cho trẻ.

GV nên phối hợp sử dụng các biện pháp giáo dục một các linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở, khả năng, nhu cầu của trẻ trong lớp. Mỗi trẻ có vốn sống, vốn kinh nghiệm, mức độ trưởng thành, mức độ phát triển, mức độ hoạt động riêng, GV nên áp dụng các biện pháp một cách sáng tạo và có thể điều chỉnh khi cần.

3.1.3. Các biện pháp giáo dục KNHT trước khi trẻ chơi

Hoạt động chơi huy động sự tham gia của trẻ trong vai trò thực thi, GV trong vị thế người lên kế hoạch và dẫn dắt, và môi trường chơi giữ vị trí quan trọng trong việc tạo dựng những điều kiện cơ bản và kích thích tinh thần chơi ở trẻ. Môi trường có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng chơi cũng như KNHT của trẻ. ngoài GV và gia đình thì môi trường được ví như người GV thứ ba. Vì vậy việc tạo dựng môi trường tinh thần và môi trường vật chất cho trẻ trước khi chơi hướng đến mục đích giáo dục có ý nghĩa quan trọng trong quá trình giáo dục KNHT cho trẻ.

Biện pháp 1: Xây dựng môi trường chơi cho trẻ

- **Mục tiêu và ý nghĩa**

Ngày nay trong công tác đổi mới giáo dục MN thì trẻ em vừa là sản phẩm vừa là chủ thể của hoạt động. Vì vậy, vấn đề GV tạo môi trường và không gian cho trẻ hoạt động rất quan trọng, nó có tác dụng hỗ trợ sự lựa chọn các hoạt động của trẻ, môi trường chơi được đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng để tạo cảm hứng học hỏi và khám phá cho trẻ, đồng thời tạo điều kiện cho hoạt động của cô và của trẻ thêm hứng thú. Môi trường chơi tốt bao gồm một không gian chơi rộng rãi, thoáng mát, với các đồ chơi đa dạng, phong phú, mới lạ và hấp dẫn, một bầu không khí thân thiện, bình đẳng là một việc làm vô cùng quan trọng và cần thiết trong vui chơi, đặc biệt là trong việc giáo dục KNHT cho trẻ.

Môi trường chơi trong lớp không thể thiếu những góc chơi của trẻ, việc sắp xếp những góc chơi thuận lợi, với những đồ chơi gần gũi, quen thuộc với cuộc sống hằng ngày của trẻ, phản ánh văn hóa địa phương, cùng với bầu không khí thân thiện có ý nghĩa rất lớn với trẻ. Một không gian chơi tốt mang lại cho trẻ cơ hội phát triển

ngày càng rộng mở hơn, tạo cơ hội cho trẻ nảy sinh ý tưởng chơi, dự định chơi. Hơn thế nữa với những góc chơi được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, được ngăn cách một cách khéo léo và bầu không khí cởi mở còn là nơi để trẻ mẫu giáo thỏa sức thực hiện những trò chơi và vai chơi mà trẻ ưa thích trong các trò chơi.

Thực tế hiện nay ở các trường MN, do số lượng trẻ trong lớp tương đối đông nên không gian cho trẻ chơi chật hẹp, đồ dùng, đồ chơi còn thiếu thốn nên không đáp ứng được nhu cầu chơi của trẻ em. Trong khi đó việc giáo dục KNHT cho trẻ trong TCĐVCCĐ lại đòi hỏi phải có một không gian hấp dẫn, rộng rãi, thoáng mát, vệ sinh với một thế giới đồ chơi phong phú, đa dạng, mới lạ và bầu không khí thân thiện, cởi mở… có như vậy mới kích thích hứng thú chơi và thúc đẩy trẻ rèn luyện các KNHT theo khả năng của mình.

Môi trường chơi cô tạo ra phải mang lại cho trẻ cảm thấy được sự an toàn, ấm áp và những quan hệ tin cậy để khuyến khích trẻ tự tin khám phá và dấn thân. Giúp trẻ tạo mối quan hệ với người khác, phát triển tình bạn và điều chỉnh hành vi của mình. Cùng nhau trẻ và GV và tạo nên sắc thái cảm xúc và không gian xã hội của môi trường xung quanh thúc đẩy quá trình hoạt động chung của trẻ.

- **Nội dung và cách tiến hành**

Để có thể tận dụng không gian chơi như một thành tố quan trọng trong việc giáo dục KNHT cho trẻ, trước hết GV cần tạo ra các góc chơi sáng tạo, có mục đích tổ chức rõ ràng. GV lựa chọn vị trí chơi đảm bảo rộng rãi, thoáng mát, thuận tiện, an toàn, vệ sinh phù hợp với các loại trò chơi và với điều kiện cụ thể của lớp học. GV có thể linh động trong những môi trường lớp học nhỏ hẹp, tận dụng ban công, hành lang, hoặc các không gian bên ngoài lớp học để tổ chức và tạo các góc hoạt động cho trẻ. Luôn luôn đảm bảo cho trẻ có một không gian hoạt động tự do thoải mái có như vậy mới kích thích trẻ bộc lộ và rèn luyện các KNHT.

Để môi trường chơi mang ý nghĩa giáo dục cụ thể, với mỗi chủ đề khác nhau, GV cần thường xuyên thay đổi cách trang trí, sắp xếp các góc theo những chủ đề và mục đích riêng. Bằng sự thay đổi góc chơi, đồng thời đầu tư vào những công cụ, vật dụng tái hiện bối cảnh trò chơi, cô giúp cho trẻ dễ dàng hòa nhập vào trò chơi, linh

động trong nhận thức về hoàn cảnh, kích thích tư duy và năng lực nhận biết, hòa nhập và ứng xử ở trẻ.

GV cần phải sắp xếp vị trí hoạt động của các góc chơi một cách phù hợp để trẻ dễ dàng quan sát, di chuyển. Việc sắp xếp các góc hoạt động "tĩnh" và nhóm hoạt động "động" xa nhau để không làm ảnh hưởng đến hoạt động của trẻ ở các góc khác nhau. Chẳng hạn: góc "gia đình" nên sắp xếp cạnh góc "bán hàng", "bác sĩ" để các thành viên của gia đình đi mua sắm ở các cửa hàng, siêu thị, đi khám bệnh ở bệnh viện…

Việc bố trí trò chơi cũng thể hiện mục đích và định hướng giảng dạy của GV. Ngoài việc bố trí đồ dùng ở các góc chơi phù hợp với nội dung, phải an toàn, vệ sinh, GV đồng thời phải chú ý đến tính mở và xuất phát từ kinh nghiệm, kỹ năng của trẻ.

Môi trường chơi hấp dẫn bao gồm cả việc tạo dựng mối quan hệ thân thiện, cởi mở, gần gũi giữa trẻ với trẻ, giữa trẻ với cô giáo. Sự chân tình, cởi mở, gần gũi của cô sẽ tạo cho trẻ cảm giác thoải mái, an toàn, dễ chịu và là điều kiện thuận lợi để trẻ được là chính mình. Đó là cơ sở để cho mọi hoạt động giáo dục trở nên nhẹ nhàng, hấp dẫn trẻ luôn tự tin, mạnh dạn, chủ động và tích cực khi tham gia vào các trò chơi.

Trẻ duy trì được mối quan hệ tốt với bạn chơi thì đó là điều kiện rất thuận lợi để có thể chơi cùng nhau, hợp tác gắn bó cùng nhau. Để làm được điều này, GV cần đặt mình vào suy nghĩ, tri nhận và cảm xúc của trẻ, cùng chơi và gợi mở các hướng chơi… để tạo cho trẻ cảm giác cô chính là "bạn" của trẻ. Từ đó trẻ bộc bạch lòng mình, mạnh dạn bày tỏ ý kiến, quan điểm của bản thân, khuyến khích trẻ cùng hoạt động, giao tiếp, bàn bạc, chia sẻ ý tưởng với bạn trong khi chơi.

Mặt khác, cô giáo cũng cần có sự động viên, khuyến khích cần thiết đối với những nổ lực và thành quả của trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ chơi. Cô giáo phải đóng vai trò người tổ chức, hướng dẫn, là "điểm tựa", là "thang đỡ" cho trẻ, giúp đỡ trẻ khi cần thiết.

Biện pháp 2: Khuyến khích và tạo cơ hội cho các nhóm trẻ cùng nhau làm thêm đồ chơi, hướng trẻ đến hoạt động nhóm

- Mục tiêu và ý nghĩa

Trong trường MN, vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ và đồ chơi là phương tiện giúp trẻ thực hiện hoạt động đó. Ngoài vai trò như một phương tiện

giúp trẻ tiếp thu bài học một cách hứng thú và hiệu quả, đồ chơi hoàn toàn có thể trở thành một nội dung bài học. GV khuyến khích trẻ cùng nhau làm đồ chơi tự tạo phục vụ cho quá trình chơi. Quá trình làm đồ chơi là quá trình lao động tạo ra sản phẩm, không chỉ khiến trẻ trân trọng sản phẩm tự tay làm ra nhiều hơn là đồ chơi mùa sẵn, mà còn tạo điều kiện để trẻ nhìn nhận được kết quả hành động của mình, tự đánh giá, thẩm định kết quả của hành động. Trong quá trình làm đồ chơi trẻ sẽ cùng nhau bàn bạc, chia sẻ, trao đổi ý tưởng cùng nhau thực hiện nhiệm vụ để đạt được kết quả cuối cùng, đó chính là sản phẩm đồ chơi. Có thể thấy, tự làm trò chơi là điều kiện thuận lợi để lồng ghép giáo dục KNHT cho trẻ.

Làm đồ chơi trong nhóm không chỉ giúp trẻ có cơ hội được làm việc cùng nhau mà còn phát huy được tính sáng tạo của trẻ. Cá tính, sự tri nhận, hiểu biết và mối quan tâm của từng trẻ thể hiện ở việc các em đưa tra ý kiến khi tìm nguồn nguyên vật liệu, xây dựng ý tưởng... Quan sát trẻ trong quá trình trao đổi, bàn bạc và thực hiện hành động, GV sẽ nhận diện được những tính cách, sự hứng thú, thế mạnh và điểm yếu của từng trẻ. quá trình cùng làm đồ chơi giúp trẻ gắn bó với nhau, hiểu bạn, cảm thông và chia sẻ lẫn nhau, nhận ra những ưu điểm và khả năng của bạn từ đó có thể phân công nhiệm vụ cho nhau một cách hợp lý khi chơi.

Đồng thời làm phong phú thêm đồ chơi và các góc chơi, giúp trẻ hứng thú và thuận lợi trong quá trình chơi.

- **Nội dung và cách tiến hành**

Chương trình dạy trẻ làm đồ chơi phải đảm bảo theo mục tiêu giáo dục, mang tính thẩm mỹ, phải giúp trẻ phát triển trí tưởng tượng, kích thích tính độc lập, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm 5-6 tuổi và đảm bảo sự an toàn cho trẻ.

- GV có thể tạo ra những tình huống, chứa đựng nhiệm vụ làm đồ chơi và yêu cầu trẻ thực hiện:

Ví dụ: Cô đã chuẩn bị một số đồ dùng đồ chơi cho "Cửa hàng bách hóa" tuy nhiên đồ chơi cô chuẩn bị chưa đủ, còn thiếu một vài đồ chơi. Cô có thể tạo tình huống:

"Ngày mai lớp chúng ta sẽ khai trương "cửa hàng bách hóa", nhưng do cô bận quá nên chưa chuẩn bị được đầy đủ các món đồ cho cửa hàng, các con có thể giúp cô chuẩn bị một số đồ chơi cho cửa hàng bách hóa của chúng ta thêm phong

phú được không?" Thế là cô giao nhiệm vụ cho trẻ, với nguyên vật liệu cô đã chuẩn bị sẵn. Một nhóm bạn sẽ giúp cô làm những cái nón để bán trong cửa hàng nhé. Một nhóm bạn sẽ giúp cô làm những giỏ hoa nhé…

- Nguyên vật liệu được cô chuẩn bị sẵn trên những cái bàn nhỏ, và trẻ sẽ tự do lựa chọn nhóm bạn để thực hiện món đồ chơi mà nhóm chọn.

- GV dành thời gian cho các nhóm tự thảo luận, bàn bạc xem sẽ làm như thế nào, ai sẽ làm gì, cần những vật liệu gì để làm. Sau đó có thể gợi ý, hoặc hướng dẫn trẻ thực hiện.

Biện pháp 3: Cung cấp làm giàu biểu tượng về KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ thông qua tranh ảnh, bài thơ, câu chuyện

- ***Mục đích và ý nghĩa***

Nhằm mở rộng khả năng nhận biết, phân biệt, thể hiện sự hợp tác với bạn bè của trẻ, làm giàu những biểu tượng về KNHT cho trẻ, GV chuẩn bị tranh ảnh chứa đựng những hình ảnh hợp tác của trẻ trong TCĐVCCĐ, những bài thơ, câu chuyện chứa dựng những nội dung hợp tác…cho trẻ được quan sát, được cảm nhận. Qua đó tạo tiền đề giúp trẻ nhận thức rõ ràng hơn về KNHT trong TCĐVCCĐ khi trẻ chơi cùng nhau.

Khơi dậy sự hứng thú với các biểu hiện KNHT trong TCĐVCCĐ, ghi nhớ và làm phong phú thêm những biểu hiện cơ bản đó. Khuyến khích trẻ nhận biết những phản ứng về cảm xúc và phát triển kĩ năng thể hiện trạng thái cảm xúc của mình.

Trong quá trình chơi không chỉ đòi hỏi khả năng thấu hiểu cảm xúc, mà còn là tinh thần hợp tác để hành động giữa các em. Việc trẻ được cung cấp thêm những biểu tượng về KNHT trong TCĐVCCĐ giúp trẻ hiểu hơn về KNHT, bên cạnh đó còn giúp trẻ biết cách bày tỏ cảm xúc bản thân và nhận biết được cảm xúc từ những trẻ khác; đặt mình vào vị trí của bạn, học cách phản ứng lại một cách phù hợp với trạng thái cảm xúc của bạn nhằm cùng thấu hiểu lẫn nhau.

- ***Nội dung và cách tiến hành***

Việc làm giàu những biểu tượng về KNHT, biểu hiện KNHT trong TCĐVCCĐ có ý nghĩa hết sức quan trọng nó không chỉ nhằm mục đích giúp trẻ biết cách điều phối, duy trì bầu không khí tích cực trong khi chơi, thực chất đây là những chuẩn mực ứng xử

trong cuộc sống hàng ngày. Biểu hiện l*ắng nghe*, hay nói cách khác là nghe tích cực, nghe để thấu hiểu và học hỏi từ bạn, không phải nghe để bắt lỗi bạn, hay ngắt ngang lời bạn nói trong khi hoạt động cùng nhau. *Thảo luận* thể hiện sự nhiệt tình đóng góp công sức của bản thân để cùng nhau thống nhất mục tiêu và kế hoạch hoạt động, cùng hướng tới kết quả hoạt động. Việc thường xuyên thảo luận giúp trẻ biết đặt lợi ích của tập thể lên trên sở thích và những mối quan tâm riêng của bản thân mình. *Chia sẻ* thể hiện ý thức, trách nhiệm với nhiệm vụ chơi, chia sẻ với bạn phần việc bạn làm chưa xong, hoặc nhờ bạn giúp đỡ mình, đó là một điều hết sức cần thiết khi chơi chung. Chia sẻ còn thể hiện khả năng quan sát, bao quát hoạt động của trẻ. *Phân công công việc hợp lí* làm cho trò chơi công bằng và hoàn hảo hơn. Khi tham gia trò chơi, trẻ phải biết tự đánh giá khả năng riêng của bản thân mình cũng như sở thích, nguyện vọng và khả năng của các bạn trong nhóm, từ đó đưa ra những ý kiến phù hợp nhất với việc phân công các phần việc cụ thể cho từng bạn. *Giải quyết xung đột* để bầu không khí hợp tác quay trở lại. Trong khi hoạt động chung mỗi trẻ phải có khả năng tự kiềm chế, phục tùng những quy định chung, biết giải quyết mâu thuẫn một cách hòa bình, trên cơ sở tôn trọng và nhường nhịn lẫn nhau. Như vậy khi trẻ nhận biết được những biểu hiện này qua tranh ảnh, bài thơ, câu chuyện… dẫn tới trẻ biết cư xử đúng mực trong khi chơi, biết cách hợp tác cùng nhau, điều này sẽ hướng tới sự thuận lợi, suôn sẻ trong khi chơi.

Để làm giàu thêm biểu tượng về KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ cô diễn đạt qua tranh ảnh có chứa đựng biểu hiện hợp tác cho trẻ nghe, sau đó đặt câu hỏi đàm thoại với trẻ về nội dung trong tranh, ảnh, trong quá trình đàm thoại cô cho trẻ được thể hiện suy nghĩ của bản thân trẻ về bức tranh, ảnh, và thể hiện cách đánh giá của mình về cách giải quyết của các nhân vật trong tranh, ảnh.

Hoặc cô yêu cầu trẻ quan sát tranh và diễn đạt tình huống theo tranh dựa trên suy nghĩ của trẻ khi quan sát tranh. Trong quá trình trẻ diễn đạt cô linh hoạt hướng trẻ diễn đạt đúng nội dung tình huống bằng cách đặt các câu hỏi gợi mở cho trẻ dựa trên thể hiện của bức tranh. Sau đó cô diễn đạt tình huống theo tranh cho trẻ nghe, và đặt câu hỏi đàm thoại đối với trẻ, đồng thời cũng cho trẻ được thể hiện cách đánh giá của mình về cách giải quyết của các nhân vật trong tình huống.

Cô cũng có thể kể cho trẻ nghe những câu chuyện chứa đựng những biểu hiện KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ nghe, sau đó đàm thoại với trẻ xoay quanh biểu hiện hợp tác trong câu chuyện đó.

Cô có thể tiến hành củng cố những biểu tượng về KNHT cho trẻ vào thời gian buổi chiều mỗi ngày, và có thể tiến hành giáo dục trẻ mỗi ngày một "biểu hiện hợp tác". Cô có linh hoạt việc sử dụng thời gian trong ngày, như thời gian chuyển tiếp giữa các hoạt động, sau thể dục sáng, trong thời gian dạo chơi ngoài trời, hoạt động chiều, thời gian đón, trả trẻ... và vấn đề này phải được đặt mục tiêu và triển khai cụ thể trong kế hoạch kế hoạch giảng dạy của cô.

3.1.4. Các biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác trong quá trình trẻ chơi

Biện pháp 1: Ủng hộ, khích lệ trẻ chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi cùng nhau

- ***Mục tiêu và ý nghĩa***

Với trẻ em, mọi hoạt động vui chơi đều phải chứa đựng trong đó yếu tố kích thích của trò chơi. Đặc trưng độ tuổi trẻ MN trong sự hình thành nhận thức rõ rệt về hành động và các vai hành động, trẻ muốn được làm người lớn, trong vị thế tự chủ, được quyết định và tự làm việc. Điều này làm nảy sinh tâm lý bất kỳ hoạt động nào do trẻ khởi xướng cũng sẽ thu hút trẻ lâu so với hoạt động do người lớn gợi ý. Khi tham gia trò chơi, trẻ luôn mong muốn được mọi người tôn trọng mình, được thể hiện tính tự nguyện, độc lập, sáng tạo, tự nói ra ý tưởng và kinh nghiệm chơi... Trẻ hứng thú và say mê chơi khi được chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng của bản thân cho các bạn của mình trong một môi trường phong phú đầy tính kích thích, không gian hoạt động nhiều mầu sắc. Tất cả những điều đó đã tạo nên sự phấn chấn ở trẻ khi tham gia trò chơi, giúp trẻ tích cực chủ động tham gia vào trò chơi, cố gắng nỗ lực thực hiện ý đồ chơi của mình, thoả thích bày tỏ mơ ước của bản thân. Đây cũng là điều kiện thuận lợi biểu lộ một cách thực tế những chuẩn mực và quy tắc hành vi trẻ đã được lĩnh hội, phát huy và bộc lộ kỹ năng hợp tác trong tập thể bạn cùng tuổi.

Có thể thấy, nếu GV không tôn trọng trẻ, luôn áp đặt trẻ chơi theo ý tưởng của mình thì sẽ làm mất đi hứng thú và lòng say mê khám phá nơi các em, gây phản tác dụng của trò chơi. GV khích lệ trẻ bộc lộ mình trong trò chơi, tuy nhiên luôn có sự quan sát, điều phối và định hướng, để điều chỉnh những hành động và thái độ

tiêu cực ở trẻ. Cố gắng thể hiện mình trong cuộc chơi không có nghĩa là khẳng định cá nhân trẻ, mà là thể hiện sức mạnh của tập thể mình, tăng tính cộng đồng của trẻ.

Đây là biện pháp đầu tiên trong nhóm các biện pháp mà chúng tôi sẽ áp dụng nhằm phát triển kỹ năng hợp tác của trẻ MG 5 - 6 tuổi trong trò chơi ĐVCCĐ. Từ việc xây dựng và thực hiện biện pháp này, sẽ tạo điều kiện để các biện pháp sau được thực hiện một cách thuận lợi hơn.

- Nội dung và cách tiến hành

Trong quá trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ, GV cần làm cho trẻ cảm nhận mình là người đặc biệt và quan trọng đối với các bạn, có vai trò nhất định trong trò chơi, không áp đặt trẻ chơi theo ý tưởng của cô,tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi nhất để trẻ được chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi cùng nhau trong các buổi chơi. Đây là điều kiện quan trọng để trẻ có thể bộc lộ và phát triển kỹ năng hợp tác của mình.

Sau khi đã ổn định trẻ, GV cần dành một khoảng thời gian ngắn trò chuyện với trẻ về chủ đề chơi, nội dung chơi, góc chơi cho trẻ. Đưa ra cho trẻ chủ đề chung và định hướng ban đầu của trò chơi,GV đặt câu hỏi, gợi mở và lắng nghe ý kiến của trẻ đặc biệt là các ý tưởng chơi và kinh nghiệm của trẻ để tạo điều kiện tổ chức cho trẻ chơi một cách hiệu quả.

Ví dụ: GV chỉ cần hỏi: "Hôm nay các con đã quyết định chơi trò chơi gì chưa? Trò chơi của các con sẽ như thế nào? Con định đóng vai đó như thế nào?..." Câu hỏi của GV khiến cho trẻ tin rằng chính chúng tự đưa ra chủ đề chơi, ý tưởng chơi, chính chúng tự thoả thuận với nhau để gọi tên trò chơi và phân vai chơi. Thực tế thì GV phải tạo ra hứng thú đối với các ấn tượng đã có của trẻ, để trẻ tự mình muốn tái tạo các ấn tượng đó vào trong trò chơi.

Khi tham gia vào trò chơi ĐVCCĐ, vai trò của GV rất quan trọng đối với trẻ. Ở các trò chơi GV luôn có cử chỉ nhẹ nhàng, tôn trọng, tin tưởng và chấp nhận các ý tưởng tốt của trẻ và như vậy sẽ tạo cho trẻ có niềm tin vào bản thân mình khi tham gia vào các hoạt động. Ngoài ra GV còn luôn khêu gợi hứng thú để khuyến khích trẻ chia sẻ ý tưởng, kinh nghiệm chơi với các bạn một cách hiệu quả.

Nhằm tạo cảm giác thoải mái, hứng thú chơi hết mình và kích thích trẻ chia sẻ ý tưởng, kinh nghiệm của bản thân thì GV cần phải biết lắng nghe trẻ. Điều này được thể hiện ở hành vi hướng vào trẻ khi nói, chăm chú nhìn vào mắt trẻ, nở nụ cười với trẻ, đồng thời đưa ra lời khen ngợi khi cần thiết. Qua đó tạo cho trẻ niềm vui hân hoan sẵn sàng chia sẻ ý tưởng, kinh nghiệm của bản thân và tạo mối quan hệ tốt với GV và các bạn cùng chơi.

Mỗi khi trẻ có hành động nào đó thể hiện sự chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi cùng nhau, GV đừng quyên tán dương, khen ngợi trẻ đúng lúc. Điều đó sẽ khiến trẻ hào hứng hành động tiếp vào những lần sau. Ví dụ: "Hôm trước cô rất vui vì bạn T và L đã nghĩ ra cách để cùng cắm một bình hoa thiệt đẹp để ở quầy thu tiền của cửa hàng bách hóa ". Như vậy trẻ sẽ ghi nhớ rằng, việc trẻ chia sẻ ý tưởng, kinh nghiệm chơi cùng nhau khiến cô giáo vui lòng, còn trẻ thì được chơi thật thoải mái. Trẻ cần hiểu rằng chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi cùng nhau là việc làm tốt cần phát huy.

Có thể thấy rằng, việc khuyến khích trẻ chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi cùng nhau qua các buổi chơi trong trò chơi ĐVCCĐ sẽ kích thích hứng thú, sự tự tin của trẻ vào quyết định của mình. Đáp ứng nhu cầu hứng thú cho trẻ sẽ tạo điều kiện để trẻ tích cực hợp tác với nhau hơn trong quá trình chơi.

Biện pháp 2: Tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm và cùng nhau phối hợp hành động trong khi chơi

- Mục tiêu và ý nghĩa

Thực chất trong các mối quan hệ hàng ngày với cô và các bạn, trẻ đã có sự giao tiếp và cùng làm việc ở mức độ nào đó, tuy nhiên phần lớn cá hoạt động đó mới dừng lại ở sự tương tác, chưa phải đòi hỏi ở trẻ các KNHT. GV cần là người đặt ra các hoạt động "có vấn đề", đưa ra một nhiệm vụ chung hấp dẫn đòi hỏi trẻ phải cùng suy nghĩ và chia sẻ ý tưởng, bàn bạc, thỏa thuận, thống nhất, phân chia nhiệm vụ và phối hợp hành động để giải quyết.

Bằng việc trực tiếp tham gia vào hoạt động thực tế, đặc thù, trẻ sẽ hình thành nhận thức về hợp tác, đối mặt với những vấn đề phát sinh trong quá trình hợp tác như bất đồng trong ý tưởng, xung đột, mâu thuẫn giữa các bạn chơi, khó khăn khi

thực hiện nhiệm vụ,.. Từ việc quan sát trẻ trong các hoạt động cụ thể, GV sẽ nhìn thấy được năng lực hợp tác của mỗi em, từ sự lắng nghe, thấu hiểu, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè, đến năng lực phối hợp hoạt động chặt chẽ, nhịp nhàng.

Đưa ra nhiệm vụ để trẻ tự bộc lộ năng lực bản thân, song song với việc quan sát GV đưa ra sự gợi ý, hướng dẫn và hỗ trợ, giúp các em thực hiện nhiệm vụ một cách thuận lợi, theo một quy trình và đảm bảo những yêu cầu cơ bản của hợp tác, từ những thực hành cụ thể để tạo thành KNHT cho trẻ.

- Nội dung và cách tiến hành

GV cần đặt ra được những chủ đề chơi đa dạng, mới mẻ, kích thích sự hứng thú và mong muốn chơi ở trẻ. Mỗi chủ đề đi kèm với nó là nhiệm vụ của hoạt động cụ thể, rành mạch, tập trung hướng trẻ hoạt động nhóm cùng nhau.

Cho trẻ được trải nghiệm những hoạt động thực tế của người lớn dưới các hình thức như bài tập lớn ngoài trời, hoặc trong lớp. Trẻ được làm những công việc thực tế của góc đóng vai như: Cùng cô làm bánh, cùng các bạn làm cooktai, cùng các bạn làm sâm bổ lượng...

Bên cạnh đó, GV tạo những tình huống chơi hấp dẫn, mang tính có vấn đề khơi gợi ở trẻ lòng khao khát, mong muốn được bộc lộ và thể hiện các kinh nghiệm của bản thân để cùng thực hiện các công việc chung... Nên GV phải tạo tình huống liên kết nhóm chơi "Hôm nay lớp chúng ta sẽ có một buổi hội chợ", qua đó, trẻ sẽ phải bàn bạc, thảo luật với nhau cần phải thêm những vai mới như "người bán vé", "chú bảo vệ",... và liên kết với nhóm "cửa hàng ăn uống" nhằm phục vụ cho khách đến vui chơi. Đồng thời sẽ biết phân công nhiệm vụ với nhau với mục đích làm hài lòng "khách" đến tham quan. Thông qua việc GV đưa ra những tình huống sẽ tạo điều kiện để trẻ có cơ hội bàn bạc, thảo luận với nhau thống nhất cách chơi từ đó phát triển ở trẻ khả năng sáng tạo, tính mạn dạn, tự tin, thể hiện bản thân.

GV luôn để dành ra cho trẻ khoảng thời gian tự chủ, ở đó trẻ suy nghĩ, bàn bạc với các thành viên trong nhóm để đưa ra phương án tối ưu nhất. Đồng thời GV luôn tạo điều kiện cho trẻ hợp tác cùng nhau ở mọi lúc mọi nơi như: cùng nhau kê bàn ghế chuẩn bị bữa ăn, cùng nhau làm đồ chơi làm phong phú các góc chơi.GV

luôn có sự hổ trợ, động viên kịp thời nếu nhóm chơi không thống nhất được phương án giải quyết.

Để thực hiện được những điều này, GV cần tạo cho trẻ môi trưởng tự do, độc lập, tôn trọng ý kiến của trẻ, tạo cho trẻ cảm giác an toàn,thân thiện, tự tin bộc lộ bản thân.

Biện pháp 3: **Tạo tình huống chơi, hoàn cảnh chơi cho trẻ**

- Mục tiêu và ý nghĩa

Thường trong quá trình tham gia trò chơi ĐVCCĐ, trẻ tập trung trong nhóm của mình với nhiệm vụ riêng, thường không xuất hiện các tình huống đa dạng như trong một số hoạt động chơi khác. Chính vì vậy, để tạo điều kiện cho trẻ có cơ hội hợp tác thì việc tạo tình huống chơi mang tính hợp tác như một mũi tên trúng hai đích, vừa làm cho trẻ hứng thú chơi hơn vừa tạo thêm cơ hội cho trẻ hợp tác.

Tính vấn đề của các tình huống trong chơi kích thích sự hứng thú ở trẻ và duy trì hứng thú trong suốt quá trình chơi. Những tình huống nảy sinh trong quá tình chơi khiến trẻ phải đặt câu hỏi, kích thích trí tò mò ham hiểu biết và sự khao khát, mong muốn chinh phục, muốn làm những việc có nghĩa như: quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ, nhường nhịn giữa các thành viên trong nhóm lớp cũng như với mọi người xung quanh, từ đó kỹ năng hợp tác của trẻ cũng được phát triển.

- Nội dung và cách tiến hành

Trong quá trình trẻ tham gia vào trò chơi đóng vai, GV tạo tình huống chơi hấp dẫn mang tính nêu vấn đề, lôi cuốn thu hút trẻ vào các tình huống đó. Ngoài ra, GV cần khơi gợi ở trẻ lòng khao khát, mong muốn được làm việc cùng nhau, cùng đàm phán, thỏa hiệp, giúp đỡ chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm với nhau để cùng thực hiện công việc chung. Các tình huống được nảy sinh từ các mối quan hệ diễn ra trong quá trình tổ chức trò chơi nhằm kích thích và phát triển ở trẻ tính tích cực hợp tác giữa các vai chơi với nhau..

- Cách tiến hành: GV theo dõi, quan sát ở từng nhóm chơi để kịp thời phát hiện ra những tình huống nảy sinh trong quá trình chơi, gợi mở, kích thích và yêu cầu trẻ giải quyết tình huống. Qua đó GV chủ động tạo ra các tình huống chơi cho trẻ theo diễn biến của cuộc chơi.

- Các tình huống được đưa vào trong quá trình chơi phải khéo léo, linh hoạt nhằm mở rộng nội dung chơi, vai chơi, hoàn cảnh chơi, tạo điều kiện để trẻ liên kết các nhóm chơi với nhau để trẻ phản ánh các mối quan hệ phức tạp của cuộc sống người lớn vào trong trò chơi, đồng thời thông qua đó trẻ sẽ có cơ hội được thể hiện mình và biết cách ứng xử hợp tác với bạn.

- Khi tạo tình huống chơi, GV không nên đưa ra cách giải quyết cụ thể mà tạo điều kiện cho trẻ tự tìm kiếm cách giải quyết theo khả năng và kinh nghiệm của trẻ.

- GV cần kịp thời động viên, khích lệ những trẻ có biểu hiện hợp tác trong khi tham gia giải quyết tình huống có vấn đề dưới nhiều hình thức như nếu gương để các trẻ khác học tập và noi theo.

3.1.5. Các biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác khi kết thúc trò chơi

Biện pháp 1: Cho trẻ nhận xét, đánh giá kết quả hợp tác của nhóm chơi

- Mục tiêu và ý nghĩa

Việc đánh giá kết quả chơi của trẻ có vai trò quan trọng trong quá trình tổ chức chơi,bởi vì nó vừa là khâu cuối cùng nhưng lại được cho là bước khởi đầu cho quá trình sư phạm tiếp theo. Dựa trên việc đánh giá kết quả hoạt động của trẻ, GV có thể xác định được chất lượng, hiệu quả của những biện pháp giáo dục kĩ năng KNHT trong TCĐVCCĐ mà GV sử dụng, phát hiện những ưu điểm và hạn chế trong quá trình tổ chức trò chơi, từ đó có những điều chỉnh, khắc phục và đưa ra những dự kiến cho tương lai, nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong công tác giáo dục kĩ năng KNHT cho trẻ.

Việc đánh giá kết quả hoạt động của trẻ có vai trò quan trọng với người dạy học, trong việc nhận diện vè năng lực, tính cách của trẻ, từ đó có chiến lược giáo dục hiệu quả hơn. Tuy nhiên, thúc đẩy việc đánh giá này ở chính trẻ, về hoạt động của mình, cũng có ý nghĩa quan trọng. Trong quá trình tổ chức đánh giá trẻ được tự đánh giá, tự nêu ý kiến về thành tích hoạt động của bản thân như : cháu đã cùng các bạn trong lớp thảo luận và tìm ra cách giải quyết nhiệm vụ mà cô giáo giao cho... Cách đánh giá này sẽ giúp cho trẻ nhìn nhận lại bản thân và các bạn, hình thành cách so sánh, đánh giá với bạn cùng nhóm, lớp, thấy được điểm tốt, điểm chưa tốt ở cả bạn và bản thân mình, từ đó chia sẽ giúp đỡ lẫn nhau học tập kinh nghiệm. Cách

trẻ nhìn nhận về kết quả hoạt động cũng bộc lộ thiên hướng trong tính cách của trẻ: sự khiêm tốn, kiêu ngạo, công bằng, khả năng nhận sai và sửa sai,... từ đó GV có những sự điều chỉnh thích hợp. Tạo điều kiện cho trẻ được đánh giá mình và các bạn, một cách giúp trẻ biết điều chỉnh hành vi, cách ứng xử của mình phù hợp với những yêu cầu chung.

- Nội dung và cách tiến hành

Trước khi đi vào đánh giá, cô và trò phải thống nhất những cơ sở rõ ràng như: mục đích, yêu cầu và cách thức hoạt động, các thao tác, kĩ năng KNHT mà trẻ cùng với các bạn thực hiện. Trên cơ sở này làm điểm tựa giúp trẻ so sánh, đánh giá bạn và tự đánh giá bản thân mình, từ đó điều chỉnh hành vi của mình để các kĩ năng KNHT của trẻ ngày càng hoàn thiện và thành thục hơn.

GV cần tạo điều kiện cho trẻ được tham gia vào quá trình nhận xét, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau trong nhóm bạn bè.

Khuyến khích trẻ tham gia nhận xét, đánh giá bạn chơi, qua đó trẻ xác định được chất lượng và hiệu quả hoạt động của bạn. Quá trình này đòi hỏi trẻ phát hiện ra những khả năng của bạn và so sánh với bản thân, dựa trên kết quả từ nhận xét, đánh giá bạn trẻ tự đánh giá bản thân và từ đó có sự điều chỉnh hành vi, hành động cho phù hợp.

Quá trình tổ chức, đánh giá cho trẻ không chỉ để một mình trẻ mà sự tham gia của cô giáo là không thể thiếu được. Sự tham gia của cô giáo vào quá trình đánh giá sẽ giúp trẻ em cảm thấy được quan tâm, được thừa nhận… Trong khi đánh giá, cô giáo sẽ định hướng, điều khiển, điều chỉnh hành động của trẻ theo đúng hướng. Đồng thời, cô là người cùng với trẻ giải quyết một số mâu thuẫn nảy sinh có thể xảy ra trong quá trình hoạt động.

GV khuyến khích trẻ huy động những kinh nghiệm trong cuộc sống thực tế của trẻ vào quá trình nhận xét và đánh giá bạn trong trò chơi, bởi kết quả của

Khuyến khích trẻ tự đánh giá bản thân bằng cách cho trẻ nêu ý kiến về thành tích của mình, kết quả hoạt động của nhóm mình. Ví dụ: Hôm nay con chơi như thế nào? Con đóng vai gì? Con có thấy hài lòng với vai mình đóng không? Nhóm con thực hiện nhiệm vụ gì? Kết quả đạt được của nhóm?...

Chính việc cho trẻ nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm sẽ giúp trẻ tự rút ra những bài học cần thiết và đây chính là cơ sở để trẻ điều chỉnh hành vi, hành động, thái độ ứng xử của mình trong trò chơi, từ đó củng cố và phát triển các kĩ năng KNHT cho trẻ.

Trong khi hướng dẫn trẻ nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm, cô giáo cần chú ý:

• Tổ chức một cách nhẹ nhàng, thoải mái nhằm giúp trẻ tự tin, mạnh dạn và cởi mở hơn

• Cô giáo phải động viên, khuyến khích, khen chê nhẹ nhàng, đúng chỗ nhằm gây được ở trẻ một số ấn tượng mạnh như: được quan tâm, được thân thiện, được đối xử công bằng, tạo nên những trạng thái hung phấn, tình cảm tích cực thúc đẩy trẻ KNHT với nhau bền vững hơn.

• Giúp trẻ nhìn thấy những điều trẻ đã làm được và những gì còn thiều sót, chưa hoàn thiện, cần chỉnh sửa mà vẫn duy trì được hứng thú của trẻ cho những hoạt động sau.

Cô tổng kết lại những điều trẻ đã làm được, khen ngợi các nhóm chơi. Đặc biệt nhấn mạnh vai trò của từng thành viên trong nhóm chơi, và kết quả của các nhóm đạt được là do sự nỗ lực phấn đấu của tất cả các bạn trong nhóm.

Biện pháp 2: Giáo viên động viên, khuyến khích kĩ năng hợp tác của trẻ

- Mục tiêu và ý nghĩa:

Biện pháp này nhằm kích thích trẻ luôn suy nghĩ và thực hiện việc hợp tác, phối hợp với các bạn khi chơi, từ đó giúp trẻ phát triển KNHT. Việc động viên, khuyến khích kết quả hợp tác của trẻ còn giúp GV quan sát, phát hiện và đánh giá đúng những biểu hiện hợp tác của trẻ trong khi chơi, có biện pháp hỗ trợ và khuyến khích trẻ kịp thời. Giúp GV quan tâm nhiều hơn đến đặc điểm cá nhân của trẻ.

- Nội dung và cách tiến hành:

Chú trọng động viên, khuyến khích KNHT của trẻ là việc quan tâm đánh giá trẻ dựa trên những biểu hiện hợp tác trong quá trình chơi như chia sẻ, lắng nghe bạn, giúp đỡ, phối hợp hành động với bạn… chứ không chỉ là quan tâm sản phẩm cuối cùng. GV theo sát quá trình chơi của trẻ, đưa ra những lời động viên ngay

trong quá trình trẻ chơi nhằm khuyến khích trẻ biểu hiện KNHT, và động viên kết quả chơi hợp tác của từng nhóm trẻ, làm động lực cho trẻ tiếp tục hợp tác cùng nhau trong những lần chơi sau.

Bên cạnh việc động viên kết quả chơi của trẻ thì trước đó trong quá trình trẻ chơi, GV quan sát trẻ và có thể đặt câu hỏi cho trẻ, đánh giá câu trả lời của trẻ, cách làm, kết quả nhiệm vụ của trẻ, từ đó có biện pháp đánh giá, điều chỉnh kịp thời, đúng lúc, nhằm từng bước nâng cao mức độ KNHT cho trẻ.

Để quan tâm hơn đến từng trẻ, GV có thể lên kế hoạch quan sát, hoặc chú ý nhiều hơn đến các cá nhân này trong những lần chơi sau nhằm kiểm tra, đánh giá sự tiến bộ của những cá nhân cần sự giúp đỡ trong quá trình chơi.

Trong quá trình quan sát trẻ chơi, GV cũng có thể kích thích hứng thú của trẻ đối với việc thể hiện KNHT bằng cách xây dựng mối quan hệ thân mật với trẻ, tạo cho trẻ cảm giác tin cậy và được tôn trọng. Có những lời nói khen ngợi, động viên về những biểu hiện KNHT của trẻ thật "hài hước" để kích thích trẻ hứng thú hợp tác với nhau. Và khi kết thúc trò chơi, GV động viên, khen ngợi từng nhóm chơi, và lời động viên này phải bám sát những gì GV quan sát được trong quá trình trẻ chơi.

3.2. Thực nghiệm và phân tích kết quả thực nghiệm

3.2.1. Mục tiêu thực nghiệm

Nhằm kiểm nghiệm tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ ở trường MN được đề xuất, và khẳng định tính đúng đắn của giả thuyết khoa học.

3.2.2. Đối tượng thực nghiệm

130 trẻ ở 5 lớp các trường MN Lê Thị Trung, thành phố Thủ Dầu Một – Bình Dương; Trường MN Tân Long - TT. Phú Giáo, Bình Dương; Trường MN Hướng Dương - TT. Bến Cát, Bình Dương.

3.2.3. Nội dung thực nghiệm

Luận án thực nghiêm áp dụng các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ đã xây dựng tại mục 3.1.2 theo 3 chủ đề chơi: "Bán hàng"; Gia đình"; Trường tiểu học" (nằm trong ba chủ điểm: Thế giới thực vật, thế giới động

vật, trường tiểu học). Nội dung TN vận dụng đồng bộ các biện pháp và được tiến hành thông qua các giờ chơi với sự hướng dẫn trực tiếp của GV ở trường MN.

3.2.4. Chọn mẫu thực nghiệm

- Vòng 1: TN tác động trên diện hẹp. Tiến hành trên 30 trẻ ở lớp mẫu giáo lớn, trường MN Lê Thị Trung, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Trong đó, có 15 trẻ nhóm TN và 15 trẻ nhóm ĐC.

- Vòng 2: TN tác động trên diện rộng. Tiến hành trên 100 trẻ ở 4 lớp mẫu giáo lớn thuộc 2 trường MN: Trường MN Tân Long - TT. Phú Giáo, Bình Dương; Trường MN Hoa Cúc - TT. Dĩ An, Bình Dương. Trong đó, mỗi trường có một lớp TN và một lớp ĐC. Như vậy, tổng số học sinh nhóm ĐC và TN là nên đến 50 học sinh mỗi nhóm.

- Sự tương đồng và khác biệt giữa hai mẫu TN và ĐC trong cả hai vòng TN:

- Điểm tương đồng

+ GV của 2 nhóm TN và ĐC đều có trình độ cao đẳng, có thâm niên công tác gần như nhau.

+ Trẻ ở cả hai nhóm đều được chọn ngẫu nhiên, tương đương nhau về mức độ biểu hiện KNHT trong TCĐVCCĐ, sức khỏe, tỉ lệ nam nữ.

+ Cả hai nhóm đều tiến hành những chủ đề chơi như nhau, sự chuẩn bị đồ dùng như nhau.

- Điểm khác biệt

+ Nhóm TN, GV áp dụng các biện pháp luận án đã xây dựng trong quá trình tổ chức TCĐVCCĐ cho trẻ.

+ Nhóm ĐC, GV tổ chức TCĐVCCĐ theo những biện pháp mà họ thường sử dụng.

3.2.5. Thời gian thực nghiệm

TN tiến hành từ tháng 9/ 2013 đến tháng 5/2014.

3.2.6. Tổ chức thực nghiệm

3.3.6.1. Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên

- Bồi dưỡng chuyên môn cho GVTN:

+ Lập kế hoạch TN chi tiết và trao đổi với cơ sở TN về kế hoạch.

+ Bồi dưỡng GV về mục đích, nội dung, quy trình TN

+ Tập huấn, bồi dưỡng cho GV về các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi. Củng cố và bồi dưỡng cho GV về những biểu hiện KNHT của trẻ 5-6 tuổi. Hướng dẫn GV cách đánh giá.

- Cùng GV TN chuẩn bị các điều kiện, phương tiện cần thiết cho quá trình TN.

3.2.6.2. Tiêu chí và cách đánh giá thực nghiệm

- Sử dụng tiêu chí và thang đánh giá như đã trình bày ở mục 2.1.5 chương 2.

- Trong quá trình TN, chúng tôi luôn quan sát, theo dõi quá trình chơi của trẻ, trò chuyện, trao đổi với GV TN để nắm được mức độ biểu hiện KNHT của trẻ và khả năng của từng trẻ để điều chỉnh và bổ sung cho buổi chơi tiếp theo.

- Ghi chép biên bản các giờ TN, lập phiếu quan sát riêng cho từng trẻ, ghi chép những biểu hiện KNHT của trẻ trong TCĐVCCĐ.

- Đánh giá biểu hiện kĩ năng KNHT của trẻ trước và sau TN bằng phiếu quan sát biểu hiện KNHT của trẻ trong TCĐVCCĐ.

- Kết quả TN được phân tích và tổng hợp theo tiêu chí đánh giá, xếp loại cho trẻ về cả mặt định tính và định lượng:

+ Về mặt định tính: Phân tích và đánh giá kết quả các tài liệu thu thập được dựa vào phiếu quan sát trẻ, các biên bản ghi chép việc trò chuyện trao đổi với GV.

+ Về mặt định hướng: Kết quả thu được bằng phương pháp nghiên cứu thực tiễn được xử lí bằng một số công thức toán học: tính tỷ lệ %, tính trung bình cộng, tính độ lệch chuẩn và kiểm tra độ tin cậy của các giá trị trung bình.

3.2.6.3. Tiến hành thực nghiệm

- *Bước 1: Tiến hành đo đầu vào*

Tiến hành đo đầu vào mức độ biểu hiện KNHT của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ ở nhóm TN và nhóm ĐC trước TN ở vòng 1 và vòng 2 bằng việc quan sát các biểu hiện của trẻ thông qua các buổi chơi. Điều kiện đưa ra là cả hai nhóm TN và ĐC đều tổ chức các hoạt động giáo dục bình thường. Quá trình đánh giá tiến hành theo tiêu chí đã xây dựng.

- *Bước 2: Triển khai TN*

Vòng 1:

+ Đối với nhóm ĐC (15 trẻ lớp Lá 1- MN Lê Thị Trung) GV vẫn dạy sử dụng các biện pháp giáo dục truyền thống.

+ Đối với nhóm TN (15 trẻ lớp Lá 1- MN Lê Thị Trung) GV áp dụng các biện pháp luận án đã xây dựng.

Vòng 2:

+ Đối với nhóm ĐC (25 trẻ lớp Lá 2 – MN Hoa Cúc, 25 trẻ Lá 1 – MN Tân Long) GV vẫn dạy sử dụng các biện pháp giáo dục truyền thống.

+ Đối với nhóm TN (25 trẻ lớp lá 1 – MN Hoa Cúc, 25 trẻ Lá 2 – MN Tân Long).

- *Bước 3: Tiến hành đo đầu ra*

Sau khi kết thúc TN từng vòng, chúng tôi tiến hành đo mức độ biểu hiện KNHT của trẻ nhóm TN và ĐC như đo ở đầu vào.

3.2.7. Kết quả thực nghiệm

3.2.7.1. Thực nghiệm vòng 1

Chúng tôi tiến hành TN tác động trên diện hẹp với mẫu là 30 trẻ 5-6 tuổi thuộc hai lớp mẫu giáo lớn, trường MN Lê Thị Trung, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương. Trong đó, mẫu TN và ĐC đều có 15 trẻ. Việc lựa chọn mẫu TN và ĐC đảm bảo các yêu cầu tương đương nhau về các điều kiện như đã nêu trên. Điều khác biệt duy nhất giữa hai mẫu thể hiện ở nhóm TN là ngoài việc thực hiện các nội dung giáo dục theo qui định của chương trình chăm sóc và giáo dục hiện hành, trẻ ở mẫu TN sẽ tiến hành TN các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi do đề tài đề xuất.

➢ ***Đánh giá trước TN***

Bảng 3.1: Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN và nhóm ĐC trước TN vòng 1 (trò chơi "Bán hàng")

Biểu hiện	Lớp	Số trẻ	Mức độ						Mean	Std
			Thấp		Trung bình		Cao			
			SL	%	SL	%	SL	%		
Biết cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm.	TN	15	9	60	4	27	2	13	1.69	0.5
	ĐC	15	8	53	3	20	4	27	1.71	0.51
Biết phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi.	TN	15	10	67	2	13	3	20	1.7	0.53
	ĐC	15	5	33	6	40	4	27	1.73	0.5
Biết lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn.	TN	15	7	47	5	33	3	20	1.67	0.45
	ĐC	15	6	40	4	27	5	33	1.69	0.43
Biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi	TN	15	11	73	4	27	0	0	1.57	0.47
	ĐC	15	10	67	4	27	1	7	1.59	0.42
Biết thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi.	TN	15	12	80	3	20	0	0	1.49	0.46
	ĐC	15	10	67	4	27	1	7	1.53	0.44
Tổng	**TN**	**15**	**49**	**65.4**	**18**	**24**	**8**	**10.6**	**1.62**	**0.48**
	ĐC	**15**	**39**	**52**	**21**	**28.2**	**15**	**20.2**	**1.65**	**0.45**

So sánh với thang đo mức độ biểu hiện của KNHT như sau: Điểm TB mức độ biểu hiện của nhóm TN đạt 1.62 điểm; mức độ biểu hiện của nhóm ĐC là 1.65. So sánh với thang đánh giá thuộc mức thấp (dưới 1.67 điểm). Độ lệch chuẩn tương ứng của nhóm TN và ĐC lần lượt là 0.48 điểm và 0.45 điểm – điều này cho thấy sự phân

tác điểm trung bình là thấp cho nên độ tin cậy về điểm trung bình là cao. Điểm trung bình biểu hiện của KNHT giao động trong hai mức là *mức thấp và mức trung bình* với điểm trung bình cao nhất thuộc về nhóm ĐC đạt xấp xỉ 2.0 điểm.

Kết quả ở bảng 3.1 cho thấy tại thời điểm trước TN, mức độ biểu hiện KNHT của trẻ ở cả hai nhóm TN và ĐC là tương đương nhau và đều nằm ở mức thấp. Để thấy rõ hơn kết quả khảo sát trước thực nghiệm, chúng tôi thể hiện kết quả khảo sát qua biểu đồ sau:

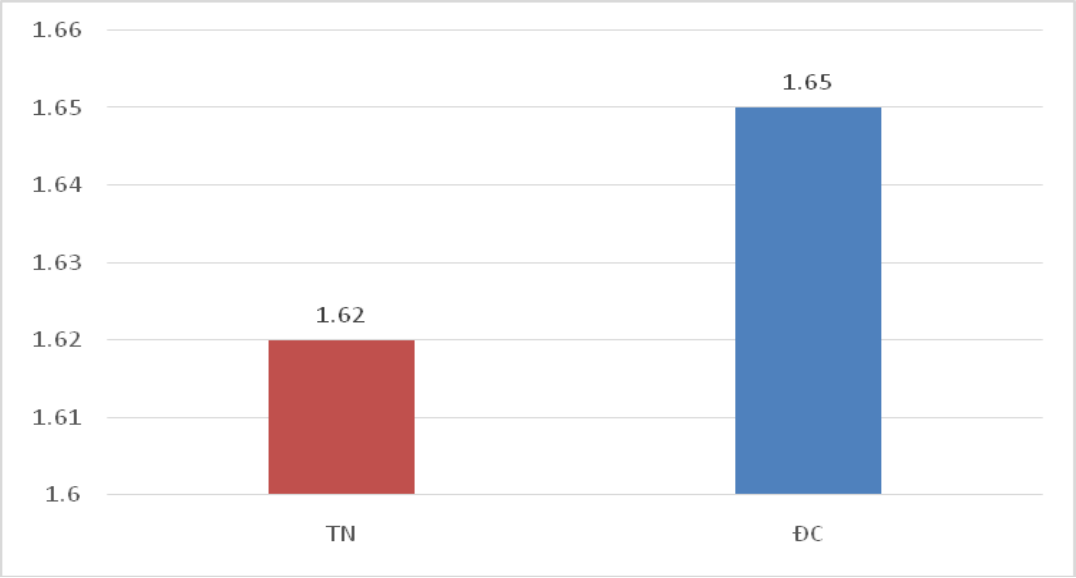

Biểu đồ 3.1a. Kết quả mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC trước TN vòng 1 (theo điểm trung bình)

- Hầu hết trẻ đã có biểu hiện của KNHT như: biết chia sẻ thông tin với nhau, cùng nhau bàn bạc, thảo luận quyết định một vấn đề nào đó, tuy nhiên còn ở mức độ thấp. Trong quá trình chơi, trẻ chưa thể hiện sự mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp với bạn. Phần lớn trẻ làm theo sự chỉ định của cô giáo, chưa thật sự chủ động trong quá trình hợp tác khi chơi cùng bạn. Tỷ lệ đạt loại tốt và trung bình còn thấp, trong khi số trẻ đạt loại yếu thì chiếm tỷ lệ không nhỏ (52 % đối với nhóm ĐC, 64.5% đối với nhóm TN). Những trẻ thuộc loại yếu thường thụ động, rụt rè trong giao tiếp với bạn, trẻ thường thờ ơ và chơi độc lập, không biết thỏa thuận, cùng nhau hợp tác, chia sẻ ý tưởng và kinh nghiệm chơi với bạn, không tuân thủ các quy định của nhóm chơi. Trẻ không có sự thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, các vai chơi, các nhóm chơi và trẻ gặp khó khăn khi đánh giá bạn chơi và bản thân.

Hầu như các trẻ này phụ thuộc vào sự phân công giữa cô và các bạn. Do vậy, khi chơi trẻ rất nhanh quên, không tập trung chú ý vào nhóm chơi của mình nên chất lượng và hiệu quả công việc chưa cao. Chính vì vậy trẻ ít có cơ hội được thể hiện và rèn luyện các KNHT trong khi chơi. Để thấy rõ hơn từng biểu hiện chúng ta quan sát biểu đồ 4.1b.

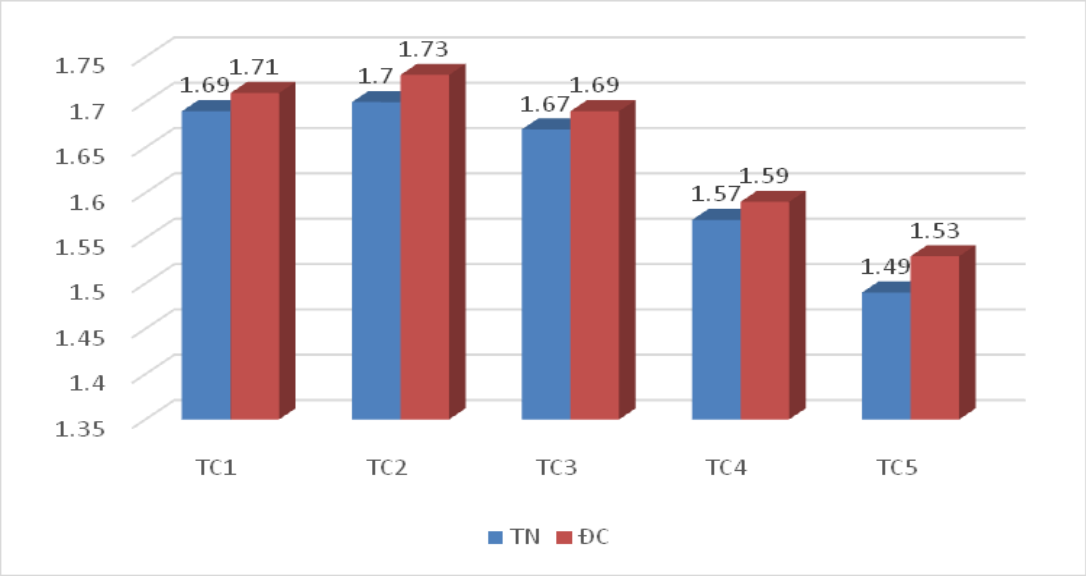

Biểu đồ 3.1b. Kết quả mức độ biểu hiện KTHT của nhóm ĐC và TN trước TN vòng 1 (theo tiêu chí)

Đánh giá các biểu hiện KNHT của trẻ trong trò chơi đóng vai có chủ đề, đề tài nhận thấy: mặc dù kết quả chỉ ở mức độ trung bình, như biểu hiện biết *phối hợp hành động* với các bạn để chơi chung và biểu hiện *thỏa thuận* với các bạn và *chấp nhận sự phân công* nhiệm vụ chơi của nhóm là hai biểu hiện rõ nhất, có được kết quả này là do tính hấp dẫn của trò chơi, do nhiệm vụ của GV đặt ra cho nhóm, bắt buộc trẻ phải phối hợp hoạt động với các bạn thì mới có thể đạt được mục đích của buổi chơi. *Ví dụ : khi "bán hàng" Cường đưa bánh mỳ cho An và An đưa tiền cho Cường… Cường không thể tự mình chơi được nếu không có người mua hàng, không có sự trao đổi giữa người mua và người bán…* luận án nhận thấy rằng trẻ phối hợp hành động giữa các vai chơi, người "bán" và "mua" rất ăn ý. Như vậy, chính do bản chất của trò chơi và yêu cầu về nội dung chơi nên trẻ phải có sự phối hợp với nhau. Tuy nhiên khi thực hiện những nhiệm vụ quá trình để đảm bảo diễn biến trò chơi như muốn bán bánh mì thì phải có một vài bạn thực hiện nhiệm vụ làm ra sản phẩm

bánh và một, hai bạn bán bánh. Quan sát thấy trẻ chưa biết phối hợp sao cho ăn í khi cùng nhau làm bánh, *Lan làm một ổ bánh với ít thịt, nhưng nhiều dưa leo; còn ổ bánh mì của Yến dưa nhiều, rau nhiều, thịt cũng nhiều đến nỗi muốn rớt hết ra ngoài; còn Oanh thì không bỏ rau vào bánh, mặc dù khách không yêu cầu…* Trẻ chỉ ngồi làm bánh cùng với nhau, chứ chưa phối hợp hành động và chưa có sự thảo luận về cách làm bánh sao cho cân đối các thành phần trong một cái bánh (mấy miếng thịt, mấy miếng dưa leo…), trẻ chưa biết phối hợp như thế nào làm bánh cho nhanh và đồng đều về chất lượng bánh. Như vậy biểu hiện phối hợp hành động của trẻ chưa thực sự ăn khớp trong các hành động thực tế của trò chơi mà chỉ ăn khớp ở hành động của các vai chơi. Tương tự, trẻ thỏa thuận để phân vai cho nhau và chấp nhận sự phân công của nhóm thì thực hiện tốt, tuy nhiên khi thỏa thuận để thực hiện hành động chơi thì lại chưa tốt. Và điều này dẫn đến hai biểu hiện này trẻ chỉ đạt mức độ trung bình.

Biểu hiện biết lắng nghe bạn và chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng của mình với các bạn trong nhóm chơi có biểu hiện không thường xuyên. Chính vì vậy đối với biểu hiện này trẻ chỉ đạt ở mức độ trung bình. Để có được biểu hiện này phải phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: kinh nghiệm sống của trẻ, khả năng giao tiếp, khả năng lắng nghe người khác… Ví dụ: *ở góc trò chơi "bán hàng", khi cô đưa ra tình huống: trời nắng nóng đã làm cho các loại rau bày bán bị héo hết rồi, giờ phải làm sao đây các con, thì Hiền và Hương chơi ở góc này không có sự bàn bạc, chia sẻ ý tưởng vơi nhau để tìm cách khắc phục. Hương suy nghĩ một hồi em lật úp các loại rau xuống. Hiền nói, Hương làm vậy rau vẫn héo mà, héo hai mặt luôn. Hiền cầm cái ô nhỏ che cho rau và nói làm như Hiền nè.Cả hai bạn đều có những ý tưởng rất riêng để giải quyết tình huống, tuy nhiên đã không có sự chia sẻ ý tưởng để cùng nhau phân tích để đưa ra biện pháp khắc phục tối ưu cho tình huống. Mặc ý tưởng của ai, người ấy thể hiện. Sự thống nhất chung về ý tưởng đã không được thực hiện dẫn đến hành động, thao tác chơi rời rạc.*

Biểu hiện biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi, với biểu hiện này trẻ đạt ở mức độ yếu, nguyên nhân do trẻ có

thói quen, cứ có xung đột xảy ra là gọi cô giáo luôn. Quan sát thấy, trẻ rất ít xảy ra mâu thuẫn vì phân vai chơi, nhưng lại thường xảy ra mâu thuẫn bởi ý tưởng chơi và hành động chơi. *Ví dụ,Minh nói – Gì bán hàng ơi, bán cho con 2 trái trứng đi. Thế là Hoa (lần đầu bán hàng) bỏ 2 trái trứng lên đĩa để cân. Minh (cười và nói giọng trêu chọc)- mắc cười quá đi thôi, trứng ai lại cân đâu, người ta bán trái mà. Hoa (nói với giọng tức bực)- kệ mình, mình cứ cân đấy, có sao đâu. Không biết bán hàng, không mua nữa, Minh nói to. Thế là Hoa buồn và chạy tới trình bày với cô giáo luôn*. Trò chơi phải dừng lại vì sự mâu thuẫn trong hành động chơi của trẻ, với sự quan tâm không có thiện ý của Minh, và sự kiềm chế cảm xúc kém cỏi của Hoa, đã làm phá vỡ bầu cảm xúc chung tích cực của trò chơi. Đặc biệt là sự thiếu hụt kĩ năng tự giải quyết xung đột để trò chơi được tiếp tục - cùng hướng đến mục tiêu chung.

Biểu hiện biết thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi diễn ra khá lỏng lẻo và rời rạc, đặc biệt là sự thiết lập mối quan hệ giữa các nhóm chơi với nhau, vì vậy biểu hiện này ở cả hai nhóm đều đạt ở mức độ trung bình. Ví dụ, *với trò chơi "bán hàng" với nhiều góc chơi bán hàng khác nhau, góc thì bán rau, góc thì bán bánh mì, góc thì bán nước. Tuy nhiên trẻ chưa chưa chủ động liên kết các nhóm chơi với nhau để trò chơi thêm hấp dẫn, phong phú. Ví dụ góc Bán rau có thể giao một số loại rau cho góc bán bánh mì, và góc bán nước liên kết với góc bán bánh mì để phục vụ khách luôn (khách mua 3 bánh mì tặng một ly nước…).* Sự thiết lập giữa các vai chơi là chủ động, nhưng con lỏng lẻo, *ví dụ, người bán hàng lúc nào cũng vui vẻ niềm nở với khách hành,có cách chào hỏi khác nhau giữa khách hành lần đầu tiên ghé ủng hộ, với khách hàng thân thiết…* tuy nhiên không ít trẻ thực hiện chưa tốt, dẫn đến các vai chơi khá lỏng lẻo. Sự thiết lập giữa các nhóm chơi diễn ra thụ động, còn cần sự can thiệp của GV.

Như vậy, trước TN, mức độ biểu hiện từng KNHT của trẻ ở 2 nhóm TN và ĐC là tương đương nhau nằm ở khoảng 1.3 điểm tới 2.1 điểm. Cho thấy các biểu hiện KNHT của trẻ trong trò chơi còn ở mức trung bình - yếu, trẻ còn phải dựa vào sự giúp đỡ của GV.

➢ ***Đánh giá kết quả sau TN***

Bảng 3.2: Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC sau TN vòng 1 (trò chơi "Trường Tiểu học")

Biện pháp	Lớp	Số trẻ	Mức độ						Mean	Std
			Thấp		Trung bình		Cao			
			SL	%	SL	%	SL	%		
Biết cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm.	TN	15	1	7	8	53	6	40	2.50	0.62
	ĐC	15	8	53	4	27	3	20	2.11	0.43
Biết phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi.	TN	15	3	20	5	33	7	47	2.42	0.58
	ĐC	15	6	40	7	47	2	13	1.95	0.41
Biết lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn.	TN	15	3	20	7	47	5	33	2.32	0.6
	ĐC	15	6	40	5	33	4	27	1.87	0.39
Biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi	TN	15	5	33	6	40	4	27	2.52	0.64
	ĐC	15	11	73	4	27	0	0	1.89	0.42
Biết thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi.	TN	15	2	13	10	67	3	20	2.35	0.6
	ĐC	15	9	60	5	33	1	7	1.79	0.4
Tổng	**TN**	**15**	**14**	**18.6**	**36**	**48**	**25**	**33.4**	**2.42**	**0.61**
	ĐC	**15**	**40**	**53.2**	**25**	**33.4**	**10**	**13.4**	**1.91**	**0.41**

So sánh với thang đo mức độ biểu hiện KNHT: Điểm TB mức độ biểu hiện của nhóm TN đạt 2.42 điểm mức cao, với độ lệch chuẩn 0.61 điểm; mức độ biểu hiện của nhóm ĐC là 1.91 mức trung bình, với độ lệch chuẩn 0.41 điểm.

Kết quả khảo sát sau TN cho thấy có sự thay đổi rõ rệt giữa hai nhóm ĐC và nhóm TN. Theo kết quả ở bảng 3.3, mức độ biểu hiện KNHT của trẻ ở nhóm TN và ĐC đều tăng lên so với kết quả khảo sát trước TN. Song điều đáng chú ý là: nếu như kết quả đo trước TN của 2 nhóm TN và ĐC là tương đương

nhau thì sau TN kết quả thu được giữa nhóm TN và ĐC có sự chênh lệch rất rõ ràng. Điều này được thể hiện rõ qua điểm trung bình của cả 2 nhóm: điểm trung bình của nhóm TN là 2.42 trong khi điểm trung bình của nhóm ĐC chỉ đạt 1.91, có sự chênh lệch điểm đáng kể giữa 2 nhóm.

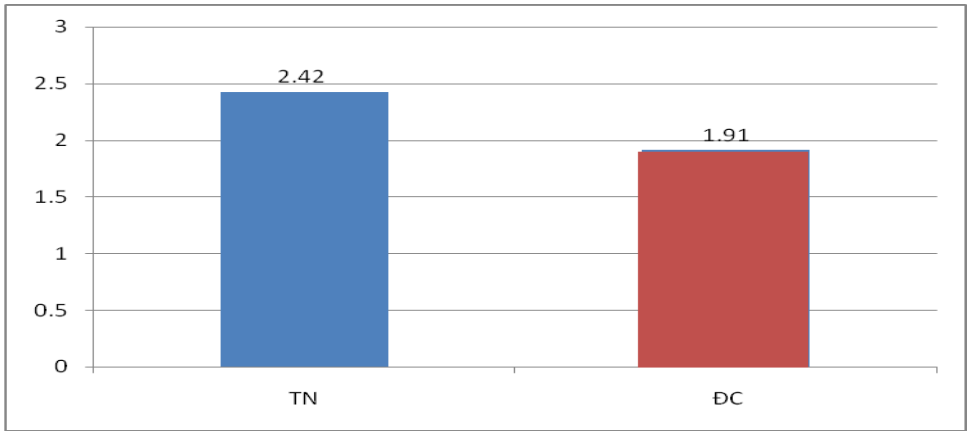

Biểu đồ 3.2a. Kết quả mức độ biểu hiện KNHT của trẻ ở nhóm TN và ĐC sau TN vòng 1

Mức độ biểu hiện KNHT của trẻ nhóm TN đã có sự tăng lên rõ rệt. Số lượng trẻ có biểu hiện mức độ KNHT đạt mức cao 33.4 %, trung bình 48%, thấp 18.6 %. Sau khi TN số lượng trẻ có biểu hiện ở mức độ thấp không còn nhiều như trước TN. Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm trẻ ĐC có tăng nhưng không đáng kể, tỉ lệ trẻ đạt mức cao 13.4 %, mức trung bình 33.4 % và mức thấp 53.2%. So với nhóm TN mức độ biểu hiện KNHT của trẻ nhóm ĐC thua kém ở tất cả các mức độ biểu hiện.

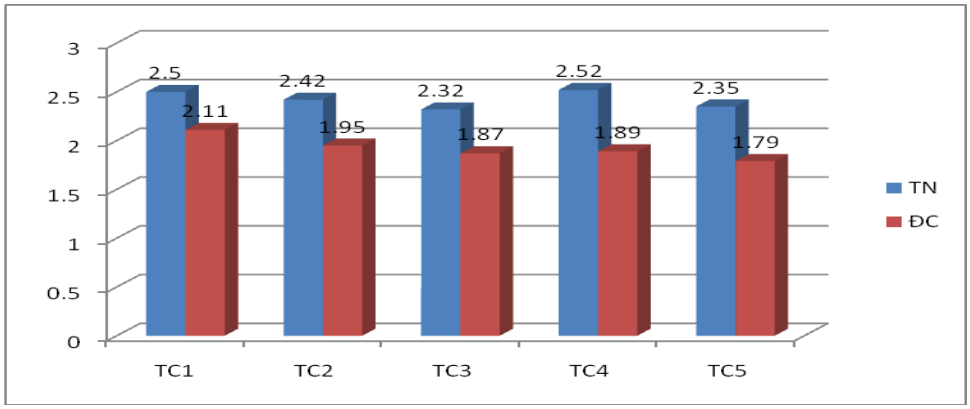

Biểu đồ 3.2b. Kết quả biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC sau TN vòng 1 (theo tiêu chí)

Kết quả trên cho thấy, mức độ biểu hiện của từng KNHT của nhóm TN sau TN đã có sự tiến triển rõ rệt.

Như vậy, sau TN, mức độ biểu hiện KNHT của trẻ nhóm TN đã có sự tăng lên rõ rệt chủ yếu tập trung vào mức độ *cao*. Trẻ nhanh nhẹn, linh hoạt, chủ động và tích cực hơn nhiều khi tham gia vào hoạt động của nhóm. Lúc đầu tuy còn khó khăn nhưng càng về sau các biểu hiện KNHT như: *phối hợp hành động chơi, thỏa thuận chơi, lắng nghe, chia sẻ, chủ động giải quyết xung đột, chủ động thiết lập mối quan hệ giữa các nhóm chơi* được trẻ thể hiện ngày càng tốt hơn.Cụ thể:

Trẻ thể hiện sự tự tin, biết kiềm chế cảm xúc. Trẻ không những lựa chọn được vai chơi phù hợp với khả năng và sở thích của mình mà còn biết thỏa thuận với nhau về công việc được giao để thực hiện nội dung chơi một cách hiệu quả nhất. Khi trao đổi, bàn bạc với nhau, nhiều trẻ đã thể hiện sự lắng nghe chăm chú, tôn trọng ý kiến của bạn đồng thời mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình một cách rõ ràng. Do vậy trò chơi trở nên hấp dẫn hơn với những ý tưởng rất ngộ nghĩnh và sáng tạo của trẻ (đặc biệt là giai đoạn cuối quá trình TN). Ví dụ: ở nhóm chơi chủ đề "trường tiểu học" tổ chức buổi dạy học cho các cháu. Trẻ hào hứng phân công nhiệm vụ: vai cô giáo, vai học sinh và vai phụ huynh. Các bé "cô giáo" chuẩn bị nội dung để dạy học, nhóm "phụ huynh" và nhóm "học sinh" chuẩn bị cho buổi học. Cháu Đức Tiến trong nhóm "học sinh" sau khi bàn bạc đã đưa ra ý tưởng: sẽ tổ chức một buổi biểu diễn văn nghệ cho các cháu ở lớp học và và mời mọi người đến tham gia. Tất cả trẻ đều rất hào hứng và ủng hộ trước đề nghị này. *Sự liên kết giữa các nhóm chơi diễn ra một cách nhẹ nhàng*, tự nhiên theo hứng thú của trẻ chứ không gò ép và cứng nhắc như thời điểm trước TN.

Đặc biệt sự *phối hợp hành động chơi* của trẻ diễn ra một cách rõ nét và hòa quyện trong từng tình huống chơi. Khi tập văn nghệ Hoàng và Quyên trao đổi với nhau về bài hát trước khi tập, sau đó hai bạn tách ra để tập luyện riêng cho nhớ lời, sau đó hai bạn cùng tập với nhau để song ca, hai bạn thể hiện cách thức phối hợp hành động theo kiểu "mục tiêu – kết quả" rất ăn khớp và hòa quyện, mang lại tiết mục văn nghệ rất hay cho các bạn. Trong khi đó ở góc "Gói quà" để tặng các em học sinh giỏi diễn ra với sự phối hợp nhịp nhàng, An thì cắt giấy, Thu bỏ quà vào

hộp giấy, gấp lại hộp giấy sau đó lấy tay giữ hộp giấy cho An gói quà, Minh thì kéo băng keo dán, Nam thì cắt băng keo và dán. Các bạn phối hợp hành động với nhau theo trình tự công việc, đảm bào tính luân phiên của hành động, các em đã phối hợp hành động theo kiểu "dây chuyền sản xuất" - kết quả của một nhiệm vụ được hoàn thành bởi một đứa trẻ này sẽ là đối tượng cho hoạt động của đứa trẻ khác.

Khi kết thúc buổi chơi, trẻ vui vẻ nhận xét, đánh giá về các bạn chơi cũng như tự đánh giá về mình một cách khách quan và hợp lý hơn, cụm từ "nhóm của chúng con" được trẻ xướng lên rất nhiều lần khi nhận xét, đều này chứng tỏ trẻ đã đánh giá kết quả hoạt động theo tinh thần cống hiến chung của cả nhóm, chứ không không mang tính cá nhân. Chính sự hoạt động theo tình thần đoàn kết chung đã hạn chế đến mức tối đa vấn đề xung đột xảy ra trong các nhóm, với những xung đột quá nhỏ các trẻ đã tự mình giải quyết với nhau trong nhóm để tiếp tục cuộc chơi.

Trong khi đó, ở nhóm ĐC, biểu hiện các KNHT của trẻ vẫn chủ yếu tập trung ở mức độ thấp. Trẻ chưa thể hiện được sự chủ động, tích cực khi tham gia vào các hoạt động của nhóm, đôi khi còn phải để cô giáo nhắc nhở; Nhiều trẻ còn lúng túng và chưa biết cách giải quyết những tình huống, xung đột trong khi chơi; Trẻ chưa biết cùng nhau hợp tác, chia sẻ ý tưởng và kinh nghiệm chơi, chưa tuân thủ quy định của nhóm chơi nhanh chán hoặc bỏ sang làm việc khác; chưa thấy được sự tự tin, kiềm chế cảm xúc, KN hợp tác của trẻ vẫn còn phụ thuộc vào GV. Do vậy, trẻ chưa phát huy được hết những khả năng của mình để cùng nhau thực hiện nhiệm vụ nhận thức chung. Tuy nhiên cũng có trẻ rất tích cực tham gia vào hoạt động của nhóm chơi nhưng không nhiều. So với nhóm TN, nhóm ĐC sau TN lại không có sự thay đổi gì đáng kể. Cách chơi, thái độ chơi và việc thực hiện KNHT trên vẫn không khác là mấy.

3.2.7.2. Thực nghiệm vòng 2

Từ kết quả của lần TN 1 chúng tôi rất hào hứng để tiếp tục tiến hành TN lần hai. TN tác động trên diện rộng. Tiến hành trên 100 trẻ ở 4 lớp mẫu giáo lớn thuộc 2 trường MN: Trường MN Hoa Cúc - TT. Dĩ An, Bình Dương; Trường MN Hướng Dương - TT. Bến Cát, Bình Dương. Trong đó, mỗi trường có một lớp TN và một lớp ĐC. Như vậy, tổng số học sinh nhóm ĐC và TN là 50 học sinh mỗi nhóm.

➢ ***Đánh giá trước TN***

Chúng tôi tiến hành dự giờ các chủ đề TN ở hai trường với mẫu lớn hơn vòng 1: TN 50 trẻ; ĐC 50 trẻ. Kết quả như sau:

Bảng 3.3: Kết quả biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC trước TN vòng 2 (trò chơi "Bác sĩ")

Biện pháp	Lớp	Số trẻ	Mức độ						Mean	Std
			Thấp		Trung bình		Cao			
			SL	%	SL	%	SL	%		
Biết cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm.	TN	50	20	40	24	48	6	12	2.11	0.41
	ĐC	50	19	38	25	50	6	12	2.22	0.51
Biết phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi.	TN	50	17	34	25	50	8	16	2.06	0.48
	ĐC	50	19	38	25	50	6	12	2.20	0.49
Biết lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn.	TN	50	19	38	24	48	7	14	1.90	0.47
	ĐC	50	18	36	25	50	7	14	2.09	0.51
Biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi	TN	50	18	36	24	48	8	16	1.82	0.46
	ĐC	50	16	32	27	54	7	14	2.01	0.47
Biết thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi.	TN	50	21	42	27	54	2	4	1.80	0.52
	ĐC	50	19	38	25	50	6	12	2.04	0.45
Tổng	**TN**	**50**	**95**	**38**	**124**	**49.6**	**31**	**12.4**	**1.938**	**0.468**
	ĐC	**50**	**91**	**36.4**	**127**	**50.8**	**32**	**12.8**	**2.112**	**0.486**

So sánh với thang đo mức độ biểu hiện của KNHT như sau: Điểm TB mức độ biểu hiện của nhóm TN đạt 1.938 điểm; mức độ biểu hiện của nhóm ĐC là 2.112

điểm. So sánh với thang đánh giá thuộc mức trung bình (dưới 2.34 điểm). Độ lệch chuẩn tương ứng của nhóm TN và ĐC lần lượt là 0.468 điểm và 0.486 điểm, điểm trung bình biểu hiện của KNHT giao động trong hai mức là *mức thấp và mức trung bình* với điểm trung bình cao nhất thuộc về nhóm ĐC đạt xấp xỉ 2.2 điểm.

Kết quả ở bảng 3.6 cho thấy tại thời điểm trước TN, mức độ biểu hiện KNHT của trẻ ở cả hai nhóm TN và ĐC là tương đương nhau và đều nằm ở mức trung bình, tuy nhiên chỉ nằm ở quãng giữa của mức trung bình và yếu. Để thấy rõ hơn kết quả khảo sát trước thực nghiệm, chúng tôi thể hiện kết quả khảo sát qua biểu đồ sau:

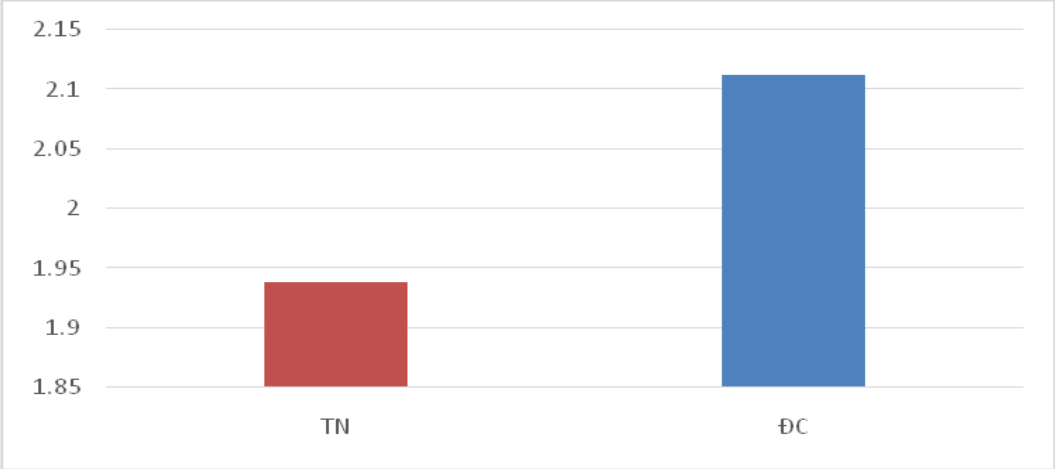

Biểu đồ 3.3a: Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC trước TN vòng 2 (theo điểm trung bình)

Cũng như trước TN vòng 1, hầu hết trẻ đã có biểu hiện của KNHT như: biết chia sẻ thông tin với nhau, cùng nhau bàn bạc, thảo luận quyết định một vấn đề nào đó, tuy nhiên còn ở mức độ thấp. Trong quá trình chơi, trẻ chưa thể hiện sự mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp với bạn. Phần lớn trẻ làm theo sự chỉ định của cô giáo, chưa thật sự chủ động trong quá trình hợp tác khi chơi cùng bạn. tỷ lệ đạt loại tốt và trung bình còn thấp, trong khi số trẻ đạt loại yếu thì chiếm tỷ lệ không nhỏ (36.4% đối với nhóm ĐC, 38% đối với nhóm TN). Quan sát quá trình trẻ chơi trò chơi ĐVCCĐ, chúng tôi nhận thấy trẻ ở cả hai nhóm TN và ĐC đều thực hiện các thao tác chơi giống nhau với các đồ chơi rất quen thuộc. Việc thể hiện kỹ năng hợp tác ở trẻ cũng không thực sự đồng đều, chỉ có một vài trẻ là tích cực và hăng hái tham gia

hợp tác cùng các bạn để chơi, còn lại hầu hết các trẻ khác không tập trung vào công việc mà thụ động thực hiện theo sự chỉ đạo của các bạn và cô giáo. Khi hỏi trẻ (nhóm TN): "Sao con không hào hứng tham gia chơi cùng các bạn? Con thích chơi ở góc chơi nào?", cháu Trà My trả lời: "Con không thích chơi đâu vì hôm nào cũng chơi như vậy, con chán lắm". Với các cháu trong nhóm ĐC thì câu trả lời cũng không có gì thay đổi cả. Do đó khi chơi trẻ rất nhanh chán, không quan tâm đến chất lượng và kết quả công việc của nhóm chơi mình. Chính vì như vậy, nên trẻ ít có cơ hội được chia sẻ, hoà nhập và hợp tác với các bạn trong nhóm chơi. Chúng ta quan sát rõ hơn từng biểu hiện trong biểu đồ sau:

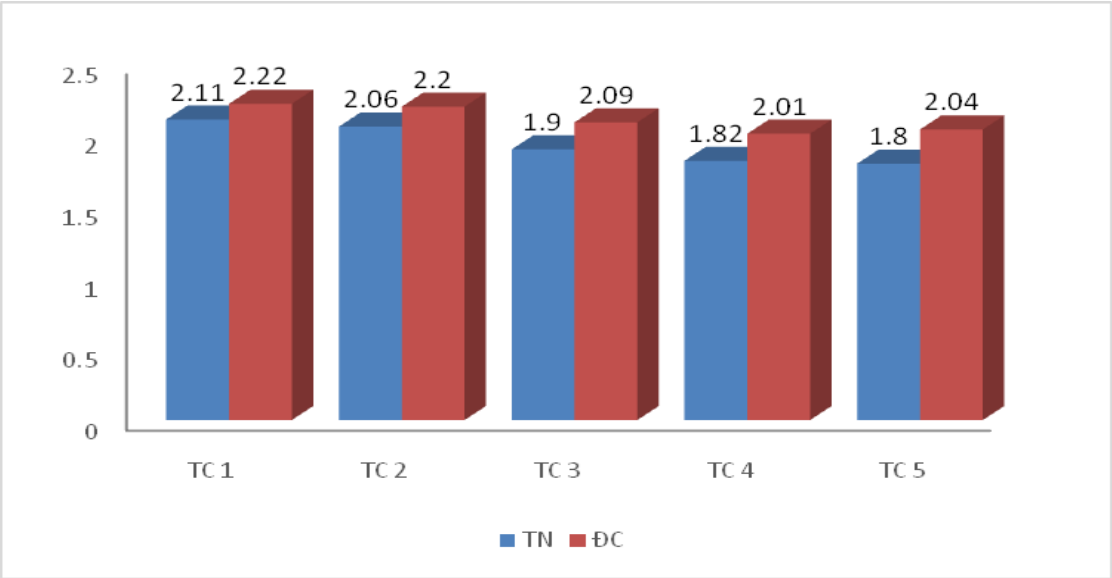

Biểu đồ 3.3b. Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm ĐC và TN trước TN theo tiêu chí

Biểu hiện ở việc thoả thuận cùng nhau về công việc được giao: sự hợp tác của trẻ không chỉ thể hiện ở việc trẻ biết chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm chơi mà còn được thể hiện thông qua việc trẻ thoả thuận, bàn bạc với nhau về chủ đề chơi, nội dung chơi và công việc được giao. Trò chơi ĐVCCĐ là thước đo cần thiết để đánh giá kỹ năng hợp tác của trẻ. Do đó, khi tham gia ĐVCCĐ trẻ càng tích cực trao đổi với nhau về công việc của nhóm bao nhiêu thì càng thể hiện sự nhanh nhẹn và sự hợp tác của trẻ bấy nhiêu.

Khi tiến hành TN chúng tôi nhận thấy đây là một biểu hiện không thường xuyên và chưa ổn định ở trẻ. Qua quan sát cho thấy, một số ít trẻ đã có trách nhiệm

đối với công việc mà nhóm chơi giao cho mình, hoàn thành công việc một cách nhanh chóng. Song còn rất nhiều trẻ bỏ dở công việc của mình, nguyên nhân là do trẻ chưa có kinh nghiệm để thoả thuận kế hoạch công việc từ đầu đến cuộc chơi. Ví dụ: khi được nhóm chơi phân công làm "y tá" phụ việc bưng bê dụng cụ cho bác sĩ thì bạn Thùy Dương tỏ ra khó chịu và nhất định không chịu đóng vai này. Với câu hỏi: "Tại sao con lại như vậy ?", cháu Dương đã trả lời: "Vì con không thích làm y tá".

Biểu hiện lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm chơi, ý tưởng chơi cùng nhau: Trước TN trẻ bước đầu đã biết lắng nghe, chia sẻ ý tưởng, kinh nghiệm với các bạn nhưng biểu hiện đó vẫn chưa thực sự bền vững. Còn nhiều trẻ tỏ thái độ trông chờ vào sự giúp đỡ, gợi ý của cô giáo hay đứng trước một nhiệm vụ nào đó trẻ còn loay hoay, ngại ngùng không biết làm thế nào, hoặc trẻ nhìn sang bạn bên cạnh nhờ giúp đỡ. Trẻ thiếu chủ động hơn và không mạnh dạn đề xuất ý tưởng của mình với nhóm chơi.

Ví dụ: Ba, mẹ đưa Tùng tới phòng khám của bác sĩ Tuyết, Bác sĩ khám và nói Tùng bị đau bụng, để bác sĩ chích cho một mũi thuốc là hết luôn. Cô giáo đặt ra tình huống, phòng khám của mình vừa hết mất kim tiêm rôi bác sĩ Tùng ơi, giờ phải làm sao? Các trẻ nhìn nhau và không biết phải giải quyết làm sao, chờ sự gợi ý của cô. Cô giáo gợi ý, thế có loại thuốc nào dùng để uống tương tự như thuốc tiêm không bác sĩ? Thế là lúc đó cả nhóm mới có cách giải quyết.

Biểu hiện phối hợp hành động chơi: Do bản chất của trò chơi và yêu cầu về nội dung chơi nên trẻ phải có sự phối hợp với nhau thì trò chơi mới diễn biến được. Tuy nhiên trẻ chưa biết phối hợp sao cho ăn í khi cùng nhau chơi trò chơi "Bác sĩ" Do sự thiếu hiểu biết về vai chơi và hành động của từng vai cho nên mặc dù với trò chơi quen thuộc nhưng trẻ phối hợp hành động chơi khá rời rạc "*Bác sĩ kêu y tế Lan lấy thuốc đau bụng cho bệnh nhân, tuy nhiên y tá Lan lại không hỏi bác sĩ lấy mấy viên, ngày uống bao nhiêu lần, tự động lấy luôn 10 viên đưa cho bệnh nhân - Minh.Bác sĩ cũng không dặn dò y tá. Minh mang thuốc về nhà, lại chạy ngược lại chỗ bác sĩ hỏi, Bác sĩ ơ, ngày uống mấy viên, nhiều thuốc quá, cháu sợ uống thuốc lắm*". Trẻ chưa chủ động phát huy hết vai chơi của mình, dẫn đến sự rời rạc và ngắt

quãng khi khi phối hợp hành động chơi, thể hiện sự thiếu chuyên nghiệp trong từng vai chơi. Khả năng phối hợp hành động chơi của trẻ chỉ đi theo một chiều mà chưa có sự phối hợp đan cài, dẫn đến hành động chơi đơn thuần và khá rời rạc.

Biểu hiện biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi, với biểu hiện này trẻ đạt ở mức độ yếu, trẻ thiếu kĩ năng tự giải quyết xung đột, và khi xung đột xảy ra nếu không có sự can thiếp của cô thì xung đột ngày càng leo thang, và trò chơi buộc phải dừng lại. Ví dụ: *Lần đầu làm bác sĩ, Hưng nghe bệnh nhân Hà nói đau ở ngực, liền đưa tai nghe bác sĩ áp vào ngực bệnh nhân, sau đó yêu cầu bệnh nhân Hà quay lưng lại để nghe phía sau lưng nữa. Hà chưa hiểu ý Bác sĩ nhưng lại la liền lên, đau ngực mà lại nghe sau lưng, bạn có biết làm bác sĩ không vậy. Hưng giận, nên cũng la to, bệnh nhân gì mà hung dữ, đó là bác sĩ khám kĩ đó, biết không. Không biết khám thì có, Hà nói. Hưng giận và bỏ đi luôn.*Thế là trò chơi phải dừng lại vì sự góp ý không có thiện ý của Hà, và đã làm phá vỡ bầu cảm xúc chung tích cực của trò chơi. Đặc biệt là sự thiếu hụt kĩ năng tự giải quyết xung đột để trò chơi được tiếp tục.

Biểu hiện biết thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi diễn ra khá lỏng lẻo và rời rạc, đặc biệt là sự thiết lập mối quan hệ giữa các nhóm chơi với nhau, vì vậy biểu hiện này ở cả hai nhóm đều đạt ở mức độ trung bình. Ví dụ, *với trò chơi "bán hàng" có liên kết với rất nhiều góc chơi khác nhau, như chủ động tới nhà riêng của bệnh nhân để khám bệnh định kì, hay tới góc xây dựng khám bệnh cho các chú công nhân…* rất nhiều tình huống chơi có thể liên kết các nhóm chơi lại với nhau, nhưng trẻ còn thụ động, bác sĩ còn ngồi chờ bệnh nhân tới khám.Sự thiết lập giữa các nhóm chơi diễn ra thụ động, còn cần sự can thiệp của GV.

➢ ***Kết quả đánh giá sau TN***

Bảng 3.4: Kết quả biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC sau TN vòng 2 (trò chơi "Gia đình")

Biện pháp	Lớp	Số trẻ	Mức độ						Mean	Std
			Thấp		Trung bình		Cao			
			SL	%	SL	%	SL	%		
Biết cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm.	TN	50	6	32	64	15	30	3	2.73	
	ĐC	50	36	25	50	7	14	18	2.25	0.55
Biết phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi.	TN	50	14	31	62	12	24	7	2.88	0.46
	ĐC	50	36	25	50	7	14	18	2.3	0.5
Biết lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn.	TN	50	10	31	62	14	28	5	2.8	0.5
	ĐC	50	35	25	51	7	14	17	2.01	0.49
Biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi	TN	50	8	29	58	17	34	4	2.42	0.51
	ĐC	50	38	25	50	6	12	19	2.02	0.48
Biết thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi.	TN	50	10	31	62	14	28	5	2.4	0.53
	ĐC	50	36	25	50	7	14	18	2.08	0.44
Tổng	**TN**	**50**	**48**	**19.2**	**308**	**14.4**	**144**	**4.8**	**2.646**	**0.5**
	ĐC	**50**	**181**	**25**	**251**	**6.8**	**68**	**18**	**2.132**	**0.492**

So sánh với thang đo mức độ biểu hiện KNHT: Điểm TB mức độ biểu hiện của nhóm TN đạt 2.646 điểm mức cao, với độ lệch chuẩn 0.5 điểm; mức độ biểu hiện của nhóm ĐC là 2.132 mức trung bình, với độ lệch chuẩn 0.492 điểm.

Kết quả khảo sát sau TN cho thấy có sự thay đổi rõ rệt giữa hai nhóm ĐC và nhóm TN. Theo kết quả ở bảng 3.9, mức độ biểu hiện KNHT của trẻ ở nhóm TN và

ĐC đều tăng lên so với kết quả khảo sát trước TN. Song điều đáng chú ý là: nếu như kết quả đo trước TN của 2 nhóm TN và ĐC là tương đương nhau thì sau TN kết quả thu được giữa nhóm TN và ĐC có sự chênh lệch rất rõ ràng. Điều này được thể hiện rõ qua điểm trung bình của cả 2 nhóm: điểm trung bình của nhóm TN là 2.42 trong khi điểm trung bình của nhóm ĐC chỉ đạt 1.91, có sự chênh lệch điểm đáng kể giữa 2 nhóm.

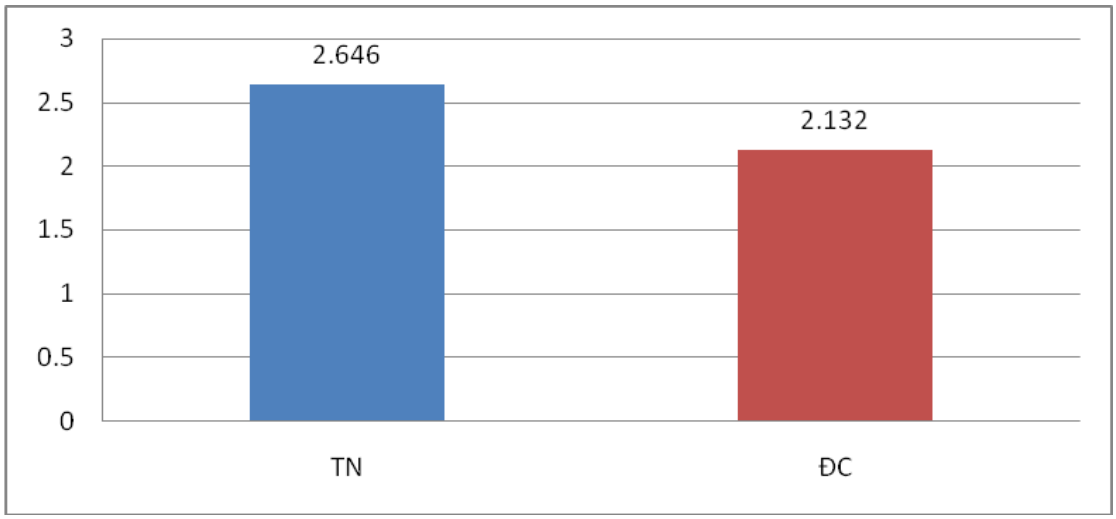

Biểu đồ 3.4a. Kết quả mức độ biểu hiện KNHT của trẻ ở nhóm TN và ĐC sau TN vòng 2 (theo điểm trung bình)

Mức độ biểu hiện KNHT của trẻ nhóm TN đã có sự tăng lên rõ rệt. Số lượng trẻ có biểu hiện mức độ KNHT đạt mức cao 33.4 %, trung bình 48%, thấp 18.6 %. Sau khi TN số lượng trẻ có biểu hiện ở mức độ thấp không còn nhiều như trước TN. Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm trẻ ĐC có tăng nhưng không đáng kể, tỉ lệ trẻ đạt mức cao 13.4 %, mức trung bình 33.4 % và mức thấp 53.2%. So với nhóm TN mức độ biểu hiện KNHT của trẻ nhóm ĐC thua kém ở tất cả các mức độ biểu hiện.

Kết quả đánh giá sau TN đã cho thấy có rất nhiều thay đổi theo từng mức độ. Những biện pháp cho kết quả tốt nhất là Phối hợp hành động cùng thực hiện nhiệm vụ chung; và Biết đề xuất các phương án để thực hiện mục tiêu chung, chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm. Kết quả phân tích chi tiết theo từng tiêu chí như sau:

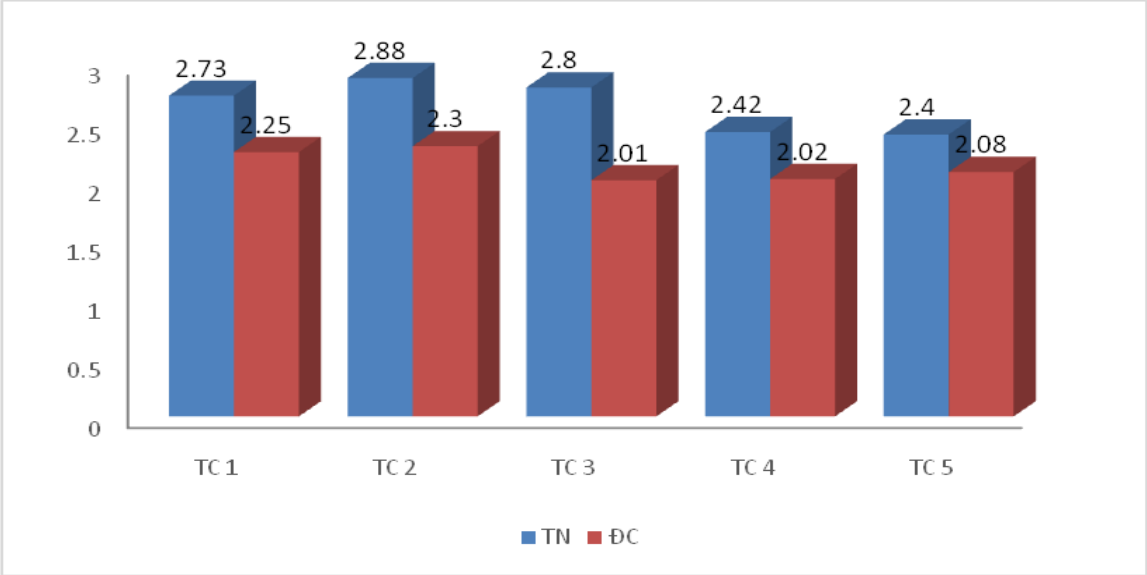

Biểu đồ 3.4b: Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN và nhóm ĐC sau TN vòng 2 (theo tiêu chí)

+ **Biết cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm:** Trẻ đã biết thỏa thuận để đưa ra các đề xuất tích cực để thực hiện dự định chơi, có lưu ý đến sự hứng thú của các bạn, không sao chép ý tưởng đề nghị của bạn. Sẵn sàng chấp nhận sự phân công công việc của nhóm. Quan sát thực tế những biểu hiện của trẻ khi tham gia TCĐVCCĐ cũng như thông qua các bài tập tình huống mà đề tài đưa ra, chúng tôi nhận thấy: Trẻ nhanh nhẹn, chủ động và tích cực hơn nhiều khi tham gia vào hoạt động chơi. Trẻ dễ dàng kết bạn, chia sẻ ý kiến mới mà không sợ nói sai, thể hiện kỹ năng thỏa thuận chơi tốt... Nếu như trước TN, chỉ có một số ít trẻ làm được điều đó thì sau TN số lượng này đã tăng lên đáng kể, trẻ đã tích cực và thường xuyên đưa ra những trò chơi, vai chơi phù hợp với khả năng và sở thích của bản thân. Trẻ chơi tích cực và thể hiện bản thân tốt hơn khi được đóng những vai chúng thích trong những trò chơi do chính mình đưa ra mà phù hợp với khả năng của bản thân, trẻ có cảm giác mình là "thủ lĩnh" của chính trò chơi ấy. Chẳng hạn: trước TN, cháu Xuân Anh là một trong những trẻ rụt rè, nhút nhát, cháu chỉ nhận những vai do các bạn phân. Khi được hỏi: "Sao con không tự chọn vai chơi phù hợp với mình?" thì cháu chỉ cười mà không trả lời. Nhưng cuối giai đoạn TN, Xuân Mai đã trở thành một trong những trẻ đưa ra được khá nhiều ý

tưởng, cách phối hợp và tham gia một cách tích cực. Khi được hỏi: "Vì sao con tham gia cùng các bạn?" và "Vì sao con lại thích chơi vai ấy?" thì cháu đã trả lời: "con rất thích chơi trò này vì con thích đóng vai "mẹ", con thấy con hợp với "mẹ" và các bạn cũng khen con đóng tốt, giống "mẹ".

Qua quan sát thực tế chúng tôi thấy rằng: trẻ vui vẻ và linh hoạt hơn nhiều khi được sự phân công nhiệm vụ của nhóm chơi. Lúc đầu trẻ không hào hứng khi bị người khác phân công nhiệm vụ cho mình nên trẻ đã làm theo ý riêng của mình. Nhưng sau TN, trẻ dần hiểu sự cần thiết của việc phối hợp nhiều người khi thực hiện công việc chung. Sự đóng góp sức lực và tinh thần trách nhiệm của các thành viên trong nhóm sẽ tạo sức mạnh để công việc của nhóm hoàn thành tốt. Vì vậy trẻ đã vui vẻ chấp nhận sự phân công của nhóm chơi và tích cực hoàn thành công việc của mình. Chẳng hạn trước TN, khi được nhóm chơi phân công làm "bảo vệ" cho "siêu thị" thì cháu Việt Anh tỏ ra khó chịu và nhất định không chịu đóng vai này. Khi được hỏi vì sao lại như vậy, cháu trả lời: "vì con không thích làm bảo vệ". Thế nhưng sau thời gian TN, cháu đã hăng hái nhận vai này và cháu trả lời "nhờ có chú bảo vệ khỏe mạnh và dũng cảm thì siêu thị mới được an toàn, không bị mất trộm".

+ Biết lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn: Sau TN, biểu hiện chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với bạn của trẻ trở lên bền vững hơn. Trước TN trẻ 5-6 tuổi bước đầu đã biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng của mình với các bạn trong nhóm chơi, nhưng biểu hiện đó vẫn chưa bền vững. khi tham gia vào hoạt động TN, với nội dung, hình thức tổ chức và biện pháp tác động mới, trẻ đã rất hứng thú và tích cực hoạt động. Sau khi TN các biện pháp đã đưa ra trẻ đã biết suy nghĩ, biết giúp đỡ, chia sẻ ý tưởng của mình với các bạn trong nhóm chơi thực hiện nhiệm vụ của mình. Ví dụ: với trò chơi "sinh nhật búp bê", trẻ đã biết cùng nhau bàn bạc, thảo luận, thống nhất xem sẽ chuẩn bị những gì cho sinh nhật búp bê, làm bánh gì, cắm hoa gì, làm bao nhiêu thiệp mời…

+ Biết phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi: Sau TN, với biểu hiện "Phối hợp hành động" qua quá trình quan sát cho thấy, trẻ ở lớp TN đã biểu hiện tiến bộ dần qua từng chủ đề. Trẻ không chỉ tập trung chú ý hơn vào

hoạt động mà sự phối hợp của trẻ cũng bền vững và nhịp nhàng hơn nhiều. Trẻ đã biết giúp đỡ nhau, cùng hợp sức để cùng thực hiện nhiệm vụ chung. Yêu cầu của các trò chơi mà cô giáo đưa ra cho trẻ đã làm cho trẻ thấy, cần phải có sự phối hợp với nhau mới có thể thực hiện được nhiệm vụ cô giáo giao cho.

Ví du: ở nhóm chơi " siêu thị gia đình", khi khách hành vừa tới, Tuấn làm bảo vệ siêu thị, kiêm nhiệm luôn nhiệm vụ trông xe cho khách, khi khách vào trong Minh Nhi và Hà Trang đã biết phối hợp với nhau, Minh Nhi đứng mời khách vào mua hàng, trong khi đó Hà Trang dẫn khách đi xem các mặt hàng với mục đích bán được nhiều hàng. Diễm ở quầy tính tiền biết chào tạm biệt khách với một câu nói thân thiện "hẹn gặp lại quý khách lần sau ạ". Như vậy, sau khi áp dụng các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ, trẻ tham gia vào TCĐVCCĐ với một tinh thần đoàn kết, và sự phối hợp nhịp nhàng, chủ động. Qua đó đã giúp trẻ biết thực hiện các hành động, hành vi, cách ứng xử hợp lý, tích cực hơn.

+ **Thiết lập mối quan hệ giữa vai chơi, nhóm chơi:** Trước TN việc thiết lập mối quan hệ giữa các vai chơi, nhóm chơi khá lỏng lẻo, đặc biệt là sự phối hợp, liên kết giữa các nhóm chơi rất thụ động, còn nhờ sự can thiệp của GV, thì sau TN việc thiết lập mối quan hệ đối với trẻ đã trở lên linh hoạt, chủ động. Chẳng hạn: ở nhóm chơi "bác sỹ", trước TN các trẻ ở nhóm này rất thụ động trong việc ngồi đợi bệnh nhân đến phòng khám thì sau TN đã chủ động đến nhóm "xây dựng" để khám sức khỏe định kỳ cho "công nhân xây dựng", đến nhóm "gia đình" để khám bệnh tại nhà...Hay tại nhóm "bán hàng" sau TN đã có thêm dịch vụ giao hàng tận nơi cho các nhóm chơi, mở thêm gian hàng bán "vật liệu xây dựng" và "đồ dùng gia đình" cho nhóm "xây dựng" và "gia đình" làm cho các nhóm chơi được liên kết, phối hợp nhịp nhàng với nhau, quan hệ giữa các vai chơi cũng trở nên phong phú hơn.

+ **Biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi:** KNHT biểu hiện qua giải quyết xung đột còn bộc lộ một số điểm tích cực qua xử lý xung đột của trẻ nảy sinh trong khi chơi. Nếu như trước TN, khi có xung đột xảy ra, nhiều trẻ chỉ biết mách cô và nhờ cô can thiệp, làm cho trò chơi bị gián đoạn, nhiều khi tan rã. Nhưng sau TN, trẻ đã có thể tự giải quyết được xung đột

đem lại không khí vui vẻ, thân thiện trong các nhóm chơi. Ví dụ: ở nhóm chơi "gia đình", Hiền Mai và Ngọc Sương tranh nhau đóng vai "Bác sĩ", 2 cháu cãi nhau một lúc rồi đến mách cô giáo. Nhưng sau thời gian TN, Hiền Mai vui vẻ nhường vai cho bạn "hôm nay bạn đóng vai này rồi thì mai đến lượt tớ đóng đấy nhé" và hăng hái đóng vai khác.

Tóm lại: phân tích kết quả TN trên đã cho thấy các kết quả về tỉ lệ phần trăm, điểm trung bình của nhóm TN sau TN đều cao hơn nhóm ĐC và cao hơn bản thân nhóm TN trước TN. Trong khi đó, sau TN, các kết quả của nhóm ĐC không chênh lệch nhiều so với trước TN. Tất cả những sự thay đổi trên đều đã được kiểm định độ tin cậy bằng phần mềm SPSS. Điều đó chứng tỏ hệ thống những biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ MG 5-6 tuổi mà chúng tôi đưa ra có tính khả thi và khẳng định giả thuyết khoa học đặt ra là hoàn toàn đúng đắn.

3.3.7.3. Kiểm định độ tin cậy trước và sau TN vòng 1 và vòng 2

- ***TN vòng 1***

Trước TN

Bảng 3.5: Kiểm định độ sự tương đồng của kết quả trước TN vòng 2 của hai nhóm ĐC và TN

Độ tin cậy trước TN vòng 1	**Phân phối phương sai của phép thử**		**Kiểm định T-test**						
	F	**Sig.**	**T**	**Df**	**Sig. (2-tailed)**	**Giá trị khác biệt**	**Độ lệch sự khác biệt**	**95% độ tin cậy của giá trị khác biệt**	
								Thấp	**Cao**
Phương sai không bằng nhau	9.834	**.0976**	**.442**	110	.559	.35455	.60533	-.84507	1.55416
Phương sai bằng nhau			4.363	109.000	.000	.35455	.08126	.19349	.51560

Để kiểm định sự tương đồng của hai mẫu ĐC và TN, đề tài sử dụng công thức tính Independent Samples T- Test của phần mềm SPSS. Kết quả thu được thể hiện ở bảng Independent Samples Test. Trước hết, ta thấy giá trị Sig. = 0.976 (giá trị này lớn hơn 0.05), điều này chứng tỏ phương sai giữa 2 nhóm TN và ĐC bằng nhau.

Do hai phương sai bằng nhau nên kết quả kiểm định sự bằng nhau giữa hai giá trị trung bình, chúng ta sử dụng kết quả kiểm định t ở dòng "giả thiết phương sai của 2 mẫu bằng nhau" *(Equal variances not assumed)* (t= 0.442). Tiếp tục xem xét giá trị *Sig.(2-tailed)* cho sự bình đẳng của các giá trị trung bình *(t-test for Equality of Means),* ta thấy giá trị này là 0.66 > 0.05 nên độ chênh lệch về điểm trung bình của 2 nhóm là không có ý nghĩa và phương sai giữa 2 nhóm TN và ĐC là bằng nhau. Hay nói cách khác sự khác biệt giữa 2 nhóm TN và ĐC không có ý nghĩa. Điều này giúp chúng ta đi đến kết luận: mức độ biểu hiện các KNHT của 2 nhóm TN và ĐC là tương đồng nhau. Như vậy, kết quả định lượng như đã phân tích ở trên có độ tin cậy cao.

❖ *Sau TN*

Bảng 3.6: Kiểm định độ tin cậy kết quả sauTN vòng 1 của hai nhóm ĐC và TN

Độ tin sau TN vòng 1	**Phân phối phương sai của phép thử**		**Kiểm định T-test**						
	F	**Sig.**	**T**	**Df**	**Sig. (2-tailed)**	**Giá trị khác biệt**	**Độ lệch sự khác biệt**	**95% độ tin cậy của giá trị khác biệt**	
								Thấp	**Cao**
Phương sai không bằng nhau	6.894	.011	3.22	90	.256	.1569	.1320	-.1227	.5075
Phương sai bằng nhau			.868	45.75	.389	.1554	.1463	-.1409	.5195

Để kiểm chứng lại kết quả của tác động TN chúng tôi đã sử dụng phép thử t – student cho nhóm không sóng đôi để tìm sự khác biệt giữa kết quả ở lớp TN và lớp ĐC. Chúng tôi tính t = 3.22. Tra bảng phân phối tα = 1.999 t > tα. Như vậy, có nghĩa là sự khác biệt về kết quả giữa 2 lớp TN và ĐC có ý nghĩa về mặt xác suất thống kê, hay tác động TN có kết quả.

TN vòng 2:

❖ *Trước TN*

Bảng 3.7: Kiểm định độ sự tương đồng kết quả trước TN vòng 2 của hai nhóm ĐC và TN

Độ tin trước TN vòng 2	**Phân phối phương sai của phép thử**		**Kiểm định T-test**						
	F	**Sig.**	**T**	**Df**	**Sig. (2-tailed)**	**Giá trị khác biệt**	**Độ lệch sự khác biệt**	**95% độ tin cậy của giá trị khác biệt**	
								Thấp	**Cao**
Phương sai không bằng nhau	7.894	.211	3.52	85	.346	.5569	.2520	-.1857	.6175
Phương sai bằng nhau			.778	55.75	.459	.6354	.2563	-.1609	.4595

Để kiểm định sự tương đồng của hai mẫu ĐC và TN, chúng tôi sử dụng công thức tính Independent Samples T- Test của phần mềm SPSS. Kết quả thu được thể hiện ở bảng Independent Samples Test. Trước hết, ta thấy giá trị Sig. = 0.211 (giá trị này lớn hơn 0.05), điều này chứng tỏ phương sai giữa 2 nhóm TN và ĐC bằng nhau.Do hai phương sai bằng nhau nên kết quả kiểm định sự bằng nhau giữa hai giá trị trung bình, chúng ta sử dụng kết quả kiểm định t ở dòng "giả thiết phương sai của 2 mẫu bằng nhau" *(Equal variances not assumed)* (t= 0.778). Tiếp tục xem xét giá trị *Sig.(2-tailed)* cho sự bình đẳng của các giá trị trung bình *(t-test for Equality of Means),* ta thấy giá trị này là 0.211 > 0.05 nên độ chênh lệch về điểm trung bình của 2 nhóm là không có ý nghĩa và phương sai giữa 2 nhóm TN và ĐC là bằng

nhau. Hay nói cách khác sự khác biệt giữa 2 nhóm TN và ĐC không có ý nghĩa. Điều này giúp chúng ta đi đến kết luận: mức độ biểu hiện các KNHT của 2 nhóm TN và ĐC là tương đồng nhau. Như vậy, kết quả định lượng như đã phân tích ở trên có độ tin cậy cao.

❖ Sau TN

Bảng 3.8: Kiểm định độ tin cậy kết quả sau TN vòng 2 của hai nhóm ĐC và TN

Độ tin cậy sau TN vòng 2	Phân phối phương sai của phép thử		Kiểm định T-test						
	F	Sig.	T	Df	Sig. (2-tailed)	Giá trị khác biệt	Độ lệch sự khác biệt	95% độ tin cậy của giá trị khác biệt	
								Thấp	Cao
Phương sai không bằng nhau	14.565	.010	3.339	91	.166	.17549	.1402	-.11277	.40375
Phương sai bằng nhau			.988	38.590	.128	.15549	.13625	-.15097	.44195

Để kiểm chứng lại kết quả của tác động TN chúng tôi đã sử dụng phép thử t – student cho nhóm không sóng đôi để tìm sự khác biệt giữa kết quả ở lớp TN và lớp ĐC. Chúng tôi tính t = 3.33. Tra bảng phân phối tα = 1.999, t > tα. Như vậy, có nghĩa là sự khác biệt về kết quả giữa 2 lớp TN và ĐC có ý nghĩa về mặt xác suất thống kê, hay tác động TN có kết quả.

3.3. Phân tích và bình luận về quá trình thực nghiệm

TN tiến hành trong 8 tháng trên 130 trẻ 5-6 tuổi cả hai vòng 1 và 2. Kết quả đánh giá ban đầu cả hai vòng TN cho thấy, mức độ biểu hiện KNHT trong TCĐVCCĐ của nhóm ĐC và TN đều ở mức trung bình – yếu. Sau thời gian áp dụng các biện pháp giáo dục KNHT, kết quả đánh giá cho thấy điểm trung bình về mức độ biểu hiện KNHT trong TCĐVCCĐ của nhóm TN đều có chiều hướng đi

lên. Đối với nhóm ĐC, áp dụng các biện pháp truyền thống thì mức độ KNHT cũng không có gì thay đổi đáng kể so với kết quả đánh giá đầu vào, chỉ đạt ở mức trung bình – thấp. Kết quả thể hiện cụ thể trên hai biểu đồ sau:

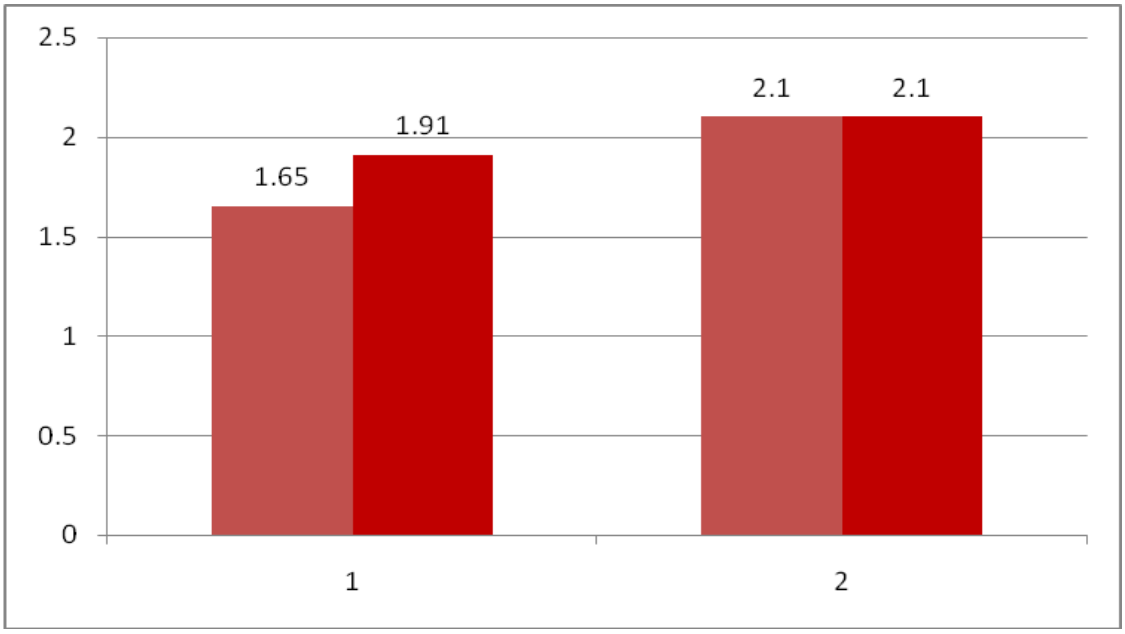

Biểu đồ 3.5: Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm ĐC trước và sau TN vòng 1,2

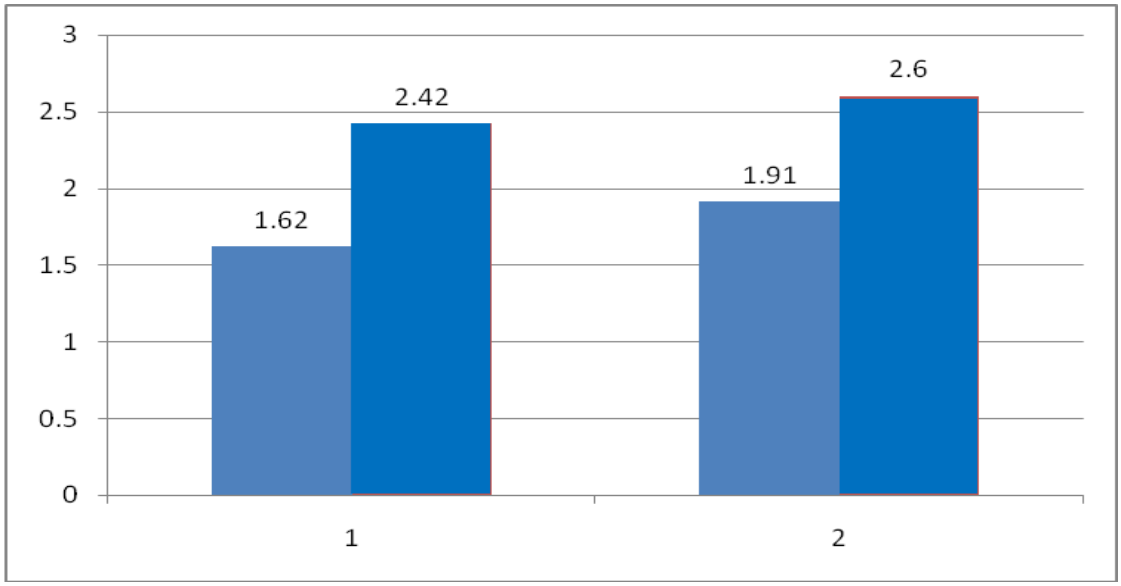

Biểu đồ 3.6: Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN trước và sau TN vòng 1,2

Từ kết quả nghiên cứu luận án rút ra kết luận rằng KNHT của trẻ 5-6 tuổi có thể được phát triển nhờ giáo dục và TCĐVCCĐ là con đường thuận lợi để giáo dục KNHT cho trẻ. Để giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi GV cần có những biện pháp phù

hợp trong quá trình tổ chức trò chơi đóng vai, trong quá trình áp dụng các biện pháp cần linh hoạt với từng đối tượng trẻ. Cho trẻ được chủ động lựa chọn nhóm chơi, không áp đặt trẻ. Trẻ mẫu giáo lớn đã có những biểu hiện của KNHT, có nhu cầu hợp tác khi chơi. GV và người chăm sóc cần có những biện pháp phù hợp để phát triển bản chất hợp tác đã tồn tại trong trẻ.

Vai trò của GV trong quá trình tổ chức, hướng dẫn trẻ chơi có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển KNHT của trẻ, bởi vì GV là người trực tiếp áp dụng các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ trong quá trình tổ chức TCĐVCCĐ. TN qua 2 vòng cho thấy, phong cách của GV khác nhau cũng ảnh hưởng đến tinh thần hợp tác của trẻ trong trò chơi. Cô giáo L vui vẻ, cởi mở khi tổ chức trò chơi, quan sát trẻ thường xuyên và đưa ra những lời nhận xét hóm hỉnh, hài hước... đã kích thích hứng thú của trẻ khi chơi, làm cho trẻ cảm thấy thoải mái, tự tin, ảnh hưởng tích cực đến tinh thần hợp tác của trẻ trong nhóm.

Tất cả trẻ 5-6 tuổi đều trải qua một quy trình phát triển như nhau, nhưng không giống nhau về vốn sống, kinh nghiệm, mức độ phát triển, nhu cầu, khả năng, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu... Có trẻ lầm lì ít nói, có trẻ hồn nhiên, có trẻ cởi mở, có trẻ luôn lăng xăng... Tùy theo đặc điểm, khả năng, sở thích, vốn kinh nghiệm của từng trẻ, GV vận dụng các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ trong TCĐVCCĐ một cách linh hoạt, sáng tạo sẽ kích thích KNHT của trẻ phát triển.

Mặc dù điểm trung bình của nhóm TN trước TN đều có tăng lên sau TN, song vẫn còn một số trẻ mức độ biểu hiện KNHT còn ở mức thấp.

Như vậy, việc áp dụng các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ sau hai vòng TN đã có những kết quả đáng ghi nhận. Từ quá trình nghiên cứu chúng tôi cho rằng cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ trong TCĐVCCĐ.

Kết luận chương 3

1. Trên cơ nghiên cứu lí luận và thực tiễn về việc giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ, luận án đã xây dựng 3 nhóm biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai gồm: nhóm biện pháp giáo dục trước khi chơi, nhóm biện pháp giáo dục trong quá trình hướng dẫn trẻ chơi, nhóm biện pháp đánh giá, nhận xét trẻ chơi.

2. Các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ được căn cứ trên cơ sở của các lớp mẫu giáo trên địa bàn Miền Đông Nam Bộ, đặc điểm của TCĐVCCĐ, đặc điểm của trẻ 5-6 tuổi.

3. Biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ phải đảm bảo tính mục tiêu, tính khoa học và sáng tạo, tính giáo dục và phát triển, tính khả thi và hiệu quả và đảm bảo phù hợp với hoạt động và đặc điểm của trò chơi ĐVCCĐ. Nó có cơ sở về tâm lí học phát triển, về giáo dục trẻ em lứa tuổi MN nói chung và trẻ mẫu giáo lớn nói riêng.

4. Nhằm kiểm tra giả thuyết nghiên cứu, quá trình TN các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ được thực hiện trong 8 tháng trên 130 trẻ 5-6 tuổi (Nhóm TN: 15 trẻ TN vòng 1, 50 trẻ TN vòng 2) ở các trường MN trên địa bàn Tỉnh Bình Dương. Trong quá trình TN, luận án luôn đánh giá không chính thức và chính thức để điều chỉnh kế hoạch giáo dục theo sự tiến bộ chung của trẻ.

5. Kết quả đánh giá sau TN được kiểm định bằng công thức kiểm định T (Independent Samples T- Test) và công thức tính hệ số tương quan có sẵn trong phần mềm SPSS 16.0 cho thấy sự khác biệt ở mức có ý nghĩa so với kết quả đánh giá trước TN. Từ đó cho thấy các biện pháp đề xuất có tác động tích cực tới sự phát triển KNHT của trẻ 5-6 tuổi. Có thể khẳng định rằng giả thuyết khoa học ban đầu là đúng đắn; các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ đã đề xuất là có hiệu quả đối với đa số trẻ nhóm TN qua hai vòng TN.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Trên cơ sở tổng hợp, phân tích các kết quả nghiên cứu khoa học trong nước và ngoài nước, luận án khẳng định rằng:

- Trẻ mẫu giáo lớn (5-6 tuổi) đã có KNHT ở một mức độ nhất định và giáo dục có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển KNHT của trẻ.

- TCĐVCCĐ với bản chất là mô phỏng và phản ánh lại cuộc sống sinh hoạt của con người trong xã hội – vừa là đối tượng nhận thức vừa là con đường thuận lợi nhất để giáo dục KNHT cho trẻ - một trong những kĩ năng xã hội.

2. Thực trạng KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ 5-6 tuổi chưa cao và chưa đồng bộ, nguyên nhân chính là do GV chưa thực sự chú ý đến việc giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi, chưa có những biện pháp tác động mang lại hiệu quả cao trong việc giáo dục KNHT cho trẻ.

3. Luận án đã xây dựng 3 nhóm biện pháp giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi, trong đó đảm bảo kế thừa và phát huy những điểm mạnh trong giáo dục KNHT hiện nay ở các trường MN trên địa bàn Tỉnh Bình Dương. Nội dung các biện pháp đảm bảo một môi trường thuận lợi để kích thích trẻ hợp tác cùng nhau, cũng như đảm bảo vai trò chủ thể, tích cực của trẻ trong khi chơi, sự tương tác tích cực giữa trẻ và trẻ, giữa GV và trẻ. Các biện pháp tác động đến toàn bộ quá trình tổ chức TCĐVCCĐ cho trẻ.

4. Bằng TN, luận án đã chứng minh rằng 3 nhóm biện pháp với 7 biện pháp cụ thể được đề xuất thực sự hiệu quả và khả thi trong các trường MN trên địa bàn Tỉnh Bình Dương hiện nay. Các biện pháp này cho phép trẻ 5-6 tuổi phát huy tối đa tinh thần tập thể trong khi chơi, phát huy tính tích cực, chủ động, cũng như tăng cường sự tương tác với bạn bè và cô giáo, từ đó phát triển KNHT trong TCĐVCCĐ ở trẻ. Đồng thời các biện pháp này cũng có khả năng ứng dụng trong các hoạt động giáo dục khác cho trẻ ở trường MN.

5. Kết quả định lượng và định tính trong TN minh chứng cho hiệu quả của việc tạo không gian cho các nhóm chơi. Nó cũng minh chứng cho hiệu quả của việc khuyến khích trẻ làm đồ chơi chuẩn bị các góc chơi,chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi cùng nhau, cũng như việc tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, tạo tình huống chơi, và các biện pháp hướng dẫn trẻ tự đánh giá và đánh giá trẻ theo hướng phát huy KNHT ở trẻ.

6. Kết quả TN cho thấy: Giáo dục KNHT trong TCĐVCCĐ cho trẻ 5-6 tuổi theo các biện pháp hướng vào việc khuyến khích trẻ chia sẻ kinh nghiệm,ý tưởng chơi; tạo tình huống chơi; tăng cơ hội trải nghiệm cho trẻ; khuyến khích trẻ tự nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm... sẽ góp phần phát triển KNHT trong TCĐVCCĐ của trẻ.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với các cấp quản lí giáo dục mầm non

Cần đưa nội dung giáo dục KNHT vào nội dung trọng tâm, và xuyên suốt của chương trình giáo dục trẻ và triển khai cụ thể vấn đề này trong thực tiễn.

Chú trọng bồi dưỡng KNHT của người học, giúp họ trở thành người GV MN có KNHT trong tương lai.

Biên soạn và hỗ trợ tài liệu hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục KNHT cho trẻ mẫu giáo ở các trường MN.

Tổ chức tập huấn và bồi dưỡng GVMN về KNHT và biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi.

Cần tiếp tục nghiên cứu vai trò của TCĐVCCĐ đối với việc giáo dục KNHT cho trẻ và các biện pháp giáo dục, tổ chức trò chơi nhằm hình thành, phát triển KNHT cho trẻ 5-6 tuổi nói riêng và trẻ mẫu giáo nói chung.

2. Đối với trường mầm non

Cần khuyến khích GV trong quá trình tổ chức các hoạt động chung ở trường MN nên quan tâm đến việc giáo dục KNHT cho trẻ.

Tạo điều kiện cho GV được bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về vấn đề giáo dục KNHT cho trẻ trong các hoạt động giáo dục ở trường MN.

Tăng cường hoạt động trao đổi và chia sẻ chuyên môn cho GV trong trường về KNHT và vấn đề giáo dục KNHT cho trẻ.

3. Đối với giáo viên mầm non

Cần quan tâm tới KNHT và giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục

Khi tổ chức trò chơi và các hoạt động khác ở trường MN, cần nhận ra biểu hiện KNHT của trẻ, đánh giá cao KNHT của trẻ và tạo cơ hội cho trẻ hợp tác.

Nên áp dụng linh hoạt các biện pháp giáo dục KNHT trên đây và có những đánh giá, điều chỉnh trong quá trình giáo dục.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Vũ Thị Nhân (2011), *Trò chơi đóng vai có chủ đề, con đường thuận lợi nhất để rèn kĩ năng hoạt động nhóm cho trẻ*, Tạp chí Khoa học ĐHSPHN, số 4 tr.126-133.

2. Vũ Thị Nhân (2011), *Giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi thông qua trò chơi đóng vai có chủ đề ở trường mầm non.* Tạp chí giáo dục, số 271 kì 1, tr.14-16.

3. Vũ Thị Nhân (2014), *Giải quyết xung đột của trẻ trong hoạt động vui chơi ở trường mầm non dựa trên cách tiếp cận lý thuyết vùng phát triển gần nhất của LX. Vygotxky*. Tạp chí giáo dục số 335, kỳ 1 tr.10-14.

4. Vũ Thị Nhân (2016), *Thực trạng giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Dương*.Tạp chí Khoa học Trường ĐHSPHN, số 3, tr.136-147.

5. Vũ Thị Nhân (2016), *Giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi thông qua các hoạt động ở trường mầm non*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 128 kì 1, tr.42-44.

6. Vũ Thị Nhân (2016), *Những biểu hiện kĩ năng hợp tác của trẻ 5-6 tuổi trong các hoạt động ở trường mầm non*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 5/2016, tr. 104 – 106.

7. Vũ Thị Nhân (2016), *Biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động vui chơi ở trường mầm non*. Tạp chí giáo dục, số đặc biệt tháng 5/2016, tr.131-134.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, UNICEF Hà Nội (2009), *Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi,* tháng 8.2009.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Chương trình giáo dục MN*, NXB Giáo dục, Hà Nội

[3] Cao Thị Cúc (2009), "Rèn luyện KNHT trong nhóm bạn bè cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động vui chơi ở trường MN", *Tạp chí Giáo dục,* Số 212, tr. 33-35.

[4]Nguyễn Thị Diệu Hà (2011), "Một số biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi thông qua TCĐVCCĐ ở trường MN", Luận án Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội

[5] Nguyễn Thị Thanh Hà (2002), *Phương pháp hướng dẫn trẻ 2-3 tuổi chơi trò chơi phản ánh sinh hoạt*. Luận án tiến sĩ, ĐHSPHN.

[6] Nguyễn Thị Hòa (2009), *Giáo trình giáo dục học mầm non*, NXB Đại học sư phạm

[7] Nguyễn Thị Hòa (2016), *Giáo trình Giáo dục tích hợp ở bậc học MN,* NXB Đại học Sư phạm Hà Nội

[8] Lê Xuân Hồng (1996), "Một số đặc điểm giao tiếp của trẻ mẫu giáo trong nhóm chơi không cùng độ tuổi", Luận án Tiến sĩ Sư phạm – Tâm lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[9] Lê Xuân Hồng, Lê Thị Khang, Hồ Lai Châu, Hoàng Mai (2000), *Những kỹ năng sư phạm MN*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.

[10] Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại: Lí luận, biện pháp, kỹ thuật*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[11] Đặng Thành Hưng (2009), *Lý luận phương pháp dạy học và kỹ năng dạy học*, Viện khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[12] Đặng Thành Hưng (2010), *Nhận diện và đánh giá kĩ năng,* Tạp chí KHGD số 62

[13] Đặng Thành Hưng (2013), kĩ năng dạy học và tiêu chí đánh giá, tạp chí khoa học giáo dục (88), tr 5-9

[14] Nguyễn Thị Thanh (2013), dạy học theo hướng phát triển kĩ năng học tập hợp tác cho sinh viên Đại học Sư phạm, luận án tiến sĩ, ĐH Thái Nguyên

[16] Nguyễn Thị Thanh Hương (2004), *Một số biện pháp hình thành kĩ năng chơi đóng vai của trẻ 3-4 tuổi*. Luận án tiến sĩ, ĐHSPHN.

[17] Phạm Thị Thu Hương (1998), "Một số biện pháp hình thành tính hợp tác qua trò chơi đóng vai theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 4 tuổi", Luận án Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.

[18] Hà Thị Kim Linh (2012), "Sử dụng trò chơi dân gian nhằm giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học miền núi Đông Bắc", Luận án Tiến sĩ Giáo dục học.

[19] Đinh Thị Phương Loan (2011), "Một số biện pháp tổ chức TCĐVCCĐ nhằm giáo dục kĩ năng sống ban đầu cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường MN", Luận án Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.

[20] Bùi Thị Xuân Lụa (2015), "Một số biện pháp phát triển KNHT cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề", *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Số 6 (72).

[21] Luật giáo dục 2005, http://www.moet.gov.vn cập nhật ngày 01/01/2016

[22] Trần Thị Nga, "Hành vi ký hiệu tượng trưng trong trò chơi đóng vai theo chủ đề của trẻ mẫu giáo", Trường Cao đẳng Mẫu giáo Trung ương 1, Truy cập http://www.mamnon.com/newsDetails.aspx?topicID=4702.

[23] Hoàng Thị Oanh (2003), *Nghiên cứu kĩ năng tổ chức trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5 tuổi của SV trường CĐSP nhà trẻ - mẫu giáo*. Luận án tiến sĩ, ĐHSPHN.

[24] Hoàng Phê (Chủ biên) (1994), *Từ điển tiếng Việt,* NXB Khoa học xã hội

[25] Huỳnh Văn Sơn (2009), *Nhập môn kỹ năng sống,* NXB Giáo dục

[26] Lê Minh Thuận (1989), Trò chơi phân vai theo chủ đề và việc hình thành nhân cách cho trẻ mẫu giáo, NXB. Giáo dục, Hà Nội.

[27] Nguyễn Xuân Thức và Nguyễn Thạc (2008), "Phân tích tâm lí các biểu hiện của tính tích cực vui chơi của trẻ em mẫu giáo 5-6 tuổi qua TCĐVCCĐ", *Tạp chí Tâm lí học,* Số 3 (108).

[28] Nguyễn Thị Tính, Hà Kim Linh (2006), "Tổ chức cho trẻ mẫu giáo lớn chơi theo nhóm bạn nhằm góp phần hình thành và phát triển nhân cách trẻ em", *Tạp chí Giáo dục*, Số 134 (Kỳ 2-3/2006), tr. 24-25.

[29] Liêm Trinh (2006), *Rèn luyện nhân cách cho trẻ,* NXB. Phụ nữ, Hà Nội.

[30] Lê Phương Tuệ (2005), *Một số biểu hiện nhu cầu tự khẳng định của trẻ mẫu giáo qua trò chơi đóng vai có chủ đề*. Luận án tiến sĩ, ĐHSPHN.

[31] Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Kim Thoa (1994), *Tâm lí học lứa tuổi MN (từ lọt lòng đến 6 tuổi)*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.

[32] Nguyễn Ánh Tuyết (2000), Trò chơi trẻ em, NXB Phụ nữ Hà Nội

[33] Lê Thị Bích Vân (2010), "Vai trò của GV trong trò chơi đóng vai theo chủ đề của trẻ mẫu giáo", *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đại Nam*.

Tài liệu dịch

[34] Babaeva, T.I, Rimashevckaya L.S (2012), *Phát triển các mối tương quan và hợp tác của trẻ mẫu giáo trong trường MN,* NXB Thiếu Nhi.

[35] Cruchetxki, V.A (1980), *Những cơ sở của tâm lý học sư phạm,* (Trần Thị Qua, Thế Long dịch), ĐHSPHN

[36] Enconhim, S.B (1998), *Tâm lý học trò chơi*, (Thanh Hà dịch), NXB TP Hồ Chí Minh

[37] Kixengof, X.I (1977), *Hình thành kĩ năng, kĩ xảo sư phạm cho sinh viên trong điều kiện của nền giáo dục sau đại học* (Lê Khánh Bằng dịch), Tổ tư liệu ĐHSPHN

[38] K.K.Platolov K.K (1963) , Về tri thức, kĩ năng, kĩ xảo(bản dịch tiếng Nga, tạp chí khoa học xô viết, số 11

[39] Levitov, N.D (1970), *Tâm lý học trẻ em và tâm lý học sư phạm* (Phạm Thị Diệu Vân dịch), NXB Giáo dục

[40] C Mác (1962), Bản thảo kinh tế triết học 1844, NXB Sự thật, Hà Nội.

[41] Petropxki, A.V (1982), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học SP* (Đỗ Văn dịch), Tập I, II, NXB Giáo dục

[42] Roegiers, Xavier (1996), *Khoa Sp tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường* (Đỗ Trọng Quang – Nguyễn Ngọc Nhị dịch), NXB Giáo dục

[43] Tsebuseva, V.V (1973), *Tâm lý học dạy lao động,*(Hoàng Mai dịch), NXB Lao động

Tiếng Anh

[44] Ashiabi, G. S. (2007), "Play in the preschool classroom: Its socioemotional significance and the teacher's role in play", *Early Childhood Education Journal, 35,* 199-207.

[45] Babaeva, P., (1994) *Humanization of educational process in the kindergarten // The humanization process of education and development of preschool*.: Intercollege. Sat. scientific papers. - St. Petersburg: Education, -s.3-15

[46] Berk, L. E., Mann, T. D., & Ogan, A. T. (2006), "Make-Believe play:Wellspring for development of self-regulation".In D. Singer, R.M. Golinkoff, & Hirsh-Pasek (Eds.), *Play =Learning:How play motivates and enhances children's cognitive and social-emotional growth,*New York, NY:Oxford University Press.

[47] Blackie, Jane (1995), "Bell, Andrew", Oxford Dictionary of National Biography (online ed.). Oxford University Press.doi:10.1093/ref:odnb/1995, 903-4.

[48] Bodrova, E. (2008), "Make-Believe play versus academic skills: A Vygotskian approach to today's dilemma of early childhood education", *European Early Childhood Education Research Journal, 16,* 357-369.

[49] Clements, D. H. & Sarama. J. (2009), *Learning and teaching early math:The learning trajectories approach,* New York, NY: Routledge.

[50] Coleman, J. S. (1961), *The Adolescent Society,* New York: Free Press of Glencoe.

[51] Corsaro, W. A. và Rizzo, T. A. (1988), "Discussione and friendship: Socialization processes in the peer culture of Italian nursery school children", *American Sociological Review,* 53, 879-894.

[52] Council of Australian Government (2009), *Investing in the Early Years – A National Early Childhood Development Strategy,* Commonwealth of Australia.

[53] D. B. Elkonin (1978), *Psychologija igry* [The Psychology of Play], Moscow: Pedagogika.

[54] Damon, W. (1982), "Exploring children's social cognition on two fronts", in F. C. Serafica (Ed.), *Social-cognitive development in context* (pp. 154-175), New York: Guilford Press.

[55] Dewey, J. (1940), *Education Tody,* New York, Greenwood Press.

[56] Dewey, J. (1966), *Democracy and Education,* New York, The Free Press.

[57] Erikson, Erik H. (1967), *Childhood and Society,* Penguin.

[58] Fisher, K., Hirsh-Pasek, K., Golinkoff, R. M., Singer, D. G. và Berk, L. (2011), "Playing around in school: Implications for learning and educational policy",in A. D. Pellegrini (Ed.), *Oxford Handbook of the Development Play,* Oxford University Press.

[59] Forman, E. A. (1989), "The role of peer interaction in the social construction of mathematical knowledge", *International Journal of Educational Research,* 13, 55-70.

[60] Garton, Alison F. (1992), *Social Interaction and the Development of Language and Cognition,* Lawrence Erlbaum Associates Ltd., Publishers, UK.

[61] Ginsburg, H. P. (2006), "Mathematical play and playful mathematics: A guide for early education". In D. Singer, R. M. Golinkoff, & K. Hirsh-Pasek (Eds.), *Play = learning: How play motivates and enhances children's cognitive and social-emotional growth* (pp. 145-68). New York, NY: Oxford University Press, USA.

[62] Goldstein, J. (1996), "Intergenerational play: Benefits of play for children and adults", *International Play Journal,* 4, 129-134.

[63] Goldstein. J. (2012), "Play in Children's Development, Health and Well-being", Toy Indusstries of Europe.

[64] Hartup, W. W. (1989), "Social relationships and their develomental significance", *American Psychologist,* 44(2), 120-126.

[66] Hendrickson, Jo M. và cộng sự (1981), "Relationship between toy and material use and the occurrence of social interactive behaviors by normally developing preschool children", *Psychology in the Schools,* 18, 500-5-4.

[67] Hirsh-Pasek, K. Golinkoff, R. M., Berk, L. E., & Singer. D. G. (2009), *A mandate for playful learning in preschool: Presenting the evidence,* New York: Oxford University Press.

[68] Howes, C. (1987), "Social competence with peers in young children: Developmental sequences", *Development Review,* 7, 252-272.

[69] Howes, C. (1988), "Peer interaction of young children", *Monographs of the Society for Research in Child Development,* 53 (1, Serial No.217).

[70] Hughes, F. P. (1999), *Children, play, and development* (3rd ed.), Needham Heights, MA: Allyn & Bacon.

[71]Jenkins, J. M., & Astington, J. W. (2000), "Theory of mind and social behavior: Casual models tested in a longitudinal study", *Merrill-Palmer Quarterly, 46,* 203-220.

[72] Jent, J. F., Niec, L. N., & Baker, S. E. (2011), "Play and interpersonal processes". In S. W. Russ &L. N. Niec (Eds.), *Play in clinical practice: Evidence-based approaches*. New York, NY: Guilford Press.

[73] Johnson, D., Johnson, R. và Holubec, E. (1998).*Cooperation in the classroom*. Boston: Allyn and Bacon.

[74] Johnson, R. T. và Johnson, D. W. (1994), "An overview of cooperative learning", in J. Thousand, A. Villa, và A. Nevin (Eds.), *Creativity and Collaborative Learning* (pp. 38-45), Baltimore, MD: Needham Heights.

[75] Johnson, D. W, Johnson, R.T, và Smith, K.A (2010), *Cooperation learning returns to college what envidence is there what it works?*

[76] Krajcik, J. S., C. M. Czerniak, C. F. Berger (2003), *Teaching Science in Elementary and Middle School Classrooms,* McGraw Hill, 6: 199-246.

[77] Kaufman, Scott Barry (2012), "The Need for Pretend Play in Child Development", http://www.naeyc.org/content/research-news-pretend-play-is-important, Mar 06, 2012.

[78] Larionov, I.A (1996) *The situation of success in educational activity as the factor of development of cooperation relations in the teacher-student system,* Cand. Diss... cand. ped. Sciences, Ekaterinburg,

[79] Leontiev, A.N (1979), *Pedagogical dialogue. - M.*

[80] Leslie, A. M. (1987), "Pretense and representation: The origins of "theory of mind", *Psychological Review, 94,* 412-426.

[81] Lindsey, E., & Colwell, M. (2013), "Pretend and phyiscal play: Links to preschoolers' affective social competence", *Merrill-Palmer Quarterly, 59*(3), 330-360. Retrieved from http://muse.jhu.edu.proxy.library.nd.edu/journals/merrill-palmer_quarterly/v059/59.3.lindsey.html

[82] Lorimier, S. D, Doyle, A. B. & Tessier, O. (1995), "Social coordination during pretend play: Comparisons with nonpretend play and effects on expressive content", *Merrill Palmer Quarterly,* 41, 497-516.

[83] Marr, M. B. (1997), "Cooperative Learning: A Brief Review", *Reading and Writing Quarterly,* 13 (1).

[84] Montessori, M. (1949), *The Absorbent Mind*, Oxford, UK: Clio Press (1988 reprint).

[85] Mos, L. P. và Boodt, C. P. (1991), "Friendship and play: An evolutionary developmental view", *Theory and Psychology,* 1, 132-144.

[86] Parten, M. D. (1932), "Social participation among preschool children", Journal of Abnormal Psychology, 27, 243-269. In Rogets, C.S. & Sawyers, J. (1988).*Play in the lives of children*. Washington, DC: NAEYC.

[87] Petrovsky, V.A (1993) *The phenomenon of subjectivity in personality psychology. Diss. in the form of a scientific paper... the doctor of psychol.* Sciences. Moscow

[88] Piaget, J. (1960/1965), "Problems of the social psychology of childhood", in J. Piaget, *Sociological studies,* New York: Routledge.

[89] J. Piaget (1996), *Tuyển tập tâm lí học,* NXB. Giáo dục, Hà Nội.

[90] Press, F., Sumsion, J. và Wong, S. (2009), *Integrated early years provision in Australia*, Charles Sturt University for the Professional Support Coordinators Alliance.

[91] Queensland Government – Department of Education, Training and Employment (2013), "A framework for integrated early childhood development".

[92] Research Center for Child and Adolescent Development and Education, Ochanomizu University (2004), *Early Childhood Education Handbook,* Yochimi Kohsan Co., Ltd., Japan.

[93] Rogoff, B. (1990), *Apprenticeship in thinking: Cognitive development in social context,* New York: Oxford University Press.

[94] Root-Bernstein, M. (2012), “The creation of imaginary worlds”. In M. Taylor (Ed.), *The Oxford Handbook of the Development of Imagination.* Oxford: Oxford University Press.

[95]Russ, S. & Fiorelli, J. (2010), “Developmental Approaches to Creativity”. In J. Kaufman & R. Sternberg (Eds.), *The Cambridge Handbook of Creativity*, 233-249. New York: Cambridge University Press.

[96] Russ, S. W. (2004), *Play in child development and psychotherapy,* Mahwah, NJ: Earlbaum.

[97] Schiller, Friedrich (1968), *On the Aesthetic Education of Man,* in a Series of Letters, trans. Elizabeth M. Wilkenson and L. A. Willoughby, Oxford, England: Clarendon Press.

[98] Seja, A. L., & Russ, S. W. (1999), “Children’s fantasy play and emotional understanding”, *Journal of Clinical Child Psychology*, *28*, 269-277.

[99] Shmukler, D. (1981), “Mother-child interaction and its relationship to the predisposition of imaginative play”, *Genetic Psychology Monographs*, *104*, 215-235.

[100] Singer, D. G. & Singer, J. L. (1990),*The house of make believe:Children's play and the developing imagination,* Cambridge, MA:Harvard University Press.

[101] Singer, D. G., Singer, J. L., Plaskon, S. L., & Schweder, A. E. (2003), “The role of play in the preschool curriculum”. In S. Olfman (Ed.), *All work and no play: How educational reforms are harming our preschoolers.* (pp. 43-70). Westport, CT: Praeger Publishers.

[102] Singer, D. G. & Singer, J. L. (2005), *Imagination and play in the electronic age,* Cambridge, MA: Harvard University Press.

[103] Singer, J. L. & Lythcott, M. A. (2004), “Fostering school achievement and creativity through sociodramatic play in the classroom”. In E. F. Zigler, D.G. Singer & S. J. Bishop-Joseph (Eds.), *Children’s play: The roots of reading*, pp. 77-93. Washington DC: Zero to Three Press.

[104] Slade, S. & Wolf, D. P. (1999), *Play: Clinical and developmental approaches to meaning and representation,* Oxford University Press.

[105] Slavin, R. (1987), *Cooperation learning anhd the cooperative school*

[106] Stuart Brown (2009), *Play: How It Shapes the Brain, Opens the Imagination, and Invigorates the Soul,* New York, NY: The Penguin Group.

[107] Tansley, A. G. (1941), "Sigmund Freud. 1856-1939",*Obituary Notices of Fellows of the Royal Society*3 (9).

[108] Tindale, R. S. (2002), *Theory and research on small groups: Social psychological applications to social issues, V.4,* New York, NY: Kluwer Academic Publishers.

[109] Umansky, L.I (1977), *Methods of experimental study of the socio-psychological phenomena / Methodology and methods of social psychology* / Ed. Ed. E.V.Shorohova. - M.-c.54-71.

[110] Uren, N. và Stagnitti, K. (2009), "Pretend play, social competence and involvement in children aged 5-7 years: The concurrent validity of the Child-Initiated Pretend Play Assessment", *Australian Occupational Therapy Journal,* 56, 33-42.

[111] Verba, Mina (1993), "Cooperative Formats in Pretend Play Among YoungChildren", *Cognition and Instruction,* 11 (3 & 4), 265-280.

[112] Verba, Mina (1994), "The Beginnings of Collaboration in Peer Interaction", *Human Development,* 37, 125-139.

[113] Vygosky, L. X. (1997), *Tuyển tập tâm lí học*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[114] Vygotsky, L. (1978), "Interaction between learning and development", *Mind and Society,* Cambridge, MA: Harvard University Press.

.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1.

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN GIÁO VIÊN MẦM NON

Để khảo sát thực trạng *giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non,* xin cô vui lòng trả lời câu hỏi sau. Rất mong nhận được sự hợp tác nhiệt tình của các Cô.

Xin các Cô vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu (√) vào những ý các Cô chọn

Phần 1: Thông tin cá nhân

+ Giáo viên lớp: ……

Trường:…….

+ Trình độ chuyên môn

Sơ cấp ☐ Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐ Đại học ☐

+ Thâm niên công tác

1-5 năm ☐ 5-10 năm ☐ 10-15 năm ☐ Trên 15 năm ☐

+ Số năm tham gia giảng dạy trẻ 5-6 tuổi: …….. năm

Phần 2: Nội dung khảo sát

1. Theo Cô, kĩ năng hợp tác là:
   - ☐ Là khả năng giao tiếp dựa trên đối thoại;
   - ☐ Hệ thống mối quan hệ giữa người với người;
   - ☐ Sự phối hợp hành động cùng thực hiện có hiệu quả hoạt động chung dựa trên những tri thức và vốn kinh nghiệm đã có trong những điều kiện nhất định.
   - ☐ Khả năng tương tác thực hiện hiệu quả một công việc dựa trên kinh nghiệm và tri thức đã có nhằm đạt mục đích chung.
2. Cô cho rằng việc giáo dục kĩ năng hợp tác cho các trẻ mẫu giáo lớn trong quá trình hoạt động tập thể có ý nghĩ như thế nào đối với trẻ?

   .....

   .....

   .....
3. Cô thường giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ trong các hoạt động nào sau đây ở trường mầm non? Tại sao?
   - ☐ Hoạt động vui chơi
   - ☐ Hoạt động học tập
   - ☐ Hoạt động lao động
   - ☐ Chế độ sinh hoạt

   Tại sao: .....

   .....

   .....

4. Nếu giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ trong hoạt động vui chơi, cô sẽ giáo dục trẻ trong các trò chơi nào?
   - ☐ Đóng vai theo chủ đề
   - ☐ Đóng kịch
   - ☐ Học tập
   - ☐ Vận động
   - ☐ Xây dựng – lắp ghép
   - ☐ Trò chơi dân gian
5. Khi tập hợp trẻ để hoàn thành nhiệm vụ chung, Cô:
   - ☐ Cho trẻ cơ hội để chọn bạn đồng hành theo mong muốn của trẻ;
   - ☐ Tự hình thành cặp / nhóm, dựa trên tình cảm, sự cảm thông của trẻ;
   - ☐ Tự hình thành cặp / nhóm dựa trên kỹ năng giao tiếp của trẻ;
   - ☐ Tự hình thành cặp / nhóm dựa trên tính kỷ luật của trẻ;
   - ☐ Tự hình thành cặp / nhóm dựa trên mức độ phát triển trí tuệ của trẻ;
   - ☐ Không quan trọng, chọn ngẫu nhiên.
6. Theo cô, các biểu hiện nào trong các biểu hiện sau đây, được coi là biểu hiện kĩ năng hợp tác của trẻ trong trò chơi đóng vai có chủ đề?

Biết lắng nghe bạn trong khi chơi, không ngắt lời bạn.	
Biết phối hợp hành động với các bạn trong khi chơi	
Biết hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ trong khi chơi.	
Biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng với các bạn khi chơi	
Biết phân công và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm	
Biết ứng xử đúng mực với các bạn trong nhóm chơi	
Thiết lập mối quan hệ trong nhóm chơi	
Biết thảo luận cùng bạn trong nhóm chơi	
Biết giải quyết xung đột trong khi chơi	
Biết nhường nhịn bạn trong khi chơi	
Tất cả các ý kiến trên	
Khác	

7. Cô đã sử dụng những biện pháp nào để giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non

   ……
   ……
   ……

8. Theo cô yếu tố nào trong các yếu tố sau đây ảnh hưởng đến việc giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ trong trò chơi đóng vai có chủ đề ở trường mầm non và mức độ ảnh hưởng.

Các yếu tố ảnh hưởng	**Mức độ**				
	Rất cao	**Cao**	**Trung bình**	**Thấp**	**Rất thấp**
Đặc điểm tâm, sinh lí của trẻ					
Sự tích cực, chủ động của bản thân mỗi trẻ khi chơi					
Môi trường chơi					
Biện pháp giáo dục của GV trong tổ chức hướng dẫn trò chơi.					
Diện tích lớp học					
Đồ dùng đồ chơi					
Kĩ năng giao tiếp của trẻ					
Kinh nghiệm sống của trẻ					

9. Cô thường sử dụng hình thức nào trong các hình thức hợp tác sau đây để giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ.
   a. Theo cặp
   b. Theo nhóm nhỏ
   c. Theo nhóm lớn
10. Cô thường gặp khó khăn gì khi giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề ở trường mầm non.
   - Về phía trẻ:.....
     .....
   - Về phía bản thân GV:.....
     .....
   - Về phía nhà trường:.....
     .....
11. Khi giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề ở trường mầm non, có những thuận lợi gì?
   - Về phía trẻ:.....
     .....
   - Về phía GV:.....
     .....
   - Về phía nhà trường:.....

Xin chân thành cảm ơn!

Phụ lục 2.

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN GIÁO VIÊN VỀ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KĨ NĂNG HỢP TÁC TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở TRƯỜNG MẦM NON

Để phục vụ cho việc xây dựng các "biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề ở trường mầm non", cô xin vui lòng đọc kĩ và trả lời từng câu bằng cách đánh dấu (+) vào phương án mà cô cho là phù hợp.

Mức độ		**Thường xuyên**	**Thỉnh thoảng**	**Hiếm khi**
STT	**Biện pháp**			
1	Quan tâm nhiều đến việc bài trí các góc chơi			
2	Đảm bảo đủ không gian chơi đóng vai cho trẻ			
3	Tạo bầu không khí an toàn, thoải mái cho trẻ chơi			
4	Lập kế hoạch chơi cho trẻ			
5	Hướng dẫn trẻ cùng nhau làm đồ chơi			
6	Khuyến khích trẻ đưa ra ý tưởng trước khi chơi			
7	Xây dựng chủ đề chơi, nội dung chơi phong phú			
8	Tạo nhiều tình huống chơi, kích thích trẻ hợp tác			
9	Theo dõi trẻ chơi và kịp thời giải quyết xung đột			
10	Hướng dẫn trẻ phối hợp hành động với nhau khi chơi			
11	Gợi ý trẻ mở rộng nội dung chơi			
12	Khuyến khích trẻ lắng nghe ý kiến của nhau			
13	Quan tâm tới việc phân công nhiệm vụ chơi của trẻ			
14	Khen ngợi trẻ khi trẻ có biểu hiện hợp tác			
15	Thường khen trẻ khi kết thúc trò chơi			

Phụ lục 3.

PHIẾU QUAN SÁT GIỜ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ Ở LỚP MẪU GIÁO 5-6 TUỔI

1. Tên trẻ.....Lớp.....Trường.....
2. Ngày quan sát:
3. Hoạt động:
4. Chủ đề chơi:
5. Vật liệu chơi:
   - Lấy từ thiên nhiên
   - Từ cuộc sống hàng ngày
   - Những đồ chơi tái chế (lon bia, hộp sữa...)
   - Các bộ đồ chơi theo chủ đề (bác sĩ, gia đình...)
   - Búp bê đồ chơi
   - Con vật
6. Sự phong phú:
   - Hình dạng: Phong phú □ Bình thường □ Nghèo nàn □
   - Màu sắc: Phong phú □ Bình thường □ Nghèo nàn □
7. Số lượng đồ chơi so với yêu cầu của trò chơi đóng vai

   Thừa □ Đủ □ Thiếu □
8. Hoạt động của giáo viên
   - ***Tạo hứng thú cho trẻ trước khi chơi***

     Tốt □ Bình thường □ Không tốt □ Không thực hiện □
   - ***Thảo luận, trao đổi cùng trẻ trước khi chơi***

     Tốt □ Bình thường □ Không tốt □ Không thực hiện □
   - ***Hướng dẫn trẻ chơi***

     □ Cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu

     □ Khó hiểu, dài dòng

     □ Không thực hiện
   - ***Thái độ hướng dẫn***

     □ Nhiệt tình, cởi mở □ Gò ép, căng thẳng

     □ Dạo nạt □ Chê bai

- ***Hình thức hỗ trợ trẻ chơi***

  ☐ Dùng lời

  ☐ Làm mẫu

  ☐ Dùng cử chỉ, tranh ảnh

- ***Trong quá trình trẻ chơi, thấy trẻ không hợp tác với nhau, GV làm gì?***

  ☐ Không quan tâm

  ☐ Hỏi, gợi mở

  ☐ Làm mẫu

  ☐ Khuyến khích trẻ

- ***Có biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác để tác động cụ thể:***

  ☐ Biện pháp tác động trước khi chơi

  ☐ Biện pháp tác động trong khi chơi

  ☐ Biện pháp tác động khi kết thúc trò chơi

- ***Nhận xét của GV***

  ☐ Thời điểm đưa ra nhận xét

  ☐ Trước khi chơi ☐ Trong khi chơi ☐ Sau khi chơi

- ***Cách nhận xét***

  ☐ Hoàn toàn khen, không chê

  ☐ Hoàn toàn chê, không khen

  ☐ Khen nhiều hơn chê

  ☐ Chê nhiều hơn khen

  ☐ Có tính động viên, khích lệ, hỗ trợ, gợi ý

  ☐ Chỉ tập trung vào kết quả chơi của trẻ

  ☐ Chú ý đến quá trình chơi của trẻ

9. Hoạt động của trẻ

- ***Hứng thú của trẻ***

Biểu hiện	Rất hứng thú	Hứng thú	Bình thường	Thờ ơ, chán nản
Trước khi chơi				
Trong khi chơi				
Sau khi chơi				

- ***Sự tập trung, chú ý trong khi chơi***

  □ Tập trung

  □ Thỉnh thoảng xao lãng

  □ Không tập trung

- ***Sự hợp tác với bạn trong nhóm chơi***

  Hợp tác với bạn khi chơi, thể hiện nhiều biểu hiện hợp tác như:

  .....

  □ Chơi một mình

  □ Chơi kế cạnh nhưng không liên hệ với bạn

  □ Không tuân thủ quy tắc chơi của nhóm

- ***Kết thúc trò chơi***

  Thể hiện sự luyến tiếc, muốn chơi nữa

Phụ lục 4.

PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho GV)

Xin vui lòng cho biết một số thông tin:

Họ tên:.....

Nơi công tác ..... Đơn vị công tác.....

Số năm dạy.....

Câu 1: Theo cô, thế nào là một trẻ có kĩ năng hợp tác? Việc giáo dục KNHT có ý nghĩa gì với trẻ?

Câu 2: Theo cô trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi có kĩ năng hợp tác không? Mức độ kĩ năng năng hợp tác của trẻ như thế nào?

Câu 3: Trò chơi đóng vai có chủ đề là gì? Trò chơi này có ý nghĩa như thế nào đối với việc giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ.

Câu 4: Theo cô, kĩ năng hợp tác được trẻ biểu hiện trong khi chơi trò chơi đóng vai có chủ đề như thế nào?

Câu 5: Cô đã sử dụng những biện pháp nào để giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi?

Câu 6: Cô có lập kế hoạch chơi để giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ không?

Câu 7: Những khó khăn mà cô thường gặp khi giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ trong trò chơi đóng vai có chủ đề.

Câu 8: Theo cô, những yếu tố nào là những yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến việc giáo dục KNHT cho trẻ?

Phụ lục 5.

BẢNG QUAN SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ BIỂU HIỆN KĨ NĂNG HỢP TÁC CỦA TRẺ 5-6 TUỔI TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ

Họ, tên trẻ: …… Nam/Nữ:……. Ngày sinh:……..

Lớp:……Trường…… …….Ngày ghi phiếu:……...

Địa điểm: …….....Người ghi phiếu:…….Chức vụ:……

Cách tiến hành: Đánh dấu (√) vào ô có mức đánh giá tương ứng

Ở mỗi tiêu chí:

+ Biểu hiện (1) là mức độ Cao

+ Biểu hiện (2) là mức độ Trung bình

+ Biểu hiện (3) là mức độ Thấp

TT	Tiêu chí	Biểu hiện	Mứcđộ		
			Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi
I	Cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm.	(1). Trẻ luôn thỏa thuận cùng nhau nhiệm vụ chơi chung một cách hiệu quả. Sẵn sàng chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm.			
		(2). Trẻ có thỏa thuận với nhau về nhiệm vụ chơi nhưng đôi khi còn cần sự nhắc nhở của người lớn. Trẻ chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm nhưng không tích cực.			
		(3). Trẻ thờ ơ với việc thỏa thuận cùng nhau về nhiệm vụ chơi. Trẻ không chấp nhận sự phân công của nhóm nếu không thích.			
II	Lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn.	(1). Biết lắng nghe bạn và chờ đến lượt mình nói. Khi chưa hiểu biết hỏi lại bạn. Biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với bạn trong nhóm. Chủ động hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ mình.			
		(2). Lắng nghe bạn, song thỉnh thoảng chưa biết chờ đến lượt mình. Đôi khi không hiểu lời bạn nói, chưa mạnh dạn hỏi lại bạn. Biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn khi GV nhắc nhở. Biết hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ nhưng đôi khi còn cần sự góp ý của GV.			

		(3). Không biết lắng nghe bạn và chưa biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với bạn. Không biết hỗ trợ bạn và yêu cầu bạn hỗ trợ khi gặp khó khăn.			
III	Phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi.	(1). Phối hợp hành động trong suốt quá trình hoạt động bằng cách sử dụng thích hợp cách thức phối hợp như "mục tiêu – kết quả", "dây chuyền sản xuất", "phối kết hợp".			
		(2). Phối hợp hành động trong một vài bước của quá trình hoạt động, còn lại là hoạt động song song			
		(3). Không phối hợp hành động trong quá trình hoạt động, quá trình hoạt động diễn ra kế cạnh nhưng không cùng nhau.			
IV	4. Giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi	(1). Luôn cố gắng tìm cách giải quyết chung nhất để tránh xảy ra xung đột. Khi xung đột xảy ra trẻ biết thương lượng, giải quyết xung đột theo hướng tích cực để tiếp tục cuộc chơi.			
		(2). Trẻ biết thương lượng giải quyết xung đột trong khi chơi nhưng đôi khi còn nhờ sự can thiệp của GV.			
		(3). Trẻ không biết cách giải quyết xung đột, trẻ thường bỏ đi không tiếp tục trò chơi, hoặc đánh bạn gây gổ, nhờ cô can thiệp vào các xung đột xảy ra trong khi chơi.			
V	5. Thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi.	(1). Trẻ chủ động thiết lập mối quan hệ giữa các vai chơi, bạn cùng chơi và nhóm chơi khác.			
		(2). Trẻ có thiết lập mối quan hệ chơi với các bạn, giữa các vai chơi và các nhóm chơi song còn sự tác động của GV.			
		(3). Trẻ không biêt cách thiết lập mối quan hê chơi giữa các vai chơi và nhóm chơi khác.			

Phụ lục 6

MẠNG CHỦ ĐỀ NHÁNH TUẦN 35

CHỦ ĐỀ NHÁNH: Bé Chuẩn Bị Vào Lớp Một

Tuần 35:(Từ ngày 25/05-29/05/2014)

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Biết được tên gọi, đặc điểm và địa chỉ của 1 số trường tiểu học và đồ dùng học tập.
- Trẻ biết được chữ cái đã học: V-R.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- HĐ khám phá khoa học:
+ Làm quen với 1 số ĐD của học sinh lớp 1.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Cháu KCTĐV: ĐD của học sinh tiểu học.
- Sử dụng đúng thuật ngữ toán học, phát âm đúng chữ cái: V-r.
- Cháu sử dụng lời nói khi tọa đàm, trò chuyện, ngôn ngữ rỏ ràng mạch lạc, sử dụng đúng từ, đúng câu khi chuẩn bị những gì để vào lớp 1.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- HĐ khám phá khoa học:
+ Làm quen với 1 số ĐD của học sinh lớp 1.
- PTNN: KCTĐV: ĐD của học sinh lớp 1.
- LQCC:V-r.*(T3)*

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

-Rèn luyện kỹ năng vận động, phối hợp vận động tay chân.
-Cháu vận động mạnh dạn tự tin.
-Rèn luyện kỹ năng thực hiện các thao tác. - Vận dụng linh hoạt các kỹ năng tạo hình để tạo ra sản phẩm.

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- TDS Thở 6, tay 2, bụng 5, chân 5, bật 4
- TCVĐ: Đánh cầu. Bịt mắt đá bóng.
- giúp cô lau bàn, dọn bàn, phơi khăn

PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- Biết giữ gìn sản phẩm của mình của bạn.
- Biết tô màu-xé dán trường tiểu học.Tranh sắp xếp bố cục được hài hòa, đẹp mắt.
- Giữ gìn trường lớp sạch đẹp.
- KCTĐV "ĐD của học sinh lớp 1".

PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- **AN:**Cháu vẫn nhớ trường mầm non.
- **TH:**Cắt dán đồ dùng học tập.*(tr 38)*
- **HĐVC**:Góc nghệ thuật: Làm đồ dùng học tập bằng phế liệu

PHÁT TRIỂN TC – XH

- Cháu biết giữ gìn ĐD học tập và sử dụng đúng cách.
- Muốn được đến trường tiểu học, kính thầy, yêu bạn.
- Biết quan tâm nhường nhịn bạn.
- Có tình cảm lưu luyến, nhớ đến các cô, các bạn ở trường MN.

PHÁT TRIỂN TC - XH

- **HĐVC:** Cô giáo. Bán đồ dùng học tập. Văn nghệ: " Lễ ra trường"
- **BTLNT:** Tổng hợp liên hoan cuối năm.
- Nghe hát, đọc thơ về " Trường tiểu học"

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
TUẦN 35: Bé Chuẩn Bị Vào Lớp 1
(Từ ngày 25/05-29/05/2015)

NỘI DUNG	YÊU CẦU	TỔ CHỨC THỰC HIỆN
LỄ GIÁO ***Cháu:*** - Cháu mạnh dạn cùng cô chuẩn bị ngày lễ ra trường ***Cô:*** - Mẫu mực trong sinh hoạt.	-Trẻ hiểu và tích cực tham gia lễ hội do trường tổ chức. -Cô thực hiện nghiêm túc giờ nào việc đó.	- Cô đưa vào tiêu chuẩn bé ngoan. - Cô giải thích cho cháu hiểu vì sao các con phải mạnh dạn cùng cô chuẩn bị lễ ra trường. Và qua các lễ hội giáo dục các cháu yêu trường, mến lớp. Biết giữ gìn của công. Biết giúp cô, giúp bạn - Cô thường xuyên nhắc nhở, động viên cháu thực hiện tốt. -Cô phải có thái độ đúng đắn trong công việc, trong sinh hoạt hằng ngày và đặc biệt trước trẻ.
ĐÓN TRẺ	-Trẻ biết chào hỏi lễ phép. -Thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt vào mỗi buổi sáng khi đến lớp. -Trẻ mạnh dạn tham gia trò chuyện.	-Trao đổi với phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ. -Nhắc trẻ chào ba mẹ. Cất cặp – dép đứng nơi qui định. Đăng ký góc chơi. -Trò chuyện về: Chuẩn bị vào lớp 1. + Tập trung trẻ hát bài: " Tạm biệt búp bê" + Khi các con rời trường MN, các con lại đến trường gì để học lớp 1?(Cho trẻ trả lời tự do) + Ở trường MN khác với trường tiểu học như thế nào? +Khi đi học các con đem những gì? +Thời gian học ở trường tiểu học có giống ở trường MN không? - Các con biết ở trường tiểu học rất khác trường MN: ĐC ngoài trời, thời gian học, ĐD mang đến lớp, ĐC trong lớp….Vì vậy các con khi đến lớp phải chú ý nghe cô giảng bài để thực hiện đúng bài tập mà cô đã cho. -Trẻ chơi tự do ở các góc với các đồ chơi lắp ráp, xem sách….

THỂ DỤC SÁNG - *Tập kết hợp bài hát:* " Cháu vẫn nhớ trường MN" * Thở 6 * Tay 3 * Bụng 3 * Chân 5 * Bật 4.	- Cháu biết tập thể dục sáng theo sự hướng dẫn của cô. - Rèn cho trẻ kỹ năng vận động, phát triển cơ thể toàn diện. - Giáo dục cháu có thói quen tập thể dục sáng thường xuyên.	*** Hướng dẫn:** **1.Khởi động :** -Cho cháu luân phiên đi các kiểu chân. -Cho cháu luân phiên chạy các kiểu chân, chuyển hàng **2.Trọng động:** * Thở 6: ***Đưa tay lên cao hít vào, hạ tay xuống thở ra.****(4L-8N) &. " Bầu trời như…muôn sắc tươi màu"* * ***Tay 2***: **(**4l +8n) Tay đưa ra phia trước đưa lên cao *&."Tạm biệt trường MG…bàn ghế thân yêu"* * Bụng 5:.(4L-8N) ngồi duỗi chân tay chống sau, hai chân thay nhau đưa lên cao *&. " Bầu trời như…náo nức trong lòng"* * Chân 5:(4L-8N) Ngồi khụy gối tay đưa ra phia trước *&. "Mùa hè này đã lớn…cháu lớn khôn"* * Bật 4: Bật luân phiên chân trước chân sau..*(4L-8N)* Bật theo nhịp 1-2 hoặc vỗ tay. **3.Hồi tỉnh:** -Cho trẻ chơi trò chơi:"Uống sữa "
ĐIỂM DANH	- Trẻ biết quan tâm nhau.	- Trẻ biết phát hiện bạn vắng trong ngày, biết nguyên nhân vì sao bạn vắng. - Cô cập nhật tên trẻ vắng vào sổ theo dõi nhóm, lớp.
TIÊU CHUẨN BÉ NGOAN	-Trẻ thực hiện được 3 tiêu chuẩn bé ngoan trong tuần đề ra. -Trẻ hiểu nội dung của 3 tiêu chuẩn và thực hiện đúng. -Giáo dục cháu chăm ngoan, vâng lời.	*** Hướng dẫn:** -Cô và trẻ cùng họp mặt đầu tuần vào sáng thứ 2. -Cô gợi hỏi trẻ kể lại những gì đã làm trong ngày nghỉ cuối tuần. Qua lời kể của trẻ.Cô giáo dục cháu chăm ngoan, biết phụ giúp ba mẹ. -Cô đưa vào tiêu chuẩn bé ngoan. Phân tích và động viên cháu thực hiện tốt. * Cháu chú ý trong giờ học. * Cháu tham gia tích cực vào lễ hội. * Cháu giữ vệ sinh thân thể sạch sẽ
HĐNT Thứ 2, thứ 4	- Cháu biết tên gọi, đặc điểm lá- thân - rễ	*** Hướng dẫn:** - Cô tập hợp cháu lại trước lớp, sửa

-Quan sát: " Cây trạng nguyên". **-TCVĐ:** Đánh cầu. **+*Chơi tự do***	cây trạng nguyên. - Cháu trả lời được 1 số câu hỏi của cô, cháu nắm cách chơi, luật chơi và tham gia tốt trò chơi. - GD cháu chăm sóc và bảo vệ cây. ***Chuẩn bị:*** - Cây trạng nguyên. - Trái cầu. - Sân rộng, sạch, thoáng.	sang lại đầu tóc, quần áo gọn gàng, chân mang giày dép đúng. - Cô giới thiệu hướng đi dạo, nội dung, địa điểm. Giáo dục cháu đi nhẹ nhàng không chen lấn bạn. - Cô và cháu cùng đi dạo quanh sân trường, vừa đi vừa hát các bài hát về chủ đề. - Hôm nay cô cùng các con quan sát về: "cây trạng nguyên". Cô hướng cháu quan sát rễ, thân, lá của cây. + Đây là cây gì? (Cây trạng nguyên). + Cây có những bộ phận nào? + Cây sống được là nhờ có gì? (Rễ cây) + Rễ cây có nhiệm vụ gì? (Hút nước và chất dinh dưỡng nuôi cây) + Thân cây có màu gì? + Thân cây to hay nhỏ? + Đâu là thân cây cho cháu lên chỉ và sờ xem thân cây như thế nào? (Trơn láng hay xù xì) + Lá có dạng gì? + Lá có màu gì? + Lá to hay nhỏ? + Khi sờ vào có cảm giác như thế nào? + Trồng cây trạng nguyên để làm gì? + Muốn cây tươi tốt thì các con phải làm gì? (Tưới nước, bắt sâu nhổ cỏ và bảo vệ cây) - Giáo dục cháu biết chăm sóc và bảo vệ cây cảnh cũng như một số cây cảnh khác. Hôm nay chúng ta chỉ quan sát như vậy thôi, hôm sau cô và các con quan sát tiếp nhé! *-Hướng dẫn cháu chơi trò chơi:***"Đánh cầu"** - Giải thích cách chơi, luật chơi: + ***Cách chơi:*** Lần đầu chơi từng trẻ 1. Bắt đầu chơi, trẻ để cái cầu trên lòng bàn tay rồi tung lên và lại ngửa bàn tay ra để đỡ cầu. Khi đã đỡ được cầu vào lòng bàn tay, lại tiếp tục tung lên rồi lại đỡ. Cứ như vậy cho đến khi nào không

		đỡ được cầu, để cầu rơi xuống đất là hỏng, mất lượt đi. Vừa đi vừa đếm xem đỡ và tung cái cầu được bao nhiêu lần. Ai đỡ được nhiều lần hơn là thắng. - Khi chơi đã thành thạo, chuyển sang đánh bằng vợt(Có thể dùng 1 mảnh bìa cứng). Trẻ chơi với nhau từng đôi một. Vẽ 1 vạch ngang giữa sân làm giới hạn. Mỗi trẻ đứng một bên, cầm vợt hất quả cầu sang bên chỗ bạn, bạn bên kia giơ vợt ra đỡ. Ai đỡ hụt, đánh chệch hướng hoặc không sang được sân của bạn là thua cuộc. -Tổ chức cho cháu chơi TC:(4-5 lần) **-Cho cháu chơi tự do.** ***Kết thúc:** -Cho trẻ đi vệ sinh.
Thứ 3, thứ 5 **-Quan sát: " Cây Hoa Phượng"** ***-TCVĐ:*** Bịt mắt đá bóng. ***+Chơi tự do***	- Cháu biết tên gọi, đặc điểm của thân, rễ cây phượng. - Cháu trả lời được 1 số câu hỏi của cô, cháu nắm cách chơi, luật chơi và tham gia tốt trò chơi. - GD cháu chăm sóc và bảo vệ cây. ****Chuẩn bị:*** - Cây phượng. - Sân rộng, sạch, thoáng. + Khăn bịt mắt. + Quả bóng.	*** Hướng dẫn:** - Cô tập hợp cháu lại trước lớp, sửa sang lại đầu tóc, quần áo gọn gàng, chân mang giày dép đúng. - Cô giới thiệu hướng đi dạo, nội dung, địa điểm. Giáo dục cháu đi nhẹ nhàng không chen lấn bạn. - Cô và cháu cùng đi dạo quanh sân trường, vừa đi vừa hát các bài hát về chủ đề. - Hôm nay cô cùng các con quan sát về cây gì ở trước mặt các con? (cây phượng) cô cho trẻ quan sát và trả lời theo sự hiểu biết sau đó cô hỏi "Thân-rễ của cây phượng". Cô hướng cháu quan sát rễ, thân của cây. + Đây là cây gì? (Cây phượng). + Cây có những bộ phận nào? + Cây sống được là nhờ có gì? (Rễ cây) + Rễ cây có nhiệm vụ gì? (Hút nước và chất dinh dưỡng nuôi cây) + Cô hỏi thân cây có màu gì? + Thân cây to hay nhỏ? + Đâu là thân cây cho cháu lên chỉ và sờ xem thân cây như thế nào? (Trơn

		láng hay xù xì) + Lá có màu gì? + Lá có dạng gì? + Khi sờ vào có cảm giác như thế nào? + Hoa có màu gì? + Cánh hoa có dạng hình gì? + Cánh hoa dày hay mỏng? + Hoa nhiều cánh hay ít cánh? + Đếm xem hoa có mấy cánh? + Sắp đến mùa gì có hoa phượng nở? + Trồng cây để làm gì? + Muốn cây tươi tốt thì các con phải làm gì? (Tưới nước, bắt sâu nhổ cỏ và bảo vệ cây) - Giáo dục cháu biết chăm sóc và bảo vệ cây cảnh cũng như một số cây cảnh khác. Hôm nay chúng ta chỉ quan sát như vậy thôi, hôm sau cô và các con quan sát tiếp nhé! -*Hướng dẫn cho trẻ chơi trò chơi* : **"Bịt mắt đá bóng"** -Giải thích cách chơi, luật chơi. - ***Luật chơi:*** Đá bóng rồi mới được bỏ khăn. + Ai kéo khăn bịt mắt trên đường đi không được chơi tiếp nữa. - ***Cách chơi:*** Chia trẻ thành 2 nhóm xếp thành 2 hàng ngang ở 2 bên lớp (Gần vạch chuẩn). Cho 2 trẻ lên chơi, đứng đối diện với bóng. Trước khi bịt mắt cho trẻ quan sát kĩ vị trí của bóng. Khi có hiệu lệnh: " 2-3" thì 2 trẻ tiến về quả bóng. Ai đá trúng các bạn vỗ tay hoan hô. Ai chơi xong đứng về cuối hàng, các bạn khác tiếp tục chơi đến hết lượt. - Khi trẻ đã chơi thành thạo nâng cao yêu cầu, bằng cách sau khi trẻ quan sát và bịt mắt. Cô giáo bế trẻ quay đúng 1 vòng rồi đặt trẻ ở vị trí cũ và hô: " 2-3" để trẻ đá bóng. - Tổ chức cho cháu chơi: 4-5 lần. **- Chơi tự do.** *** Kết thúc:** Cho cháu đi vệ sinh.

Thứ 6: **- Quan sát về: "Cây sống đời"** ***- TCVĐ:*** Đánh cầu. ***- Chơi tự do.***	- Cháu biết tên gọi và đặc điểm của cây sống đời. - Cháu biết cách chơi khéo léo trong khi chơi - Giáo dục cháu chăm sóc và bảo vệ cây. ****Chuẩn bị:*** - Cây sống đời. - Trái cầu. - Sân rộng, sạch, thoáng.	*** Hướng dẫn**: - Cô tập hợp cháu lại thành 2 hàng dọc trước lớp, sửa sang lại đầu tóc, quần áo gọn gàng, chân mang giày dép đúng. - Cô giới thiệu hướng đi dạo, nội dung, địa điểm. Giáo dục cháu đi nhẹ nhàng không chen lấn bạn. - Cô và cháu cùng đi dạo quanh sân trường, vừa đi vừa hát các bài hát về chủ đề. - Hôm nay cô cùng các con quan sát về: "Cây sống đời". + Đây là cây gì? (Cây sống đời). + Cây có những bộ phận nào? + Cây sống được là nhờ có gì? (Rễ cây) + Rễ cây có nhiệm vụ gì? (Hút nước và chất dinh dưỡng nuôi cây) + Cô hỏi thân cây có màu gì? + Thân cây to hay nhỏ? + Đâu là thân cây cho cháu lên chỉ và sờ xem thân cây như thế nào? (Trơn láng hay xù xì) + Lá có màu gì? + Lá có dạng gì? + Khi sờ vào có cảm giác như thế nào? + Lá dày hay mỏng? + Đặc điểm của cây sống đời trồng bằng gì? + Trồng cây để làm gì? + Muốn cây tươi tốt thì các con phải làm gì? (Tưới nước, bắt sâu nhổ cỏ và bảo vệ cây) - Giáo dục cháu biết chăm sóc và bảo vệ cây cảnh. -*Hướng dẫn cháu chơi trò chơi*:**"Đánh cầu"** - Giải thích cách chơi, luật chơi: -Tổ chức cho cháu chơi TC:(4-5 lần) ***- Chơi tự do.*** *** Kết thúc:**

HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI

PHÂN VAI (TTT4)	XÂY DỰNG (TTT3)	HỌC TẬP (TTT2)	NGHỆ THUẬT (TTT5)	T -NHIÊN (TTT6)
*** Tên TC:** - Cô giáo. Bán đồ dùng học tập. Văn nghệ: " Lễ ra trường"	- Xây trường tiểu học. Xây khu triển lãm ĐD học tập.	- Ghép chữ cái thành tên trường tiểu học, tên cháu. Dán phông chuẩn bị lễ tổng kết. Viết giấy nhãn. Đô mi nô. Đồng hồ chữ. Thực hiện bài tập sách LQVT, LQCV, TH.	- Làm ĐD học tập bằng phế liệu. Tập VN chuẩn bị liên hoan.	- Xếp que thành các hình chữ: V, TR, CN…Xếp hột hạt thành chữ cái. Làm ĐDHT của học sing lớp một bằng nguyên liệu thiên nhiên.
*** Yêu cầu:** - Cháu biết trao đổi, thỏa thuận với nhau để phân vai chơi trong nhóm của mình. - Cháu thể hiện được, đúng vai chơi của mình. - GD Cháu tham gia chơi tích cực.	- Cháu biết xây dựng "Xây trường tiểu học. Xây khu triển lãm ĐD học tập" Cây xanh, nhiều lớp học, Hàng rào, cổng... thể hiện đầy đủ góc chơi của mình. - Cháu thể hiện đúng vai chơi và thỏa thuận nhau khi chơi. - GD Cháu tham gia chơi tích cực.	- Cháu biết cách chơi và hiểu luật chơi. - Cháu chơi đúng theo yêu cầu của luật chơi, trò chơi. - GD Cháu tham gia chơi tích cực.	- Cháu biết phối hợp nhau khi chơi - Cháu biết sử dụng những kỹ năng cơ bản làm nên những sản phẩm đẹp. - GD Cháu tham gia chơi tích cực.	- Cháu biết cách xếp que thành các hình: V, TR, CN…xếp hột hạt thành chữ cái. - Rèn cho cháu thói quen hằng ngày để biết cách xếp chữ cái bằng các nguyên vật liệu dễ tìm. - Cháu tham gia tích cực.
*** Chuẩn bị:** - ĐD học tập. - Trang phục BDVN.BTLT	- Cây xanh, nhiều lớp học. Hàng rào, cổng…ghế đá.	- Chữ cái rời, phong, bút chì. - Cờ domino, đồng hồ chữ. - LQVT, LQCV, TH	- Bút màu, giấy màu, giấy gấp, hồ kéo.	- Que, hột hạt, nguyên vật liệu thiên nhiên.
*** Gợi ý HĐ:** - Tổ chức bán đd học tập: - Người bán phải vui vẻ chào mời	- Cháu dùng hộp sữa để xây cổng, hàng rào, nhiều lớp học xếp thành	- Cháu biết cách chơi domino. - Cháu ghép từng chữ cái rời	- Cháu dùng lá cây cắt thành quyển sách-tập. - Dùng que cắt	- Cháu dùng que xếp ngang, dọc, xéo tạo thành các hình chữ cái: V,

khách hàng, hỏi khách cần mua gì, mua bao nhiêu và cảm ơn khách. - Người mua nói tên món hàng cần mua, giá bao nhiêu và đưa tiền cho người bán hàng.	dãy. Xung quanh trường trồng nhiều cây xanh cho mát. - Sắp xếp bố cục cho cân xứng, phù hợp với mô hình. - Xung quanh trường có nhiều ghế đá cho các bạn ngồi chơi.	thành tên trường tiểu học, tên của mình. - Cháu dung bút viết trên giấy nhãn. - Thực hiện các bài tập trong sách mà trẻ làm chưa xong: LQVT, LQCV, TH. - Cháu thực hiện đúng theo yêu cầu trong sách.	nhọn 1 đầu làm bút chì, bút mực… - Cháu thuộc các bài hát về trường tiểu học để chuẩn bị liên hoan. - Cháu biết giữ gìn sản phẩm của mình và của bạn.	TR, CN… -Cháu dùng hột hạt để xếp thành chữ cái. - Cháu dùng nguyên vật liệu thiên nhiên làm ĐDHT.

BTLNT **Tổng hợp liên hoan cuối năm**	- Cháu biết cách trộn rau và pha hạt é. -Rèn cho cháu kỹ năng nhanh nhẹn, khéo léo có thể ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày. - Giáo dục cháu tính tự lập. ***Chuẩn bị:*** Hạt é, đường, siro,ca, muỗng. - Rau cải, nước sốt, thịt luộc, bông cải, cà rốt, ngò.	*** Hướng dẫn:** - Cô cho cháu hát bài: " Tạm biệt búp bê" + Các con vừa hát bài gì? + Bài hát nói về ai? + Các con chuẩn bị vào lớp 1, cần chuẩn bị những gì? - Giáo dục trẻ giữ gìn đồ dùng học tập ngăn nắp, gọn gang. **+ Nhóm 1:** *Pha hột é*: Cho hạt é rửa sạch, ngâm sẳn vào ly, cho 1 muỗng đường vào, khuấy nhẹ cho thêm 1 muỗng siro cho đá vào các con sẽ được 1 ly hạt é. **+ Nhóm 2:** *Trộn rau:* Cho rau cải vào cái thau nhỏ, cho hổn hợp xốt vào, dùng đũa trộn nhẹ cho thêm vào thịt luộc cắt lát, xúc xích trộn đều sau đó cho ra đĩa trang trí bông cải trắng, cà rốt, ngò. . . Cô hỏi lại cách làm của từng nhóm và gợi ý cho đầy đủ để cháu nhớ. - Cháu thực hiện cô theo dõi động viên cháu làm tốt. ***Kết thúc**
*** TRÒ CHƠI CHUYỀN TIẾP:** **1. *TCVĐ:* "Chuyền bóng".** + ***Luật chơi:*** Không được chuyền nhảy cóc mà phải chuyền lần lược từ bạn nọ đến bạn kia. + ***Cách chơi:*** Chia trẻ thành 2 nhóm để thi đua. Trẻ xếp thành 2 hàng dọc. 2		

cháu đứng đầu cầm bóng chuyền cho bạn đứng sát mình theo cách như sau:
- Chuyền bằng 2 tay qua đầu đến bạn cuối cùng, rồi chuyền xuống qua chân đến bạn đầu tiên.
- Chuyền sang 2 bên, chuyền từ trên xuống dưới theo hướng tay trái, rồi chuyền lên theo hướng tay phải. Nhóm nào xong trước là thắng cuộc và được khen.

2.TC: "Lộn cầu vòng":

+ ***Cách chơi:*** Từng cặp trẻ đứng đối diện nhau, cầm tay nhau rồi vừa đọc đồng dao vừa vung tay sang hai bên theo nhịp.

Lộn cầu vồng	Lộn cầu vồng
Nước sông đang chảy	Nước trong nước chảy
Thằng bé lên bảy	Có cô mười bảy
Con bé lên ba	Có chị mười ba
Đôi ta cùng lộn	Hai chị em ta
Ra lộn cầu vồng	Ra lộn cầu vồng.

Khi đọc đến tiếng cuối cùng, cả hai trẻ cùng nhau chui qua tay nhau về một phía, quay lưng vào nhau, cầm tay nhau hạ xuống dưới, tiếp tục đọc, vừa đọc vừa vung tay như lần trước, đến tiếng cuối cùng lại chui qua tay nhau trở về tư thế ban đầu.

3.TC: "Dung dăng dung dẻ"

+ ***Cách chơi:*** trẻ nắm tay nhau theo từng hàng ngang**,** vừa đi vừa đọc lời đồng dao:

Dung dăng dung dẻ	Cho dê đi học
Dắt trẻ đi chơi	Cho cóc ở nhà
Tới ngõ nhà trời	Cho gà bới bếp
Lạy cậu lạy mợ	Xì xà xì xụp
Cho cháu về quê	Ngồi thụp xuống đây.

- Khi trẻ hát đên tiếng "dung" thì vung tay về phía trước, đến tiếng "dăng" thì vung tay về phía sau, hoặc ngược lai.trẻ tiếp tục chơi như vậy cho đến từ cuối cùng thì ngồi thụp xuống. Trò chơi lại tiếp tục từ đầu.

HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

NỘI DUNG	YÊU CẦU	BIỆN PHÁP THỰC HIỆN
Thứ 2: HĐ:KPKH ***Đề tài:*** **Làm quen với 1 số đồ dùng của học sinh lớp 1.** ***ND tích hợp :*** -AN: Tạm biệt Búp Bê. Vẫn nhớ trường MN. - VH : Thơ "Bé vào lớp 1" - TC : Bé chọn giá đúng. Nhảy tiết sức.	-Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm hình dáng công dụng của mỗi đồ dùng học tạp của học sinh lớp 1 -Ngôn ngữ trẻ phát triển trong quá trình trả lời câu hỏi của cô -Trẻ cảm nhận được vẻ đẹp những đồ dùng và việc sắp xếp đồ dùng gọn gàng ngăn nắp -Giáo dục cháu phải biết yêu mến, giữ gìn những đồ dùng, phải cố gắng học giỏi để ba mẹ và cô vui lòng.	*** Hướng dẫn:** - Cô cùng cháu hát bài: " Tạm biệt Búp Bê" + Các con có thích được đi học lớp 1 không? - Ba mẹ đã chuẩn bị đồ dùng để các con học lớp 1 chưa? + Đó là những đồ dùng gì? - Cho trẻ chơi TC: " Bé chọn giá đúng" -Cách chơi: Cô sắp sẵn một số đồ dùng. Cô chia trẻ thành hai nhóm chơi. Khi cô đọc tên đồ dùng nào thì mỗi nhóm sẽ đưa ra câu trả lời gợi ý của cô (Cô đưa 3 đáp án nhưng chỉ có một đáp án đúng). Nhóm nào trả lời đúng sẽ được khen. + Sách tập đọc: 5000. + Sách toán: 9000. + Vở: 2000 + Bút mực: 4000. + Bút chì: 1000. + Gôm: 3000. + Bảng: 6000. + Phấn: 3500. + Thước: 5500. - Cô đặt thêm câu hỏi phụ: Trẻ nói công dụng và cách giữ gìn. - Cô cho trẻ đọc bài thơ: " Bé vào lớp 1" đi vòng tròn. - Cho trẻ so sánh điểm khác nhau giữa 1 số đồ dùng học tập. - Cho trẻ chơi: " Nhảy tiếp sức" tìm đồ dùng học tập. - Nhận xét giữa 2 đội chơi. - Cho trẻ hát bài: " Cháu vẫn nhớ trường MN" *** Kết thúc:**
HĐ: LQCV ***Đề tài:* V-r** ***(T 2)***	- Cháu cũng cố lại chữ cái v-r. - Cháu tô màu gọn đẹp và thực hiện chính xác hoàn chỉnh bài tập. - GD Cháu tích cực học tập. **** Chuẩn bị:*** - Tranh mẫu, tập bút, bàn ghế.	***Hướng dẫn:** - Cho cháu chơi trò chơi "Úp lá khoai". Ôn chữ cái v, r - Cô cùng cháu nhắc lại chữ v, r. Cô hướng dẫn cho trẻ thực hiện sách - Tô màu chữ cái V, R. - Gạch dưới chữ v, r trong các từ có trong bài thơ và từ - Cho cháu hát bài " Cháu vẫn nhớ trường MN" về bàn thực hiện. - Cháu thực hiện cô theo dõi và nhắc nhở cách ngồi, cách cầm viết. - Cô nhận xét bài đúng tuyên dương. * **Kết thúc:** Cho trẻ nghỉ.

HĐ CHIỀU: **LQVT Ôn tạo nhóm** **Trang 50, 51**	- Cháu có 1 số hiểu biết về ND của bài tập - Cháu thực hiện đúng yêu cầu của bài tập - Giáo dục cháu chú ý, cẩn thận khi thực hiện bài tập **Chuẩn bị** - Tranh mẫu, tập, bút màu	- Cho CC hát bài "Cháu vẫn nhớ trường MN" - Cô giới thiệu tranh mẫu, nêu yêu cầu, giải thích, Cô & cháu cùng thực hiện mẫu bài tập trang 50, 51 + Trang 50 : Bé hãy gọi tên các đồ dùng trong từng khoanh tròn, nối 2 đồ dùng có liên quan với nhau + Trang 51 : Chọn 1 đồ vật hay 1 con vật có cùng đặc điểm với các đồ vật, con vật trong mỗi tranh bằng cách nối chúng với nhau. Gọi tên nhóm vừa taojt hành - Cho CC thực hiện, cô quan sát nhắc nhở gợi ý giúp CC thực hiện đúng yêu cầu bài tập - Cô báo sắp hết giờ - Cô chọn bài thực hiện đúng đẹp tuyên dương Kết thúc

Đánh giá trẻ trong ngày:

1. Những biểu hiện về tình trạng sức khỏe của trẻ:

……

……

2. Cảm xúc - hành vi và thái độ của trẻ trong các hoạt động hàng ngày:

……..

…….....

3. Những kiến thức kỹ năng của trẻ so với yêu cầu đặt ra của từng hoạt động:

……

THỨ 3

NỘI DUNG	YÊU CẦU	BIỆN PHÁP THỰC HIỆN
HĐ: LQVT ***Đề tài:*** **Làm Quen Với Dấu Cộng-Dấu Trừ.** *(ĐD rời)* * ***Tích hôïp:*** - AN: Tạm biệt búp bê. Mùa hè đến.	- Cháu biết dấu (+) là thêm vào cho đủ, dấu (-) là bớt ra theo yêu cầu của cô. - Cháu làm quen với thao tác thêm, bớt. - Trẻ tích cực học tập. * ***Chuẩn bị:*** - Tập, bút. - 1 số ĐDHT: tẩy, thước, quyển sách, cây viết.	* **Hướng dẫn:** - Cho cháu hát bài: " Mùa hè đến" ra ngoài. - Chọn 1 cháu lên đính cho cô 6 cây viết, chọn chữ số tương ứng. Gọi cháu khác đính thêm 4 cây viết nữa. + Vậy có tất cả mấy cây viết? Cả lớp đếm. - Cho cháu đính chữ số tương ứng với 10 cây viết. - Cô gọi cháu khác xung phong đính cho cô 4 quyển sách và đính chữ số 4, gọi cháu khác đính thêm 2 quyển sách nữa vậy có tất cả mấy quyển sách, đính chữ số tương ứng. + Tại sao cháu biết có tất cả 6 quyển sách? (Cộng lại) - Cô đính cháu xem 4 + 2 = 6 - Để biết bằng 6 ta dùng dấu (+) - Chọn 1 cháu lên đính cho cô 8 cây thước, chọn chữ số tương ứng. Gọi cháu khác bỏ bớt

		4 cây thước ra. + Vậy có tất cả mấy cây thước? Cả lớp đếm. - Cho cháu đính chữ số tương ứng với 4 cây thước. - Cô gọi cháu khác xung phong đính cho cô 4 cục tẩy và đính chữ số 4, gọi cháu khác bớt 2 cục tẩy nữa. + Vậy có tất cả mấy cục tẩy, đính chữ số tương ứng. + Tại sao cháu biết còn lại 2 cục tẩy? (Trừ ra) - Cô đính cháu xem 4 - 2 = 2 - Để biết bằng 2 ta dùng dấu (-) - Cô phát cho mỗi cháu 1 rổ có đồ chơi bằng nhựa .Cô yêu cầu cháu xếp với số 5+5=10 4+6=10 ; 3+4=7…10-8=2; 9-2=7; 8-3=5; 3-3=0 - Thu rổ đồ chơi và cho cháu: " Thi nói nhanh" ***TD:*** Cô nói 3+5 cháu nói bằng 8. Cô nói 10-5 cháu nói bằng 5. *** Kết thúc:** Cho cháu hát bài: " Tạm biệt búp bê"
HĐ:AN Đề tài: **Cháu vẫn nhớ trường MN** *(TT nhanh)* *(L2)* **+ NH:** Em yêu trường em. **+TC:** Ai nhanh nhất. ****Tích hợp:*** - *AN*: Tôi là chữ o, ô, ơ. Tạm biệt Búp Bê. - *VH:* Gà học chữ.	- Cháu hiểu nội dung bài hát và bài nghe hát. - Trẻ hát đúng và kết hợp vận động theo bài hát nhịp nhàng, diễn cảm. - GD trẻ biết yêu trường, mến bạn. ***Chuẩn bị :** - Đàn, dụng cụ gõ đệm.Vòng thể dục.	*** Hướng dẫn:** - Cho cả lớp hát bài " Gà học chữ" sau đó kết hợp trò chuyện về trường tiểu học . - Cho cháu chơi trò chơi hát theo tay cô. Cô đưa tay bên nào thì bên đó hát bài "Cháu vẫn nhớ trường MN" - Cháu hát lại và kết hợp lấy dụng cụ gõ theo tiết tấu nhanh. - Cả lớp thực hiện gõ theo TT nhanh. Tổ 1: đội hình vòng tròn Tổ 2: đội hình hàng ngang Tổ 3: đội hình hàng dọc. - Cho nhóm, cá nhân hát và gõ, vỗ tay, nhịp chân… theo tiết tấu nhanh. - Cho một nhóm lên biểu diễn bài "Tạm biệt búp bê" - Một nhóm lên hát "tôi là chữ o, ô, ơ" - Có 1 bài hát nói về nói về ngôi trường của mình c/c có muốn nghe không? - Cô hát cháu nghe lần 1 " Em yêu trường em" - Lần 2 kết hợp động tác. - Cô giới thiệu trò chơi " Ai nhanh nhất" - Cô cho cả lớp chơi: 4-5 lần. - Cô cho cháu hát và vận động bài: "Cháu vẫn nhớ trường mầm non". *** Kết thúc:** Cho cháu ra ngoài.
SHC Mỹ thuật TDNĐ		- Thực hiện theo sự hướng dẫn của GV ngoại khóa

1.1: Những biểu hiện về tình trạng sức khỏe của trẻ:
.....
1.2: Cảm xúc-hành vi và thái độ của trẻ trong các hoạt động hàng ngày:
……..…….....
2/ Những kiến thức kỹ năng của trẻ so với yêu cầu đặt ra của từng hoạt động:
……
……

NỘI DUNG	YÊU CẦU	BIỆN PHÁP THỰC HIỆN
Thứ 4: HĐ:TH ***Đề tài:* Cắt dán đồ dùng học tập của học sinh lớp 1 (tr.38)** **** Tích hôïp:*** - AN: Tạm biệt búp bê. Mùa hè đến. - VH: Đi học.	- Cháu biết được một số đồ dùng của học sinh lớp 1. - Rèn đôi tay khéo léo. - Giáo dục cháu yêu quí sản phẩm của mình. **** Chuẩn bị:*** - Tập, bút. - 1 số ĐDHT: tẩy, thước, phấn, bảng con, bút mực, giấy thủ công đủ màu, đàn…	*** Hướng dẫn:** - Cho cháu hát bài: " Tạm biệt Búp Bê" - Tọa đàm về nội dung bài hát. - Cô gợi ý cho cháu kể về ĐDHT và nói công dụng của từng ĐD đó. - Hôm nay cô sẽ cho c/c cắt dán ĐDHT các con thích không? - Cô làm mẫu 2 lần: + Vừa làm mẫu vừa giải thích. - Cô hướng dẫn cho trẻ cắt dán: Bình mực, thước, bút chì… - Cô cho trẻ đọc bài thơ: " Đi học" về bàn vẽ. - Cô theo dõi và gợi ý cho cháu cách cắt-dán. - Cô động viên cháu hoàn thành bài tập. - Thông báo sắp hết giờ. - Thông báo hết giờ cho trẻ trưng bày sản phẩm. - Cô và trẻ nhận xét sản phẩm. *** Kết thúc:** - Cho cháu hát bài: " Mùa hè đến" ra ngoài.
HĐ CHIỀU **BCBVL1** ***V-r*** *(Bổ sung bài tập)*	- Cháu nhận biết phân biệt chữ cái in hoa, in thường, chữ viết v-r. - Cháu tô màu, đồ chữ đúng nét. - Gd cháu giữ gìn tập bút cẩn thận. **** Chuẩn bị:*** tập BCBVL1, bút chì màu, bàn ghế.	*** Hướng dẫn:** -Cô giới thiệu cho cháu hát bài: Cháu vẫn nhớ trường mầm non".Hỏi cháu đã học chữ cái gì? Cô giới thiệu chữ cái v-r. - Cho cháu thực hiện bài tập còn lại. - Tùy tình hình bài tập của cháu ở buổi trước mà cô hướng dẫn cho cháu thực hiện hoàn thành bài tập. *** Kết thúc:** Cho trẻ nghỉ.

1. Những biểu hiện về tình trạng sức khỏe của trẻ:
……
……

2.Cảm xúc-hành vi và thái độ của trẻ trong các hoạt động hàng ngày:
……
……

3. Những kiến thức kỹ năng của trẻ so với yêu cầu đặt ra của từng hoạt động:
……
……
……

NỘI DUNG	YÊU CẦU	BIỆN PHÁP THỰC HIỆN
Thứ 5: **PTNN** ***KCTĐV: ĐD học tập của học sinh lớp một*** *** Tích hợp:**	- Trẻ nắm nội dung truyện, tập kể chuyện theo đồ vật. - Ngôn ngữ trẻ được củng cố và phát triển khi tham gia kể chuyện. - Giáo dục biết giữ gìn những đồ dùng học tập, biết để đồ dùng ngăn nắp.Giáo dục cháu chăm ngoan học giỏi.	**** Hướng dẫn:*** - Tập trung cháu hát, vận động bài "Cháu vẫn nhớ trường mầm non" - Đàm thoại sơ về nội dung bài hát. - Cho trẻ chơi trò chơi : "Đi nhà sách mua đồ dùng học tập" + ***Cách chơi:*** Cô chia hai đội, mỗi đội 5 bạn, hai đội thi nhau lên chọn mua đúng những đồ dùng học tập. + ***Luật chơi:*** Các cháu thay phiên nhau lên chọn thẻ hình là đồ dùng đính lên bản. Phải chọn đúng đồ dùng học tập. Bạn đầu hàng về chỗ, bạn kế tiếp mới được lên. - Cô nhận xét, giáo dục trẻ qua trò chơi. - Cho trẻ đọc bài thơ "Bé vào lớp 1" cho trẻ vào máy xem trình chiếu "Một số đồ dùng học tập học sinh" - Cô cho trẻ xem, phát biểu về những đồ dùng học tập. - Cô liên hệ và nói "Đây là những người bạn đồng hành của các con khi vào lớp 1". - Cô kể chuyện cho trẻ nghe: "Chuẩn bị vào năm học mới. Cháu cô vào lớp một, cô mua rất nhiều đồ dùng học tập cho cháu như: cặp, sách, vở, bút chì, bút mực,thước,cục tẩy,hộp đựng bút…Cháu cô rất thích vì cái nào cũng đẹp và mới. Cháu cô rất quý và giữ gìn những đồ dùng đó và sắp xếp rất gọn gàng. Như bút chì, bút mực, thước, tẩy cháu cô bỏ vào hộp đựng bút sau đó mới bỏ vào cặp. Cháu cô cám ơn cô và hứa sẽ cố gắng học giỏi để cô vui lòng. - Cho trẻ chơi trò chơi "Tập tầm vông" tập trung cháu lại cùng kể chuyện. - Cô cho trẻ kể theo trình tự từng đồ vật - Cô tổ chức cho cháu kể theo cách cô kể khái quát, trẻ kể công dụng. ***Cô*** — ***Cháu*** - Sách, vở — - Đọc, viết - Đồ bôi bảng, gôm — - Xóa

		- Bút chì, bút mực - Viết - Bút màu - Tô màu - Thước kẻ - Gạch -Cô giáo dục cháu phải luôn giữ gìn những đồ dùng học tập, phải sắp xếp gọn gàng, cố gắng học giỏi để ba mẹ vui lòng. *** Kết thúc:**
HĐ CHIỀU ***LQVT: Ôn chữ số từ 1-5 (tr.55 ,56)***	- Cháu biết nối tranh với số thứ tự phát triển của gà con, nối tranh với các số theo trình tự phát triển của bướm - Rèn cho cháu sự khéo léo, nhanh nhẹn của đôi bàn tay, phát triển được óc quan sát của trẻ. - Giáo dục cháu biết giữ gìn sản phẩm làm ra. **** chuẩn bị:*** tập, bút chì, bút mảu	*** Hướng dẫn:** - tập trung trẻ bằng 1 bài hát chủ đề - hôm nay cô cho các con thự hiện sách LQVT cô nêu yêu cầu trong sách và hướng dẫn trẻ thực hiện + Hãy nối với số theo trình tự phát triển của gà con + Hãy nối với các số theo trình tự phát triển của bướm - Cháu thực hiện cô quan sát, giúp đỡ cháu, nhắc cháu tư thế ngồi- cầm bút - Cô nhận xét sản phẩm - Cho cháu cùng nhận xét sản phẩm, kết hợp giáo dục cháu. ***Kết thúc:**

NỘI DUNG	YÊU CẦU	BIỆN PHÁP THỰC HIỆN
Thứ 6: **HĐ: LQCV** Đề tài: **V-r** ***(Tiết 3)***	- Trẻ nhận biết được chữ cái v, r. trẻ tô, đồ chữ cái v-r trong sách. - Nhận chữ cái trong từ, đồ tốt chữ cái. - Giáo dục cháu ham học chữ cái và thích được vào học lớp 1. **** Chuẩn bị:*** - Sách chữ cái tiết 3, bút chì đen, bút chì màu…Thẻ chữ cái rời.	*** Hướng dẫn:** - Cô cho trẻ vận động bài hát "Cháu vẫn nhớ trường MN" - Cô đàm thoại về bài hát và liên hệ cho cháu xem các hình ảnh về trường tiểu học. - Cô cho cháu đi vòng tròn nhận thẻ chữ cái và chơi trò chơi về đúng trường tiểu học. - Coâ cho cháu phát âm chữ cái v-r. - Cô phát âm mẫu cho cháu đọc lại nhiều lần. - Cháu đọc bài thơ " Bé đi học" và đến xem cô hướng dẫn thực hành sách. + Cháu đồ chữ v, r - Cháu về chỗ thực hành, cô theo dõi giúp cháu hoàn thành phần bài tập. - Giáo dục cháu ham học chữ cái và thích được vào học lớp 1. - Cháu thực hiện cô theo dõi và nhắc nhở cách ngồi, cách cầm viết. - Cô nhận xét bài đúng tuyên dương. *** Kết thúc:**

HĐ CHIỀU **Mỹ thuật** **SHTT**	- Cháu biết giờ sinh hoạt tập thể là giờ để lớp vui chơi trò chuyện với nhau - Cháu hứng thú tham gia sinh hoạt - Cháu mạnh dạn tự tin khi tham gia SHTT	*** Hướng dẫn:** - Cô cháu cùng hát bài " Mùa hè đến" - Cô đàm thoại cùng trẻ về nội dung bài hát: + Các con vừa hát bài hát nói về mùa nào? + Bài hát nói về những con vật nào?(Chim, bướm) + Vậy các con có thích mùa hè không? + Ngoài mùa hè ra, các con còn biết mùa nào nữa?(Cho cháu phát biểu tự do) + Hết mùa hè chúng ta đã vào lớp 1 rồi vậy các con phải ngoan để vào lớp 1 chúng ta sẽ ngoan hơn nữa nha - Cho cháu nhận xét những điều lớp thực hiện tốt và chưa tốt trong tuần. Cô nhận xét động viên khuyến khích. - Cô và cháu cùng trò chuyện những việc sẽ làm. - Tổ chức biểu diễn văn nghệ hát, đọc thơ, về chủ đề. - Giáo dục cháu học ngoan. *** Kết thúc:**
NÊU GƯƠNG CUỐI NGÀY	- Cháu biết thực hiện tốt 3 tiêu chuẩn bé ngoan sẽ được nhận cờ. - Cháu nhận xét được những việc làm của mình của bạn. - Cháu mạnh dạn tham gia sinh hoạt tập thể.	*** Hướng dẫn:** - Cô ổn định lớp văn nghệ, cho lớp nhắc lại 3 tiêu chuẩn bé ngoan. * Cháu chú ý trong giờ học. * Cháu tham gia tích cực vào lễ hội. * Cháu giữ vệ sinh thân thể sạch sẽ - Kết hợp phân tích 3 tiêu chuẩn bé ngoan. - Mời từng tổ đứng lên, mời các tổ khác nhận xét. - Cô nhận xét và mời cháu lên nhận cờ. - Cháu cắm cờ lớp hát hoặc đọc thơ. - Cho trẻ nhận xét tổ có nhiều bạn cắm cờ. - Cho cháu đại diện nhận cờ tổ. - Cô động viên không được cờ cố gắng hơn ở ngày sau. *** Kết thúc:**
NÊU GƯƠNG CUỐI TUẦN	- Cháu biết thực hiện tốt 3 tiêu chuẩn bé ngoan sẽ được nhận cờ. - Cháu nhận xét được những việc làm của mình của bạn. - Giáo dục cháu tính tự giác, mạnh dạn tham gia sinh hoạt tập thể.	***Hướng dẫn:** - Cô ổn định lớp, văn nghệ. - Cho cháu nhắc lại 3 tiêu chuẩn bé ngoan. * Cháu chú ý trong giờ học. * Cháu tự nguyện tham gia lễ tổng kết. * Cháu biết giữ quần áo sạch sẽ. - Kết hợp phân tích các tiêu chuẩn. - Mời từng tổ đứng lên, mời các tổ khác nhận xét. - Cô nhận xét và mời cháu lên nhận cờ - Cháu cắm cờ lớp hát hoặc đọc thơ theo chủ đề.

	**** Chuẩn bị:*** Cờ, sổ bé ngoan.	- Cho trẻ nhận xét tổ có nhiều bạn cắm cờ. - Cho cháu đại diện nhận cờ tổ. - Cô đếm lại số cháu đạt cờ trong tuần (4-5 cờ dán phiếu vào sổ bé ngoan) - Cô nhắc nhở, động viên những cháu không đạt phiếu bé ngoan. - Cô nhắc nhở trẻ sang năm lên lớp 1 phải cố gắng chăm chỉ học tập để đạt được những thành tích tốt trong học tập *** Kết thúc:**
TRẢ TRẺ	- Cho cháu ngồi ngay ngắn trật tự. - Biết chào cô ba mẹ khi ra về, biết xếp ghế ngay ngắn. - Cháu thực hiện tốt nề nếp lớp.	- Cô ổn định lớp, nhắc nhở cháu những việc cần làm vào hôm sau. - Cho trẻ chơi một số trò chơi và đồ chơi sẵn có trong lớp. - Cô gọi cháu ra về khi phụ huynh đón, trao đổi với phụ huynh những vận đề cần thiết. - Cô kiểm tra lại điện nước,đồ dùng, khóa cửa cẩn thận trước khi ra về.

1. Những biểu hiện về tình trạng sức khỏe của trẻ:

……

2. Cảm xúc-hành vi và thái độ của trẻ trong các hoạt động hàng ngày:

……

3. Những kiến thức kỹ năng của trẻ so với yêu cầu đặt ra của từng hoạt động:

……

Ngày 10 /05/2015 GV soạn	Ngày…../05/2015 Tổ trưởng	Ngày……/05/2015 BGH

Phụ lục 7.

LỚP THỰC NGHIỆM

Frequencies

Statistics

		Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi
N	Valid	15	15	15	15	15
	Missing	0	0	0	0	0

Frequency Table

Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	8	53.3	53.3	53.3
	Trung binh	4	26.7	26.7	80.0
	Cao	3	20.0	20.0	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	10	66.7	66.7	66.7
	Trung binh	2	13.3	13.3	80.0
	Cao	3	20.0	20.0	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	7	46.7	46.7	46.7
	Trung binh	5	33.3	33.3	80.0
	Cao	3	20.0	20.0	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	11	73.3	73.3	73.3
	Trung binh	4	26.7	26.7	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	12	80.0	80.0	80.0
	Trung binh	3	20.0	20.0	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Descriptives

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	15	1.00	3.00	1.6667	.81650
Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	15	1.00	3.00	1.5333	.83381
Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	15	1.00	3.00	1.7333	.79881
Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	15	1.00	2.00	1.2667	.45774
Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi	15	1.00	2.00	1.2000	.41404
Valid N (listwise)	15				

LỚP ĐỐI CHỨNG

Statistics

		Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi
N	Valid	15	15	15	15	15
	Missing	0	0	0	0	0

Frequency Table

Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	8	53.3	53.3	53.3
	Trung binh	3	20.0	20.0	73.3
	Cao	4	26.7	26.7	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	5	33.3	33.3	33.3
	Trung binh	6	40.0	40.0	73.3
	Cao	4	26.7	26.7	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	6	40.0	40.0	40.0
	Trung binh	4	26.7	26.7	66.7
	Cao	5	33.3	33.3	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	10	66.7	66.7	66.7
	Trung binh	4	26.7	26.7	93.3
	Cao	1	6.7	6.7	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	11	73.3	73.3	73.3
	Trung binh	4	26.7	26.7	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Descriptives

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	15	1.00	3.00	1.7333	.88372
Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	15	1.00	3.00	1.9333	.79881
Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	15	1.00	3.00	1.9333	.88372
Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	15	1.00	3.00	1.4000	.63246
Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi	15	1.00	2.00	1.2667	.45774
Valid N (listwise)	15				

SAU THỰC NGHIỆM

LỚP THỰC NGHIỆM

Frequencies

Statistics

		Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi
N	Valid	15	15	15	15	15
	Missing	0	0	0	0	0

Statistics

		Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi
N	Valid	15	15	15	15	15
	Missing	0	0	0	0	0

Frequency Table

Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	1	6.7	6.7	6.7
	Trung binh	8	53.3	53.3	60.0
	Cao	6	40.0	40.0	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	3	20.0	20.0	20.0
	Trung binh	5	33.3	33.3	53.3
	Cao	7	46.7	46.7	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	3	20.0	20.0	20.0
	Trung binh	7	46.7	46.7	66.7
	Cao	5	33.3	33.3	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	5	33.3	33.3	33.3
	Trung binh	6	40.0	40.0	73.3
	Cao	4	26.7	26.7	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	2	13.3	13.3	13.3
	Trung binh	10	66.7	66.7	80.0
	Cao	3	20.0	20.0	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Descriptives

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	15	1.00	3.00	2.3333	.61721
Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	15	1.00	3.00	2.2667	.79881
Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	15	1.00	3.00	2.1333	.74322
Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	15	1.00	3.00	1.9333	.79881
Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi	15	1.00	3.00	2.0667	.59362
Valid N (listwise)	15				

LỚP ĐỐI CHỨNG

Frequencies

Statistics

		Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi
N	Valid	15	15	15	15	15
	Missing	0	0	0	0	0

Frequency Table

Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	8	53.3	53.3	53.3
	Trung binh	4	26.7	26.7	80.0
	Cao	3	20.0	20.0	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	6	40.0	40.0	40.0
	Trung binh	7	46.7	46.7	86.7
	Cao	2	13.3	13.3	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	6	40.0	40.0	40.0
	Trung binh	5	33.3	33.3	73.3
	Cao	4	26.7	26.7	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	11	73.3	73.3	73.3
	Trung binh	4	26.7	26.7	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	10	66.7	66.7	66.7
	Trung binh	5	33.3	33.3	100.0
	Total	15	100.0	100.0	

Descriptives

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	15	1.00	3.00	1.6667	.81650
Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	15	1.00	3.00	1.7333	.70373
Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	15	1.00	3.00	1.8667	.83381
Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	15	1.00	2.00	1.2667	.45774
Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi	15	1.00	2.00	1.3333	.48795
Valid N (listwise)	15				

LỚP THỰC NGHIỆM (VÒNG 2_ĐÁNH GIÁ INCOME)

Frequencies

Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	Biet giai quyet xung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi

Statistics

		Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	Biet giai quyet xung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi
N	Valid	50	50	50	50	50
	Missing	0	0	0	0	0

Frequency Table

Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	20	40.0	40.0	40.0
	Trung binh	24	48.0	48.0	88.0
	Cao	6	12.0	12.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	17	34.0	34.0	34.0
	Trung binh	25	50.0	50.0	84.0
	Cao	8	16.0	16.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	19	38.0	38.0	38.0
	Trung binh	24	48.0	48.0	86.0
	Cao	7	14.0	14.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet giai quyet xung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	18	36.0	36.0	36.0
	Trung binh	24	48.0	48.0	84.0
	Cao	8	16.0	16.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	21	42.0	42.0	42.0
	Trung binh	27	54.0	54.0	96.0
	Cao	2	4.0	4.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

```
DESCRIPTIVES VARIABLES=Cau1 Cau2 Cau3 Cau4 Cau5
  /STATISTICS=MEAN STDDEV MIN MAX.
```

Descriptives

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	50	1.00	3.00	1.7200	.67128
Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	50	1.00	3.00	1.8200	.69076
Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	50	1.00	3.00	1.7600	.68690
Biet giai quyet xung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	50	1.00	3.00	1.8000	.69985
Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi	50	1.00	3.00	1.6200	.56749
Valid N (listwise)	50				

LỚP ĐỐI CHỨNG (VÒNG 2_ĐÁNH GIÁ INCOME)

Frequencies

Statistics

		Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	Biet giai quyet ung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi
N	Valid	50	50	50	50	50
	Missing	0	0	0	0	0

Frequency Table

Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	19	38.0	38.0	38.0
	Trung binh	25	50.0	50.0	88.0
	Cao	6	12.0	12.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	19	38.0	38.0	38.0
	Trung binh	25	50.0	50.0	88.0
	Cao	6	12.0	12.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	18	36.0	36.0	36.0
	Trung binh	25	50.0	50.0	86.0
	Cao	7	14.0	14.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet giai quyet xung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	16	32.0	32.0	32.0
	Trung binh	27	54.0	54.0	86.0
	Cao	7	14.0	14.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	16	32.0	32.0	32.0
	Trung binh	28	56.0	56.0	88.0
	Cao	6	12.0	12.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Descriptives

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	50	1.00	3.00	1.7400	.66425
Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	50	1.00	3.00	1.7400	.66425
Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	50	1.00	3.00	1.7800	.67883
Biet giai quyet xung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	50	1.00	3.00	1.8200	.66055
Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi	50	1.00	3.00	1.8000	.63888
Valid N (listwise)	50				

LỚP THỰC NGHIỆM (VÒNG 2_ĐÁNH GIÁ OUTCOME)

Frequencies

Statistics

		Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	Biet giai quyet xung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi
N	Valid	50	50	50	50	50
	Missing	0	0	0	0	0

Frequency Table

Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	3	6.0	6.0	6.0
	Trung binh	32	64.0	64.0	70.0
	Cao	15	30.0	30.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	7	14.0	14.0	14.0
	Trung binh	36	72.0	72.0	86.0
	Cao	7	14.0	14.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	5	10.0	10.0	10.0
	Trung binh	31	62.0	62.0	72.0
	Cao	14	28.0	28.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet giai quyet xung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	4	8.0	8.0	8.0
	Trung binh	29	58.0	58.0	66.0
	Cao	17	34.0	34.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	5	10.0	10.0	10.0
	Trung binh	31	62.0	62.0	72.0
	Cao	14	28.0	28.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Descriptives

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	50	1.00	3.00	2.2400	.55549
Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	50	1.00	3.00	2.0000	.53452
Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	50	1.00	3.00	2.1800	.59556
Biet giai quyet xung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	50	1.00	3.00	2.2600	.59966
Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi	50	1.00	3.00	2.1800	.59556
Valid N (listwise)	50				

LỚP ĐỐI CHỨNG (VÒNG 2_ĐÁNH GIÁ OUTCOME

Frequencies

Statistics

		Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	Biet giai quyet xung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi
N	Valid	50	50	50	50	50
	Missing	0	0	0	0	0

Frequency Table

Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	18	36.0	36.0	36.0
	Trung binh	25	50.0	50.0	86.0
	Cao	7	14.0	14.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	18	36.0	36.0	36.0
	Trung binh	25	50.0	50.0	86.0
	Cao	7	14.0	14.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi

Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	17	34.0	34.0	34.0
	Trung binh	26	52.0	52.0	86.0
	Cao	7	14.0	14.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet giai quyet xung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	19	38.0	38.0	38.0
	Trung binh	25	50.0	50.0	88.0
	Cao	6	12.0	12.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thap	18	36.0	36.0	36.0
	Trung binh	25	50.0	50.0	86.0
	Cao	7	14.0	14.0	100.0
	Total	50	100.0	100.0	

Descriptives

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Biet cung thoa thuan voi cac ban va chap nhan su phan cong nhiem vu choi cua nhom	50	1.00	3.00	1.7800	.67883
Biet lang nghe, chia se kinh nghiem, y tuong choi voi cac ban	50	1.00	3.00	1.7800	.67883
Biet phoi hop hanh dong choi voi cac ban khi thuc hien tro choi	50	1.00	3.00	1.8000	.67006
Biet giai quyet xung dot xay ra trong khi choi de cung thuc hien tro choi	50	1.00	3.00	1.7400	.66425
Biet thiet lap moi quan he voi cac ban cung choi, vai choi, nhom choi	50	1.00	3.00	1.7800	.67883
Valid N (listwise)	50				

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN SỬ DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TRONG QUÁ TRÌNH THỰC NGHIỆM

Thời gian thực nghiệm: tháng: 9/2013 – 5/2014

Mục tiêu dài hạn	Giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ trong trò chơi đóng vai có chủ đề		
Mục tiêu ngắn hạn	Tập trung chú ý và hứng thú của trẻ khi chơi, thỏa thuận cùng nhau, và lắng nghe nhau, chia sẻ ý tưởng, kinh nghiệm chơi, phân công công việc, thiết lập quan hệ chơi, giải quyết xung đột trong khi chơi.		
Điều chỉnh chương trình	**Điều chỉnh môi trường**	**Hướng dẫn hỗ trợ GV sử dụng các biện pháp**	**Yêu cầu về hộ trợ và nguồn lực**
Cho trẻ được tự do, tự nguyện lựa chọn nhóm bạn chơi chung trò chơi. Tạo cơ hội cho trẻ hợp tác với nhau Tăng cường sự tự so thoải mái của trẻ khi chơi. Tăng cường thời gian để trẻ tải nghiệm và hợp tác cùng nhau	Sắp xếp môi trường chơi sao cho hấp dẫn, phù hợp với từng chủ điểm, giảm yếu tố gây xao lãng, mang đặc điểm vùng miền. Cung cấp đồ dùng đồ chơi đầy đủ, hấp dẫn, kích thích nhu cầu chơi của trẻ. Tổ chức các nhóm chơi ổn định và có thể liên kết với nhau	Dùng lời nói, cử chị điệu bộ nhẹ nhàng, tình cảm, dí dỏm để thu hút sự chú ý của trẻ trước khi đưa ra yêu cầu hoặc nhiệm vụ chơi. Trước khi trẻ chơi (có thể ngay trước khi trẻ chơi, hoặc buổi chiều hôm trước), cô tác động 2 biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác đó là: tạo không gian cho các nhóm chơi trò chơi đóng vai có chủ đề cùng nhau; cho trẻ cùng nhau làm đồ chơi để bổ xung thêm đồ chơi, và hướng trẻ đến hoạt động nhóm. *Trong quá trình trẻ làm đồ chơi, cô giáo giáo quan sát, hướng dẫn trẻ phối hợp hành động với nhau khi làm đồ chơi, và khuyến khích trẻ*	Các cán bộ, giáo viên nhận thức rõ bản chất của kĩ năng hợp tác, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện…giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ. Nhận thức rõ các biểu hiện kĩ năng hợp tác của trẻ trong trò chơi đóng vai có chủ đề. Cung cấp đồ dùng, đồ chơi phong phú để tăng cường sự tập trung chú ý

		chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng làm đồ chơi cùng nhau. Trong quá trình trẻ chơi, giáo viên tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm để cùng nhau phối hợp hành động trong khi chơi bằng các hoạt động thiết thực của trò chơi đóng vai có chủ đề (cùng nhau làm hoa quả dầm sữa chua để bán, cùng nhau làm bánh…), đồng thời khuyến khích trẻ chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng cùng nhau. Đánh giá trẻ có biểu hiện kị năng hợp tác trong quá trình chơi, để tạo hứng thú chơi cho trẻ. Tạo tình huống và hoàn cảnh chơi để liên kết các nhóm chơi đóng vai có chủ đề với nhau và liên kết với các nhóm chơi thuộc các trò chơi khác, để từ đó tăng cường kĩ năng hợp tác cho trẻ Nhận xét đánh giá trẻ khi kết thúc trò chơi chú trọng tới kĩ năng hợp tác trong trò chơi của trẻ.	và hứng thú củ trẻ khi chơi
Kiểm tra, ghi chép sự tiến bộ của trẻ và từng nhóm trẻ		Sự tiến bộ của trẻ được quan sát, đánh giá một tuần một lần trong các giờ chơi đóng vai có chủ đề	

Kế hoạch các chủ đề chơi đóng vai có chủ đề của trẻ

STT	Thời gian	Chủ đề	Đề tài đóng vai
1	8 tuần ()	**Thế giới thực vật** Nhánh 1: Một số loại cây thân gỗ ăn quả Nhánh 2: Một số loại cây dây leo ăn quả Nhánh 3: Một số loại rau củ Nhánh 4: Một số loại hoa cánh dài, cánh tròn Nhánh 5: Cây lương thực Nhánh 6: Trái cây và hoa ngày tết Nhánh 7: Cây xanh và lợi ích của cây xanh Nhánh 8: Tết và mùa xuân	Gia đình Bán hàng Bác sĩ
2	8 tuần ()	**Thế giới động vật** Nhánh 1: Các con vật nuôi tại gia đình Nhánh 2: Động vật sống dưới nước Nhánh 3: Cá và dinh dưỡng của cá Nhánh 4: Động vật sống trong rừng Nhánh 5: Động vật bay trên trời Nhánh 6: Côn trùng có cánh Nhánh 7: Côn trùng không có cánh Nhánh 8: Động vật đẻ trứng, động vật đẻ con	Gia đình Bán hàng Bác sĩ
3	8 tuần ()	**Trường tiểu học** Nhánh 1: Lớp học của bé Nhánh 2: Sân chơi của bé Nhánh 3: Các trò chơi của bé Nhánh 4: Trang phục của bé Nhánh 5: Sinh hoạt của bé Nhánh 6: Đồ dùng học tập của bé Nhánh 7: Trường tiểu học và bé Nhánh 8: Chào các bạn, tôi lên lớp 1	Gia đình Trường tiểu học Bán hàng

Phụ lục 8

Tài liệu tập huấn giáo viên

Chủ đề: Giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non

Khái niệm kĩ năng hợp tác

- Kĩ năng là sự thực hiện có kết quả một hành động hay một hoạt động nào đó bằng cách lựa chọn và vận dụng những tri thức, kinh nghiệm và những cách thức hành động đúng đắn vào thực tiễn.
- Hợp tác là sự phối hợp hành động của các bên tham gia để cùng nhau nỗ lực đạt được mục đích chung.

➡ *Kỹ năng hợp tác là sự phối hợp hành động để cùng thực hiện có hiệu quả một nhiệm vụ chung, dựa trên vốn tri thức và kinh nghiệm đã có trong những điều kiện nhất định.*

Khái niệm kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi

Kỹ năng hợp tác trong TCĐVCCĐ của trẻ mẫu giáo là sự phối hợp hành động chơi của một (hoặc nhiều) nhóm trẻ để cùng thực hiện có hiệu quả trò chơi dựa trên những tri thức và vốn kinh nghiệm đã có trong điều kiện nhất định.

Ý nghĩa của việc giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ

Theo cô, việc giáo dục KNHT cho trẻ, có ý nghĩa như thế nào đối với trẻ?

Ý nghĩa của việc giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ

- Giáo dục KNHT cho trẻ là giúp hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ.
- Giáo dục KNHT cho trẻ là tạo cơ hội để trẻ được chơi và rèn luyện các kĩ năng khác qua chơi.
- Giáo dục KNHT cho trẻ là giúp trẻ bước vào cuộc sống xã hội.

Các kĩ năng thành phần của kĩ năng hợp tác

- Kĩ năng thảo luận
- Kĩ năng lắng nghe
- Kĩ năng phân công công việc hợp lí
- Kĩ năng chia sẻ
- Kĩ năng phối hợp hành động
- Kĩ năng giải quyết xung đột

Cấu trúc của kĩ năng hợp tác

- *Mặt nhận thức*: Chính là quá trình cảm nhận và nhận thức lẫn nhau giữa các cá nhân trong hoạt động, khi chơi cùng nhau, là sự thiết lập các mối quan thực và quan hệ chơi trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau.
- *Mặt hành động*: Bao gồm những hành động phối hợp giữa các bên tham gia, trong đó có sự trao đổi không chỉ là kiến thức, ý tưởng mà còn là các hành động chơi, các giá trị và suy nghĩ.
- *Mặt thái độ*: Thái độ (xúc cảm, tình cảm) của cá nhân trẻ, cùng với nhận thức, hành động hợp tác trong khi chơi sẽ tạo ra cơ sở để hình thành niềm tin, lý tưởng, quan điểm, hệ thống giá trị đúng đắn, nó là những kinh nghiệm quan hệ, sự đánh giá có cảm xúc đối với KNHT.

Nội dung giáo dục KNHT

Phát triển nhận thức của trẻ về KNHT

- Trẻ có những hiểu biết cơ bản về KNHT như: trình tự một hoạt động hợp tác, xác định mục tiêu chung, phối hợp hành động thực hiện nhiệm vụ chung và đánh giá kết quả chung của nhóm. Biết những biểu hiện cơ bản của KNHT như lắng nghe, chia sẻ, thỏa thuận, phân công công việc…

Hình thành và phát triển ở trẻ các kĩ năng thành phần của kĩ năng hợp tác

- KNHT không xuất hiện một cách tự nhiên, để hình thành và phát triển KNHT cần có sự tổ chức hoạt động chung theo một quy trình, hệ thống khoa học với sự phức tạp dần các nhiệm vụ, nhằm cho trẻ tích lũy kinh nghiệm hoạt động chung theo trình tự nhất định, tăng cường sự phối hợp, liên kết giữa các trẻ. Đặc biệt quan tâm hình thành và phát triển các kĩ năng thành phần của kĩ năng hợp tác.

Giáo dục thái độ và tình cảm của trẻ đối với kĩ năng hợp tác

- Trẻ biết thể hiện cảm xúc tích cực trong giao tiếp với các bạn cùng nhóm khi hoạt động chung, cảm xúc vị tha, hiểu được cảm giác và tâm trạng của bạn cùng nhóm. Quan trọng hơn cả trẻ biết điều chỉnh hành vi và cảm xúc của mình, đạt được sự hiểu biết lẫn nhau.

Phương pháp giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề
- Phương pháp luyện tập
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp dùng lời nói
- Phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ
- Phương pháp nêu gương
- Phương pháp đánh giá

Hình thức giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ

- Hợp tác theo cặp, đây là hình thức hợp tác đơn giản nhất, nhưng mang lại hiệu quả hợp tác cao đối với những nhiệm vụ nhỏ, đơn giản.

- Hợp tác theo nhóm nhỏ, khoảng 5-6 trẻ cùng giải quyết một nhiệm vụ tương đối lớn, trẻ cùng thảo luận phân công nhiệm vụ nhỏ trong nhiệm vụ tương đối lớn cho các thành viên, và cùng nhau phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ này. Trong hình thức hợp tác theo nhóm nhỏ, có hợp tác theo cặp.

- Hợp tác theo nhóm lớn, số lượng trẻ gấp 2, 3…nhóm nhỏ, cùng nhau giải quyết một nhiệm vụ lớn, trẻ cùng nhau phân công nhiệm vụ cho từng nhóm và liên kết các nhóm lại với nhau.

Nguyên tắc giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ

- Mở rộng kinh nghiệm xã hội cho trẻ
- Kích thích khả năng giải quyết vấn đề ở trẻ
- Điều chỉnh hành vi ở trẻ kịp thời
- Tạo cơ hội cho trẻ được luyện tập KNHT

Các phương tiện giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi.

- Hoạt động học
- Hoạt động chơi
- Hoạt động lao động
- Chế độ sinh hoạt hàng ngày

Giáo dục kĩ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi

Bản chất của trò chơi đóng vai có chủ đề

Bản chất của TCĐVCCĐ có thể hiểu đó là sự tái tạo lại những hành động của người lớn cũng như thái độ và các mối quan hệ giữa họ với nhau trong hoạt động lao động và trong sinh hoạt hàng ngày của trẻ trong trò chơi của mình.

Đặc điểm của trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ mẫu giáo ở trường mầm non

TCĐVCCĐ trước hết vì trò chơi bao giờ cũng *có chủ đề*

TCĐVCCĐ là một dạng hoạt động mang *tính tự nguyện*

TCĐVCCĐ là một dạng hoạt động *mang tính tự lập* cao của trẻ

TCĐVCCĐ *mang tính "tượng trưng"*

TCĐVCCĐ là loại trò chơi *mang tính tập thể*

TCĐVCCĐ là loại trò chơi *mang tính sáng tạo*

Cấu trúc của trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ mẫu giáo ở trường mầm non

- Trước hết, nói đến trò chơi đóng vai là đề cập đến chủ đề chơi và nội dung chơi
- Thứ hai, nói đến trò chơi đóng vai là nói đến vai chơi và hành động chơi
- Thứ ba, nói đến TCĐVCCĐ là nói đến mối quan hệ qua lại của trẻ trong trò chơi

Trò chơi đóng vai có chủ đề là phương tiện giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non

Bản chất của TCĐVCCĐ là sự mô hình hóa những mối quan hệ xã hội trong cuộc sống của người lớn và chịu sự chi phối của chúng. Mối quan hệ xã hội của người lớn được trẻ quan tâm trở thành đối tượng hành động trong trò chơi, nhằm thỏa mãn nhu cầu được giống như người lớn của trẻ. Có thể khẳng định rằng bản chất xã hội của TCĐVCCĐ có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định phương tiện phù hợp để giáo dục KNHT cho trẻ. TCĐVCCĐ - trò chơi mang *bản chất xã hội* là phương tiện thuận lợi nhất để giáo dục KNHT cho trẻ - một trong những *kĩ năng xã hội*.

Những biểu hiện kĩ năng hợp tác của trẻ trong trò chơi đóng vai có chủ đề

- Trẻ cùng nhau thảo luận đưa ra ý tưởng chơi, dự định chơi, phân công nhiệm vụ chơi.
- Cùng phối hợp hành động chơi, thiết lập quan hệ chơi.
- Lắng nghe nhau và tuân thủ yêu cầu của nhóm chơi
- Chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, trải nghiệm cùng nhau trong khi chơi.
- Cùng nhau giải quyết xung đột

Chương trình GDMN với vấn đề giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ

Vấn đề giáo dục "kĩ năng xã hội" cho trẻ 5-6 tuổi trong chương trình bao gồm: "Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường. Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. Quan tâm chia sẻ, giúp đỡ bạn. Nhận xét và tỏ thái độ đối với hành vi đúng – sai, tốt – xấu".

Cùng với việc ban hành chương trình giáo dục MN mới, Bộ giáo dục và Đào tạo đã phổ biến Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi nhằm giúp GV định hướng tốt cho công việc chăm sóc, giáo dục trẻ của mình. Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi có tất cả 28 chuẩn với 120 chỉ số được chia theo các lĩnh vực phát triển là thể chất, tình cảm - xã hội, ngôn ngữ - giao tiếp, thẩm mỹ và nhận thức. Trong đó *hợp tác* là một chuẩn mực để giáo dục và đánh giá. Chuẩn về hợp tác là chuẩn thứ 11, với 5 chỉ số, được đánh giá ở các khía cạnh cụ thể như sau:

- Chuẩn 11. Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh;
- Chỉ số 48. Lắng nghe ý kiến của người khác;
- Chỉ số 49. Trao đổi ý kiến của mình với các bạn;
- Chỉ số 50. Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;
- Chỉ số 51. Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;
- Chỉ số 52. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác

Việc quan tâm đến giáo dục sự hợp tác cho trẻ đã được nêu ra trong chương trình giáo dục MN nhưng khá là chung chung và trong bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi ban hành kèm theo trong chương trình thì việc giáo dục sự hợp tác cho trẻ 5 tuổi cũng đã được nêu trong lĩnh vực phát triển tình cảm – xã hội với 5 chỉ số thể hiện sự hợp tác. Tuy nhiên những chỉ số này được đề cấp khá mờ nhạt và việc hướng dẫn thực hiện thông qua các hoạt động trong trường MN để trẻ đạt được các chỉ số này thì không được nêu cụ thể. Điều này dẫn đến những khó khăn nhất định cho GV khi triển khai thực hiện. Cho nên cần thiết phải có những biện pháp giáo dục kĩ năng hợp tác được xây dựng cụ thể trong từng hoạt động ở trường mầm non, để giúp giáo viên dễ dàng hơn trong việc giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ

Xin chân thành cảm ơn sự lắng nghe của các thầy, cô

Phụ lục 9:

HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN SỬ DỤNG CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KNHT TRONG TCĐVCCĐ CHO TRẺ 5-6 TUỔI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC NGHIỆM

(Trò chơi "Bán hàng" và "gia đình", "bác sĩ", "trường tiểu học" với ba chủ đề chơi "Thế giới thực vật", "Thế giới động vật", "Trường Tiểu học")

Mục đích chơi	Chuẩn bị (chủ đề chơi thế giới động vật)	Nội dung chơi	Cách thức tiến hành	Hoạt động của trẻ
Hình thành và phát triển KNHT trong trò chơi "Bán hàng", "gia đình" cho trẻ, cụ thể: - Kĩ năng thảo luận - Kĩ năng lắng nghe - Kĩ năng chia sẻ - Kĩ năng phân công công việc - Kĩ năng phối hợp hành động - Kĩ năng giải quyết xung đột	-Không gian chơi rộng rãi, tránh các góc chơi khác ồn ào. -Các góc chơi bán hàng, gia đình chăn nuôi, bác sĩ được xếp gần nhau -Vật liệu chơi phong phú, gần gũi: thú nhồi bôn, khôn viên chăn nuôi bằng bìa cứng, cây xanh, rau, củ, xô, chậu…dụng cụ của bác sĩ thú y (tai nghe, ống tiêm, thuốc…) -Các dụng cụ làm thú dồi bông (hình ảnh, thú bằng vải nỉ, mắt thú, bông gòn…)	Các góc chơi phân vai - Gia đình chăn nuôi - Gia đình bán thức ăn chăn nuôi, bán thú cưng - Bác sĩ thú y Bài tập tình huống: Cùng làm ra thức ăn cho gia súc gia cầm từ vật liệu thiên nhiên: lá cây, cọng rau muống, cát ...	**Hoạt động chuẩn bị ngày hôm trước** - Chiều ngày hôm trước, để chuẩn bị cùng cô các góc chơi ngày hôm sau, cô đề nghị trẻ cùng chuẩn bị với cô các con thú nhồi bông (cùng nhau nhồi bông vào các con thú, gắn mắt, mũi, ria mép, đuôi cho con thú, trang trí cho các con thú) - Cô tạo tình huống: Các con ơi, cô đang chuẩn bị đồ dùng, đồ chơi để ngày mai cho các con nè, các con có thể phụ cô chuẩn bị những con thú nhồi bông này được không? - Vậy các con cùng ngồi xuống đây, cô sẽ hướng dẫn các con chuẩn bị. - Vậy để làm những con thú nhồi bông, với các nguyên vật liệu cô đã chuẩn bị sẵn đây, theo các con có những công việc gì? - À đúng rồi, các con phải nhồi gòn, dán mắt, tạo đuôi…cho các con vật sao cho giống con vật thật. - Bây giờ các con cùng nhau thực hiện, mỗi nhóm 5-6 bạn, các con hãy thảo luận và phân công nhiệm vụ cho nhau trong nhóm nhé. - Cô giáo quan sát và khuyến khích trẻ chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi cùng nhau (theo con nhồi gòn như thế nào cho đẹp nè, con có thể chia sẻ với bạn được không, cô thấy con rất biết cách nhồi gòn đấy) - hướng dẫn trẻ phối hợp hành động chơi với nhau (một bạn xé gòn ra chon nhỏ mịn, một bạn căng con thú ra, một bạn nhồi gòn vào, một bạn cắt mắt cho thú, một bạn cắt ria cho thú, một bạn làm đuôi cho thú…) - Cô quan sát và nhận xét khen ngợi các trẻ biết hợp tác với bạn trong khi chơi	- Trẻ chú ý lắng nghe - Trẻ trả lời : nhồi gòn, dán mắt, ria… - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ phối hợp hành động chơi với nhau theo kiểu "dây chuyền sản suất"

			- Kết thúc hoạt động làm đồ chơi, cô nhận xét tuyên dương cá nhân , nhóm hợp tác tốt, cùng nhau tạo ra sản phẩm thú nhồi bông đẹp. - Như vậy, trẻ đã giúp cô chuẩn bị những con thú nhồi bông cho buổi chơi chính thức ngày hôm sau. **Hoạt động chơi chính thức** * Cô tập trung cháu hát "Gà trống, mèo con và cún con". Cô và cháu cùng trò chuyện về đặc điểm và lợi ích của các con vật nuôi. Cô giới thiệu các góc chơi. - Cháu tự phân vai trong nhóm. - Người chăn nuôi: nuôi một số con vật như heo, bò, gà, vịt, thỏ, mèo, chó…Người chăn nuôi biết chăm sóc các con vật đi mua thức ăn về cho ăn, tắm rửa, đi mua thuốc, nhờ bác sĩ thú y đến chích ngừa hoặc dẫn đi khám bệnh…gia đình biết chia sẻ công việc với nhau, con biết phụ mẹ tắm cho thú… - Bác sĩ thú y: Bác sĩ khám bệnh xong, định bệnh, ghi toa thuốc và cho thuốc - Bán hàng: Bán thức ăn chăn nuôi và bán thú cưng: cháu làm người bán hàng : bán thức ăn chăn nuôi (thóc, cám, gạo, rau, cỏ, lúa, bắp, gạo…) người bán hàng thể hiện vai chơi của mình: chào mời khách, nói giá tiền, gói hàng cho khách…con biết phu cha, mẹ bàn hàng, biết chở mẹ đi lấy hàng về bán. Người bán thú cưng biết giới thiệu cách chăm sóc thú cưng, cho thú ăn những gì và tắm rửa, lau dọn chỗ ở cho thú cưng như thế nào với khách tới mua thú cưng. Khách hàng biết trả tiền cho người bán hàng. Giáo viên khuyến khích trẻ chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với nhau trong từng nhóm chơi (để tám thú như thế nào cho sạch, bé (đóng vai mẹ) có thể nói cho bạn (đóng vai con) biết được không) Tạo tình huống cùng làm thức ăn cho gia súc để trẻ phối hợp hành động chơi với nhau (trẻ đi lấy lá, trẻ cắt lá, cắt rau, trẻ trộn lá, trộn ra với cát…) Khuyến khích trẻ liên kết các góc chơi với nhau (người bán thú, ẵm thú đi khám bác sĩ, đi mua thức ăn cho thú, cho thú đi công viên chơi (tại góc xây dựng), dắt thú cưng đi xem phim…) Nhận xét đánh giá trẻ trong qua trình trẻ chơi, khen ngợi những trẻ có biểu hiện kĩ năng hợp tác.	- Trẻ lắng nghe - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ phối hợp hành động chơi

			Kết thúc buổi chơi, cho trẻ tự nhận xét nhau, GV nhận xét đánh giá cá nhân, và nhóm nào có kĩ năng hợp tác tốt.	- Trẻ lắng nghe - Trẻ nhận xét
Mục đích chơi	**Chuẩn bị (chủ đề chơi thế giới thực vật)**	**Nội dung chơi**	**Cách thức tiến hành**	**Hoạt động của trẻ**
Hình thành và phát triển KNHT trong trò chơi "Bán hàng", "gia đình" cho trẻ, cụ thể: - Kĩ năng thảo luận - Kĩ năng lắng nghe - Kĩ năng chia sẻ - Kĩ năng phân công công việc - Kĩ năng phối hợp hành động Kĩ năng giải quyết xung đột	Không gian chơi rộng rãi, tránh các góc chơi khác ồn ào. -Các góc chơi bán hàng, gia đình trồng, chăm sóc cây ăn quả được xếp gần nhau -Vật liệu chơi phong phú, gần gũi: cây, hoa, quả, thực phẩm các loại (bánh, kẹo, rau, củ, mì, khoai…) -Các dụng cụ làm trái cây dĩa (dao nhựa, trái cây các loại, sữa ông thọ, dừa khô…)	Bán hàng hoa quả 4 mùa, rau và nước giải khát. Siêu thị bán hàng thực phẩm dự trữ mùa mưa bão. Gia đình trồng, chăm sóc cây ăn quả Bài tập tình huống: Cùng làm trái cây dĩa	**Hoạt động chuẩn bị ngày hôm trước** - Chiều ngày hôm trước, để chuẩn bị cùng cô các góc chơi ngày hôm sau, cô đề nghị trẻ cùng chuẩn bị với cô các loại cây ăn trái khác nhau (cùng nhau cắt lá cây, cắt quả, tranh trì cho lá, quả, đính dây treo cho lá, quả…càng gắn lên cành cây khô) - Cô tạo tình huống: Các con ơi, cô đang chuẩn bị đồ dùng, đồ chơi để ngày mai cho các con nè, các con có thể phụ cô chuẩn bị những cây ăn trái này được không? - Vậy các con cùng ngồi xuống đây, cô sẽ hướng dẫn các con chuẩn bị. - Vậy để làm những cây ăn trái khác nhau, với các nguyên vật liệu cô đã chuẩn bị sẵn đây, theo các con có những công việc gì? - À đúng rồi, các con phải cắt lá, cắt quả, trang trì cho quả, cho lá, đính dây treo vào lá, quả…và cùng nhau gắn lá và quả vào cây này nữa. - Bây giờ các con cùng nhau thực hiện, mỗi nhóm 5-6 bạn, các con hãy thảo luận và phân công nhiệm vụ cho nhau trong nhóm nhé. - Cô giáo quan sát và khuyến khích trẻ chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi cùng nhau (theo con trang trí quả dâu như thế nào cho đẹp nè, con có thể chia sẻ với bạn được không, cô thấy con rất biết cách trang trí đấy) - Hướng dẫn trẻ phối hợp hành động chơi với nhau (một bạn cắt lá, một bạn trang trí lá, một bạn cắt quả, một bạn trang trí quả, một bạn gắn dây đeo cho lá và quả, hai bạn treo quả và lá lên cây nè…) - Cô quan sát và nhận xét khen ngợi các trẻ biết hợp tác với bạn trong khi chơi - Kết thúc hoạt động làm đồ chơi, cô nhận xét tuyên dương cá nhân , nhóm hợp tác tốt, cùng nhau tạo ra sản phẩm cây ăn trái đẹp. - Như vậy, trẻ đã giúp cô chuẩn bị những cây ăn trái cho buổi chơi chính thức ngày hôm sau.	- Trẻ chú ý lắng nghe - Trẻ trả lời : nhồi gòn, dán mắt, ria… - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ phối hợp hành động chơi với nhau theo kiểu "dây chuyền sản suất" - Trẻ lắng nghe

			Hoạt động chơi chính thức * Cô tập trung cháu hát "Vườn cây của Ba". Cô và cháu cùng trò chuyện về đặc điểm và lợi ích của các loại quả và cây xanh. Cô giới thiệu các góc chơi. - Cháu tự phân vai trong nhóm. - Gia đình trồng, chăm sóc cây ăn quả, rau xanh: trồng và chăm sóc một số cây ăn quả như cam, dâu, xoài…và trồng một số loại rau dưới gốc cây (rau mồng tơi, rau muống, rau cải…). Người trồng cây biết chăm sóc cây đi tưới cây, bón phân, bắt sâu, biết cách hái quả…gia đình biết chia sẻ công việc với nhau, con biết phụ mẹ tưới cây… - Siêu thị thực phẩm: Biết bán hàng cho khách theo hóa hơn, biết ân cần, niềm nở với khác, giới thiệu các mặt hàng cho khách, bảo vệ biết coi xe, và trông coi siêu thị… - Bán hàng hoa quả, nước giải khát: Bán rau, hoa quả và nước giải khát: cháu làm người bán hoa quả: (cóc, cam, xoài, dâu…), bán nước giải khát (nước ngọt có ga, nước ep trái cây, sinh tố trái cây…) người bán hàng thể hiện vai chơi của mình: chào mời khách, nói giá tiền, gói hàng cho khách…con biết phu cha, mẹ bàn hàng, biết chở mẹ đi đến vườn trái cây lấy hàng về bán. Người nước giải khát biết giới thiệu mùi vị và giá trị dinh dưỡng của các loại nước giải khát. Khách hàng biết trả tiền cho người bán hàng. Giáo viên khuyến khích trẻ chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với nhau trong từng nhóm chơi (để chăm sóc cây như thế nào cho mau lớn, quả nhiều bé (đóng vai mẹ) có thể nói cho bạn (đóng vai con) biết được không) Tạo tình huống cùng làm trái cây dĩa để trẻ phối hợp hành động chơi với nhau (trẻ đi gọt vỏ, trẻ cắt trái cây, trẻ cắt nhỏ hơn nữa, trẻ trộn các loại trái cây với nhau, trẻ bỏ ra đĩa, trẻ thêm sữa, dừa vào đĩa trái cây…) Khuyến khích trẻ liên kết các góc chơi với nhau (người bán trái cây, rau, đi mua rau, trái cây tại vườn, người trồng trái cây, rau biết giới thiệu mặt hàng của mình vào siêu thị, siêu thị và cửa hàng bán trái cây, cùng liên kết san sẻ mặt hàng cùng loại với nhau để bán cho khách…) Nhận xét đánh giá trẻ trong qua trình trẻ chơi, khen ngợi những trẻ có biểu hiện kĩ năng hợp tác.	- Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ phối hợp hành động chơi

			Kết thúc buổi chơi, cho trẻ tự nhận xét nhau, GV nhận xét đánh giá cá nhân, và nhóm nào có kĩ năng hợp tác tốt.	Trẻ nhận xét Trẻ lắng nghe
Mục đích chơi	**Chuẩn bị (chủ đề chơi trường Tiểu học)**	**Nội dung chơi**	**Cách thức tiến hành**	**Hoạt động của trẻ**
Hình thành và phát triển KNHT trong trò chơi "Bán hàng", "trường tiểu học" cho trẻ, cụ thể: -Kĩ năng thảo luận -Kĩ năng lắng nghe -Kĩ năng chia sẻ -Kĩ năng phân công công việc -Kĩ năng phối hợp hành động -Kĩ năng giải quyết xung đột	-Không gian chơi rộng rãi, tránh các góc chơi khác ồn ào. -Các góc chơi bán hàng, trường tiểu học được xếp gần nhau -Vật liệu chơi phong phú, gần gũi: sách, vở, truyện tranh, thước, bút, hộp quà…) -Các nguyên liệu làm bánh mì (chả lụa, dưa leo, hành ngò, muối tiêu, dao nhựa…)	Các góc chơi phân vai - Bán dụng cụ học tập và quà lưu niệm - Trường tiểu học của bé (cô giáo dạy học sinh, trao đổi với phụ huynh, các bé tập văn nghệ, gói quà…) - Bán bánh mì Bài tập tình huống: Cùng làm bánh mì giao cho các bạn trong trường Tiểu học.	**Hoạt động chuẩn bị ngày hôm trước** - Chiều ngày hôm trước, để chuẩn bị cùng cô các góc chơi ngày hôm sau, cô đề nghị trẻ cùng chuẩn bị với cô những hộp quà khác nhau (cùng nhau cắt giấy, làm hộp gói quà, cùng trang trí cho hộp quà) - Cô tạo tình huống: Các con ơi, cô đang chuẩn bị đồ dùng, đồ chơi để ngày mai cho các con nè, các con có thể phụ cô chuẩn bị hộp quà này được không? - Vậy các con cùng ngồi xuống đây, cô sẽ hướng dẫn các con chuẩn bị. - Vậy để làm những hộp quà khác nhau, với các nguyên vật liệu cô đã chuẩn bị sẵn đây, theo các con có những công việc gì? - À đúng rồi, các con phải cắt giấy bìa, cắt giấy màu, cắt hoa, nơ, trang trí cho hộp quà thêm xinh xắn… - Bây giờ các con cùng nhau thực hiện, mỗi nhóm 5-6 bạn, các con hãy thảo luận và phân công nhiệm vụ cho nhau trong nhóm nhé. - Cô giáo quan sát và khuyến khích trẻ chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi cùng nhau (theo con trang trí hộp quà như thế nào cho đẹp nè, con có thể chia sẻ với bạn được không, cô thấy con rất biết cách trang trí đấy) - Hướng dẫn trẻ phối hợp hành động chơi với nhau (một bạn cắt giấy bìa, một bạn giữ lại cho bạn kia dán hộp quà, một bạn bao hộp quà lại bằng giấy màu, một bạn cắt hoa, nơ, một bạn trang trí …) - Cô quan sát và nhận xét khen ngợi các trẻ biết hợp tác với bạn trong khi chơi - Kết thúc hoạt động làm đồ chơi, cô nhận xét tuyên dương cá nhân , nhóm hợp tác tốt, cùng nhau tạo ra sản phẩm hộp quà đẹp. - Như vậy, trẻ đã giúp cô chuẩn bị những cây ăn trái cho buổi chơi chính thức ngày hôm sau.	- Trẻ chú ý lắng nghe - Trẻ trả lời : nhồi gòn, dán mắt, ria… - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ phối hợp hành động chơi với nhau theo kiểu "dây chuyền sản suất" - Trẻ lắng nghe

			Hoạt động chơi chính thức * Cô tập trung cháu hát "Cô giáo em". Cô và cháu cùng trò chuyện về cô giáo, và công việc của một cô giáo Tiểu học. Cô giới thiệu các góc chơi. - Cháu tự phân vai trong nhóm. - Góc chơi trường Tiểu học, bé làm cô giáo, gảng bài cho học sinh, học sinh ngồi ghế ghi chép bài. GV tạo tình huống tổ chức buổi văn nghệ mừng ngày sinh nhật lớp trưởng, cả lớp tổ chức tập văn nghệ, tặng quà cho các "ca sĩ" hát hay của lớp. - Bán dụng cụ học tập và quà lưu niệm: Biết bán hàng cho khách theo hóa hơn, biết ân cần, niềm nở với khách, giới thiệu các mặt hàng cho khách, bảo vệ biết coi xe, và trông coi cửa hàng… - Người bánh mì biết giới thiệu mùi vị và giá trị dinh dưỡng bánh mì. Khách hàng biết trả tiền cho người bán hàng. Giáo viên khuyến khích trẻ chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với nhau trong từng nhóm chơi (để làm bánh mì như thế nào cho ngon, con chia sẻ với các bạn được không) Tạo tình huống cùng làm bánh mì, để giao cho các bạn trường tiểu học, các bạn ấy tổ chức sinh nhật và đặt bánh mì, tạo tình huống này để trẻ phối hợp hành động chơi với nhau đề làm bánh cho nhanh (trẻ cắt dưa leo và hành ngò, trẻ thái chả lụa, trẻ kẹp dưa leo vào bánh mì, trẻ kẹp chả, trẻ bỏ hành ngò, trẻ rắc muối tiêu…như một "dây chuyền sản xuất bánh mì) Khuyến khích trẻ liên kết các góc chơi với nhau (người bán bánh mì giao bánh mì cho trường tiểu học, cửa hàng bán dụng cụ học tập gọi điện thoại cho tiệm bán bánh mì, đặt bánh mì cho nhân viên của cửa hàng…và liên kết với các gọc chơi khác như xây dựng, nghệ thuật..) Nhận xét đánh giá trẻ trong qua trình trẻ chơi, khen ngợi những trẻ có biểu hiện kĩ năng hợp tác. Kết thúc buổi chơi, cho trẻ tự nhận xét nhau, GV nhận xét đánh giá cá nhân, và nhóm nào có kĩ năng hợp tác tốt.	- Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ thực hiện - Trẻ phối hợp hành động chơi - Trẻ lắng nghe - Trẻ nhận xét